

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA
VIỆN DÂN TỘC HỌC

TS. NGUYỄN THỊ THANH NGÀ



NGHỀ DỆT
CỦA NGƯỜI THÁI
Ở TÂY BẮC
TRONG CUỘC SỐNG HIỆN ĐẠI



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

Nghề dệt của người Thái ở Tây Bắc trong cuộc sống hiện đại



TS. NGUYỄN THỊ THANH NGÀ

NGHỀ DỆT CỦA NGƯỜI THÁI

TÂY BẮC

TRONG CUỘC SỐNG HIỆN ĐẠI

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2003

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA
VIỆN DÂN TỘC HỌC



TS. NGUYỄN THỊ THANH NGÀ

**NGHỀ DỆT CỦA NGƯỜI THÁI
Ở TÂY BẮC
TRONG CUỘC SỐNG HIỆN ĐẠI**

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2003

LỜI GIỚI THIỆU

Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc là một vấn đề rất quan trọng, nhất là trong xu thế hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế. Trong công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay. Vì vậy: "Trong điều kiện kinh tế thị trường và mở rộng giao lưu quốc tế, phải đặc biệt quan tâm gìn giữ và nâng cao bản sắc văn hóa dân tộc... khai thác và phát triển mọi sắc thái và giá trị văn hóa nghệ thuật của các dân tộc trên đất nước ta, tạo ra sự thống nhất trong tính đa dạng và phong phú của nền văn hóa Việt Nam"⁽¹⁾.

Từ định hướng chiến lược của Đảng đã tạo ra những bước phát triển mới cho các chương trình nghiên cứu để bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc như một nhu cầu khách quan trong quá trình phát triển trên cơ sở xác định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế.

Nhiều đề tài nghiên cứu về văn hóa dân tộc do các nhà nghiên cứu khoa học xã hội tiến hành, nhằm bảo tồn và phát

(1) Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ Tám. Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1996, tr. 5.

huy những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của 54 dân tộc ở Việt Nam.

Trung khung cảnh đó, Viện Dân tộc học được Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia giao thực hiện đề tài: Nghề dệt cổ truyền của người Thái ở Tây Bắc trong cuộc sống hiện đại là việc làm rất có ý nghĩa cả về mặt khoa học và thực tiễn.

Người Thái là dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái ngữ hệ Nam Á, là một cộng đồng cư dân sống chủ yếu ở Tây Bắc Việt Nam có dân số 1.040.549 người, với hai nhóm chính là Thái Trắng và Thái Đen.

Đề tài khoa học này được tổ chức triển khai và nghiên cứu một cách rất công phu, nghiêm túc, đã làm rõ được những đặc điểm của văn hóa Thái thông qua việc nghiên cứu nghề dệt của người Thái ở Tây Bắc từ truyền thống đến hiện đại. Nhằm lý giải những vấn đề về nguồn gốc và quá trình phát triển của nghề dệt cùng những mối liên hệ của nó đối với đời sống kinh tế - xã hội của người Thái, mối quan hệ của văn hóa Thái với các tộc người khác trong khu vực Tây Bắc, cũng như giữa văn hóa Thái ở Việt Nam và văn hóa của người Thái trong khu vực Đông Nam Á. Trong điều kiện kinh tế thị trường và phát triển du lịch ở miền núi Tây Bắc Việt Nam, nghề dệt của người Thái đã phát huy được vai trò năng động của một nghề thủ công cổ truyền để tạo ra việc làm giúp người dân tăng thu nhập, góp phần tích cực vào công cuộc xóa đói giảm nghèo của địa phương đồng thời với việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa Thái.

Đây là một đóng góp rất đáng trân trọng của tác giả.

Hy vọng rằng, công trình Nghề dệt cổ truyền của người Thái ở Tây Bắc trong cuộc sống hiện đại được công bố không chỉ hữu ích đối với những nhà nghiên cứu chuyên môn hoặc với những ai quan tâm yêu mến văn hóa Thái mà còn có giá trị khoa học và thực tiễn giúp cho những nhà hoạch định và quản lý chính sách kinh tế - xã hội đối với đồng bào các dân tộc thiểu số ở nước ta. Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách này với bạn đọc gần xa.

Hà Nội, tháng 1 năm 2003

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KHXH & NVQG

Giáo sư - Viện sĩ NGUYỄN DUY QUÝ

MỞ ĐẦU

Trong công cuộc đổi mới hiện nay toàn Đảng, toàn dân ta đang quyết tâm đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phấn đấu đưa nước ta thoát khỏi nghèo nàn và lạc hậu, nhanh chóng hội nhập vào xu thế phát triển chung của các dân tộc trên thế giới. Tuy nhiên, trong điều kiện của nước ta hiện nay, vấn đề đặt ra là thực hiện đổi mới, hội nhập, tiếp thu cái hiện đại như thế nào để không bị hoà tan, không bị đánh mất mình trước xu thế bùng nổ thông tin và giao thoa văn hoá mang tính toàn cầu hiện nay.

Hội nhập và phát triển trên cơ sở vẫn giữ vững những giá trị văn hoá truyền thống, vẫn giữ được bản sắc văn hoá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam là nhu cầu tất yếu khách quan trong quá trình phát triển. Đảng ta xác định văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII của Đảng cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ: *"Trong điều kiện kinh tế thị trường và mở rộng giao lưu quốc tế, phải đặc biệt quan tâm gìn giữ và nâng cao bản sắc văn hoá dân tộc, kế thừa và phát huy truyền thống đạo đức, tập quán tốt đẹp và lòng tự hào dân tộc"*. Vì vậy

chúng ta cần phải đặc biệt quan tâm đến việc: "*Khai thác và phát triển mọi sắc thái và giá trị văn hoá, nghệ thuật của các dân tộc trên đất nước ta, tạo ra sự thống nhất trong tính đa dạng và phong phú của nền văn hóa Việt Nam*"⁽¹⁾. Đây cũng là nhiệm vụ quan trọng và thiêng liêng của các nhà khoa học xã hội nói chung và ngành nghiên cứu Dân tộc học nói riêng.

Người Thái là một trong 54 dân tộc ở nước ta. Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, dân tộc Thái đã góp công sức lớn lao, đáng ghi nhận vào truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam. Đó cũng chính là quá trình người Thái tạo lập ra những giá trị văn hoá mang đậm bản sắc tộc người, đóng góp vào kho tàng di sản văn hoá các dân tộc Việt Nam. Bởi vậy, việc nghiên cứu văn hoá của người Thái ở nước ta là một trong những vấn đề quan trọng và cấp thiết nhằm góp phần nhận thức văn hoá và lịch sử dân tộc Thái cũng như sự đóng góp của văn hoá Thái vào văn hoá Việt Nam. Thông qua đó góp phần nghiên cứu mối quan hệ văn hoá Thái với các nhóm Thái ở những vùng khác nhau trên đất nước ta, cũng như với văn hoá của người Thái trong khu vực Đông Nam Á.

Nghiên cứu văn hoá Thái là nghiên cứu tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do cộng đồng người Thái sáng tạo ra trong quá trình hình thành và phát triển.

(1) Đảng cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, H. 1996, tr. 111.

Đây là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc và cũng rất khó khăn, phức tạp, đòi hỏi trí tuệ và thời gian của nhiều nhà khoa học và nhiều ngành khoa học liên quan. Chính vì vậy nghiên cứu lịch sử, văn hoá của người Thái đã trở thành vấn đề được sự quan tâm của nhiều ngành khoa học dưới góc độ khác nhau, nhiều vấn đề đang được đặt ra tranh luận trong giới học thuật bởi tính đa dạng và phức tạp của nó.

Ở Việt Nam, vùng núi rừng Tây Bắc là một trong những địa bàn sinh tụ lâu đời của người Thái, với hai nhóm Thái chính là Thái Trắng và Thái Đen (ngoài ra người Thái còn ở vùng Thanh - Nghệ). Ở Tây Bắc người Thái đã sáng tạo nên những giá trị văn hoá truyền thống khá đặc sắc, trong đó có nghề dệt được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, đây là một nghề thủ công cổ truyền có tính tiêu biểu và đặc thù trong sinh hoạt kinh tế văn hoá của người Thái, nó có vai trò thiết yếu trong cuộc sống con người. Hoạt động của nghề dệt ở người Thái đã và đang góp phần quan trọng vào việc đảm bảo và nâng cao đời sống cư dân và phát triển kinh tế- xã hội, văn hoá truyền thống tộc người. Hơn thế nữa nghề dệt cổ truyền của người Thái đã biểu hiện và phản ánh khá tiêu biểu những đặc điểm kinh tế, xã hội, văn hoá của họ.

Nghiên cứu nghề dệt của người Thái từ truyền thống đến hiện đại, nhìn từ góc độ *Dân tộc học* và khía cạnh văn hoá, sản xuất ban đầu nhằm lý giải những vấn đề về

nguồn gốc và quá trình phát triển của nghề dệt, về các đặc điểm kinh tế - xã hội, của người Thái và mối quan hệ giao lưu kinh tế - văn hoá giữa người Thái với các tộc người khác trong khu vực Tây Bắc, cũng như giữa văn hoá Thái với văn hoá của người Thái trong các khu vực của Việt Nam và ở Đông Nam Á. Những đặc điểm rút ra được trên cơ sở phân tích, hệ thống hoá vấn đề nghiên cứu sẽ góp thêm tư liệu, cứ liệu khoa học cần thiết để nghiên cứu văn hoá Thái trong nền văn hoá Việt Nam thống nhất và đa dạng các sắc thái văn hoá tộc người.

Trong di sản thủ công nghiệp Việt Nam, cùng với nghề gốm, nghề luyện kim, nghề dệt trở thành nghề thủ công có vị trí đặc biệt, không thể thiếu trong đời sống dân cư. Việc nghiên cứu nghề dệt cổ truyền của người Thái không chỉ dừng ở việc miêu tả kỹ thuật, hiện vật một cách đơn thuần phiến diện, tách khỏi đời sống tộc người mà phải đặt nó trong mối quan hệ hữu cơ giữa đối tượng nghiên cứu với chủ nhân sáng tạo ra nó. Nghiên cứu nghề dệt cổ truyền của người Thái dưới góc độ dân tộc học không thể dừng lại ở việc khai thác các tri thức dân gian về kỹ thuật mà còn phải phân tích, lý giải những giá trị nhân văn, tư duy thẩm mỹ, tâm thức dân gian... của người Thái ở Tây Bắc, cụ thể là hai vùng Yên Châu (Sơn La) và Mai Châu (Hoà Bình) thông qua hàng loạt các hình thức biểu hiện và sử dụng sản phẩm dệt, trong tập quán, tín ngưỡng, lễ hội. Nghiên cứu họa tiết, hoa văn trên sản phẩm thể hiện nhân sinh quan, tâm lý của tộc người qua từng thời đại trong tiến trình lịch sử.

Những năm gần đây, nhờ công cuộc đổi mới kinh tế và phát triển du lịch ở miền núi đã tác động tích cực vào việc phục hồi và phát triển nghề dệt truyền thống của một số dân tộc ít người ở các địa phương khác nhau, trong đó có nghề dệt của người Thái ở Mai Châu (Hoà Bình) và Yên Châu (Sơn La). Sự hồi sinh này, một mặt do sự thúc đẩy của kinh tế thị trường, mặt khác cũng chính là xuất phát từ nhu cầu văn hoá của bản thân tộc người và nhu cầu của xã hội, khi mà đời sống kinh tế xã hội nước ta nói chung đã có phần được nâng cao. Ở thành thị hàng dệt thổ cẩm trở thành một của nam nữ thanh niên, có những bộ sưu tập một cách điệu từ trang phục Thái đã góp mặt trong các cuộc trình diễn một thời trang trong và ngoài nước. Một điều quan trọng hơn nữa là người Thái - chủ nhân sáng tạo của nghề dệt truyền thống vẫn sử dụng một cách trân trọng bộ trang phục Thái trong lễ hội, đám cưới, đám tang của cuộc sống cộng đồng, nhờ đó nghề dệt vẫn tồn tại bền bỉ cùng năm tháng.

Thông qua việc nghiên cứu nghề dệt của người Thái ở Yên Châu (Sơn La) và Mai Châu (Hoà Bình) mục tiêu của đề tài là: Nghiên cứu thực trạng về nghề dệt của hai nhóm Thái ở Mai Châu (Hoà Bình) và Yên Châu (Sơn La) và những biến đổi trong quá trình sản xuất, chế tác sản phẩm, chế tác nguyên liệu của nghề dệt nhằm thích ứng với cơ chế thị trường và phát triển du lịch, đồng thời góp phần tìm hiểu văn hoá Thái truyền thống và những biến đổi của nó trong hiện tại cùng sự đóng góp của văn hoá Thái vào di sản văn hoá Việt Nam.

- Tiến hành nghiên cứu so sánh để làm rõ sự giống nhau và khác nhau dưới góc độ dạng thức văn hoá truyền thống của hai nhóm Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) và Thái Đen ở Yên Châu (Sơn La) qua nghề dệt truyền thống cũng như biến đổi của nó trong đời sống kinh tế thị trường và phát triển du lịch ở miền núi Tây Bắc Việt Nam.

- Đề xuất giải pháp về việc phục hồi và phát triển nghề dệt cổ truyền của người Thái ở hai địa bàn nghiên cứu nói trên trong điều kiện đổi mới kinh tế và phát triển du lịch miền núi, để nghề dệt thực sự trở thành một yếu tố phát huy nguồn nội lực tiềm tàng của cộng đồng dân tộc Thái vào chiến lược xoá đói giảm nghèo, tạo việc làm góp phần vào sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội tại Sơn La và Hoà Bình, đồng thời thiết thực đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của cả dân tộc ta.

- Cung cấp luận cứ khoa học cho việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá truyền thống của dân tộc Thái trong thời kỳ đổi mới và phát triển du lịch ở Việt Nam. Đồng thời qua đây giúp cho các nhà lãnh đạo và quản lý có cơ sở lý luận và thực tiễn để giải quyết những vấn đề kinh tế, văn hoá, xã hội miền núi, thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước một cách có hiệu quả hơn.

Vấn đề thủ công nghiệp trong lịch sử và vai trò của nó trong sự phát triển của xã hội loài người đã được các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê Nin đề cập tới trong nhiều công trình khác nhau. Trong tác phẩm *Phép biện chứng của tự nhiên* Các Mác và Ph.Ăngghen đã đề cập đến

nhu cầu về quần áo như một điều kiện sống còn của loài người: *"Trước hết con người cần phải ăn, uống, ở, mặc, trước khi có thể lo đến chuyện làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo"*. Rõ hơn nữa, Ph.Ăngghen trong tác phẩm: *Nguồn gốc của gia đình, của sở hữu tư nhân và của Nhà nước* đã chỉ ra rằng: *"Từ thời đại dã man sang thời đại văn minh được đánh dấu bởi hai thành tựu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, mang tính cách mạng trong lịch sử phát triển của nhân loại: "Thành tựu thứ nhất là khung dệt, thành tựu thứ hai là nấu quặng và chế tạo đồ kim loại"*. Trong tác phẩm này Ph.Ăngghen đã phân tích đánh giá cao việc: *"Thủ công nghiệp tách ra khỏi nông nghiệp, mà hệ quả quan trọng là thúc đẩy sự phát triển của nền sản xuất hàng hoá. Sự ra đời của thủ công nghiệp mà: "Thành tựu thứ nhất là khung dệt của nghề dệt được đánh giá như một phát minh lớn đưa nhân loại tiến những bước quan trọng trong quá trình phát triển của lịch sử. Sự đánh giá này của các nhà kinh điển cũng đồng thời là sự chỉ dẫn, định hướng cho chúng ta khi nghiên cứu về nghề dệt cổ truyền của loài người nói chung đã đóng góp vào kho tàng di sản văn minh của nhân loại, cũng như nghề dệt của người Thái ở Tây Bắc Việt Nam nói riêng trong kho tàng di sản thủ công nghiệp Việt Nam."*

Từ những năm 60 của thế kỷ XX đã có nhiều tác giả nước ngoài, và cả các học giả trong nước ở nhiều góc độ nghiên cứu khác nhau như: *Sử học, Văn hoá học, Khảo cổ học, Mỹ thuật học, Dân tộc học, Văn hoá dân gian...* đề cập

tới nghề dệt cổ truyền và cũng có những đánh giá về nó như một tiền đề quan trọng của trang phục các dân tộc. Trong số đó phải kể tới các học giả Xôviết trước đây đã có những công trình nghiên cứu khá hoàn chỉnh và có giá trị khoa học về nghề thủ công, về nghề dệt và trang phục tộc người, đó là S. A. Tô Ca Ráp: *Phương pháp nghiên cứu dân tộc học về văn hoá vật chất*. G. C. Maxclova: *Quần áo dân tộc Đông Xlavo, những phong tục và tín ngưỡng truyền thống*; I. V. V. Brôm-lây: *Tộc người và dân tộc học*. Ngoài các học giả Xôviết ra còn có các học giả phương Tây đã nghiên cứu và xuất bản các công trình liên quan tới nghề dệt cổ truyền và phân tích khá sâu những vấn đề liên quan tới trang phục, trang sức cũng như ý nghĩa văn hoá và lịch sử của nó, đó là công trình: *Văn hoá nguyên thủy*. Tác giả Andre Loro- Gourhan trong công trình: *Sự tiến bộ và kỹ thuật, con người và tự nhiên* (Evolution et Technique. L'homme et La Matière). Trong tác phẩm này tác giả đã cung cấp những thông tin quan trọng khi phân tích mối quan hệ giữa con người với môi trường, vật chất, kỹ thuật và cách thức tiếp cận của họ với nghề dệt - như một tiền đề vật chất quan trọng đưa xã hội tiến tới văn minh, tiến bộ.

Lịch sử của 1000 năm Bắc thuộc cũng để lại những thông tin quan trọng trong sử sách, các thư tịch cổ mà tác giả người Trung Quốc khi đề cập tới nghề dệt của người Việt cổ thời đó, như sách Hậu Hán thư đã mô tả cách ăn mặc của cư dân Giao Chỉ như sau: "*Phần các đất thuộc bộ Giao Chỉ, người không phân biệt trường ấu, bôi tóc sau*

gáy, lấy vải luôn qua đầu làm áo” hay các sách: *Nam Phương Dị Vật Chí, Quảng Chí* có nói đến vải tơ ở Giao Chỉ: *“Thân chuôi xé ra như tơ, đem dệt thành vải gọi là tiêu vải tiêu cát”* (Dẫn theo Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn). Ngoài ra tác phẩm trong nguồn thư tịch cổ nước ta cũng có những ghi chép, xác nhận vị trí của nghề dệt cổ truyền trong sự phát triển xã hội nước ta thời cổ đại. Đầu tiên phải kể đến: *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, đây là bộ sách địa lý- lịch sử đầu tiên của nước ta vào thế kỷ XV, trong đó có những tư liệu nói về nghề dệt của người Việt: *“Bấy giờ đã có gần 20 làng, ấp, phường, huyện sản xuất các loại sản phẩm như gấm, vóc, lụa, lĩnh, the, tơ”*. Tác phẩm *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, có tới 23 tư liệu nói tới sự quan tâm của Nhà nước phong kiến đối với nghề dệt.

Sách: *Đại Nam nhất thống chí* là bộ sách địa lý, lịch sử biên soạn cuối thế kỷ XIX cho biết thời bấy giờ không có tỉnh nào là không có nghề dệt vải lụa, sách chép đến 5 loại vải, 4 loại lụa, 3 loại sợi, 4 loại lĩnh, 3 loại the và một số loại nhiễu, gấm, bông, tơ. Đặc biệt trong cuốn sách này cũng đã có những ghi chép về trang phục của người Thái ở Tây Bắc. Riêng bộ *Cương mục* có tới 115 tư liệu nói đến nghề trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải, những quy định của triều đình về việc sử dụng đối với từng loại vải cho từng giai tầng trong xã hội.

Một số công trình của các học giả người Pháp cũng đã đề cập tới nghề dệt của người Việt và nghề nuôi tằm, được

họ coi là *đối tượng kinh tế* mà thực dân Pháp xác định nhằm để phục vụ cho chính sách khai thác thuộc địa xứ An Nam được hiệu quả hơn. Họ cũng đã chủ tâm nghiên cứu các vấn đề về tiền đề của nghề dệt của ta như: *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ* (Les paysans du delta Ton Kinois) của P.Gourou; *Sự phát triển của kinh tế Đông Dương* (Les evolution économique de L'Indochine) của Ch. Robequanin và những bài đăng trên tập san kinh tế Đông Dương như của M. Ressencourt: *Nghề tầm tang*; của Dunoutuer Demange: *Thủ công gia đình ở Hà Đông*.

Trong số các tác giả viết về nghề thủ công nổi lên tác giả Vũ Quốc Thúc đã phân tích mối quan hệ gắn bó giữa thủ công nghiệp và nông nghiệp, giữa người thợ thủ công và người nông dân thời bấy giờ, qua các tác phẩm: *Nền kinh tế làng xã Việt Nam* (1951) và *Cuộc tiến hoá của nền kinh tế Việt Nam* (1952).

Tuy có những bài viết, những công trình nói về kinh tế làng xã nông thôn Việt Nam, đã chú ý đến vị trí quan trọng của các nghề thủ công trong đó nghề dệt được coi là một nghề đáng để khai thác phục vụ nền kinh tế của thuộc địa lúc bấy giờ. Song vẫn chỉ là những công trình lẻ tẻ chưa đưa ra được những cái nhìn tổng quan về tình hình thủ công nghiệp cũng như nghề dệt của người Việt lúc đó.

Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, ngành *Sử học*, *Dân tộc học* của Việt Nam đã bước đầu nhận thấy vị trí của thủ công nghiệp trong quá trình phát triển của lịch sử dân tộc. Những công trình khoa học khá tiêu biểu như:

Việt Nam văn hoá sử cương của Đào Duy Anh; *Sơ thảo lịch sử phát triển thủ công nghiệp Việt Nam* của Phan Gia Bền; Bộ: *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam* (3 tập) của Khoa Sử - Đại học Tổng hợp Hà Nội; Bộ *Lịch Sử Việt Nam* (2 tập) của Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (83;84); *Lịch sử Việt Nam tập I* của các giáo sư Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh. Trong đó đã đề cập đến nghề dệt như một yếu tố quan trọng cho sự phát triển tổng thể lịch sử phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá của dân tộc. Đặc biệt là tác phẩm: *Sơ thảo lịch sử phát triển thủ công nghiệp Việt Nam* có thể coi là công trình khoa học đầu tiên đặt cơ sở cho việc nghiên cứu thủ công nghiệp Việt Nam nói chung và nghề dệt cổ truyền nói riêng.

Liên quan đến việc nghiên cứu đánh giá vị trí của nghề dệt và trang phục Việt Nam trong văn hoá Việt Nam còn phải kể tên hàng loạt các công trình của các giáo sư danh tiếng trong làng nghiên cứu lịch sử, dân tộc học như GS Văn Tạo: *Về di sản trong thủ công nghiệp*; PGS. Diệp Đình Hoa: *Tìm hiểu làng Việt*; GS. Trần Từ: *Hoa văn Mường; Một lần gặp gỡ hoa văn Thượng*.

Ngoài ra cũng phải kể tới các bài viết, các luận văn đề cập đến vấn đề này như bài viết của của TS. Phạm Văn Kính: *Thủ công nghiệp và làng xã Việt Nam; Một số nghề thủ công Việt Nam thời cận đại* (từ góc độ di sản lịch sử); Đoàn Thị Tình *Tìm hiểu trang phục Việt Nam* (Dân tộc Việt).

Công trình nghiên cứu của PGS. Ngô Đức Thịnh đã công bố 10 bài viết về nghề dệt trên các tạp chí trung ương và địa phương. Nghề dệt cũng được phản ánh qua các phát hiện khảo cổ học như *Doi xe chỉ và nghề dệt thời Hùng Vương* của GS. Nguyễn Văn Hảo; hay của GS. Hà Văn Tấn với *Về những cái gọi là “Bàn dập” trong các di chỉ của Phùng Nguyên*.

Nghề dệt cổ truyền của người Việt cũng còn được phản ánh khá phong phú trong kho tàng văn hoá dân gian (Truyện cổ, truyền thuyết, tục ngữ, ca dao, dân ca...).

Nghiên cứu nghề dệt của người Thái từ truyền thống tới hiện đại và những biến đổi của nó dưới dạng thức văn hoá trong điều kiện kinh tế thị trường và phát triển du lịch ở miền núi Tây Bắc Việt Nam thì có lẽ đây là đề tài đầu tiên mà chúng tôi kỳ vọng đưa nó trở thành một công trình khoa học nghiên cứu văn hoá Thái trong điều kiện môi trường xã hội có nhiều biến đổi để bảo tồn và phát huy văn hoá Thái trong sự hội nhập kinh tế và phát triển bền vững của văn hoá khu vực, trong khung cảnh kinh tế thị trường và du lịch sinh thái đang bước đầu phát triển một khuynh hướng đầy hứa hẹn của văn hoá các dân tộc trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI, tiến tới văn minh, hiện đại.

Chương I

VAI TRÒ CỦA NGHỀ DỆT TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HOÁ CỦA NGƯỜI THÁI Ở TÂY BẮC

1.1. Đôi nét về vị trí địa lý và đặc điểm vùng Tây Bắc

Nhìn từ góc độ địa lý học vị trí của Tây Bắc thật đặc biệt. Điểm biên giới ba nước Việt - Trung - Lào là dãy Pulasan - Puđendim chạy đến Điện Biên Phủ. Phía Tây dãy Pu- sen- sao cũng chạy dọc biên giới Việt - Lào song song với thung lũng sông Mã. Phía Nam là dải núi đá vôi giữa Mộc Châu và núi Pha Luông chạy từ biên giới Việt - Lào đến suối Rút. Phía Bắc là biên giới Việt - Trung, đây cũng là vùng núi cao hiểm trở, với ba bề bốn bên núi cao trùng điệp. Vùng đất Tây Bắc trong đó có tỉnh Sơn La và Hoà Bình có địa hình như một hệ thống bốn địa lớn nhỏ. Ở giữa khu vực núi rừng Tây Bắc là những dải cao nguyên đá vôi nối tiếp nhau đến gần 300 km từ Ma Lu Thăng, Tà Phình Sìn Chải đến Sơn La, Mộc Châu... Do cấu trúc địa lý đặc biệt như vậy nên Tây Bắc hầu như bị che khuất cả 2 luồng gió mùa chính, khiến mùa Đông khí hậu rất lạnh,

khô hanh, mùa hè lại thường có những đợt gió Lào nóng bỏng. Ở những vùng thung lũng khuất gió, mùa khô thường kéo dài và lượng mưa hàng năm ít hơn gây nên hiện tượng mùa khô kéo dài tới 5, 6 tháng ở các huyện như Phong Thổ, Yên Châu. Lượng mưa hàng năm ở Yên Châu (Sơn La) chỉ khoảng 1100 mm- 1500 mm, khí hậu Yên Châu mùa hè rất nóng. Ví dụ mùa hè năm 2000: khi ở Hà Nội 28 - 33°C thì Yên Châu nóng tới 39 - 40°C. Ngược lại ở thị xã Sơn La hay Điện Biên là 26 - 27°C. Về tới Mộc Châu khí hậu cao nguyên mát mẻ chỉ 24°C, Sinh Hồ 19°C. Nhìn chung địa hình khu Tây Bắc ở độ cao trên 500 m, khí hậu mang tính Á nhiệt đới rõ rệt, mùa đông tháng lạnh nhất là tháng 12 âm là 14°C, ở Điện Biên, Yên Châu (Sơn La) khoảng 16°C, ở Mộc Châu có nơi tới 11°C.

Tây Bắc có nhiều sông lớn, nhỏ chảy qua theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Đó là sông Đà bắt nguồn từ Trung Quốc, chảy qua tỉnh Lai Châu, tỉnh Sơn La rồi bắt đầu chảy vào tỉnh Hoà Bình từ địa hạt xã Đồng Nghi qua suối Rút - Chợ Bờ một địa danh nổi tiếng của Hoà Bình, nơi có bia đá khắc bài thơ của vua Lê Thái Tổ ở Hào Tráng (Chợ Bờ). Sông lớn thứ hai là sông Mã chủ yếu ở Sơn La, chỉ chảy qua Hoà Bình một đoạn ngắn ngoài ra còn có các sông, suối lớn đã tạo ra những cánh đồng phì nhiêu, những thung lũng, đồng cỏ nổi tiếng đã đi vào tục ngữ của người Tây Bắc “Nhất Thanh, nhì Lò, tam Tấn, tứ Than” và những con sông, suối đã được ghi vào huyền thoại như: Nậm Rốn, Nậm Na, Nậm Mác (Lai Châu) Nậm Sọp (Sơn La).

Động vật và thực vật ở Tây Bắc cũng rất phong phú đó là những loại thú quý như Hổ, Báo, Hươu, Nai, Lợn rừng, Vượn đen, Cây hung... Những rừng gỗ quý như chò chỉ, vàng tâm vẫn còn tồn tại, những rừng hồi mọc tự nhiên ở Tuần Giáo, rừng Tô Hạp ở Điện Biên, rừng thông ngút ngàn ở Mộc Châu, núi rừng Tây Bắc thật giàu đẹp và hùng vĩ ! Trong bức tranh toàn cảnh của thiên nhiên Tây Bắc chúng tôi muốn tìm hiểu vị trí địa lý và điều kiện thiên nhiên cũng như tình hình cư dân, đặc trưng kinh tế - xã hội - văn hoá riêng của hai địa phương Yên Châu (Sơn La) và Mai Châu (Hoà Bình), nơi đề tài chúng tôi triển khai nghiên cứu về nghề dệt truyền thống của người Thái để tìm thấy sự thích ứng đầy sáng tạo của hai nhóm Thái Trắng, Thái Đen tại hai khu vực này đã tạo nên bản sắc văn hoá tộc người độc đáo, thông qua nghề dệt truyền thống của họ và những biến đổi của nó trong điều kiện kinh tế thị trường và phát triển du lịch của miền núi Tây Bắc. Cũng để thấy rõ hơn vị trí nghề dệt của người Thái trong đời sống hiện đại, đặc biệt là ở hai địa bàn Mai Châu (Hoà Bình) và Yên Châu (Sơn La) nơi chúng tôi đã chọn để triển khai nghiên cứu đề tài.

1.2. Khái quát về vị trí địa lý - điều kiện tự nhiên và người Thái ở hai địa bàn nghiên cứu

a) Vị trí địa lý đặc điểm tự nhiên vùng Yên Châu (Sơn La)

Tỉnh Sơn La phía Bắc giáp Yên Bái, Lào Cai, phía Đông giáp Phú Thọ, Hoà Bình và phía Tây giáp tỉnh Lai

Châu, phía Nam giáp tỉnh Thanh Hoá, có 250 km biên giới với Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào. Diện tích tự nhiên toàn tỉnh 14,468 km². Nhìn chung Sơn La có nguồn đất đai chất lượng tốt và phù hợp với nhiều loại cây trồng (nguồn: UBND tỉnh Sơn La 1999); dân số toàn tỉnh: 682.512 người.

Yên Châu là một huyện của Sơn La nằm trên trục đường quốc lộ 6 cách Hà Nội 255 km về phía Tây Bắc, cách thị xã Sơn La 66 km về phía Đông, phía Đông Nam giáp huyện Mộc Châu và phía Tây Nam có 47 km đường biên giới với nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào. Phía Bắc và Đông Bắc tiếp giáp với sông Đà và huyện Bắc Yên, phía Tây Bắc giáp huyện Mai Sơn (Sơn La), đây là khu vực đệm giữa cao nguyên Mộc Châu và cao nguyên Nà Sản. Với vị trí địa lý như vậy huyện Yên Châu có điều kiện thuận lợi trong việc phát triển mạng lưới đường giao thông với các huyện trong tỉnh. Địa giới của các xã thuộc huyện Yên Châu nằm dọc theo quốc lộ 6 (Hà Nội - Sơn La) dài tới 320 km. Trong khu vực huyện dọc các xã kể từ ngã ba Cò Nòi (Mai Sơn) còn có đường rải cấp phối dài tới 40 km. Đường quốc lộ 6 chạy giữa huyện Yên Châu qua 7 xã dài tới 66 km tạo thành trục giao thông thuận tiện nối Yên Châu với các vùng trong khu vực Tây Bắc, còn có dòng sông Đà nổi tiếng ở phía Đông Bắc của huyện Yên Châu cũng là một đường thuỷ quan trọng nối Yên Châu với các huyện Bắc Yên và các vùng lân cận khác.

Tổng diện tích đất tự nhiên của toàn huyện Yên Châu là 84.366,9 ha, xung quanh nhiều núi cao bao quanh tạo

thành những thung lũng nhỏ rất thích hợp cho việc trồng lúa nước.

Địa hình Yên Châu có thể chia thành hai tiểu vùng rõ rệt đó là vùng lòng chảo và vùng dọc núi cao biên giới Việt - Lào.

Vùng lòng chảo nối tiếp giữa cao nguyên Mộc Châu và cao nguyên Nà Sản, diện tích rộng gần 40.000 ha, xung quanh là núi cao, vùng Yên Châu có 2 con suối chảy qua: Suối Vạt bắt nguồn từ chân núi Khâu Cạn thuộc Nà Pàn (Chiềng Đông), suối này chảy qua các xã Chiềng Sàng, Chiềng Pàn, Viêng Lán gặp suối Sập tại Bản lao (Sập Vạt) và chảy ra sông Đà rộng lớn. Chính những dòng suối này đã tạo cho Yên Châu những dải đất rộng và bằng phẳng ven suối. Tiếp đến là những dải đồi bát úp cao dần tới những dãy núi đá đồ sộ, đây là nơi cư trú chủ yếu của người Thái. Vùng cao nguyên dọc biên giới Việt - Lào có độ cao trung bình từ 800 - 1000m so với mực nước biển, đất ở đây có những cao nguyên tương đối bằng phẳng xen giữa những dãy núi đá sừng sững, vùng đất này thích hợp với việc trồng các loại cây công nghiệp như chè, cà phê, trầm... Đây là nơi cư trú của một số đồng bào dân tộc HMông, Xinh Mun, cũng có một số đồng bào Kinh lên đây từ những năm 60 theo chương trình khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới. Vùng này có con suối lớn Nậm Pàn chảy ngược từ phía Mộc Châu qua Bản Ải (xã Chiềng Om) ra chợ Lũng rồi lên Hót Lót Mai Sơn và đổ ra sông Đà.

Khí hậu Yên Châu có 2 mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10 với lượng mưa trung bình từ 1000 - 2000 mm, mưa thường phân bố không đều và lượng mưa không cao vào các tháng mùa hè cho nên so với các địa phương khác trong tỉnh Sơn La, thì thời tiết Yên Châu thường có nhiệt độ cao, có lúc nóng nhất lên tới 39 - 40°C. Vào mùa đông thời tiết khô, ít mưa và giá rét thường có sương mù, nhất là ở các xã vùng cao có gió mùa Đông Bắc và gió Bắc nhưng không nhiều. Ở vùng lòng chảo chịu ảnh hưởng của gió Tây Nam (gió Lào) nên thời tiết khô nóng từ tháng 3 tới tháng 9 hàng năm. Đặc điểm địa hình và khí hậu như trên đã tạo cho Yên Châu có 2 vùng sinh thái: Vùng lòng chảo tiếp thuận lợi cho phát triển kinh tế nông nghiệp như trồng lúa nước, cây ăn quả như xoài, chuối, dưa..., các cây hoa mầu như sắn, đậu, lạc, ngô đặc biệt là cây bông, cây chàm, cây dâu ở vùng này khá thích hợp. Yên Châu là một trong những vùng góp phần vào sản lượng cây bông khá lớn cho toàn tỉnh Sơn La. Đất nương vùng thấp phù hợp với cây bông, đất ven suối lại đặc biệt ưa thích cho cây dâu phát triển, đất vườn quanh nhà người Thái vốn có tập quán lâu đời trồng cây chàm, cây hỏm để làm nguyên liệu nhuộm truyền thống cho vải sợi bông.

Vùng cao dọc biên giới Việt - Lào có khí hậu mát mẻ quanh năm có điều kiện mở rộng diện tích trồng cây công nghiệp như chè, cà phê, chăn nuôi đàn trâu, bò...

Động thực vật Yên Châu khá đa dạng với nhiều chủng loại như: thú các loại, tre, nứa, măng, các loại gỗ quý

(đinh, hương, lát, ngiến) Tài nguyên khoáng sản có nhiều nguyên liệu quý như ở Mường Lượn, Lóng Phiêng, Tạ Khoa có các mỏ sắt, đồng, mỏ vàng ở Phiêng Khoài... chúng ta vừa tìm hiểu khái quát về vị trí địa lý và môi trường thiên nhiên của Yên Châu (Sơn La) là một trong hai địa điểm triển khai đề tài nghiên cứu. Vậy ở Mai Châu của tỉnh Hoà Bình điều kiện thiên nhiên, môi trường sinh thái có gì khác với Yên Châu.

b) Vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên vùng Mai Châu (Hoà Bình)

Hoà Bình là một tỉnh trong khu vực Tây Bắc, Hoà Bình cũng có những nét chung với đặc điểm thiên nhiên của toàn khu vực Tây Bắc song cũng có những nét riêng biệt mà chúng ta cần tìm hiểu. Toàn tỉnh Hoà Bình có diện tích tự nhiên là 4.697 km² và dân số là 670.000 người. Hoà Bình có một vị trí thiên nhiên rất hiểm yếu, phía Bắc giáp Vĩnh Phú, phía Nam giáp Ninh Bình và Thanh Hoá, phía Đông giáp Hà Tây, Nam Định, phía Tây giáp Sơn La. Khác với Sơn La, Hoà Bình không có đường biên giới qua vùng lãnh thổ của mình, điểm này cũng đem tới cho Hoà Bình sự bình yên hơn trên khu vực buôn bán của thị trường các xã huyện, cũng như trong xã hội tộc người.

Hoà Bình có nhiều đồi núi, rừng rậm và sông suối chảy qua, song mức độ có những dãy núi hùng vĩ như ở Sơn La thì không bằng, tuy nhiên nơi cao nhất trong tỉnh là 1.132 m (núi Toàn Thắng ở Tân Lạc) hay núi Đức Nhân ở Đà Bắc cao 1.108 m. Rừng chiếm khoảng 80% tổng số

đất đai. Một đặc điểm về vị trí địa lý của Hoà Bình khác với Sơn La là: tuy là một tỉnh miền núi, nhưng Hoà Bình lại rất gần với thủ đô Hà Nội (từ thị xã Hoà Bình về Hà Nội chỉ có 76 km). Hoà Bình có nhiều đường giao thông thuỷ bộ quan trọng như đường quốc lộ 6 qua Hoà Bình nối cả khu vực Tây Bắc với Hà Nội, đường quốc lộ từ Hoa Lư về Ninh Bình vào Thanh Hoá, Nghệ An. Từ Hoà Bình cũng có thể theo tả ngạn sông Đà đi Thanh Sơn (Phú Thọ).

Mai Châu là một huyện nằm ở phía Tây của tỉnh Hoà Bình, phía Bắc giáp huyện Mộc Châu (Sơn La) phía Nam giáp huyện Quan Hoá (Thanh Hoá) phía Đông giáp huyện Tân Lạc và huyện Đà Bắc. Từ xa xưa Mai Châu có nhiều tên gọi cổ xưa là đất Mường Mai thế kỷ XV, XVIII đầu thời Lê được gọi là Châu Mai thuộc Hưng Hoá (Hưng Hoá vốn là một tỉnh từ thời Nguyễn), sau lại đổi thành Mường Mai, Mường Mùn thuộc huyện Mai Đà cũ.

Ngày 15 tháng 1 năm 1957 huyện Mai Châu chính thức được thành lập, diện tích Mai Châu 611 km² được chia thành 3 vùng là Mai Thượng, Mai Hạ và Mường Pa với dân số khoảng hơn 4 vạn người, ở Mai Châu có 6 dân tộc anh em sinh sống là người Mường, người Dao, người H'Mông, người Kinh và người Hoa, người Thái sống ở Mai Châu khá đông đúc.

Mai Châu là cửa ngõ lên Tây Bắc có con sông lớn chảy qua là sông Đà, Mai Châu cách Hà Nội 120 km, địa hình Mai Châu đa dạng có vùng cao, vùng thấp có dãy đá vôi

hùng vĩ kéo dài từ huyện Xăm Khoè (Lào) đến Mai Hịch qua Mai Hạ đến xã Chiềng Châu trù phú ruộng nương, nơi đây có nghề dệt truyền thống của người Thái Trắng phát triển nhất trong khu vực. Trong *Hưng Hoá phong thổ lục* của Hoàng Bình Chính năm 1778 đã miêu tả mảnh đất Mai Châu như một dải đất thanh bình giàu có, hùng vĩ mà nên thơ trên núi rừng Tây Bắc: *"Đất Châu Mai địa thế dài như dải áo, hai bên núi đá dựng đứng, dân ở vào giữa, đất đai màu mỡ, nhân dân trù mật, ruộng cấy được cả vụ chiêm và vụ mùa"*.

Đặc điểm khí hậu ở Mai Châu cũng có phần khác so với Yên Châu. Ở Yên Châu có mùa đông thật khắc nghiệt, mùa hè có lúc nhiệt độ cũng rất cao do ảnh hưởng của gió Lào thì ở Mai Châu 2 mùa được phân chia rất rõ rệt, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4, có thể nói khí hậu ở Mai Châu ôn hoà hơn vùng Yên Châu do đó rừng cây ở Mai Châu rất giàu có lâm thổ sản, người dân Thái xưa có trồng nhiều nương bông, nương chàm, hỏm nhưng bây giờ thực tế là số lượng bông được trồng để phục vụ cho nghề dệt truyền thống có ít hơn nhiều so với Yên Châu. Theo thống kê của UBND huyện thì cây bông vẫn là một trong số các cây công nghiệp khá quan trọng của địa phương, nhưng ở Mai Châu có lẽ do vị trí địa lý khá thuận lợi, gần miền xuôi hơn nên việc dùng sợi mậu dịch để dệt vải truyền thống trong các bản người Thái là khá phổ biến, và việc trồng dâu nuôi tằm, trồng bông gần như còn không đáng kể.

1.3. Tình hình cư dân

Yên Châu là địa bàn cư trú chủ yếu của 5 dân tộc Thái, Kinh, HMông, Xinh Mun và Khơ Mú. Theo số liệu điều tra năm 1999 của UBKH tỉnh Sơn La toàn huyện có 14 xã, 1 thị trấn với tổng số 154 bản. Trong đó có 4 xã thuộc vùng cao biên giới là Lóng Phiêng, Chiềng Tương, Phiềng Khoài, Chiềng On; 9 xã vùng thấp là các xã Chiềng Păn, Viêng Lán, Chiềng Sàng, Chiềng Đông, Sập Vạt, Chiềng Khoi, Chiềng Hặc, Yên Sơn, Tú Nang. Dân số toàn huyện (1998) là 53.456 người, trong số đó người Thái có 28.725 người chiếm 53,7% dân số toàn huyện, đây là những cư dân Thái Đen bản địa, họ sống lâu đời ở vùng Yên Châu của núi rừng Tây Bắc. Lịch sử quá trình tộc người của họ là cả một quá trình “xây bản, dựng Mường” gian khổ và sáng tạo để thích ứng và tồn tại phát triển tới ngày nay.

Những cứ liệu khảo cổ trong việc tìm hiểu quá trình lịch sử tộc người ở Tây Bắc nói chung và lịch sử tộc người Thái nói riêng là vấn đề đòi hỏi sự nghiên cứu liên ngành, đặc biệt là liên quan tới các cứ liệu khảo cổ học. Việc nghiên cứu đó cũng đòi hỏi sự phối hợp nhịp nhàng, có căn cứ lí luận và khoa học giữa các ngành liên quan để đi tới những kết luận chính xác về vấn đề tộc người. Ngành khảo cổ học trong vài thập niên qua cho chúng ta sự phát hiện khá nhiều di chỉ văn hoá ở 2 tỉnh Sơn La, Lai Châu liên quan tới lịch sử và quá trình tộc người của người Thái ở Tây Bắc thuộc hai ngành Thái Đen và Thái Trắng cụ thể

là ở hai huyện mà chúng tôi đang tiến hành nghiên cứu là Yên Châu (Sơn La) và Mai Châu (Hoà Bình).

Di chỉ Nậm Tum (thuộc bản Nậm Phá, huyện Phong Thổ, Lai Châu) phát hiện năm 1972 về những di cốt người cổ, đây là một trong những di cốt đầu tiên phát hiện ở Tây Bắc (Lai Châu). Thuộc địa phận bản Pó, tại hang Thẩm Khương xã Chiềng Sinh (huyện Tuần Giáo) còn phát hiện các công cụ bằng đá, xương và mộ táng di cốt người cổ. Theo các nhà khảo cổ học, sự phát hiện về kỹ thuật ghè dẽo công cụ ở hang Thẩm Khương này là tài liệu quý liên quan tới nền “*văn hoá Hoà Bình*” ở Tây Bắc. Ở Sơn La chính tại Phù Yên, Yên Châu, Mộc Châu với hàng loạt các di chỉ minh chứng sự có mặt của người Thái cổ như di chỉ Hang Pông I, Hang Pông II, Hang Pông III (Mường Tè), ở Lai Châu cũng còn phát hiện những di chỉ thuộc văn hoá Hoà Bình- Bắc Sơn như Bản Phố, Sập Việt, đặc biệt là ở chính xã Chiềng Sại với các di chỉ Hang Tống và Thọc Kim, tại các di chỉ này bên cạnh di cốt là hàng loạt các hiện vật khác như vòng đồng, nhẫn bạc, vòng bạc. Cùng với kết quả của các nhà nghiên cứu khảo cổ học ở Mai Châu đã tìm được dấu tích cuộc sống người thời cổ từ hàng vạn năm trước và liên tục tồn tại phát triển đến ngày nay.

Tư liệu hiện nay cho biết lớp người đầu tiên sinh sống trên đất Mai Châu là những người cổ sống trong các hang động và núi đá dọc 2 bờ suối Mát (Xia). Đó là di tích núi đá Phừng Quyền (Đán Phừng Quyền) thuộc địa phận xã Mai Hịch. Đây là một hang rộng, thoáng dài tới hơn 20 m, rộng

7- 8 m cao hơn 5 m. Trong hang còn nhiều di chỉ vỏ ốc suối, ốc núi, nhiều hiện vật bằng đá, xương, răng thú như khỉ, lợn rừng, voi, phần lớn các xương răng thú đã hoá thạch, còn có nhiều công cụ đá tìm thấy ở đây được đẽo, ghè thô sơ từ đá cuội, có chiếc rìu lưỡi dọc theo viên cuội như hình múi bưởi. Đây là những công cụ thường gặp trên các đồi gò ở vùng trung du Phú Thọ và cũng có mặt ở di tích Hang Pông, Cum Đôn ở Sơn La. Ở đây qua di vật khảo cổ ta lại tìm thấy mối dây liên hệ nguồn gốc tộc người Thái Sơn La với người Thái Hoà Bình. Những di chỉ này được các nhà khảo cổ học xếp vào văn hoá Sơn Vi cách ngày nay khoảng trên 1 vạn năm. Di chỉ Phùng Quỳn cũng minh chứng rằng lớp người cổ có mặt ở Mai Châu là lớp người sớm nhất ở Hoà Bình cùng thời với di tích núi đá Phùng Quỳn, các nhà khoa học còn phát hiện được di tích Hang Khoài thuộc xã Xăm Khoè, Hang (Khoài) có nghĩa là hang Trâu nằm ở chân núi Khoài, một trái núi sót lại trong khối núi đá vôi kéo dài từ Tây Bắc xuống Hoà Bình. Trong hang Khoài có nhiều di chỉ vỏ ốc nằm rải rác trên mặt hang, có suối Xia chảy qua, hiện vật thu được trong hang khá phong phú, chủ yếu là công cụ lao động được ghè đẽo thô sơ từ đá cuội, có các loại công cụ hình núp cuội, hình móng ngựa, rìu lưỡi dọc, ngoài ra còn có những công cụ được ghè đẽo cẩn thận hơn, thành hình gần tròn, hình hạnh nhân gần giống các công cụ trong di tích văn hoá Hoà Bình phổ biến ở Hoà Bình và Tây Bắc. Sự đa dạng của các loại hình công cụ tại di chỉ hang Khoài cũng nói lên rằng hang Khoài là nơi cư trú trong một thời gian dài của các cư dân Thái cổ suốt từ văn hoá Sơn Vi đến văn hoá Hoà Bình.

Đến giai đoạn văn hoá Hoà Bình cư dân ở đây đã đông đúc hơn thể hiện qua hàng loạt các di chỉ ở hang Lóng, núi đá Đan Đũa, hang Khẩu Pục nằm rải rác trong dãy núi đá vôi thuộc xã Chiềng Châu ngày nay. Ở các di chỉ này các nhà khảo cổ đã thu được nhiều công cụ có hình dáng cân đối, hài hoà như chày nghiền, bàn nghiền, chày cối giã gạo, lưỡi rìu công cụ chặt hình hạnh nhân. Bộ công cụ ở đây lên tới 60 cái, đây là bộ di vật của người Hoà Bình xưa phong phú nhất được phát hiện tại Mai Châu.

Các di chỉ khảo cổ cũng chứng minh một điều rằng những cư dân ở Khẩu Pục, hang Lóng và núi đá Đan Đũa tuy vẫn sống trong các hang động núi đá nhưng cuộc sống đã bước đầu thay đổi nhờ những tiến bộ trong kỹ thuật ghè đẽo đá, trải qua hàng ngàn vạn năm, cư dân văn hoá Hoà Bình đã chế tạo được những chiếc rìu mài lưỡi rất đẹp, đây cũng chính là những chiếc rìu rất cổ xưa. Với sự tiến bộ đặc biệt của những chiếc rìu mài lưỡi người cổ đất Mai Châu đã bước vào một giai đoạn phát triển của thời Đá mới, từ nền kinh tế hái lượm đến nền nông nghiệp nguyên thuỷ. Như vậy vào khoảng 4000 năm trước khi nhà nước Văn Lang - Nhà nước đầu tiên trên đất nước ta được thành lập, phải chăng chính những cư dân trên mảnh đất Mai Châu này cũng đã góp công sức của mình vào tiến trình lịch sử chung của dân Việt Nam ta.

Sự phong phú của hàng loạt các di chỉ văn hoá cổ thuộc thời kỳ văn hoá Sơn Vi, văn hoá Hoà Bình ở Tây Bắc

là một sự khẳng định nơi đây từ rất sớm trong lịch sử loài người đã có các bộ lạc cư trú. Điều này cũng góp phần cho sự chứng minh quá trình lịch sử tộc người liên tục của các thành phần tộc người trong khu vực và các mối quan hệ văn hoá sâu xa thời tiền sử, sơ sử, cổ sử của họ không chỉ ở Tây Bắc mà còn ở trong một phạm vi rộng lớn hơn - khu vực Nam Trung Hoa - Thái Bình Dương.

Lịch sử nguồn gốc tộc người Thái ở Tây Bắc là vấn đề chưa được nghiên cứu hoàn chỉnh, chúng ta chờ đợi ở những công trình khoa học sắp tới. Tuy nhiên cùng với nhiều hiện tượng lịch sử khác thì một vấn đề cần khẳng định là: cộng đồng người Thái ở Việt Nam hiện nay nằm trong cộng đồng ngôn ngữ dòng Nam Á, ngành Tày - Thái có khoảng trên 1 triệu người, trong đó có hai ngành khởi đầu đó là người Thái Trắng (Tày Khao hay Tày Đón) và ngành Thái Đen (Tày Dăm). Từ hai ngành này lại chia ra nhiều nhóm phức tạp phân bố ở Tây Bắc và các địa phương khác như Mai Châu (Hoà Bình) và ở hai tỉnh Thanh Hoá- Nghệ An chịu ảnh hưởng của văn hoá Lào và văn hoá Mường.

Ngành Thái Đen (Tày Dăm) cư trú chủ yếu ở tỉnh Sơn La, Lai Châu (Văn Chấn - Than Uyên - Điện Biên, Tuần Giáo) và từ Mường Thái Điện Biên có nhóm Tày Thanh (Man Thanh) qua Lào vào Nghệ An, nhóm Thái này chịu nhiều ảnh hưởng của văn hoá Lào, nhóm Thái Tày Mười (Sơn La) đi vào Thanh Hoá. Ngành Thái Trắng: (Tày Khao hay Tày Đón) cư trú chủ yếu ở Quỳnh Nhai (Lai Châu).

Nhóm Thái Trắng ở Mai Châu có quan hệ với nhóm Thái Trắng ở Thanh Hoá. Những ngành Thái ở nước ta đều có chung một gốc với các nhóm Thái ở Nam Trung Quốc, ở Lào, ở Thái Lan và Míama. Đã có người cho rằng: Thái Trắng là con cháu người Bạch Y đã cư trú từ lâu đời ở Tây Bắc và Nam Vân Nam (Trung Quốc). Đến đầu thiên niên kỷ thứ II sau công nguyên họ mới chiếm được ưu thế dọc sông Hồng và tỉnh Lai Châu. Đến thế kỷ thứ XIII, ngành Thái Trắng làm chủ Mường Lay, ven sông Hồng họ đến sớm hơn người Thái Đen. Nhóm Thái Trắng ở Mộc Châu từ Lào sang khoảng thế kỷ thứ XIV. Theo lai lịch dòng họ Hà Công, có một bộ phận Thái Trắng lại từ Bắc Hà (Lào Cai), điều đó phù hợp với thành phần cấu tạo cư dân Thái Mộc Châu hiện nay có 2 bộ phận và đều có quan hệ mật thiết về huyết thống với người Thái Mộc Châu cũng như người Thái ở miền núi Thanh Hóa và ở Trung Lào. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Việt sử thông giám cương mục*, bộ phận Thái Đen vùng Mộc Châu vào khoảng thế kỷ thứ XIV, về lai lịch người Thái Trắng ở Mai Châu được ghi khá rõ trong cuốn biên niên do Sở văn hoá Hoà Bình sưu tầm và công bố trong tập “Tư liệu về lịch sử xã hội dân tộc Thái” (Nxb KHXH 1977). Cùng với thông tin qua truyền thuyết và các nguồn sử liệu khác lại cho rằng tổ tiên người Thái ở Mai Châu từ miền đầu sông Hồng, vùng đất Mường Hước Pước Khả tức là Bắc Hà (Lào Cai) ngày nay, theo dọc sông Hồng rẽ sang sông Đà rồi tới lập nghiệp ở vùng Mộc Châu (Sơn La) vùng Mường Khoòng (Thanh Hoá) và vùng Mai Châu (Hoà Bình) tới ngày nay khoảng trên 600 năm tức là vào đầu thế kỷ XIV. Truyền

thuyết dân gian của người Thái Trắng ở Mai Châu có câu truyện về lịch sử tộc người như sau: Truyện xưa kể rằng ông Lang Bôn là người đứng đầu dân Mường Mùn bấy giờ (tên gọi Mai Châu thời cổ). Ông là con vợ hai của Tào Khả, phần đất được chia quá hẹp nên ông bỏ xuống vùng Bạch Hạc (Việt Trì) ngày nay. Được ít lâu ông lại cùng dân ngược sông Đà và vào mở mang đất Mai Châu hiện nay.

Quá trình người Thái đến Tây Bắc Việt Nam là một quá trình dài lâu, hoà nhập và tồn tại để hình thành và phát triển của hàng trăm năm lịch sử, đồng thời đó cũng là một quá trình định hình những bản sắc văn hoá tộc người trên mảnh đất núi rừng Tây Bắc hùng vĩ. Nhà nghiên cứu dân tộc học Cẩm Trọng đã đưa ra một nhận xét khá xác đáng rằng *"Cho đến nay mặc dù người Thái vẫn có các nhóm địa phương với hai ngành Thái Đen, Thái Trắng ở phía Bắc và phía Nam nhưng rõ ràng chỉ là một dân tộc mà tên thường gọi là "người Thái" ở miền Tây Bắc Việt Nam và theo đúng tên để gọi của họ là "Phù Tày" (người Táy) – có nghĩa là người làm ruộng nước.*

Người Thái thường cư trú ở những vùng thung lũng, chân núi, vùng lòng chảo của bình nguyên, đây là các vùng thấp của núi rừng Tây Bắc đất đai phì nhiêu phù hợp cho việc trồng lúa nước vùng đất "đin he", "đin sát" đó là những nương thoải thoải người Thái trồng ngô, mía, đậu, nương bông, trồng dâu, vùng đất bãi ven suối *"đin phiêng"* đồng bào thường trồng rau, lạc, vùng, các loại dưa.

Địa bàn cư trú của người Thái ở Yên Châu (Sơn La) cũng như Mai Châu (Hoà Bình) thường là những vùng tương đối bằng phẳng, họ định cư lâu dài và ổn định. Họ sớm biết làm thuỷ lợi bằng cách lợi dụng các dòng nước sông suối để dẫn nước vào ruộng, dẫn nước theo máng mương về tận bản. Bản Mường người Thái thường mật tập tại các vùng dọc theo sông, suối lớn, không xa rừng rậm giấu có những nguồn lợi thiên nhiên đã giúp người Thái định cư qua nhiều đời con cháu đồng bào Tây Bắc đã có câu phương ngôn rất đặc trưng về lối canh tác của người Thái là: *"Xá ăn theo lửa, Thái ăn theo nước"*.

*** Đặc trưng cơ bản về kinh tế - xã hội - văn hoá**

Người Thái là cư dân nông nghiệp làm ruộng nước rất lâu đời ở miền núi Tây Bắc Việt Nam. Những cánh đồng phì nhiêu ven sông Đà kéo dài từ Quỳnh Nhai qua Thuận Châu, Mường La sang Phù Yên, Yên Châu (Sơn La) Mường Lay, Mường Thanh, Than Uyên (Lai Châu) rồi những cánh đồng mầu mỡ trồng cả hai vụ chiêm mùa ở Mường Pa, Mai Thượng, Mai Hạ (thuộc Mai Châu - Hoà Bình) cư trú mật tập của cư dân Thái Trắng.

Người Thái sớm biết tạo lập những công trình thuỷ lợi với hệ thống đắp phai, mương. Câu thành ngữ nổi tiếng của người Thái khi nói về các hệ thống thuỷ nông *"Mương, phai, lái, lin, lốc, con"* đã khái quát phần nào kỹ thuật làm thuỷ lợi điển hình của người Thái. Kỹ thuật cổ truyền trong canh tác của người Thái là dùng lối *"hoá canh, thuỷ*

nậu" vừa biết dùng cày bừa, sử dụng sức kéo của trâu, bò trong việc làm đất rất thành thực, cũng như việc làm giống cây trồng, bón phân, làm mạ để trồng lúa nước. Bên cạnh việc làm ruộng lúa nước thì nương rẫy cũng là thế mạnh của nền kinh tế truyền thống của người Thái. Nương rẫy từ ngàn đời đã gắn bó với người Thái ở núi rừng Tây Bắc. Những nương ngô, nương lúa, nương sắn, nương bông vẫn là một nguồn sống rất quan trọng của họ, cung cấp cho họ lương thực và đáp ứng những nhu cầu về ăn, mặc và các loại chăn, màn đệm trong sinh hoạt gia đình. Rừng Tây Bắc đặc biệt là ở Yên Châu (Sơn La) cũng như Mai Châu (Hoà Bình) cũng là những nguồn sống gắn bó đối với người dân Thái: từ cổ xưa người ta đã biết khai thác rừng, tận dụng rừng để phục vụ cho cuộc sống của mình, rừng đã nuôi họ cùng các thế hệ con cháu họ, rừng cung cấp các vật liệu để làm nhà, đan lát đồ gia dụng, rừng là nơi săn bắn để có thực phẩm sống hàng ngày, cũng là nơi cung cấp lâm thổ sản, các cây thuốc quý giá để bảo vệ cuộc sống của họ.

Sông suối miền Tây Bắc cũng là một nguồn lực quan trọng trong cuộc sống của người dân Tây Bắc. Sông Mã chảy qua đất Sơn La nơi có vùng Yên Châu giàu có. Sông Đà chảy qua Hoà Bình nơi có hàng loạt các con suối lớn chảy qua địa bàn các vùng có người Thái sinh sống đã giúp người dân Thái trong việc giao thông đi lại trong vùng và đặc biệt là giúp họ làm thuỷ lợi. Sông suối còn là nguồn săn bắt, đánh cá đem lại nguồn lợi vô tận cho người dân Thái.

Do kinh tế ruộng nước khá phát triển người Thái còn có nghề nuôi cá ruộng khá thuần thực. Trong quan niệm cổ truyền của người Thái về một sự ổn định, sung túc trong kinh tế gia đình của họ là: "*Pay kin pa, má kin lău*" (đi ăn cá, về uống rượu). Việc chăn nuôi gia súc gia cầm cũng được người Thái sớm chú trọng trong kinh tế gia đình. Gia súc phục vụ cho sức kéo trong sản xuất cũng như làm nguồn thực phẩm trong bữa ăn hàng ngày. Vườn quanh nhà cũng là một hình thức sản xuất không thể thiếu đối với mỗi nóc nhà sàn người Thái, họ sớm biết trồng rau, các loại quả để cải thiện cuộc sống của mình. Tuy nhiên so với nương rẫy thì vườn xuất hiện muộn hơn. Nghề thủ công vẫn là một nghề phụ trong gia đình, tuy chưa tách ra khỏi nông nghiệp, nhưng cũng khá phát triển ở các vùng người Thái cư trú. Sản phẩm của nó đã trở thành một nét tiêu biểu cho văn hoá Thái thật đậm đà hương sắc, nhất là ở hai vùng Yên Châu (Sơn La) và Mai Châu (Hoà Bình), vùng người Thái Tây Bắc trước đây kinh tế hàng hoá bị hạn chế do chợ búa rất nhỏ nhoi.

Bản là đơn vị cư trú nhỏ nhất của người Thái. Họ định cư nhiều bản thành Mường có tên gọi riêng. Trong mỗi bản người Thái thường chỉ có 40- 50 hoặc nhiều nhất là 100 nóc nhà, người Thái đều làm nhà sàn bằng gỗ, luồng, tre, hóp.

Nhà sàn của người Thái Đen ở Yên Châu (Sơn La) và khu vực Lai Châu có mái nhà hình mai rùa với những "*khaus cút*" ở hai nóc hồi, có loại "*khaus bẻ*" (sừng dê), có

"khou cút chim muông" trắng khuyết là dấu hiệu của những gia đình có giai tầng xã hội bình thường trong xã hội Thái. *"Khou cút Bua"* - hoa sen là biểu hiện của các gia đình quý tộc. Nhà của người Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) lại có mái hình chữ nhật với những lan can quanh nhà. Những sinh hoạt trong gia đình người Thái cũng phản ánh nếp sống kinh tế xã hội, tâm lý, tín ngưỡng của những cư dân nông nghiệp sống ở miền núi rừng. Vải vóc phục vụ cái mặc đều được người Thái tự sản xuất lấy. Trang phục của người Thái Đen ở Yên Châu (Sơn La) và trang phục của người Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) khác nhau nhiều nhưng khung dệt, kỹ thuật vải, chuốt sợi, nhiều họa tiết hoa văn, nhiều phong tục tập quán liên quan đến sử dụng vải do người Thái tự làm ra thì lại chứa đựng rất nhiều điểm giống nhau. Người Thái thường ăn gạo nếp nhiều hơn gạo tẻ và cá là thực phẩm rất được ưa dùng. Người Thái làm các loại rượu từ gạo, sắn như: rượu trắng "lẩu xiên", rượu cần "lẩu xá". Phụ nữ Thái Trắng và Thái Đen ở Tây Bắc đều ít ăn trầu, nam giới thường hút thuốc Lào. Họ nổi tiếng là những người làm được những con thuyền độc mộc bền chắc và người đàn ông Thái cũng rất giỏi đi thuyền vượt thác ghềnh trên những con sông lớn hùng dữ như sông Mã, sông Đà.

Nền kinh tế lúa nước của người Thái khá phát triển, điều đó tạo điều kiện cho xã hội của người Thái miền Tây Bắc sớm định hình, ổn định về bộ máy quản lý cộng đồng của mình. Mỗi vùng đất Thái ở Tây Bắc có một chúa đất lớn cai quản ví dụ như (Mường Muối - Thuận Châu)

Mường La (Sơn La) Mường Lay (Lai Châu), Mường Mùn (tên cổ của Mai Châu - Hoà Bình ngày nay).

Mường của người Thái bao gồm nhiều bản, mỗi bản lại có rất nhiều gia đình dòng họ lớn nhỏ khác nhau, với những địa giới cụ thể. Các gia đình dòng họ người Thái cũng rất gắn bó với nhau bởi nhiều quan hệ kinh tế, xã hội và huyết thống. Nhiều Mường hợp lại thành một châu (châu là thiết chế mang tính đặc trưng của nhà nước phong kiến của đế quốc thực dân).

Người Thái ở Tây Bắc quan niệm mà đồng bào (coi như luật) là ruộng, nương, rừng, nguồn nước đều thuộc quyền sở hữu của cộng đồng. Tuy nhiên ở từng nơi tình hình cụ thể có khác nhau. Có nơi quy định là quyền tối cao trong việc quản lý đất, ruộng cho các loại ruộng chúa (ruộng dành cho chúa đất). Còn người dân thường thì được nhận ruộng, đến khi thu hoạch phải nộp các sản phẩm như thóc, gạo cho nhà chúa, có khi nộp tiền, hoặc lao động để trả công.

Trước giải phóng (1954) trên cơ sở quan hệ đất đai như trên đã phân chia xã hội Thái thành những thành phần cơ bản như sau: 1) Giai cấp phong kiến thống trị gồm chúa đất, dòng họ với chúa đất, những người có chức dịch cao; 2) Giai cấp nông dân gồm có những người là nông dân tự do, lớp người làm "*cuông*", "*nhốc*" là nông dân bán tự do, lớp người là gia nô (côn hươn). Ở vùng Tây Bắc có các dòng họ quý tộc lâu đời như họ Cẩm, họ Bạc, họ Đèo, họ Hà. Các dòng họ khác nhau đều có những vật kiêng riêng, như họ

Lò kiêng ăn, giết thịt chim Táng Lò. Họ Quàng kiêng giết, ăn thịt hổ.

Từ thời xưa cho tới trước năm 1954 ở Tây Bắc vẫn tồn tại và phổ biến kiểu nhà sàn đồ sộ trong đó mọi người sống chung ba từ thế hệ trở lên, có chung một ông tổ. Trong mỗi gia đình, vị trí của người phụ nữ thường thấp kém, bị phân biệt đối xử khá nặng nề như ở vùng Thái Trắng (Lai Châu). Con gái bị coi như người ngoài, phải ngủ ở nơi dành cho khách và đi lấy chồng phải đổi theo họ chồng, việc dựng vợ gả chồng phải do cha mẹ quyết định. Ở người Thái Tây Bắc nguyên tắc hôn nhân một vợ một chồng khá bền vững.

Đời sống tinh thần của người Thái rất phong phú và mang tính nhân bản sâu sắc, dù là người Thái Đen vùng Yên Châu (Sơn La) hay là người Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) thì về cơ bản họ vẫn theo tín ngưỡng đa thần. Họ tin rằng có một thế lực "*siêu nhiên*" chi phối mọi hoạt động của con người, cùng các bản mường, núi rừng nơi họ cư trú. Họ tin rằng có rất nhiều loại ma, cao nhất là "*Then luông*" ở trên trời, và dưới đất có các loại Phi (ma) khác nhau như (phi lươn) ma nhà, (phi đảm) ma họ, (phi lá nậm) ma suối. Đó cũng là những lực lượng bảo vệ cho cuộc sống của họ và muôn loài. Người Thái ở Tây Bắc đều có tục lệ thờ cúng tổ tiên, thờ cúng trời đất, bản mường qua hàng loạt các lễ (xên bản, xên mường, xên hươn), vào những dịp mùa xuân, rằm tháng 7.

Văn hoá dân gian của người Thái ở Tây Bắc là những di sản văn hoá rất đáng trân trọng đã góp phần tạo nên sự

đa dạng trong văn hoá và sự tinh tế trong bản sắc văn hoá các dân tộc ở Việt Nam. Bên cạnh luật tục Thái rất sâu sắc tính triết lý và tính nhân văn còn có dân ca truyền miệng, văn tự chữ viết. Người Thái còn lưu giữ được nhiều trường ca, thi ca, truyện cổ như (xống chụ xôn xao; tản chụ xống xương). Người Thái rất nổi tiếng với những lời (khắp) và các điệu múa xoè duyên dáng, trò chơi dân gian vui nhộn.

Tóm lại, do sớm sinh tụ ở miền Tây Bắc Việt Nam, người Thái đã góp phần rất to lớn vào sự nghiệp dựng nước giữ nước đồng thời cũng sáng tạo nên một bản sắc văn hoá Thái mang đậm tính tộc người. Thiên nhiên hùng vĩ và trùng điệp của núi rừng Tây Bắc vừa là đối tượng vừa là thành quả của những giá trị vật chất và tinh thần của văn hoá Thái được tồn tại và phát triển qua nhiều thế hệ. Đó cũng chính là những tiền đề là cái nôi sản sinh ra những hiện tượng văn hoá Thái độc đáo, cụ thể sinh động, vừa in đậm những nét văn hoá riêng biệt của người Thái ở miền núi Tây Bắc Việt Nam. Tất cả những tinh tuý đó cũng đã được tồn tại bền bỉ sâu sắc nhất trong những sản phẩm của nghề dệt truyền thống của người phụ nữ Thái mà tiêu biểu hơn cả là ở hai nhóm Thái Đen Yên Châu (Sơn La) và nhóm Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình).

1.4. Nghề dệt trong đời sống kinh tế

Nghề dệt truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam nói chung, nghề dệt truyền thống của người Thái ở

miền núi Tây Bắc Việt Nam nói riêng là một trong những *ngề thủ công cơ bản* có vị trí cốt yếu và không thể thiếu được trong đời sống kinh tế, văn hoá cộng đồng và quốc gia. Trong bức tranh chung của nghề thủ công truyền thống ở Việt Nam cùng với các nghề quen thuộc là đan, lát, mộc, gốm thì nghề dệt được tồn tại như một dấu ấn của sự phát triển qua quá trình tộc người và toàn xã hội. Bởi lẽ nó là biểu hiện của sự sáng tạo lớn lao trong lịch sử kinh tế, văn hoá của cộng đồng tộc người. Điều này phù hợp với nhận định của Ph.Ăngghen trong tác phẩm kinh điển: *Nguồn gốc của gia đình của chế độ tư hữu và của nhà nước* mà chúng tôi đã nói ở phần đầu trong đó đã khẳng định: *"Từ thời đại dã man sang thời đại văn minh được đánh dấu bởi hai thành tựu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, mang tính cách mạng trong lịch sử nhân loại, thành tựu thứ nhất là khung dệt, thành tựu thứ hai là nấu quặng và chế tạo đồ kim loại"*. Trong hàng loạt sự kiện của tiến trình phát triển của dân tộc Việt Nam, không thể không kể tới nghề thủ công của một số các dân tộc ít người trong đó có nghề dệt của người Thái ở Tây Bắc Việt Nam. Nó đã phải trải qua nhiều biến động thăng trầm trong mối tương quan ảnh hưởng qua lại với văn hoá quốc gia và dân tộc láng giềng. Vì lẽ đó mà nghề dệt truyền thống của các tộc người thiểu số ở Việt Nam hiện nay cũng như bản thân nghề dệt truyền thống của người Thái ở các vùng miền núi Tây Bắc nước ta là một hiện tượng văn hoá không thuần nhất. Nó tuy từng công đoạn của kỹ thuật dệt cũng như các chi tiết của

sản phẩm dệt mà mang những sắc thái riêng của từng vùng, từng nhóm ngôn ngữ và thậm trí từng nhóm tộc người. Điều này chúng tôi đã cố gắng thể hiện và minh họa qua phần miêu tả các sản phẩm dệt của người Thái như y phục và các vật dụng khác được chế tác từ vải dệt truyền thống để thấy những điểm tương đồng và dị biệt của văn hoá tộc người thể hiện qua sản phẩm dệt giữa nhóm Thái Đen ở Yên Châu (Sơn La) và nhóm Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình).

Nghề dệt của người Thái ở Tây Bắc nước ta là sản phẩm của lao động thủ công, là một giá trị văn hoá quan trọng của nền văn minh nông nghiệp, văn minh thực vật trong bối cảnh thiên nhiên nhiệt đới vùng Đông Nam Á. Chúng ta cũng cần khẳng định một điều, cái quan trọng thứ nhất của nghề dệt là ở những giá trị kinh tế của nó. Mặc dù qua quá trình lịch sử nghề dệt của người Thái cũng như một số nghề thủ công khác của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, vẫn được xem là *nghề phụ* trong gia đình nhằm góp phần thoả mãn nhu cầu về cái mặc, đồ dùng trong gia đình và cộng đồng. Nhưng cũng cần phải nhấn mạnh một nhận định là từ thời xa xưa cho tới nhiều năm gần đây, nghề dệt của người Thái đã có một vị trí, một giá trị kinh tế không nhỏ trong bối cảnh của nền kinh tế tự cấp, tự túc đã từng tồn tại khá dài trong lịch sử của tộc người Thái vùng miền núi Tây Bắc Việt Nam.

Nghề dệt của người Thái vừa là nghề tạo ra những vật dùng đồng thời cũng từ nghề dệt, từ việc chế tác các sản

phẩm từ vải sợi bông, sợi tơ tằm. Sản phẩm dệt trong mỗi gia đình cũng là thước đo sự giàu hay nghèo của gia đình đó, trong quan niệm truyền thống của xã hội người Thái, nhà giàu không chỉ là nhà to nhiều trâu, nhiều ruộng, mà còn là sự giàu có các loại chăn “phà”, đệm nằm, đệm ngồi, gối, màn, rèm, nhiều bộ y phục đẹp của người già, trẻ em trong gia đình, điều đó không chỉ là biểu hiện giàu sang mà còn là tự hào của họ về những người đàn bà, con gái trong gia đình, khéo léo, đảm đang. Không biết tự bao giờ những bộ váy áo, chiếc khăn “piêu”, chiếc thắt lưng được dệt tinh xảo hoa văn màu sắc thêu rực rỡ, luôn là thước đo giá trị của người phụ nữ Thái và cũng chính người phụ nữ Thái là người đảm nhận nghề dệt ở cộng đồng hay nói một cách khác người phụ nữ Thái là chủ nhân những giá trị kinh tế, văn hoá của một nghề thủ công quan trọng trong đời sống tộc người: *Nghề dệt truyền thống*. Chính vì lẽ đó nghề dệt trong xã hội cổ truyền có một vị trí kinh tế không nhỏ, tuy nó là nghề phụ trong sinh hoạt kinh tế gia đình. Nghề dệt trong các gia đình miền núi hay ở trung du là hoàn toàn mang tính tự nhiên, nghĩa là nhà nào có điều kiện thì sắm khung dệt, việc có khung dệt không bị bắt buộc bởi một luật tục nào. Tuy nhiên, việc sắm một khung dệt hầu như mọi nhà người Thái đều có bởi nó là công cụ thiết thực trong đời sống gia đình. Nhất là trong thiết chế xã hội Thái truyền thống nó mang đậm tính công xã nông thôn và trong khung cảnh của nền kinh tế tự cấp tự túc thì nghề dệt càng trở nên thiết yếu, nó đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của cộng đồng. Ở đây ta thấy một điều hiển nhiên là các

sản phẩm dệt của người Thái Tây Bắc được tạo ra nhằm mục đích *sử dụng* chứ hoàn toàn chưa mang giá trị kinh tế hàng hoá một cách phổ biến. Nhưng trong thực tế, dưới góc độ kinh tế, nghề dệt cổ truyền không chỉ đơn giản đáp ứng và thoả mãn nhu cầu sử dụng mà còn có khả năng trở thành hoạt động kinh tế hàng hoá vì sản phẩm dệt có thể mang ra trao đổi trên thị trường. Tuy nhiên do đặc điểm nghề thủ công các dân tộc ở miền núi nước ta nói chung và nghề dệt của người Thái nói riêng chưa đủ mạnh để tách ra khỏi nông nghiệp và tạo nên một sự phân công xã hội với một chất lượng phát triển kinh tế cao. Nghề dệt ở đồng bằng Bắc Bộ tuy đã có bước phát triển hơn, một số làng đã trở thành những làng dệt có tính chuyên nghiệp và bước đầu mang tính chất hàng hoá như làng La Khê, La Cả bán vải the, làng Đại Mỗ bán vải lụa, đũi, cấp, làng Vạn Phúc bán vải gấm, vóc. Nói như vậy không có nghĩa là ở những cư dân, dân tộc miền núi sản phẩm dệt hoàn toàn không diễn ra sự trao đổi mang tính chất hàng hoá.

Lịch sử quá trình trao đổi sản phẩm của nghề dệt vẫn diễn ra và có cả một thời gian rất lâu dài. Đó là sự trao đổi hàng dệt và sản phẩm dệt giữa các nhóm tộc người như Tày - Thái, Malayo Polynêxia với các cư dân Môn - Khơme. Trong thực tế đa số cư dân nhóm Môn - Khơme không biết dệt vải, họ thường mang đồ đan lát bằng mây, tre, nứa để đổi lấy quần áo, váy, khăn của người Thái. Cho đến hôm nay khi lên các vùng Sơn La, Lai Châu, chúng ta không hề ngạc nhiên khi hầu hết người già cả người trung

niên dân tộc Khơ Mú, Xinh Mun đều mặc quần áo giống người Thái, mặc dù họ có ngôn ngữ riêng, phong tục tập quán khác nhiều so với phong tục tập quán của người Thái. Vì đã từ đời ông, đời cha họ luôn luôn đổi các sản phẩm đan lát, sản phẩm nông nghiệp để lấy vải vóc, chăn đệm do người Thái làm. Đây là hình thức trao đổi *vật lấy vật*, một hình thức trao đổi mang hình thức nguyên thuỷ, hoang sơ chứ chưa mang dấu ấn của một thời kỳ kinh tế phát triển cao thể hiện qua cách trao đổi *tiền - hàng*. Từ những năm 1960 trở lại đây tại các vùng dân tộc thiểu số ở miền núi đã có hiện tượng một số dân tộc đã mua vải của các dân tộc khác để may, mặc và cũng đã sử dụng các loại vải công nghiệp do mậu dịch nhà nước đưa lên, và sau những năm 1985 - 1990 là hàng chợ được đưa từ dưới xuôi lên.

Nghề dệt của người Thái ở Tây Bắc Việt Nam vừa phản ánh tính đa dạng phong phú trong loại hình kinh tế - văn hoá vừa phản ánh tính thống nhất ở những thông số chung trên phạm vi quốc gia. Dựa trên những đặc điểm về nghề dệt của các tộc người thiểu số ở Việt Nam được biểu hiện trên những phương diện, góc độ khác nhau, song chúng ta có thể thấy tập trung ở 3 yếu tố cơ bản:

- * Lao động, sáng tạo ra các loại nguyên liệu để dệt vải.
- * Các loại kỹ thuật dệt.
- * Xử lý các sản phẩm dệt thành những đồ dùng, những giá trị văn hoá vật chất đáp ứng nhu cầu sinh sống cho gia đình và cộng đồng.

Trong xã hội hiện đại nhất là từ những năm 2000 trở lại đây nghề dệt của người Thái không chỉ đáp ứng nhu cầu tự cung tự cấp và trở thành hàng hoá ở một số địa phương hoà nhập vào kinh tế thị trường và phát triển du lịch. Để thấy rõ hơn vị trí nghề dệt của người Thái trong xã hội hiện đại chúng ta cũng cần tìm hiểu một số vấn đề sau:

** Nguyên liệu dệt trong nghề thủ công truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam* cụ thể là nghề dệt của người Thái ở Tây Bắc là sản phẩm của nền văn minh nông nghiệp trồng trọt. Những sản phẩm đó được lưu truyền từ đời này qua đời khác trở thành những cây trồng được thuần dưỡng và không thể thiếu được trong cuộc sống của họ như cây bông, lanh, đay, trồng dâu, nuôi tằm, trồng chàm... và nhiều loại cây nguyên liệu khác để phục vụ cho nghề dệt thủ công truyền thống. Quan hệ mật thiết với các loại nguyên liệu dệt là các nguyên liệu làm thuốc nhuộm sợi theo truyền thống. Nó cũng được tạo ra từ các loài thực vật tự trồng trọt hoặc khai thác trong rừng. Có thể nói những dân tộc thiểu số từ Bắc vào Nam chứ không phải chỉ riêng người Thái ở Tây Bắc, từ xa xưa đã biết trồng cũng như khai thác một số chủng loại cây rừng để làm thuốc nhuộm và đã tạo ra được chất liệu bền màu, tươi sắc, rất độc đáo, phù hợp hài hoà với các họa tiết hoa văn của họ.

** Kỹ thuật dệt* cũng là một điểm quyết định giá trị kinh tế của vải dệt, đồng thời kỹ thuật dệt cũng là một trong những thước đo quan trọng trong việc đánh giá trình

độ phát triển của một tộc người. Điểm tập trung nhất để đánh giá kỹ thuật cao hay thấp của một tộc người và trình độ tư duy kỹ thuật thủ công, là ở cấu trúc thiết kế khung dệt và khả năng sử dụng khung dệt vải đó ra sao. Khung dệt vải và hoa văn của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam là một bức tranh đa dạng và trình độ cao thấp cũng rất khác nhau.

* Các cư dân Việt - Mường, Tày - Thái, H'mông - Dao, một bộ phận của cư dân Malayô - Polinêxia (tiêu biểu là người Chăm), đã đạt đến trình độ phát triển khá cao trong kỹ thuật dệt với nhiều loại khung dệt có kết cấu phức tạp cũng như kỹ thuật dệt hoa văn khá tinh xảo. Ở người Mường, người Thái khung dệt hoa văn cũng đạt tới trình độ cao, số lượng go hàng chục chiếc và hoa văn được tạo ra rất đa dạng, phong phú.

Các cư dân khu vực Trường Sơn Tây Nguyên, hầu như chưa có *khung dệt* mà chỉ mới có *dụng cụ để dệt*. Ở nhóm cư dân Môn - Khơme và cư dân Malayô - Polinêxia có kiểu dệt rất giản đơn, khi dệt các sợi dọc một đầu được buộc vào cột nhà hay buộc vào một đòn ngang được đặt giữa 2 bàn chân người dệt, một đầu còn lại của sợi thì buộc vào lưng, vào bụng của người dệt. Sợi dọc được tách ra làm đôi bởi hai thanh tre có tác dụng như cái go và chót. Sợi được cuộn vào một đoạn tre ngắn như một con suốt để đan. Qua miêu tả sơ bộ về dụng cụ dệt của nhóm cư dân Malayô - Polinêxia, chúng ta thấy một điều rõ ràng là trình độ kỹ thuật của họ trong việc dệt vải là rất thấp so với kỹ thuật dệt vải của

người Thái ở Tây Bắc. Điều đó cũng chứng tỏ nghiên cứu sự phát triển nghề dệt của họ dưới góc độ tiến trình phát triển của tộc người. Chúng ta có thể đi tới một nhận định: kỹ thuật dệt của nhóm Tày - Thái, Việt - Mường ở mức độ nào đó đã đạt tới một trình độ phát triển khá cao, với hàng loạt các sản phẩm dệt, với các khổ vải khác nhau, 40 cm, 70 cm, 120 cm. Họ dệt được nhiều loại vải trang trí, vải thổ cẩm, vải khuyt, rèm, mặt chăn, váy, khăn với những hoa văn hình học, động vật, hoa lá, cây cảnh với nhiều phong cách bố cục và sắc màu rực rỡ mang đậm đà tính cách tộc người.

* Các sản phẩm dệt là thành quả lao động, là kết quả của quy trình dệt thủ công của người phụ nữ Thái. Các sản phẩm dệt đó được chế tác thành những vật dụng để phục vụ những nhu cầu sinh hoạt của con người trong gia đình và cả ở ngoài xã hội. Điều đó cũng phần nào nhấn mạnh vị thế đặc biệt quan trọng về nghề dệt của người Thái trong mối quan hệ với xã hội nông nghiệp miền núi Tây Bắc và cả vị thế của nó trong cơ cấu kinh tế của chính xã hội tộc người đó.

Với những sản phẩm gồm hai chủng loại cơ bản: *Vải và các loại thổ cẩm* (các chủng loại vải được dệt hoa văn và màu trang trí). Vải dệt là nguyên liệu dùng để chế tác cắt may trang phục (khăn, mũ, áo, váy, quần...) và sản xuất nhiều đồ dùng bằng vải khác (chăn, đệm, gối, rèm, màn...). Nhiều loại thổ cẩm là các sản phẩm dệt có hoa văn và trang trí nhiều họa tiết và màu sắc. Đó là các loại túi đeo,

thắt lưng, cặp váy, mặt chần, chân váy, khăn, túi, ví... Chính những sản phẩm đó sẽ tạo nên hàng hoá, dù là trong xa xưa của xã hội truyền thống nó chỉ là sự trao đổi đơn giản vật lấy vật thì phải chăng đó là mầm mống sơ khai của mối quan hệ mang tính chất hàng hóa, để các sản phẩm nghề dệt trở thành mối quan hệ mang tính thương mại: *Tiền - Hàng*.

Đó là một thực trạng trong lịch sử, là hệ quả của một hình thái kinh tế khép kín chậm phát triển, chưa có điều kiện tạo ra tiền để cho nghề dệt cũng như các nghề thủ công truyền thống khác trở thành sản phẩm hàng hoá bán buôn trên thị trường. Mặc dù những sự trao đổi trong nội bộ tộc người với các tộc người khác, trong cùng một khu vực cư trú như trường hợp người Khơ Mú, Xinh Mun nhiều đời nay trao đổi hàng mây, tre, sản phẩm nông nghiệp để lấy vải vóc, chăn đệm của người Thái ở vùng Sơn La, Lai Châu là một ví dụ sinh động.

Nghề dệt cổ truyền không chỉ riêng của người Thái ở Tây Bắc mà với nhiều các dân tộc thiểu số khác ở miền núi Việt Nam là những dạng sản phẩm kinh tế có giá trị cao về mặt văn hoá tộc người. Tuy nhiên tiến trình phát triển của các dân tộc thiểu số, nghề dệt đã phải chịu những tác động tất yếu của hoàn cảnh lịch sử, xã hội qua nhiều giai đoạn thăng trầm. Một sự thật lịch sử ở Việt Nam là trước khi có sự phát triển của *nền văn minh nông nghiệp* chúng ta phải ghi nhận vai trò của thủ công nghiệp nói chung và nghề dệt nói riêng trong đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội

như một bộ phận không thể tách rời. Mà ở đó nghề dệt và sản phẩm của nghề dệt luôn luôn mang hai giá trị tiêu biểu: *Giá trị hàng hoá; giá trị văn hoá.*

Trong xã hội cổ truyền cũng như xã hội hiện đại, tương quan của hai giá trị đó luôn chịu sự chi phối và tác động mạnh mẽ của các hình thái kinh tế, xã hội. Ở xã hội cổ truyền, giá trị hàng hoá của nghề dệt trong các dân tộc thiểu số ở Việt Nam không được chú trọng và đặc biệt là không có môi trường kinh tế, xã hội để phát triển, phát huy.

Nền kinh tế tự cung, tự cấp của các tộc người thiểu số ở Việt Nam đã trói buộc các nghề thủ công vốn lẻ tẻ, manh mún. Trong đó nghề dệt đã làm cho các nghề này không thể có cơ phát triển và tách thành những cơ sở sản xuất mang tính chuyên biệt. Tình trạng đó kéo dài ở Việt Nam cho đến trước và sau khi có chính sách đổi mới 1986. Trước năm 1986 và thậm chí sau năm đó, nền văn minh công nghiệp đã có tác động một cách khá rõ rệt vào vùng đồng bào các dân tộc thiểu số. Trong chính sách của kinh tế thị trường, nhiều vùng có các khu du lịch xuất hiện đã tạo cơ hội cho nghề dệt truyền thống của một số các dân tộc có điều kiện sống dậy và phát triển. Sản phẩm dệt đã trở thành hàng hoá có giá trị và nghề dệt truyền thống có cơ hội trở thành một bộ phận của nền kinh tế hàng hoá.

Tuy nhiên, hơn 15 năm qua, trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường, nghề dệt truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam đã chịu những tác động lớn có những vùng mà đến đó ta tưởng chừng như bóng dáng của nghề

dệt truyền thống không còn, bởi mọi nhu cầu của quần áo đều do hàng mậu dịch bán sẵn, hàng dưới xuôi đưa lên, chỉ còn thấy những người già còn mặc váy, áo truyền thống, thanh niên nam, nữ mặc quần áo như thanh niên ở nông thôn vùng đồng bằng vậy. Trước tình hình đó nhiều khi chúng ta tự hỏi nghề dệt của các dân tộc thiểu số sẽ tồn tại như thế nào? Sản phẩm dệt còn cần thiết đối với đồng bào dân tộc hay không? Tình hình đó diễn ra phải chăng vì:

Do sức ép tăng nhanh về dân số trong cộng đồng, một số dân tộc với những quan niệm, những nhu cầu mới của lớp trẻ về cách mặc đẹp. Đồng thời do ảnh hưởng mạnh của công nghiệp dệt với sản phẩm đẹp, rẻ, tiện lợi trong sinh hoạt, tạo nên sức hút tự nhiên đối với lớp trẻ, khiến họ xa dần với các sản phẩm dệt của dân tộc mình và cũng xa rời dần với vải truyền thống của ông cha để lại. Tuy nhiên, một thực tế là vẫn tồn tại nghề dệt thủ công trong một số tộc người, như trường hợp người Thái ở Tây Bắc là một ví dụ. Mặc dù lớp thanh niên trẻ có sử dụng hàng dệt công nghiệp, áo sơ mi, quần âu. Song chiếc váy Thái, áo *cóm* khuy bạc, khăn *piêu* vẫn là những bộ trang phục đẹp nhất được họ sử dụng với tất cả tình cảm trân trọng trong các buổi đi chơi, đi chợ và đi lễ hội, đám cưới, đám tang vẫn sử dụng rất nhiều sản phẩm vải tự dệt. Tuy nhiên, sự biến đổi trong sản phẩm dệt khá mạnh mẽ, đó là việc sử dụng sợi mậu dịch trong khâu dệt, vải dệt từ sợi bông đã ít dần và dệt tơ tằm lại càng hiếm hơn, cùng với việc sử dụng sợi sẵn của hàng mậu dịch hoặc do tư nhân mang lên bán,

họ cũng giảm đi rất nhiều việc nhuộm chàm, nhuộm bằng củ, lá cây. Trong cuộc phỏng vấn tại Yên Châu (Sơn La) và ở cả Mai Châu (Hoà Bình) năm 2000 kết quả cho thấy, tới 99% chị em làm nghề dệt cho rằng hàng công nghiệp đẹp, tiện lợi và rẻ hơn hàng tự dệt, tự may, nhất là công để tự làm ra nó lại mất nhiều hơn. Họ ưa chuộng và chấp nhận một cách tự nhiên sợi công nghiệp và quần áo công nghiệp vào cuộc sống của họ. Nhưng với người Thái Tây Bắc, dưới mái nhà sàn của họ, chiếc khung cửi chưa bao giờ vắng bóng, các gia đình vẫn duy trì dệt vải và may áo, váy, khăn piêu, làm mặt phà, chăn và đệm. Bởi lẽ nghề dệt theo quan niệm đạo đức của xã hội Thái vẫn là cái thước đo giá trị của người con gái Thái. Biết dệt giỏi, thêu khăn "piêu" giỏi là cô gái đảm đang và nét na. Bởi lẽ trong đám cưới của cô gái Thái bộ váy áo dân tộc mình vẫn là đẹp nhất quý giá nhất của cô dâu, và những đồ mừng có giá trị vẫn là tấm mặt phà kỳ công tinh xảo. Rồi trong đám ma thì vải dệt, áo tang vẫn cần dùng rất nhiều trong tang lễ. Đó như là một nhu cầu tự thân của cộng đồng, chính vì vậy nghề dệt của người Thái Tây Bắc, ở Yên Châu (Sơn La) ở Mai Châu (Hoà Bình) dù có biến đổi nhiều trong cơ chế thị trường nhưng vẫn tồn tại và đang ở xu thế phát triển, đã và đang trở thành một mặt hàng có giá trị trong kinh tế thương mại ở các địa phương nói trên. Điều đó cũng khẳng định: Trong cuộc sống hiện đại với xu thế mở của kinh tế thị trường đã không làm mất đi hoàn toàn những giá trị văn hoá truyền thống của nghề dệt như một giá trị văn hoá đặc sắc của cộng đồng đã được sáng tạo ra

và tồn tại lâu đời trong đời sống của từng gia đình, từng dòng họ. Và thực tế là trong cơ chế kinh tế thị trường nghề dệt ở Yên Châu (Sơn La), Mai Châu (Hoà Bình) đang sống dậy và góp phần giúp người dân xoá đói, giảm nghèo tăng thu nhập kinh tế hộ gia đình.

Một điều rất lý thú là trong những năm cuối thế kỷ XX này ở vùng Tây Bắc Việt Nam, người Thái với nghề dệt thủ công ngàn đời của mình đã tạo ra một sự hoà nhập đầy sáng tạo giữa cái riêng của nghề dệt cổ truyền và cái mới của văn minh công nghiệp trên cơ sở bản sắc văn hoá của tộc người mình. Đó là việc họ đã biết kết hợp các nguyên liệu dệt công nghiệp và nguyên liệu dệt thủ công vào các bộ phận của trang phục cũng như sự lựa chọn những màu sắc phù hợp với quan niệm thẩm mỹ của cộng đồng để cắt may trang phục cũng như dùng nguyên liệu công nghiệp để cắt may, trang trí trang phục theo phong cách cổ truyền. Những ngày hè năm 2000 đến Yên Châu (Sơn La) và Mai Châu (Hoà Bình) chúng tôi thường gặp những cô gái Thái mặc *xỉn* (váy) bằng vải tuyết nhung đen, lụa đen. Áo *cóm* thay bằng áo sơ mi vải bông, áo có kim tuyến, và áo *cóm* thay bằng vải lụa (sít - sợi pha nilông) nhưng vẫn có hàng khuy bạc long lanh. Chiếc khăn *piêu* thì không thể nào thay thế, nó như là bằng chứng cho một nét văn hoá Thái trường tồn muôn thuở vậy.

Ở cửa hàng trong các chợ, váy Thái được bán rất nhiều, bên cạnh những loại bằng vải lụa, vải nhung, vải

mọi loại được dệt bằng sợi bông dây dạn và giá đắt hơn hẳn những chiếc khác.

Ở Yên Châu (Sơn La) và Mai Châu (Hoà Bình) có một thực tại rất đáng mừng là bên cạnh việc tồn tại nghề dệt của người Thái như một nhu cầu tự thân của cộng đồng dân tộc, thì đây cũng là những địa phương sớm xuất hiện một số tổ chức du lịch văn hoá, tổ chức phi chính phủ. Đây là những chiếc cầu nối cho phép nghề dệt có thể đến với thị trường bằng con đường nhanh nhất. Trong khung cảnh của xã hội Việt Nam đang tiến lên công nghiệp hoá hiện đại hoá, ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đang bước vào chiến lược tăng tốc quốc gia để nhanh chóng hội nhập vào thị trường kinh tế thế giới và khu vực. Chúng ta hoàn toàn có thể tin tưởng hy vọng vào sự tác động của nó tới nghề dệt truyền thống của từng vùng ở Việt Nam đang ở trong xu thế hồi sinh, phát triển, trong đó có nghề dệt truyền thống đầy tiềm năng của người Thái ở Tây Bắc.

Trước khi đi sâu vào sự phát huy hiệu quả kinh tế của nghề dệt truyền thống của người Thái ở Tây Bắc trong cơ chế thị trường và khung cảnh xã hội hiện đại tại hai khu vực cụ thể là Mai Châu (Hoà Bình) và Yên Châu (Sơn La), chúng ta cần biết vị trí rất đặc biệt của nghề dệt cổ truyền của người Thái Tây Bắc trong đời sống văn hoá, xã hội. Nó khẳng định nghề dệt của người Thái từ truyền thống đến hiện đại đã đóng góp một dạng thức văn hoá tộc người khá tiêu biểu vào kho tàng di sản văn hoá của dân tộc Việt Nam. Hơn nữa trong khung cảnh của kinh tế thị trường và

phát triển du lịch ở miền núi Tây Bắc Việt Nam mà cụ thể là Yên Châu (Sơn La) và Mai Châu (Hoà Bình). Vị trí của nghề dệt trong đời sống văn hoá xã hội vẫn tồn tại bền vững. Nó được thể hiện qua hàng loạt hoạt động của cộng đồng như các nghi lễ trong đám cưới, đám tang, trong lễ hội. Tất cả những giá trị đó được lưu truyền tới ngày nay là nhờ ở bàn tay khéo léo và chăm chỉ của người phụ nữ Thái. Không chỉ có thế - chính họ là người duy trì sự trường tồn của nghề dệt truyền thống. Họ là những người bà, người mẹ, người chị đã bền bỉ dạy nghề cho các cô bé Thái từ khi họ chỉ mới 8, 9 tuổi. Đó là một tập quán thật tốt đẹp của người Thái ở Tây Bắc.

1.5 . Nghề dệt trong đời sống văn hoá - xã hội

+ Trong lễ hội:

Người Thái có những bộ trang phục dành riêng cho lễ tết. Điều này thể hiện nếp sống văn hoá cao của tộc người Thái, và cũng thấy rõ hơn mối quan hệ bền chặt của nghề dệt với cuộc sống của cộng đồng. Ngày thường người Thái có những bộ trang phục giản dị, ít thêu hoa văn, kể cả áo *cóm* lẫn khăn *piêu* và cách đội khăn cũng khác cách đội ngày lễ hội, hay thắt lưng cũng đơn giản hơn.

Trong ngày lễ hội trang phục Thái cũng có các loại khác nhau, tùy theo ý nghĩa của ngày hội đó. Ở Yên Châu (Sơn La) trong ngày lễ hội lớn như *xên bản* là cúng bản; *xên mừng* là cúng mừng. Đây là những ngày hội lớn của cả cộng đồng, trong ngày này ta thấy nam giới người Thái

Đen thường mặc áo dài *xửa luông* hay *xửa chai hy*. Phụ nữ cũng mặc áo dài *xửa nhinh hy* hay *xửa luông*. Áo ngày hội của người Thái thường là màu đen, phía trong cổ áo dài được đắp vải màu đỏ, nâu, vàng, gấu áo phía trong được đắp vải *khuyt*. Áo dài của phụ nữ mặc ngày hội là loại áo liền váy, dài sát gót, áo được xẻ ở ngực khoét cổ chui đầu vào khi mặc áo, còn áo dài nam thì xẻ nách.

Áo ngày hội của phụ nữ Thái Trắng vùng Sơn La, Lai Châu là áo dài màu đen hoặc chàm sẫm. Cổ áo dài được ghép nhiều hình hoa văn và thêu cầu kỳ. Xung quanh cổ áo lại có những băng vải nhỏ thêu hoa văn đa dạng từ hai vai rủ xuống ngực. Đầu đội chiếc khăn quấn phủ xuống gáy.

Trong điệu *múa khăn*, *múa nón*, *múa xoè* nổi tiếng của người Thái, cô gái Thái dường như xinh đẹp duyên dáng hơn trong bộ trang phục nổi bật của chiếc *xửa cóm* sát eo người, bộ cúc bạc long lanh, chiếc khăn bằng vải dài nhiều màu. Bộ trang phục Thái như được sinh ra từ những điệu xoè tuyệt diệu của cô gái Thái trong những đêm hội tung bừng của núi rừng Tây Bắc. Nó ấn tượng đến nỗi khi nói đến lễ hội Thái ta không thể hình dung được nếu thiếu đi những bộ trang phục của phụ nữ Thái rất uyển chuyển thướt tha đó.

+ Những sản phẩm dệt gắn bó thân thiết với cuộc đời người Thái từ trẻ tới già. Ngay cả trong cuộc sống lứa đôi, tình cảm đó cũng đã đi vào dân ca của người Thái Tây Bắc:

*Đã yêu quyết chung áo,
Đã thương quyết chung chăn.*

Hay:

*Nhớ em như ống chỉ thắm
Chỉ thắm quần khăn hoa không dột
Chỉ đỏ quần khăn đào không dờ.*

Hình tượng khăn áo cũng được dân ca Thái mượn để
dặn nhau lòng chung thủy:

*Lời anh ngỏ em gói khăn đào
Tình em trao hây buộc vào khăn lụa
Bọc khăn lụa cho tình vàng đỏ
Gói khăn đào cho thành sắt son.*

Khăn *piêu* ở vùng Yên Châu (Sơn La) trở thành vật giao lưu tình cảm của cô gái, chàng trai người Thái. Khi đã bằng lòng yêu nhau cô gái tặng khăn *piêu*. Ngày hội (*ném còn*) rất đặc trưng ở vùng này cũng là ngày của tình yêu. Cô gái đi hội mang theo vài chiếc khăn *piêu*, không bắt được *còn*, bị thua phải mang khăn *piêu* ra tặng. Khăn *piêu* là vật ước hẹn tình yêu đôi lứa, nếu không còn yêu nhau, chàng trai trả lại *piêu* cùng với vài sợi vải, ít tiền. Cô gái không còn yêu nữa thì phải đem một vật kỷ niệm nào đó đến đưa cho chàng trai và xin lại khăn *piêu* của mình.

Thật là cảm động và độc đáo, dân ca Thái còn mượn cả hình ảnh của công đoạn dệt vải, nhuộm vải để diễn tả nỗi niềm chia ly của mình khi không lấy được người mình yêu.

Điều đó cũng đủ thấy nghề dệt truyền thống của người Thái đã gắn bó với đời sống tộc người này như thế nào:

*Ta yêu nhau cho kẻ khác lấy
Lòng rồi như guồng rồi
Lòng chát như nước tro
Đau xót như hoà cánh kiến hoà vôi
Tiếc hối như pha nước chàm quá mặn.*
(Dân ca)

+ Trong đám cưới:

Đám cưới là mốc quan trọng trong cuộc đời của một con người. Nó là dấu ấn về sự trưởng thành của người thanh niên Thái. Đám cưới của người Thái cũng là một sự kiện vui vẻ, quan trọng của cả bản. Theo phong tục truyền thống của người Thái, đám cưới của các chàng trai, cô gái Thái được diễn ra 2 lần. Lần một cưới bên nhà gái, người con trai sẽ về bên nhà gái để ở rể, có thể ở rể tới 3 năm. Đám cưới lần hai diễn ra bên nhà trai, lúc đó mới đón dâu về. Bộ quần áo của cô dâu, chú rể là bộ quần áo mới nhất, đẹp nhất. Trong ngày cưới, cô dâu mặc chiếc *xửa cóm* màu chàm (nếu là người Thái Đen) còn với người Thái Trắng chiếc *xửa cóm* sẽ là màu trắng. Chiếc *xỉn* (váy) mới, *xài eo* (thắt lưng) mới. Để có được bộ váy áo thắt lưng, khăn *piêu* đẹp trong ngày cưới, cô dâu phải mất rất nhiều công sức để dệt và thêu, với tất cả tài nghệ khéo léo với tất cả tình cảm của mình. Khác với những ngày lễ hội khác trong năm, hôm đó cô dâu khoác chiếc *xửa chai* áo dài hay *xửa luông*

áo lớn. Cô gái Thái chỉ chuẩn bị tư trang áo dài này cho mình khi hai bên gia đình đã chắc chắn ưng thuận lo việc đám cưới cho hai trẻ. Do đó chiếc áo *xửa chai* còn là biểu tượng thiêng liêng, là chiếc áo đại lễ của cô gái Thái trong ngày cưới của mình. Ngày khởi công may áo *xửa chai* cũng được coi là rất hệ trọng, người Thái phải chọn một ngày tốt (theo quan niệm dân gian của mình). *Xửa chai* được làm bằng vải màu chàm. Áo *xửa chai* cấu tạo hơi giống áo dài của người Việt, eo rất hẹp, dưới eo *xửa chai* xoè xuống gấu phía trong, gấu áo được viền vải đỏ, hoặc vải *khít*. *Xửa chai* còn được trang trí bởi những quả chỉ giống áo nam giới gọi là *mák may*, ở hai bên của tà áo trước và sau mỗi bên được làm 3 quả chỉ với màu xanh, đỏ, vàng *xửa chai* hay *xửa luông* may xong, áo sẽ được mặc lần đầu tiên vào ngày cưới của mình, sau ngày cưới áo sẽ được cất cẩn thận và áo sẽ được dùng vào ngày lễ tết và mặc trong đám tang của bố, mẹ chồng.

Trong đám cưới của người Thái Yên Châu (Sơn La) lễ *tằng cầu* (búi tóc) có một ý nghĩa rất đặc biệt, là sự kiện quy định một cô gái đã có chồng, lúc chưa lấy chồng cô gái Thái Đen búi tóc đằng sau gáy *khót phôm*, khi lấy chồng lễ *Tằng cầu* sẽ búi tóc cô gái lên đỉnh đầu hơi nghiêng về phía bên trái. Người Thái còn có một phong tục đẹp, giàu tính nhân văn trong buổi lễ *tằng cầu* này đó là việc họ ngâm chiếc trâm bạc là *quà của mẹ chồng* vào nước vo gạo và lá dầu, rồi lấy chiếc trâm bạc đó búi tóc cho cô gái trong buổi lễ *tằng cầu*, việc làm thật giản dị với ý nghĩa thật sâu sắc, mong cho cô gái trở thành người vợ tài đảm lo đủ cái

ăn, cái mặc cho cả gia đình. Phong tục này cũng cho ta thấy mối quan hệ mật thiết và trân trọng của con người với cây lúa và cây dâu - với nghề dệt vải từ ngàn đời, mãi mãi còn mang ý nghĩa tốt đẹp sâu sắc trong các sự kiện quan trọng của đời người.

Trong ngày cưới cô dâu dùng tới 2 chiếc khăn *piêu* mới nhất, đẹp nhất. Họ hàng và bạn bè tới dự đám cưới cũng đội những chiếc khăn *piêu* đẹp nhất, quà mừng đám cưới là những chiếc *mặt phà*, những sợi vải. Cô dâu có những món quà đặc biệt để tặng bố mẹ chồng đó là chiếc *xửa hiếu* - áo hiếu để tỏ lòng hiếu thảo của mình. Chiếc áo *xửa hiếu* được làm bằng vải đỏ, xẻ ngực, mép và gấu áo viền vải khác nhau, chiếc áo này được các cô gái dệt may kỳ công từ trước ngày cưới của mình. Chiếc áo *xửa hiếu* cô dâu tặng bố, mẹ chồng là chiếc áo sẽ được treo ở nhà mỗi khi họ qua đời với ý nghĩa họ sẽ mặc *xửa hiếu* để lên Mường then - Mường trời. Món quà thứ hai mà cô dâu không thể thiếu để tặng mọi người trong họ hàng nhà trai ở đám cưới của mình là những chiếc khăn *piêu* do chính tay cô đã chăm chút làm nên:

Cút xam nương me pa

Cút hỏ nương me túa

(Piêu bốn cút để dành tặng bà bác

Piêu năm cút để dành tặng thím).

Cô dâu còn tặng những người thân thiết bên nhà trai loại khăn tay trắng có thêu hình hoa văn và loại khăn tay

chỉ dài bằng nửa chiếc khăn *piêu*, màu chàm, ngoài ra còn có loại khăn hình vuông để tặng các cô, các cậu là họ hàng bên nhà chồng. Việc tặng những chiếc khăn đó vừa mang ý nghĩa bày tỏ tình cảm hiếu thuận yêu kính của người dưới đối với người trên, vừa mang ý nghĩa ra mắt của cô dâu mới về xin được nhận làm con cháu trong gia đình, dòng họ. Vậy là, chiếc khăn vải, thêu hoa tự tay cô gái miệt mài chăm chỉ thêu thùa đã trở thành sứ giả của cô trong đám cưới, thay mặt cô đến với họ hàng cô, dì, chú bác, cha mẹ bên nhà chồng. Một việc làm thấm đượm ơn nghĩa và lắng sâu tính nhân bản mà người Thái bao đời nay đã gửi gắm nó qua từng sợi khăn vuông vải thổ cẩm tự mình làm ra - âu cũng là một phong tục đẹp đẽ trong bản sắc văn hoá Thái góp với đời.

Trang phục là một yếu tố thiết thực trong đời sống của con người. Trang phục không chỉ tồn tại dưới dạng vật chất cụ thể trong đời sống hàng ngày mà trang phục còn in đậm dấu ấn của nó với đời sống tư tưởng, tình cảm, trong những giá trị tinh thần của người Thái. Rõ ràng trang phục là một thành tố văn hoá không thể thiếu được như chính cuộc đời đang tồn tại hôm nay. Ở phần trên chúng tôi cũng đã có đôi chỗ nói đến điểm khác nhau giữa trang phục Thái Trắng và Thái Đen.

Thái Đen (Tày dăm): phân bố chủ yếu ở các huyện Yên Châu (Sơn La), Thuận Châu, Than Uyên (chủ yếu ở cánh đồng Mường Thanh), Điện Biên, Tuần Giáo. Trong hai tỉnh Sơn La, Lai Châu. Trang phục Thái Đen thường mặc áo *cóm* chàm đen, chít khăn đen, áo cổ đứng.

Thái Trắng: mặc áo *cóm* trắng, áo cổ thìa đều có hàng khuy bướm bạc.

Họ đều mặc *xỉn* (váy) giống nhau. Còn trang phục của phụ nữ Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) thì áo *cóm* trắng, không có khuy bướm bạc, chít khăn trắng, cạp váy dệt hoa văn cầu kỳ giống cạp váy phụ nữ Mường.

Quần áo của nam giới giữa hai ngành Thái Trắng và Thái Đen cơ bản là giống nhau.

+ Trong đám tang:

Người Thái quan niệm chết tức là về *Mường ma* và lên *Mường Then* (Mường trời). Đám tang là biểu hiện nếp sống văn hoá của mỗi tộc người. Nó biểu hiện những tập quán truyền thống, của nhận thức về cái chết sự sống và các mối quan hệ trong dòng họ, xã hội của những người sống đối với người chết. Qua đám tang hàng loạt những yếu tố văn hoá được biểu hiện, rõ nét nhất ở trang phục trong đám tang. Điều đó cũng được phản nào biểu hiện trong tang lễ của dân tộc Thái. Trong đám tang số lượng vải được sử dụng rất nhiều và các sản phẩm làm từ vải để phục vụ tang lễ lại càng đa dạng. Chuẩn bị cho tang lễ, người chết được tắm rửa sạch sẽ và mặc bộ quần áo mới, nằm trên chiếc đệm mà ngày thường người đó vẫn nằm vải trắng phủ lên toàn thân. Trước khi đặt thi hài vào trong áo quan để liệm, người Thái phủ lên mặt người chết chiếc khăn *piêu* gọi là *piêu póc nả*, đó là chiếc khăn mới, người chết là nữ giới còn đội thêm một chiếc khăn *piêu* lên đầu và mặc thêm áo dài *xửa chái*, nam giới thì mặc áo dài *xửa hi*. Khi

bố mẹ chồng chết, người con dâu phải mặc áo tang *xửa cóm* màu trắng, là loại áo không có hàng cúc bạc *mák pém* mà chỉ dùng các sợi vải để buộc lại. *Piêu* dùng trong tang lễ là bằng vải trắng không thêu hoa văn, áo không dựng cổ, không khâu gấu. Nếu là con dâu cả, khi bố mẹ chồng chết phải mặc áo dài màu chàm đen và lại đội khăn *piêu* đen như ngày thường, với ý nghĩa để hầu bố mẹ theo quan niệm truyền thống người Thái cho rằng lúc đó người con dâu mới thực sự làm dâu. Chiếc áo màu đỏ bố chồng mặc khi chết là chiếc áo con dâu cả tặng ông nhân ngày cưới của cô gọi là *xửa hi*. *Xửa hi* còn là loại áo cát may cho người đàn ông đứng tuổi, chiếc áo này hoặc do con dâu cả may tặng, hoặc áo do chính vợ may tặng chồng chứ không bao giờ con gái may áo *xửa hi* cho cha mình. *Xửa hi* đôi khi còn được dùng trong ngày lễ hội.

Trong tang lễ người Thái Đen ở Yên Châu (Sơn La) còn sử dụng áo *xửa hiếu luông*. Đây là áo của con dâu cả tặng bố mẹ chồng khi về làm dâu, là loại áo đại tang của con dâu. Khi bố mẹ chồng qua đời và con dâu cả sẽ mặc áo này khi *làm cơm* cúng ma bố, mẹ chồng. *Xửa hiếu luông* dài, thụng, kẻ nhiều sọc ngũ sắc, áo được xẻ nách, cúc bằng dải vải màu. Áo *xửa hiếu luông* cô dâu phải may trước khi về nhà chồng. Cô dâu sẽ có hai áo này vì sẽ làm ma cúng ma cho bố, mẹ chồng khi chết và treo áo này tại nhà mồ. Nếu bà mẹ có bao nhiêu con dâu thì khi chết sẽ có bấy nhiêu *xửa hiếu luông*. Áo này còn gọi là *xửa hiếu luông* dăm vì áo thường màu đen hoặc màu chàm. Người Thái Đen đặc biệt coi trọng tục lệ này, khi chết mà chưa có

con dâu mặc *xửa hiếu lương* thì đó là nỗi buồn tủi nhất của họ, theo quan niệm tâm linh của người Thái nếu có con dâu mặc *xửa hiếu lương* thì họ sẽ được quý trọng ở nơi *Mường then*.

Còn một loại áo tang nữa của người Thái và do các cô con dâu thứ làm là *xửa nhinh*, đặc biệt vùng Thái Đen Yên Châu hay dùng trong tang lễ và được treo ở nhà mồ cho hồn trú ngụ trước khi lên *Mường then*. *Xửa nhinh* được ghép nhiều vải màu, ống tay thẳng cổ khoét rộng.

Người Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) lại cũng có những quy định riêng cho trang phục của phụ nữ trong đám tang. Các cô gái chưa chồng thường mặc đồ trắng khi đi đưa ma, gấu áo để sổ. Riêng đối với con dâu khi bố mẹ chồng chết, con dâu mặc áo ngắn bên trong và khoác áo dài màu đỏ bên ngoài. Đây là loại áo màu đỏ dài chấm gót chân, nửa phía dưới có dệt hoa văn *xửa tin xéo*. Áo dài này cộc tay, cổ trong viền đen, cổ áo và nếp áo liền nhau, xẻ ngực, không có cúc. Những ngày tang lễ, phụ nữ Thái mặc váy đen, không đeo đồ trang sức. Áo tang dài màu đỏ của người Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) thì lại chỉ mặc khi thầy cúng đến làm lễ gọi hồn hay mời người chết ăn và khi đưa người chết đi chôn cất. Sau đám tang áo này được cất đi.

Đối với nam giới người Thái trong đám tang thường mặc áo chùng rất đơn giản. Áo là một tấm vải được khâu ghép sườn, can tay và khoét cổ rộng, áo sổ gấu. Nam giới để tang đội *khăn pan* trắng quấn quanh đầu và thả sau gáy.

Người Thái ở Yên Châu (Sơn La) trong thờ cúng tổ tiên cũng dùng nhiều vải vóc. Trong ngày cúng giỗ họ đặt trước bàn thờ một cái rổ lớn trong đó đặt rất nhiều vải, đủ các loại như vải trắng, vải chàm. Dưới lớp vải là vòng bạc, tiền, quần áo, váy của mọi người trong gia đình, mỗi người đặt một bộ, trên cùng phủ một lớp gồm rất nhiều chiếc *khăn piêu*.

Đặc biệt là ở những buổi lễ cầu cúng *Ma rừng*, *Phi đồng* để chữa bệnh cho người ốm. Đồ lễ gồm nhiều thứ, nhưng cái quan trọng nhất là phải có áo của người bị ốm, gồm:

- Áo con
- Vòng tay
- Xà tích (bằng tre, nứa)
- Muối rải vải trắng
- Một đến ba *lót phải*
- Chín vòng vía bằng sợi vải

Các bước cầu cúng trong buổi lễ gồm nhiều việc song đáng chú ý là: thầy mo dùng lưỡi kiếm xọc vào chiếc áo con của người ốm, với ngụ ý là đuổi ma đi và gọi hồn người ốm trở lại và đưa áo đó cho người ốm mặc vào để hồn vía trở lại với họ. Vải trắng, đồ trang sức và tiền là để mang hồn lại cho người ốm. Khi thầy mo làm lễ xong, những người đàn bà trong gia đình sẽ cầm các vòng vía buộc vào cổ tay người ốm nhằm giữ vía lại.

Những chiếc khăn áo của thầy mo cũng rất đặc biệt, ở Sơn La vùng người Thái Đen thì thầy mo thường thắt một chiếc khăn đỏ dài như *khăn trọc* trên đầu, che kín mặt, lưng cũng thắt một chiếc đai bằng vải đỏ. Trên nền đỏ của chiếc khăn phủ đầu và đai lưng là những hình hoa văn động vật, hoa lá (như chim, thuồng luồng, hoa ban, hoa cúc). Các họa tiết trên khăn và đai lưng được ghép vải màu. Khi làm lễ thầy mo đặt chiếc áo của người ốm lên một chiếc mâm và đọc thần chú để đuổi ma đi.

Ở Yên Châu (Sơn La) thầy cúng thường là các bà mo *Me mốt*, áo, váy vẫn như của người thường, duy chỉ có chiếc khăn đội đầu là khá đặc biệt. Khăn được ghép bởi bốn mảnh vải màu sắc sỡ chạy dọc khăn, đuôi khăn có hình răng cưa, giữa khăn có một đoạn vải khít. Trên khăn có đính kim tuyến và các tua vải sợi nhiều màu.

Trong quan niệm truyền thống của người Thái, khi sống trồng bông, dệt vải thì khi chết đi cũng không xa rời cây bông và khung dệt vải. Do đó ở nhà mồ người phụ nữ Thái người ta có phong tục treo những giỏ đựng sợi, chỉ khâu, mảnh vải vụn đặt cả chân, đệm để trong các *ốp* đựng đồ (loại bồ nhỏ đan bằng tre, nứa).

+ Sự phân công lao động trong nghề dệt truyền thống được hình thành rất sớm khá rõ nét. Tục ngữ Thái có câu:

Đàn bà dệt vải - Đàn ông đan chài.

Như vậy từ ngàn xưa dệt vải đã trở thành chức năng xã hội mà cộng đồng đã giao cho người phụ nữ Thái. Công

việc dệt vải, lo cái mặc cho gia đình không chỉ là chức năng mà còn là lo ấm êm cho chồng con, cha mẹ.

Sự phân công lao động cũng thật khắt khe, người phụ nữ không chỉ cùng chồng lo cái ăn cho bếp lửa nhà sàn mà hầu như phải một mình lo cái mặc cho mọi thành viên trong gia đình. Có lẽ chỉ làm khung cửi thường do nam giới đảm nhận. Mọi quy trình khác như trồng bông, chế biến sợi bông, hồ sợi, dệt vải, thêu khăn, chế tác quần áo, chăn, đệm, gối từ đến thành phẩm vải đều do bàn tay chăm chỉ chuyên cần và sự khéo léo của người phụ nữ Thái làm ra. Hầu như ngày làm việc của các mẹ, các chị là từ sáng sớm tới đêm khuya. Để có được lượng vải rất lớn dùng cho cả gia đình, người phụ nữ Thái phải rất tranh thủ thời gian trong từng ngày của mình. Đến vùng Yên Châu (Sơn La) hay Mai Châu (Hoà Bình) hầu như gia đình người Thái nào cũng có khung dệt vải và khung nào cũng đang giăng sợi, cùng những cuộn vải đang dệt dở, nghĩa là có chút thời gian rảnh rỗi là các chị đã ngồi làm việc, sáng sớm hay đêm khuya ở bản Thái luôn nghe thấy tiếng lách cách của khung dệt vải.

Người phụ nữ Thái cũng chính là người thầy dạy nghề cho con gái mình để nghề dệt từ thế hệ này qua thế hệ khác vẫn trường tồn cùng thời gian. Cô bé Thái đến với khung cửi tự nhiên như cây bông lớn lên nhờ đất vậy. Lúc 6, 7 tuổi các cô đã bắt đầu làm quen với công việc dệt vải, để rồi gắn bó với nó suốt cả cuộc đời, bài học đầu tiên là lúc các bé gái theo mẹ, theo chị đi hái bông, phơi bông, cán

bông, rồi tập rút sợi, quay xa, tập dệt vải. Các cô bé được bà, mẹ dạy cho từ dễ đến khó trong các công đoạn dệt, từ cách mắc sợi, hồ sợi, rồi đánh ống, xe chỉ để lớn lên cô có thể làm được giỏi giang như bạn bè:

Sắp tay thành hoa

Ngửa tay thành tấm.

Theo phong tục cổ truyền của người Thái khi trẻ mới sinh ra, ông bố đã làm cho cô bé một *co chót*. Đó là đồ chơi cho bé gái gồm hai giỏ một quạt, một cung bặt bông, một túi đựng vải- phong tục tốt đẹp này như gửi gắm vào cô bé một hy vọng rằng sau này lớn lên cô sẽ là cô gái giỏi dệt vải, quay xa. Khi lên 6, 7 tuổi bé gái đã làm quen với cây bông, sợi vải thì tới tuổi 11, 12 cô bé đã được mẹ, chị dạy cho việc thêu thùa, việc làm *cút thêu piêu*. Dần dần các cô đã biết thêu theo những mẫu nhất định như đường thẳng hay mẫu hoa đơn giản, và qua từng ngày các cô sẽ phải biết thêu những bố cục hoa văn khó hơn. Được sự chỉ dẫn của bà, của mẹ, của chị việc học dệt vải, thêu khăn trở thành một tập quán truyền thống của xã hội Thái. Bởi dệt vải giỏi, thêu khăn đẹp là tiêu chuẩn, là thước đo của cộng đồng về một cô gái tài đảm, nét na.

Việc truyền nghề dệt cho con gái cũng vì thế mà trở thành một biểu hiện tốt đẹp của tộc người mà chủ nhân của việc truyền nghề này là người phụ nữ Thái. Họ vừa là người lao động chính trong việc dệt vải, chế tác các sản phẩm phục vụ nhu cầu cuộc sống mà họ còn là người thầy giỏi truyền nghề cho các thế hệ sau. Ở góc độ này chúng ta

càng thấy đáng quý trọng, ngợi ca vị trí của người phụ nữ Thái trong đời sống cộng đồng. Chính họ đã tạo ra một dạng thức văn hoá Thái đậm đà bản sắc dân tộc và chính họ đã góp phần tôn tạo và phát huy nó để nghề dệt truyền thống mãi mãi sống cùng sự phát triển bền vững của văn hoá Thái, đóng góp một vị trí trang trọng và tươi đẹp trong vườn hoa muôn màu muôn sắc của di sản văn hoá các dân tộc Việt Nam.

Sự phân công lao động trong nghề dệt rất rõ ràng và việc truyền nghề trong mỗi gia đình người Thái được thể hiện không chỉ ở Yên Châu (Sơn La) hay Mai Châu (Hoà Bình) mà nó trở thành một phong tục truyền thống trong tất cả các nhóm Thái ở Việt Nam. Nó không chỉ là nét văn hoá Thái độc đáo mà còn là sự thể hiện trình độ phát triển văn hoá của một tộc người rất giàu tính nhân văn, đậm đà sắc thái dân gian. Chính nhờ lẽ đó mà nghề dệt của người Thái từ ngàn xưa tới nay đã sớm mang tính xã hội hoá cao. Sản phẩm dệt không chỉ góp mặt trong đời sống thường nhật, mà còn cả trong cuộc sống tâm linh, trong lễ hội tung bừng hay vào những dịp thờ cúng tôn kính của từng gia đình, dòng họ.

Cũng vì thế mà nghề dệt đã trở thành một thành tố quan trọng trong văn hoá Thái. Nghề dệt không chỉ tồn tại trong cộng đồng dân tộc, mà trong quá trình phát triển nó đã có những mối quan hệ với các tộc người cùng cư trú trong khu vực địa lý của mình. Ở đây bước đầu chúng tôi muốn tìm hiểu về mối quan hệ đó.

1.6. Sự giao lưu văn hoá qua sản phẩm của nghề dệt truyền thống

Do đặc điểm của môi trường cảnh quan, các dân tộc sống ở miền núi Tây Bắc nước ta luôn ở trong tình trạng sống xen kẽ. Chính vì lẽ đó mà những nét văn hoá tộc người luôn chịu sự chi phối lẫn nhau. Sản phẩm của nghề dệt, một dạng thức văn hoá Thái cũng phản ánh quá trình giao lưu văn hoá đó. Sản phẩm dệt mà đặc biệt là trang phục Thái vừa mang đặc trưng tộc người vừa mang sắc thái địa phương, vừa có sự hoà trộn với những yếu tố văn hoá khác.

Lịch sử các thành phần tộc người ở miền núi Tây Bắc Việt Nam gắn liền với việc cộng cư nhiều thành phần dân tộc trên một địa bàn cư trú, họ sống bên nhau qua nhiều đời. Do đó sự giao thoa văn hoá là một thực tế sinh động, đó cũng là quá trình văn hoá Thái lan toả ra các dân tộc anh em cùng trong khu vực địa lý cũng như sự ảnh hưởng của văn hoá các tộc người khác tới văn hoá Thái. Ví dụ như Sơn La, Lai Châu là địa bàn cư trú lâu đời của hai nhóm Thái Đen và Thái Trắng (phân biệt đây là ngành Thái Trắng thuộc khu vực Sơn La - Lai Châu chứ không phải nhóm Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình).

Một thực tế lịch sử là khu vực này cũng là đất đai cư trú lâu đời của cư dân Môn - Khơ me và các nhóm Nam Á khác. Truyền thuyết người Thái kể lại rằng khi họ đến cư trú ở núi rừng Tây Bắc thì đã có 555 giống xá (*chỉ các cư dân Môn - Khơ me và các cư dân Nam Á khác*) và 333

giống Thái cùng với cả một quá trình dài lâu sống xen kẽ bên nhau của người Thái và các nhóm cư dân Môn - Khơ me như Kháng, Xinh mun, Mảng, Khơ mú.

Mặc dù người Thái thuộc ngữ hệ Tày - Thái, nhưng khu vực địa lý cư trú lại rất gần gũi với các cư dân nói tiếng Môn - Khơ Me mà tiêu biểu rất rõ qua văn hoá trang phục Thái. Ở Chiềng On (Yên Châu) Sơn La, ở Bản Co Chai (Mai Sơn, Sơn La), hay xã Ta Gia (Than - Uyên, Sơn La) ở những địa phương này có đông người Thái Đen cư trú và cũng ở đó còn có rất đông tộc người Xinh Mun, Khơ Mú, Kháng và phụ nữ của họ đều mặc trang phục Thái Đen, mặc dù ngôn ngữ họ nói là ngữ hệ Môn - Khơ Me, phong tục tập quán cũng rất khác. Ở Yên Châu (Sơn La) hè 2000 chúng tôi đã gặp rất nhiều chị phụ nữ người Kháng búi tóc thả sau gáy, mặc áo cánh ngắn, hàng cúc bướm bạc lóng lánh, chân váy đen, thắt lưng vải, đội khăn *piêu* - Đó là bộ trang phục của phụ nữ Thái Đen vùng Yên Châu.

Người Khơ Mú chỉ biết dệt vải loại thô dày, khổ hẹp để làm túi đeo, hay may khố cho nam giới. Còn loại vải may áo, khăn, váy thì họ phải đổi hoặc mua của người Thái. Họ thường mang đổi sản phẩm nông nghiệp như ngô, gạo, sắn và các sản phẩm đan lát bằng mây, tre, nứa đó là những đồ gia dụng như *ốp* bồ đựng quần áo, *ép* đựng cơm, rổ, giá, giần, sàng, nong, cót đựng thóc. Sự trao đổi này diễn ra từ nhiều đời nay, phụ nữ, nam giới người Xinh mun mặc áo đội khăn y như người Thái Đen, họ chấp nhận sự hoà nhập một cách tự nguyện vì những

như cầu thiết yếu trong cuộc sống, lâu dần trở thành thói quen, thành tập quán.

Nói đến ảnh hưởng trở lại của văn hoá Khơ Mú, Xinh Mun, Kháng (nhóm Xá) thì từ xa xưa trong truyền thuyết dân gian rượi cần rất nổi tiếng trong văn hoá ẩm thực của người Thái lại có tên gọi là *lẩu xá* rượi của người Xá, phải chăng đây là một yếu tố văn hoá ảnh hưởng trở lại với văn hoá Thái của nhóm Xinh Mun, Kháng, Khơ Mú. Câu chuyện dân gian về nàng Xơ là người Xá, vì xinh đẹp thông minh, đan lát giỏi mà trở thành vợ hai của Tào Qua (một chức quan của người Thái). Nàng Xơ dạy người Thái đan lát, nấu nướng, lợp nhà, tới nay vẫn tồn tại trong nghi lễ thờ cúng bản mường, người Thái vẫn dành một mâm riêng để tỏ bày sự biết ơn nàng Xơ.

Lý giải vấn đề ảnh hưởng qua lại của văn hoá Thái tới văn hoá nhóm tộc người ngữ hệ Môn - Khơ me cư trú tại các tỉnh miền núi Tây Bắc Việt Nam là một vấn đề phức tạp cần phải tiếp tục nghiên cứu dài lâu của nhiều nhà khoa học. Ở đây chúng tôi chỉ dừng lại mức độ đưa ra vài hiện tượng và nhận xét để thấy mối *liên hệ*, sự giao thoa văn hoá Thái với các tộc người nhóm Môn- Khơ me cùng cư trú trong một khu vực địa lý Tây Bắc.

Kết quả nghiên cứu hiện nay cho thấy trong số các dân tộc Tây Bắc nước ta thì người Thái có một trình độ phát triển kinh tế - xã hội, văn hoá khá cao. Văn hoá Thái trong thực tế là có một sức sống mạnh mẽ dựa vào yếu tố thành phần dân số đông nhất khu vực và một cơ sở xã hội

sớm định hình. Các sản phẩm của nghề dệt trong đó có trang phục Thái, một thành tố quan trọng trong tổng thể văn hoá Thái, đã trở thành một nhân tố lan toả tự nhiên tới văn hoá các tộc người trong khu vực, đó chính là sự tiếp thu thông tin văn hoá tộc người diễn ra rất tự nhiên trong tiến trình phát triển của các dân tộc.

1.7. Mối quan hệ giữa hai nhóm Thái ở Tây Bắc với nhóm Thái ở Mai Châu (Hoà Bình) qua trang phục

Các kết quả nghiên cứu dân tộc học, khảo cổ học hiện nay cho biết: Nhóm Thái Mai Châu gốc từ miền Bắc Hà (Lào Cai) chuyển tới vùng Hoà Bình vào khoảng thế kỷ XIV, một bộ phận lại đi tiếp vào Mường Khoàng (Thanh Hoá) một bộ phận đi ngược lên Mai Châu (Sơn La) và hoà vào nhóm Thái đã ở đây trước đó. Thung lũng Mai Châu nằm ở phía Tây tỉnh Hoà Bình. Từ xưa đến nay người Thái Mai Châu vẫn có quan hệ láng giềng với người Thái Thanh Hoá, người Thái ở Mai Châu (Sơn La) và với người Mường ở (Tân Lạc) Hoà Bình và với cả người Lào ở bên kia biên giới. Mai Châu tên xưa là Mường Hạ, người Thái ở Mai Châu tự nhận là *Tày Khao* (Thái Trắng) nhưng trang phục của họ không giống như trang phục của nhóm Thái Trắng ở Lai Châu, Sơn La. Phụ nữ Thái Trắng ở Mai Châu không mặc *xửa nọi* có hàng cúc bướm bạc mà họ mặc áo ngắn chui đầu (xẻ ở vai hoặc sau lưng) gần giống áo của phụ nữ Mường - Ngọc Lạc (Thanh Hoá). Chiếc váy của người Thái Trắng Mai Châu là loại váy giống như kiểu váy của phụ nữ Mường, đó là loại váy màu chàm, đen, phía trên được

hội với một chiếc cặp váy dệt hoa văn công phu với nhiều màu sắc, nhiều họa tiết cầu kỳ hình các con vật và hoa văn rất rối. Khăn đội đầu của người Thái Trắng Mai Châu màu trắng hoặc màu trắng không thêu hoa văn.

Chúng ta thấy ở vùng Sơn La, Lai Châu văn hoá Thái thể hiện qua trang phục, nó có sức lan toả và thu hút các dân tộc láng giềng. Cụ thể là với các nhóm Xinh Mun, Kháng, Khơ Mú thì ở Mai Châu (Hoà Bình) văn hoá qua trang phục của người Thái Trắng ở đây là chịu ảnh hưởng rất đậm đà của văn hoá trang phục Mường. Đây âu cũng là một hiện tượng lý thú mở ra cho chúng ta một vấn đề cần đi sâu vào nghiên cứu trong tương lai.

+ Một vài đối sánh trong mối quan hệ giữa sản phẩm của nghề dệt Thái với sản phẩm dệt của tộc người trong nhóm ngôn ngữ Tày - Thái

Có nhiều ý kiến cho rằng: Trang phục dân tộc là yếu tố văn hoá thường ít bị thay đổi, nó được coi là một trong những đặc điểm quan trọng của tộc người và cũng thường là điểm xuất phát để xây dựng những giả thiết về tộc người. Trong các sản phẩm của nghề dệt Thái, tiêu biểu hơn cả là trang phục của dân tộc đó, cho nên ở đây chúng tôi muốn trình bày những cái chung và cái riêng của trang phục Thái trong mối quan hệ với một số thành phần dân tộc anh em.

Với một số tộc người cùng nhóm ngôn ngữ Tày - Thái

Người Thái là một trong những tộc người được giới học xếp vào các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Tày -

Thái. Chúng ta cũng cần lưu ý một thực tế là dù người Xinh Mun, Kháng, Khơ Mú, không cùng nhóm ngôn ngữ Tày Thái nhưng về khu vực địa lý cư trú xen kẽ rất lâu đời với người Thái. Trong khi đó người Thái cùng một số tộc người khác tuy cùng ngữ hệ Tày - Thái song lại sống ở những khu vực địa lý rất xa nhau. Người Thái chủ yếu sống ở miền núi Tây Bắc và miền núi Thanh Hoá - Nghệ Tĩnh, trong khi đó người Tày cũng như ngôn ngữ Tày Thái lại cư trú ở miền núi Đông Bắc. Những sản phẩm nghề dệt của nhóm Tày ở vùng này mà tiêu biểu là quần áo thì cả quần áo nam, lẫn quần áo nữ đều được may từ chất liệu vải sợi bông, nhuộm chàm, khăn của nam giới người Tày cũng thường chít theo kiểu chữ nhân (X) trên đầu. Có thể nói là trang phục nam giới khá giống nhau, từ kiểu may đến màu sắc. Đó là kiểu áo cánh, cổ đứng, xẻ ngực, hai túi vuông phía dưới, cúc tết bằng vải, quần ống đứng. Ở một số vùng có lúc họ mặc áo kẻ dọc, kẻ vuông màu cà phê, nâu, đỏ sẫm nhưng áo của nam người Tày thì không bao giờ mặc thế mà chỉ là mẫu chàm đậm.

Ở các tỉnh Cao Bằng, Yên Bái, áo phụ nữ Tày thường là áo cánh và áo dài năm thân dài tới bắp chân. Áo dài của phụ nữ Tày vẫn ngắn hơn áo dài của phụ nữ Thái, nhưng thường là màu chàm đen, chứ không có màu sắc, thêu hoa văn như áo *xửa luông* của phụ nữ Thái. Áo dài Tày được xẻ, cài cúc ở nách bên phải, cổ khoét tròn. Thắt lưng cũng chỉ là dải vải dài màu chàm. Một điều khác nữa là phụ nữ Tày thường mặc quần, phụ nữ Thái thì chỉ mặc váy, chỉ có phụ nữ Thái mới có chiếc khăn *piêu* độc đáo, còn phụ nữ

Tày khăn chỉ là vuông vải chàm đội lên đầu thắt nút thả sau gáy, vấn khăn như phụ nữ Kinh. Áo của nam giới Tày cũng là áo năm thân, xẻ nách phải, áo ngắn chấm hông, màu xanh chàm. Đặc biệt là ngoài trang phục người Tày cũng sử dụng nhiều đồ dùng do vải tự dệt, đó là các loại túi đeo, các loại địu trẻ em, các loại chăn, và người Tày cũng dệt hoa, dệt thổ cẩm Tày khá đẹp nhất là ở mặt địu, mặt chăn, nhưng độ phong phú đa dạng về màu sắc, hoa văn thì không bằng hoa văn của người Thái.

Ở một số nhóm Nùng quần áo nam giới cơ bản giống quần áo nam giới người Thái, nhưng trang phục của phụ nữ Nùng có sự khác nhau ở từng nhóm. Nùng mặc áo dài đến đầu gối, màu chàm như Nùng Cháo, Nùng Inh. Nhóm Nùng Dín thì áo lại ngắn đến thắt lưng. Phụ nữ nhóm Nùng Phàn Xinh lại mặc áo năm thân giống kiểu áo người Tày, nhưng chỉ dài đến hông, ống tay rộng, mép tà và ống tay áo đều viền chỉ xanh, đỏ. Phụ nữ Nùng không mặc váy như phụ nữ Thái mà mặc quần kiểu lá tọa dài chấm mắt cổ chân, tóc vấn khăn, rẽ ngôi giữa, trùm khăn chàm bằng vải hoa. Người Nùng cũng có phong tục trước khi đi làm dâu, các cô gái cũng phải chuẩn bị trang phục, chăn, gối như phụ nữ Thái.

Nhóm Lào cũng là một nhóm tộc người có nghề dệt khá phát triển, các sản phẩm từ hàng dệt là rất đa dạng, là những khăn, váy cũng được thêu dệt ở phía gấu thành dải rộng dài 30 cm với các loại hoa văn độc đáo. Phụ nữ ở huyện Sông Mã (Sơn La) cũng mặc áo cánh ngắn có

hàng khuy bướm bạc. Váy của người Lào mặc cao tới ngực, có những mảng dệt, thêu hoa văn hình rồng, chim thú hoa lá ở gấu váy. Nhóm Thái ở Thanh Hoá - Nghệ Tĩnh cũng mặc loại váy này. Các sản phẩm dệt khác như mặt chăn, mặt địu, túi, gối, rèm màu cũng rất tinh xảo và đa dạng. Nghề dệt của nhóm người Lào ở Việt Nam trình độ không kém gì của nhóm Thái Tây Bắc.

Nhóm người Lự, có nghề dệt khá lâu đời, họ dệt và chế tác nhiều sản phẩm từ vải dệt, chiếc quần của nam giới người Lự khá độc đáo, từ đầu gối trở xuống được thêu hoa văn và hẹp hơn ống quần nam giới Thái. Áo phụ nữ Lự cũng là loại áo xẻ ngực, ngắn ngang thắt lưng áo được làm theo kiểu chắp nối vải, trải ra áo có hình bán nguyệt. Khi mặc áo thân bên phải sẽ lót vào phía trong, thân trái của áo bắt chéo sang và buộc bằng sợi vải tết thành tua nhiều màu. Kiểu váy của phụ nữ Lự giống váy Thái nhưng lại chia làm hai phần, nửa dưới đen, nửa trên có dệt các sọc ngang với các màu sắc đẹp mắt. Riêng váy ngày hội lại giống kiểu váy của người Lào, và váy phần dưới lại thêu, dệt hoa văn như phụ nữ Thái vùng Thanh Hoá. Đặc biệt là kiểu váy dệt thành ba đoạn với những sợi màu dệt dọc. Những đồ dùng được chế tác từ vải như chăn, đệm, gối, túi, khăn thì giống như đồ dùng của người Thái. Đặc biệt là chiếc khăn *piêu*, chiếc túi thổ cẩm, mặt chăn, mặt địu thì rất giống nhau.

Như trên chúng ta vừa điểm qua để thấy sự đối sánh của các sản phẩm từ vải dệt thủ công và đặc biệt là trang

phục của một số nhóm tộc người trong nhóm ngôn ngữ Tày - Thái để thấy những điểm tương đồng trong dạng thức văn hoá qua sản phẩm dệt của các tộc người trong cùng một nhóm ngôn ngữ. Đồng thời thấy những đặc điểm địa phương riêng biệt tạo nên sự khu biệt của các dạng thức văn hoá của họ qua nghề dệt truyền thống mà ở đây ta thấy nổi bật là giữa các sản phẩm dệt, trang phục của người Tày và người Thái là một trường hợp đáng chú ý. Tuy nhiên ngoài những nét riêng còn thấy những nét chung liên quan đến những yếu tố văn hoá tộc người nằm trong bối cảnh văn hoá Đông Nam Á, gắn với nền văn minh thực vật nhiệt đới - với cách họ sử dụng cây bông, sợi bông làm nguyên liệu dệt.

Sự giao thoa văn hoá qua sản phẩm của nghề dệt Thái mà đặc biệt qua trang phục của tộc người ở khu vực miền núi Tây Bắc là một biểu hiện của các mối quan hệ của nó trong lịch sử tộc người. Nó cũng là nét minh chứng cho quy luật hình thành và phát triển của văn hoá trong quá trình phát triển tộc người. Nó khẳng định sự tồn tại ổn định và bền vững của nghề dệt truyền thống của người Thái ở Tây Bắc Việt Nam. Bởi vì một điều giản dị và hiển nhiên nó như những mạch ngầm của cuộc sống, ở bao đời nay những phong tục trong lễ hội, trong thờ cúng, trong đám cưới, đám tang bao giờ cũng có những lễ vật làm từ vải dệt. Sản phẩm dệt của người Thái gắn bó máu thịt với mỗi con người với cả cộng đồng Thái lúc vui buồn, khi hoạn nạn và cả khi con người đã đến *Mường Then*. Điều đó đủ thấy vị trí thật to lớn, thật bền vững của nghề dệt truyền thống

của người Thái trong đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội của họ. Thấy rõ vị trí nghề dệt của người Thái trong xã hội tộc người để thêm một lần nữa chúng ta có nhận thức đúng đắn hơn về sự đóng góp những giá trị văn hoá của tộc người Thái trong tiến trình phát triển chung của toàn xã hội. Từ đó chúng ta thấy:

- Nghề dệt truyền thống của người Thái là sản phẩm văn hoá của một cư dân nông nghiệp trồng trọt nằm trong bối cảnh văn hoá Đông Nam Á. Trong đó người Thái sống, tồn tại và phát triển chủ yếu bằng nền kinh tế lúa nước vùng thung lũng miền núi. Nghề dệt cổ truyền của họ phản ánh rõ việc chinh phục và sử dụng thành thạo một số chủng loại thực vật để làm nguyên liệu, công cụ sản xuất vải và nhuộm vải phục vụ cho nhu cầu mặc trong sinh hoạt của họ.

- Kỹ thuật dệt vải và chế tác quần áo, váy, khăn và các đồ dùng từ vải là sản xuất thủ công và gắn với hoạt động của từng gia đình trong xã hội. Chính nghề dệt truyền thống đã phản ánh nền kinh tế và xã hội Thái trong sự bảo lưu tính *Công xã nông thôn*, một xã hội *Tiền công nghiệp*. Trong bối cảnh xã hội đó, nghề dệt cổ truyền của người Thái đã thể hiện rõ sự phân công lao động theo giới tính của xã hội, vai trò quan trọng của người phụ nữ Thái trong xã hội đó là do họ đảm nhiệm toàn bộ việc dệt vải, chế tác quần áo và các đồ dùng phục vụ nhu cầu của gia đình và của cộng đồng.

- Nghề dệt truyền thống của người Thái mang tính xã hội cao, bởi lẽ những đồ vật được chế tác từ sản phẩm của

nghề dệt là nhằm phục vụ cuộc sống của cộng đồng. Nó không đơn giản là những vật dụng mang giá trị vật chất mà nó còn mang giá trị tinh thần bởi những vật dụng đó đã được dùng rất nhiều trong lễ, tết, hội hè, trong đám cưới, đám tang, nó trở thành lễ vật, là nơi gửi gắm tình cảm, tâm linh của con người.

- Nghề dệt mang tính xã hội cao còn vì lẽ nó là nghề của người phụ nữ Thái. Nó được truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác, mà những người phụ nữ Thái ở bất kỳ lứa tuổi nào cũng đều gắn bó, thân thiết với nghề dệt thông qua đó họ thể hiện sự sáng tạo thẩm mỹ, kỹ năng, kỹ xảo tinh tế, cả niềm tin tín ngưỡng và những chuẩn mực đạo đức của xã hội Thái.

- Nghề dệt Thái còn phản ánh, ghi dấu một trình độ phát triển cao của nghệ thuật dân gian Thái. Nó tập trung ở nghệ thuật tạo hình trong các bức thêu, các tác phẩm về họa tiết các con vật, cây lá, cỏ hoa. Đó cũng là sự tài tình và sáng tạo nghệ thuật xử lý màu sắc trong các tác phẩm thêu thùa. Màu sắc của các tác phẩm dệt thêu của người Thái luôn thể hiện sự đa dạng và hài hoà, đó là những chiếc khăn *piêu* tươi đẹp mà không chói quá, là những tác phẩm mặt *phà* thật phong phú, sống động về hình dáng, màu sắc.

- Sản phẩm của nghề dệt Thái được thể hiện rõ nhất qua trang phục của các nhóm Thái Đen và Thái Trắng ở các vùng Sơn La, Lai Châu, Hoà Bình và ở Thanh Hoá, Nghệ Tĩnh. Nó ít nhiều đều có mối liên hệ thống nhất về

văn hoá và những nét riêng biệt về bản sắc địa phương của mỗi nhóm Thái.

- Sản phẩm nghệ dệt của người Thái phản ánh một vấn đề rất sinh động diễn ra trong đời sống văn hoá đó là sự đan xen văn hoá (Acculturation). Đây là một trong những vấn đề quan trọng gắn với việc nghiên cứu lịch sử tộc người, lịch sử văn hoá, đây cũng là một vấn đề thể hiện rõ những yếu tố *nội sinh* và *ngoại cảnh* của một hiện tượng văn hoá Thái. Đó là hiện tượng *lan toả* và *đan xen* của văn hoá trang phục Thái đối với các nhóm Xinh Nun, Khơ Mú, Kháng. Đó là những vấn đề đối sánh giữa các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái được thể hiện thông qua dạng thức văn hoá là sản phẩm dệt truyền thống của họ.

- Sản phẩm dệt của người Thái đã phản ánh tư duy sống động và mối quan hệ chặt chẽ, ý thức hệ tư tưởng của người Thái với môi trường thiên nhiên xung quanh họ. Nó được thể hiện sinh động qua những chiếc khăn *piêu*, mặt *phà*, chăn, đệm, mặt địu mà ở đó kỹ thuật dệt và thêu thật tinh xảo phong phú với những hoa văn, họa tiết sống động hình các con vật như công, rồng, chim, hươu, cỏ cây, hoa lá, mà chỉ một lần chiêm ngưỡng chúng ta không thể dễ quên được.

Nghệ dệt truyền thống của người Thái với những sản phẩm phong phú của nó phục vụ đời sống tộc người không chỉ là những dạng thức văn hoá vật chất đơn thuần mà nó còn thể hiện những tư tưởng, ý thức hệ của tộc người đó.

Trong những năm cuối của thế kỷ XX này nghề dệt Thái đã có nhiều biến đổi, do sự thay đổi của lịch sử và đất nước. Các mối quan hệ văn hoá của người Thái với đồng bào các dân tộc anh em trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Sự hoà nhập của văn hoá Thái vào cuộc sống mới xã hội chủ nghĩa. Nhịp sống mới của thời đại công nghiệp đã chi phối mạnh mẽ đến những nhịp sống thời kỳ kỹ thuật thủ công của người Thái, trong đó có nghề dệt cổ truyền của họ. Nhất là trong những năm 90 của thế kỷ này, chúng ta hãy tìm hiểu nghề dệt truyền thống là một dạng thức văn hoá rất đặc biệt của văn hoá Thái trong xã hội mới của Việt Nam, và trong điều kiện kinh tế thị trường ở miền núi Tây Bắc Việt Nam.

Chương II

NGHỀ DỆT CỦA NGƯỜI THÁI Ở MAI CHÂU (HOÀ BÌNH) VÀ YÊN CHÂU (SƠN LA)

2.1. Đôi nét về lịch sử phát triển của nghề dệt của người Thái

Văn hoá Hoà Bình được đánh dấu bằng sự ra đời của nghề trồng lúa. Các di chỉ khảo cổ, đặc biệt là cụm di tích thuộc huyện Mỹ Đức (khu vực Chùa Hương - Hà Tây) đã giúp các học giả đi đến nhận định: đó là tổ tiên ta từ xa xưa đã biết từ miền núi mở mang, phát triển tiến xuống đồng bằng.

Cùng với sự phát triển của nông nghiệp, các nghề thủ công của người Việt cổ cũng phát triển mạnh hơn. Nó đã ghi dấu ấn trong giai đoạn Phùng Nguyên, nghề gốm, nghề luyện kim, nghề đan lát, nghề mộc và nghề dệt - đây là các nghề phát đạt nhất đã để lại nhiều chứng tích về sự tồn tại và phát triển trong suốt thời Hùng Vương. Từ những sợi người ta đan (dệt) lưới cho việc đánh cá và dệt vải đáp ứng cho nhu cầu mặc trong sinh hoạt đời sống của

con người. Trên trống đồng mới đào được gần đây (1987) ở xã Phong Phú, Tân Lạc, Hoà Bình có khắc họa rõ nét hình những người mặc váy, đóng khố bằng các loại vải thô. Các loại vải lúc bấy giờ theo thư tịch Trung Quốc ghi nhận đã có ở nước ta vào đầu thời Bắc thuộc và dệt bằng sợi bông, gai, tơ tằm.

Tìm hiểu nguồn gốc nghề dệt của người Việt cổ ở Việt Nam là một vấn đề đang đi vào ngõ cụt, mà thật sự còn rất khó khăn. Dưới thời Pháp thuộc trong tác phẩm *Sự phát triển kinh tế Đông Dương* của C. Robequain đã thử đề cập tới việc này và cũng phải nhận thấy đây là vấn đề rất khó khăn, phức tạp: "*Khốn nỗi một số thợ thủ công chỉ còn ghi nhớ được một vài chi tiết, những chi tiết bao giờ cũng ngắn ngủi và thường là mơ hồ, về nguồn gốc nghề nghiệp của họ*"; "*Chúng tôi rất ít được biết về nguồn gốc và lịch sử của những công nghệ thôn xóm đó*" (104).

Đối với việc tìm ông tổ nghề dệt ở Việt Nam là một việc không dễ dàng. Nguồn tài liệu thành văn ghi chép về tổ tiên nguồn gốc nghề dệt hầu như không có, may chăng chỉ có trong một số gia phả, thần tích văn bia. Để bổ sung cho sự thiếu vắng đó, nguồn tư liệu truyền miệng dân gian đã ít nhiều cho chúng ta hình dung lại bóng dáng các vị tổ nghề dệt ở nhiều địa phương khác nhau. Nhiều chi tiết nó chỉ là huyền thoại, truyền thuyết, ví dụ như truyền thuyết công chúa Thiều Hoa là con gái vua Hùng Định Vương, thời các vua Hùng. Nàng có thể nghe và hỏi chuyện với chim muông, biết nghe tiếng của các loài bướm. Một hôm

vào rừng chơi, nói chuyện với bướm nâu, công chúa biết được là có một loài bướm đẻ ra trứng, trứng đó nở thành sâu, loài sâu này chỉ biết ăn lá dâu và nhả ra tơ vàng. Sau đó, công chúa theo bướm nâu về bãi dâu ven sông và tận mắt chứng kiến cảnh đàn sâu đang làm kén. Nhờ đó nàng học được nghề trồng dâu, chăn tằm dệt lụa. Được vua cha khích lệ, nàng đã tổ chức cho dân từ vùng kinh đô (Bạch Hạc) xuống vùng bãi sông Hồng và truyền nghề cho họ. Truyền thuyết về nàng công chúa Thiếu Hoa con gái vua Hùng đã nhắc tới địa danh Bạch Hạc (Việt Trì) ngày nay, đó cũng là một điểm dừng chân của cuộc thiên di của người Thái Trắng trước khi về định cư ở Mường Mùn sau là Mai Châu (Hoà Bình) bây giờ.

Phải chăng truyền thuyết về vị tổ nghề dệt cổ truyền của người Việt cổ ở đồng bằng Bắc Bộ có những sự liên quan, liên hệ tới nguồn gốc tộc người của người Thái ở Hoà Bình. Nó cũng chính ở truyền thuyết này lại có nội dung gần giống sự tích *Nang Mon*, Nàng dâu của người Thái vùng núi rừng Tây Bắc khi nói về nguồn gốc nghề dệt cổ truyền của họ. Truyện cổ của người Thái kể rằng: Thừa khai thiên lập địa người Thái chưa có quần áo mặc, nàng Dâu xinh đẹp đi vào rừng chơi, thấy con tằm nhả tơ mới đem về dệt thành những tấm lụa may thành quần áo để mặc, để ghi nhớ ơn người phát hiện ra sợi tơ tằm dệt thành vải lụa giúp con người có quần áo mặc, người Thái trân trọng gọi nàng Dâu là Nang Mon và gọi con tằm nhả tơ vàng là Tô Nang (con Nang).

Như vậy, nó như là một sự liên hệ về cội nguồn của lịch sử. Truyền thuyết về nguồn gốc nghề dệt của người Việt cổ ở đồng bằng Bắc Bộ và nguồn gốc của người Thái ở Tây Bắc có một mối liên hệ với nhau là khá rõ nét. Tuy nhiên đây là một vấn đề lớn phức tạp đòi hỏi sự dày công nghiên cứu lâu dài. Ở đây trong phạm vi nghiên cứu của đề tài chúng tôi chỉ xin nêu đôi nét, phản ánh mối quan hệ tộc người và phần nào nêu lên những nhận thức liên quan đến nguồn gốc nghề dệt của người Thái ở Tây Bắc nước ta. Tất cả những thông tin đó dù chỉ là những vấn đề có liên quan tới các mối quan hệ về nghề dệt của người Thái với nghề dệt của người Việt cổ ở đồng bằng Bắc Bộ. Qua những cứ liệu lịch sử, khảo cổ và truyền thuyết dân gian đã minh chứng một điều là nghề dệt của người Việt cổ ở đồng bằng Bắc Bộ và nghề dệt truyền thống của người Thái đều có chung một nguồn gốc lâu dài. Nó trường tồn theo quá trình phát triển của tộc người Thái cùng các dân tộc thiểu số khác sinh sống trên núi rừng Tây Bắc hùng vĩ. Và nó đều có sự liên quan mật thiết tới vài vóc được dệt từ cây bông, từ sợi tơ tằm, với các vị tổ nghề liên quan tới thời đại vua Hùng.

Để thấy rõ hơn mối quan hệ của người Việt và các dân tộc khác trong đó có tộc người Thái ở Tây Bắc thông qua nghề dệt cổ truyền của họ, chúng tôi muốn đưa ra một vài nhận xét có tính chất so sánh để làm rõ hơn nhận định đó.

Về nguyên liệu: của nghề dệt trước hết là các loại cây có thể chế biến thành sợi sau đó là sợi bông và sợi tơ tằm. Điều này phản ánh về quá trình trồng trọt thì ở người Việt cổ và

người Thái Tây Bắc đều có chung một *mô típ*. Câu chuyện truyền thuyết nói về một người con gái đã có công tìm ra con tầm ăn lá dâu và tìm ra cách sử dụng nó dệt ra vải giúp con người có quần áo che thân thoát khỏi thời kỳ mông muội.

Không chỉ là truyền thuyết mà trong thực tế các chứng cứ lịch sử từ xưa tới nay đều tồn tại một sự thật là: nguyên liệu mà người Việt cổ dùng cũng như người Thái cổ xưa và ngày nay sử dụng để dệt vải đều là các loại sợi tơ chuối, sợi đay, sợi gai sau đó là sợi bông, sợi tơ tằm.

Công cụ: cán bông của người Việt có kỹ thuật cấu tạo và vận hành giống như công cụ cán bông của người Tày, Mường, người Thái. Cũng giống như thế công cụ để guồng sợi, xe sợi của người Việt và người Tày - Thái - Mường đều có cấu tạo và cách sử dụng rất giống nhau. Đặc biệt hơn cả là sự giống nhau của chiếc khung cửi: các bộ phận quan trọng nhất của công cụ là khung, go, bàn đập sợi, bàn đập, trục cuộn vải.

Khung dệt của người Thái được gọi là *Hụ phái* hay khung cũng có các bộ phận tương tự như khung dệt của người Việt với các tên gọi: lõi cuốn vải *xơ păn*, 2 go phụ *khan*, con thoi *xuôi*, 2 que chia sợi, 2 cần đập chân.

2.2. Nghề dệt của người Thái ở Yên Châu (Sơn La) và Mai Châu (Hoà Bình)

a) Các tiền đề của nghề dệt

Nghề dệt của người Thái ở Tây Bắc nói chung, ở Yên Châu (Sơn La) nói riêng là sản phẩm của văn hoá tộc

người, đồng thời đó cũng là thành quả của sự sáng tạo lao động của cả một quá trình dài lâu trong lịch sử phát triển của tộc người này. Người Thái sớm biết từ những cây, cỏ của núi rừng tạo ra nguyên liệu để nhuộm vải. Đây cũng chính là những yếu tố vật chất đầu tiên cho sự ra đời các sản phẩm từ nghề dệt thủ công truyền thống. Nhờ bàn tay lao động cần cù hóm sớm của người phụ nữ Thái, họ đã tạo ra cho cộng đồng mình sự ấm no và giàu có để ổn định và sinh tồn từ thế hệ này qua thế hệ khác. Tục ngữ Thái có câu: *Thóc lúa lo trồng, sợi bông lo dệt.*

Câu tục ngữ giản đơn nhưng đã bao hàm cả một quan niệm của người Thái về vị trí quan trọng của cây bông và nghề dệt vải của họ, đó cũng chính là khái niệm về sự trường tồn của cả một tộc người.

b) Nguyên liệu của nghề dệt:

Mọi sản phẩm vải vóc do người Thái dệt ra từ khung dệt chủ yếu được làm ra từ chất liệu vải sợi bông và một số là vải sợi tơ tằm. Muốn có sợi bông, sợi tơ tằm để dệt, người Thái phải trồng bông và trồng dâu nuôi tằm.

Cây bông (Gossy pium barbadense.l) tiếng Thái gọi là Co phải. Ở vùng miền núi Tây Bắc Việt Nam phổ biến một loại bông gọi là bông cỏ, bông luồi (Co. Anboréum). Đây là loại bông tồn tại lâu đời, nó phù hợp với thổ nhưỡng và khí hậu miền núi, khắp dọc Tây Bắc, ở Yên Châu (Sơn La), cũng như ở Mai Châu (Hoà Bình) người Thái đều trồng loại bông này, nó được coi như một loại bông cổ của Tây

Bắc. Lịch trồng bông ở từng địa phương có khác nhau, Yên Châu (Sơn La) người Thái Đen trồng bông vào tháng 3, tháng 4 âm lịch (tức tháng 8, tháng 9 theo lịch Thái), đầu tháng 10 âm lịch thì thu hoạch. Ở Mai Châu (Hoà Bình) người Thái Trắng trồng bông vào tháng giêng và thu hoạch vào tháng 6, 7. Ở Mai Châu và cả Yên Châu dù thời gian trồng bông có khác nhau nhưng cách trồng giống nhau. Nó vẫn là hai loại cơ bản vốn có từ lâu đời ở Tây Bắc là bông cỏ, bông luôi. Người Thái vẫn thích giống bông cỏ hơn vì nó dễ trồng và cho năng suất tương đối cao hơn bông luôi.

Người Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) có lịch trồng bông giống người Thái Trắng ở Mường Tấc (Sơn La). Trước khi trồng bông người Thái có tập quán chọn đất rất kỹ, phải là loại đất đen, tơi xốp người Thái mới sử dụng để trồng bông. Tập quán đó được đúc kết trong câu ngạn ngữ Thái *Đất đen trồng bông*, thời gian chọn nường làm đất cho sạch cỏ phải mất một tháng. Người Thái thường trồng bông trên nường, cũng có khi trồng ở đất vườn quanh nhà. So với đất dành cho trồng cây lương thực thì đất trồng bông thường chiếm tỷ lệ thấp hơn. Ví dụ ở Bản Noong Đúc (Chiềng Sinh- Sơn La) đất dành cho việc trồng bông chỉ chiếm 13% (Nguồn: UBND huyện Yên Châu 1999). Ngoài việc trồng bông trên nường và ở vườn quanh nhà, người Thái còn trồng bông ở các bãi bằng ven chân núi, hoặc ven suối, thời vụ trồng bông ở các vùng khác nhau như ở Mường Vạt - Yên Châu (Sơn La) thời vụ trồng bông chậm hơn một tháng so với vùng Mường Thanh - Điện Biên vì ở

đó khí hậu khá thuận lợi cho việc sinh trưởng cây bông. Ở đây người Thái có giống bông chỉ trồng trong 3 tháng đã có thể thu hoạch, tháng 2 gieo hạt, tới tháng 6 khi có gió Lào khô hanh, quả bông đã nở rộ.

Người Thái có phong tục chọn ngày tốt theo quan niệm truyền thống để gieo hạt bông, vào ngày đó mọi người trong nhà đều phải lên nương tra hạt, kể cả người già và trẻ em. Đàn ông khoẻ mạnh đi trước để chọc lỗ, phụ nữ đi sau thả hạt bông vào các lỗ đó, mỗi lỗ họ tra từ 3, 4 hạt bông. Bông được chăm bón, làm cỏ khoảng 2 đến 3 lần, khi bông lớn cao ngang ngực thì bắt đầu ra hoa và kết quả. Ngày thu hoạch bông là ngày vui của cả gia đình vì mọi thành viên trong gia đình đều tham gia hái bông, thường người ta thu hoạch bông vào ngày nắng đẹp. Bông hái về được để trong những cái nong, người Thái có kinh nghiệm phơi sương và phơi nắng những nong bông, bao giờ bông nở hết mới thôi. Bông có chất lượng tốt là loại bông trắng và xốp. Bông được cất trong những cái sọt đan kín mít tựa như những cái bồ lớn ở dưới xuôi. Người Thái ở Yên Châu (Sơn La) có một phong tục rất đậm tính nhân văn, là khi bông thu hoạch về đã khô. Ông chủ nhà thường chia ra từng phần cho mọi thành viên là nữ trong gia đình (kể cả bé gái 2, 3 tuổi cũng có phần), với ý nghĩa là mong những người phụ nữ trong nhà phải chăm lo quay sợi, dệt vải, lo áo váy, khăn đẹp và chăn đệm ấm êm cho cả nhà. Cho tới bây giờ người Thái Đen ở Yên Châu (Sơn La) vẫn duy trì phong tục đẹp này trong mỗi nóc nhà sàn của họ.

Việc trồng bông được người Thái quan niệm về nó quan trọng như cây lúa, vì có cây lúa là có cái để nuôi sống họ, còn cây bông giúp họ có cái mặc quanh năm.

c) Thu hoạch bông và chế biến bông:

Bông đã tách được mười hôm thì bắt đầu hái vì phải đợi bông nở đều. Đối với người trồng bông, nỗi lo lớn nhất khi gần đến vụ thu hoạch là gió lớn vì những cơn gió tai hại có thể cuốn theo rất nhiều bông. Việc hái bông được tiến hành vào lúc 4 - 5 giờ chiều - khi mà bông nở to nhất. Mỗi cây bông thường cho khoảng 15 - 20 quả. Khi hái, người ta phải hái những quả to trước, quả nhỏ sau. Năng suất bông trung bình là 1 sào cho 25- 30 kg bông. So với giống bông mới hiện nay đang được trồng ở các nông trường vùng Đắc Lắc thì năng suất bông ở Yên Châu rất thấp. Ví dụ: 1 sào bông giống mới ở nông trường Đắc Lắc cho 250 kg bông.

Tiếp đó, người ta bỏ lá, phơi bông một ngày, tối ủ lại cho ấm để tách hạt vì chỉ khi nào bông ấm mới tách được hạt ra. Trước khi tách hạt, người ta phải chọn bông. Bông để xe sợi phải là bông trắng, số lượng bông thu hoạch về không phải tất cả đều đạt tiêu chuẩn đó. Vì vậy, đồng bào phải phân loại để chọn bông tốt, loại bỏ bông đen, hỏng.

Sau đó, dùng công cụ cán bông để tách hạt. Những hạt bông bật ra khỏi quả và được cất cẩn thận để gieo hạt vào vụ sau. Đối với bông, người ta bật cho tới xối. Cách bật như sau: Bông được trải đều trên một mặt phẳng, người

bật bông một tay cầm chắc cần, một tay bật cho dây đánh vào các lớp bông, đây là cách thủ công của người Thái. Tuy nhiên mỗi lần làm như vậy, người ta chỉ bật được một số lượng bông nhỏ. Những gia đình khá giả thường thuê người Kinh bật bông vì họ có dụng cụ bật bông lớn với giá 20.000 đồng/1kg.

Bông bật xong được cuốn thành những con bông. Người ta trải bông trên tấm gỗ nhỏ, dùng một que dừa đặt lên trên lăn đi lăn lại cho bông quấn xung quanh, sau đó rút dừa ra, ta được một con bông. Những con bông này được người Thái cất giữ rất cẩn thận cho chúng sạch trắng và tránh để gần lửa vì bông là chất dễ cháy.

Việc quấn bông giúp cho việc xe sợi được thuận lợi hơn. Những con bông đó được vê nhỏ, đưa qua suốt cuốn thành sợi bông. Quay sa và vê bông đều tay thành sợi bông dài không bị đứt đã trở thành một kỹ năng của phụ nữ Thái.

Để tăng thêm độ bền cũng như độ cứng của sợi bông thuận lợi cho việc dệt vải, người ta phải hồ sợi, sợi được giặt sạch trước khi hồ. Người ta dùng gạo tẻ nấu cháo cho nhuyễn thành bột, sau đó cho sợi vào đun khoảng 2 - 3 giờ bắc ra để nguội rồi vớt sợi ra phơi, cứ nửa cân gạo người ta hồ được 2 kg sợi.

Nguyên liệu cho nghề dệt là cây chàm, cây hỏm đó là những cây chủ yếu nhất mà người Thái dùng để nhuộm vải thành màu chàm và màu đen, hai màu cơ bản trong sắc màu truyền thống của họ. Cây chàm được trồng giống

như cây bông, cũng gieo hạt trên nương hoặc trồng ở vườn quanh nhà. Chàm trồng sau 3 tháng đã cao bằng đầu người, cây hỏm được trồng sớm hơn cây chàm 2 tháng (thường cây chàm được trồng vào tháng giêng thì cây hỏm được trồng vào tháng 4). Cây chàm người Thái thu hoạch bằng cách hái lá, còn cây hỏm người ta cắt ngang gốc rồi lại tiếp tục xới đất, bón phân cho cây nảy mầm. Thu hoạch hỏm có thể kéo dài từ 3 - 4 tháng, cây hỏm có thể thu hoạch trong 3 - 4 năm mới phải trồng lại.

Người Thái ở Yên Châu (Sơn La) và ở Mai Châu (Hoà Bình) đều sớm biết trồng dâu, nuôi tằm để lấy tơ dệt vải. Tơ tằm là nguyên liệu chủ yếu để dệt thắt lưng *xá eo*, một bộ phận không thể thiếu được trong trang phục phụ nữ Thái. Tơ tằm còn để dệt vải *khuyt* là loại vải dùng làm vỏ chăn, rèm cửa.

Cây dâu được trồng ở các bãi đất ven suối, là nơi đất màu mỡ, luôn ẩm. Mỗi gia đình người Thái đều nuôi một ít tằm. Ở Yên Châu (Sơn La) bây giờ vẫn duy trì việc trồng dâu nuôi tằm, còn ở Mai Châu (Hoà Bình) đã mai một rất nhiều.

d) Nuôi tằm và chế biến tơ tằm:

Vải tơ tằm là sản phẩm dệt của người Thái, vải tơ tằm dùng để biếu tặng người già, dùng trong tang ma, cưới hỏi và những ngày lễ hội quan trọng của người Thái. Cùng với nghề trồng bông, nghề nuôi tằm lấy tơ của người Thái đã có từ lâu đời. Hầu như gia đình nào cũng trồng dâu quanh nhà, ven bờ suối và có một vài nong tằm.

Có hai giống tằm: Giống tằm Thái và giống tằm XF1 của Trung Quốc đã đưa vào Việt Nam từ những năm 70 nay được nuôi khá phổ biến ở các tỉnh miền núi phía Bắc. Cả hai giống này đều ăn lá dâu.

Giống tằm Thái có đặc điểm là không chịu được quá lạnh hoặc quá nóng, nhiệt độ thích hợp cho chúng là 26 - 27°C.

Giống tằm XF1 chịu được rét. So với giống tằm Thái nuôi ở điều kiện như nhau thì tằm XF1 cho nhiều tơ hơn.

Khi kết thúc một lứa tằm, người ta thường giữ lại một số kén tằm (bao gồm cả kén tằm cái và kén tằm đực) để gây giống cho lứa sau. Kén tằm hình thoi có hai lỗ ở hai đầu kén, tằm cái thường to phồng hơn tằm đực. Kén tằm sẽ nở thành ngài và chui ra khỏi kén trong khoảng bảy ngày. Gần đến ngày nở, người ta phải dùng một cái bát úp lên kén để con ngài nở ra không bay đi được và cho phối giống từng đôi một, tiếp đến người ta vẫn phải úp bát để giữ con ngài ở trong đó để trứng. Trong vòng 3 ngày, mỗi con ngài đẻ được 2000 - 3000 trứng, sau đó chết. Trứng của nó được đựng trên một tờ giấy, trong một cái rổ được phủ kín khăn và treo cao để đề phòng sự phá hoại của các loại côn trùng và cũng vì giống tằm ưa tối. Sau khoảng một tuần, trứng nở thành tằm. Những con tằm khi mới nở giống như những con sâu nhỏ màu đen. Mỗi ngày người ta cho chúng ăn 4 lần vào sáng, trưa, chiều, tối. Thức ăn chính của tằm là lá dâu và phải là lá dâu tươi. Vì vậy, người ta hái lá dâu vào buổi sáng để tránh lá bị héo, tằm sẽ không ăn, lá dâu cho tằm ăn phải là lá khô, nếu lá ướt

tầm ăn vào sẽ mắc bệnh và chết. Mỗi nong tầm gần 5000-6000 con, mỗi ngày ăn hết 5 - 6 kg lá dâu. Những con tầm nhỏ mới nở khoảng một tuần thì khi đói chúng có màu trắng, khi ăn no chúng có màu xanh. Lúc tầm mới nở, người ta thái nhỏ lá dâu cho chúng ăn. Tầm lớn dần lên sẽ được chuyển ra những nong lớn, lá dâu được rải xuống phía dưới cho chúng ăn. Nếu tầm được ăn tốt, chúng sẽ kéo kén dày, cho nhiều tơ.

Một tháng sau, tầm không ăn nữa và bắt đầu kéo kén. Công việc kéo kén của tầm kéo dài trong 3 ngày. Sau đó, người ta hong kén tầm lên gác bếp hai đêm nữa cho kén thật khô để khi kéo tơ, sợi không bị ướt.

Tiếp đến là công đoạn kéo tơ, người Thái thường đun một nồi nước sôi to và luôn để trên bếp để duy trì nhiệt độ. Từng nắm kén được thả vào nồi, người ta dùng một cái guồng quay tơ và một cái cặp giữ kén, một tay chặn giữ kén, một tay quay guồng kéo tơ ra. Muốn tơ nhỏ thì thả ít kén, kéo nhanh và đều tay. Nếu kéo chậm, sợi tơ sẽ không đều. Cứ như vậy, tơ được kéo hết, chỉ còn lại trong nồi những con nhộng. Tơ kéo xong, người ta có thể giặt luôn và phơi khô. Mỗi nong tầm của người Thái có thể cho hơn 1 lạng tơ, giống XF1 cho nhiều tơ hơn, mỗi nong khoảng 0,5 kg.

Sợi tơ tầm rút từ kén ra rất cứng, có màu vàng óng hoặc trắng. Muốn nó mềm để có thể dệt được hoặc nhuộm màu khác, người ta hồ tơ tầm bằng cách ngâm tơ vào nước ấm có nhựa đu đủ trong một giờ, đó là cách truyền thống. Còn bây giờ người ta ngâm tơ vào nước xà phòng trong 2

ngày, sau đó có thể dùng để dệt hoặc nhuộm tơ thành những màu khác nhau.

Màu sắc chủ đạo trong sản phẩm dệt của người Thái là màu chàm, đỏ, xanh lá mạ, cà phê sữa. Họ tạo màu sắc bằng cách nhuộm vải bằng những cây, lá hoặc là tự trồng hoặc lấy từ rừng về, có loại màu còn dùng đất, đá để nhuộm.

Cây chàm: Tên la tinh là *Indigofera tinctoria* linn được sử dụng rất phổ biến ở vùng đồng bào các dân tộc. Nhà người Thái nào cũng có mảnh nương trồng chàm, cứ 100 m vải Thái có khổ 40 cm cần một mảnh đất trồng chàm độ 30 m² để hái lá về ngâm và nhuộm. Ngoài việc trồng cây hỏm, cây chàm để làm nguyên liệu nhuộm, người Thái còn dùng loại cây rừng khác để lấy nguyên liệu nhuộm các loại màu. Cây *co phang* để nhuộm màu đỏ, cây *go hem*, cây *pui* nhuộm màu vàng, cây *xét* tạo màu da cam, củ nâu ngâm với vải chàm tạo màu đen nâu.

e) Cách nhuộm màu từ lá chàm:

Cây chàm của người Thái có hai loại, một loại được trồng trên nương, lá dài, to gọi là *biêng*. Loại chàm thứ hai được trồng ở đất hốc đá dọc suối hoặc quanh nhà *hóm* 1 loại này lá muột nhỏ hơn.

Lá chàm xam hái về được ngâm vào các chum với độ nước xam xấp. Ngâm lá khoảng 4-5 ngày, thỉnh thoảng khuấy lên, khi lá chàm đã nát nhuyễn sẽ vắt lấy nước. Nước chàm lắng xuống người ta lại chắt lấy phần cốt còn lại đó là cao chàm. Khi nhuộm vải tùy theo số lượng định

nhuộm mà lấy một phần cao cho vào một cái chum khác hoà thêm một nắm vôi đã tôi và nước gio bếp để giữ cho màu chàm bền lâu. Người Thái dùng lá *bơ mạt* đốt lấy tro bỏ vào chum chàm và khuấy kỹ. Cách pha chế chàm để nhuộm vải như thế được gọi là *hán nin*. Một số khác cũng còn được sử dụng ngâm cùng lá chàm đã tạo ra các màu khác nhau như lá *nục*, lá *nước*, hay vỏ cây *thầy* giã nhỏ để tạo thành các màu xanh chàm đen thẫm, xanh chàm tươi, xanh chàm nhạt, củ nâu giã nhỏ nhuộm vải để may áo cho nam giới. Người Thái cũng ưa thích nhuộm sợi tơ tằm để lấy sợi thêu các loại khăn, túi, cây *phang*, cây *chăng* được chặt thành khúc nhỏ đun kỹ sau đó cho sợi tơ tằm vào ngâm vài tiếng sẽ cho màu đỏ thẫm. Để tạo màu da cam người Thái dùng rễ cây *xét*, lấy lớp vỏ, giã nhỏ, cho sợi tơ vào đun kỹ rồi phơi khô. Màu váy tươi thì được tạo ra bằng cách lấy rễ cây *pui* chặt nhỏ, giã vụn và đun kỹ sau đó cho sợi tơ vào nhuộm.

Để sợi bông, sợi tơ sau khi nhuộm được bền màu, người Thái có kinh nghiệm dùng cánh kiến, sáp ong để hãm màu cho bền. Một điểm khá đặc biệt là quy trình nhuộm này thường gắn với quá trình dệt các chủng loại của từng sản phẩm. Với các sản phẩm cụ thể họ sẽ dệt sợi bông và sợi tơ tằm sao cho phù hợp với các mẫu công thức sẵn có. Ví dụ dệt váy, dệt chăn thì các loại sợi được người Thái nhuộm và chọn màu sao cho hài hoà màu sắc. Việc nhuộm sợi, vải của người Thái cũng có những kiêng kỵ nhất định, điều này được quy định khá kỹ, nó liên quan đến các phong tục, tín ngưỡng của người Thái đối với nghề

dệt. Ví dụ họ kiêng phụ nữ có chửa vào khuấy chum chàm, hay kiêng người lạ xem chum chàm của họ.

2.3. Kỹ thuật dệt vải

Vải của người Thái ở Tây Bắc được dệt bằng kỹ thuật thủ công, dệt ra vải sợi bông và vải tơ tằm, đó là sức lao động cần cù sáng tạo của người phụ nữ Thái. Nó trở thành bản sắc của văn hoá tộc người góp phần làm giàu có cho kho tàng di sản văn hoá Việt Nam.

- Công cụ:

+ Công cụ chế biến nguyên liệu: bao gồm công cụ cán bông *in phái*, công cụ bật bông *coong phái*, công cụ quăn bông *lọ phải*, công cụ se sợi *xuông nay* và guồng quay tơ.

+ Công cụ cán bông *in phái*

- Hai giá đỡ

- Chân gỗ (Bản vẽ số 3)

- Hai múi gỗ ép bông

- Tay quay

- Vải hứng bông

Công cụ này có tác dụng tách hạt bông ra khỏi quả bông, công cụ cán bông được làm bằng gỗ. Nó bao gồm hai giá đỡ cao khoảng 54 cm được đóng chắc với một chân gỗ ~~hình chữ T~~. Giá đỡ này đỡ bộ phận chính của công cụ cán bông. Đó là hai múi gỗ được nối với tay quay. Khi ta quay

tay hai múi gỗ sẽ xoắn ngược chiều nhau ép cho hạt bông bật ra, còn lại là bông trắng theo miếng vải nhỏ được đính dưới múi gỗ rơi xuống rổ.

+ Công cụ bật bông *coong phái*: (Xem bản vẽ số 2)

- Cần

- Dây bật

Công cụ bật bông được cấu tạo bởi một chiếc cần và một sợi dây. Cần được làm bằng chất liệu mây hoặc luồng giúp cho cần dẻo mà vẫn chắc. Đoạn giữa cần hình trụ, hai đầu được vót thon để đảm bảo độ bật của dây. Dây là một sợi gai kéo căng và nối với hai đầu cần.

+ Công cụ quấn bông *lọ phải*: bao gồm một miếng gỗ hình chữ nhật, chiều dài khoảng 25 cm, chiều rộng khoảng 15 cm và một chiếc que nhỏ được vót tròn như chiếc đũa. Người Thái thường trải bông lên trên mặt gỗ rồi dùng que lấn cho bông quấn vào chiếc que đó, sau đó rút que ra, họ được một con bông.

+ Công cụ se sợi *xuông nay*: (Bản vẽ số 3)

- Guồng quay

- Suốt

- Giá đỡ

- Tay quay

Công cụ xe sợi được làm bằng gỗ bao gồm guồng quay và suốt cuốn sợi được đặt trên hai đầu của một giá đỡ.

Chúng được nối với nhau bằng một sợi dây. Khoảng cách giữa guồng quay và suốt cuốn sợi thường phù hợp với khoảng cách giữa hai tay của người làm (khoảng 86 cm). Khi sử dụng công cụ này, người thợ dệt một tay vừa quay guồng, tay kia đồng thời vẽ bông. Sợi bông to hay nhỏ phụ thuộc vào suốt cuốn sợi.

+ *Guồng quay tơ*: Là một guồng quay đặt trên giá gỗ có tay quay. Người ta quay guồng để rút sợi tơ từ kén ra, quấn quanh lồng tơ.

+ *Công cụ dệt*: Lối sợi *loạt*: Có hai loại lối sợi

- Lối sợi lắp vào bàn sợi, người Thái gọi là *loạt bàn* là một ống tre nhỏ, dài khoảng 20 cm dùng để quấn sợi.
- Lối sợi lắp vào thoi *loạt xoay* cũng như *loạt bàn* nhưng có chiều dài ngắn hơn, khoảng 10 cm.

+ *Công cụ quấn sợi vào lối sợi*: bao gồm *phiên* và *kông quản*.

Phần trên của kông quản được làm bằng tre và dây, một trục gỗ xuyên qua hai đầu, mỗi đầu là hai thanh tre đóng chéo nhau. Người ta dùng dây nối với các đầu tre để tạo ra khung lồng sợi. Toàn bộ khung đó được đặt trên một giá gỗ:

- Guồng quay (Xem bản vẽ số 3)

- Tay quay

- Quả gỗ *nuôi phiên* (Xem bản vẽ số 6)

- Lối sợi

- Chân *phiên*

+ *Phiền* bao gồm guồng có tay quay, phía trên có giá gỗ cong chiếc giá này có lắp một quả gỗ giống như lõi chỉ, gọi là *nuôi phiền*. Người ta lắp lõi sợi *loạt* vào trục xuyên qua *nuôi phiền* và buộc dây vòng qua cả guồng quay phía dưới và *nuôi phiền* phía trên. Khi ta quay guồng, sợi dây này kéo *nuôi phiền* quay khiến cho trục lồng lõi sợi cũng quay và sợi được kéo từ không quản sang để quấn vào lõi sợi.

+ *Bàn sợi*: Là một khung gỗ có chiều rộng khoảng 50 cm, chiều dài khoảng 75 cm dùng để lắp 10 lõi sợi *loạt bàn*. Người ta sử dụng bàn sợi khi chuẩn bị căng sợi khung cửi.

+ *Phùng*: (Xem bản vẽ số 5)

- Hai nẹp gỗ
- Nan tre
- Khe luồn sợi qua

+ *Phùm* là công cụ để mắc sợi dọc lên khung cửi. *Phùm* có chiều dài khoảng 1 m, chiều rộng khoảng 12 - 13 cm bao gồm hai nẹp gỗ dài trên và dưới cố định những nan tre xếp rất nhỏ, chỉ đủ cho một hoặc hai sợi luồn qua. *Phùm* còn có tác dụng định vị những sợi dọc để căng lên khung cửi.

+ Khung cửi *me hục*: Được làm bằng gỗ tốt nhất là làm bằng gỗ nghiến, có chiều dài khoảng 180 cm, chiều rộng khoảng 114 cm, chiều cao khoảng 165 cm. Khung cửi là một khung hình chữ nhật, có bốn chân, bao gồm các bộ phận sau:

- Ghế ngồi *pèn ti* (Bản vẽ số 1)
- *Xà pặn*
- *Co khăn*
- *Go chính khâu phùm*
- *Ruồng*
- *Go phụ khâu*
- *Nghẹp nghẹp*
- *Bàn đập tin nhăm*
- *Go hoa khâu khít*
- *Máy khuấy xi*

+ Ghế ngồi *pèn ti*: là một tấm gỗ rộng khoảng 20 cm đặt ngang trên hai thanh dọc của khung cửi làm chỗ ngồi cho người dệt.

+ *Xà pặn*: là thanh gỗ tròn lồng qua hai giá gỗ, dùng để cuộn phần vải đã dệt xong.

+ *Co khăn*: là một thanh gỗ nhỏ nằm xuyên qua đường kính của *xà pặn*, giữ cho *xà pặn* cố định, không bị xoay.

+ *Go chính khâu phùm*: là một khung gỗ to và chắc, ở giữa có lồng *phùm*. *Go chính* có tác dụng đập sợi ngang khít vào nhau sau khi đã đưa thoi qua.

+ *Ruồng*: là hai thanh gỗ nối hai đầu của *go chính* với thanh gỗ ngang trên nóc khung cửi. Nó vừa có tác dụng treo *go chính*, vừa có tác dụng tạo độ dao động cho *go chính* có thể đập sợi khít vào nhau.

+ Go phụ *kháu*: bộ phận này được làm bằng tre và dây nilông, có độ dài giống như *phùm* nhưng chiều dài rộng lớn hơn một chút. Chiều rộng của go phụ là độ dài của hai vòng dây nilông lồng qua nhau. Go phụ có tác dụng tạo khoảng cách giữa hai làn sợi dọc so le nhau để người dệt đưa thoi qua khoảng cách đó. Thông thường, một khung cửi có hai go phụ.

+ *Nghệp nghệp*: là hai đoạn gỗ được đóng vào thanh gỗ ngang xuyên qua hai đầu *ruồng* trên nóc khung cửi. Người ta buộc dây nối các đầu của *nghệp nghệp* với thanh tre phía trên của go phụ.

+ Go hoa *kháu khít*: được cấu tạo bởi dây nilông, dây dựng que và que lấy hoa lú, go hoa có tác dụng tạo hoa văn cho tấm vải dệt.

+ Bàn đập *tin nhăm*: là hai thanh gỗ dài khoảng 60 cm, người ta dùng dây nối chúng với hai thanh tre dưới của go phụ để có thể dùng chân điều khiển go phụ lên, xuống.

+ *Máy khuấy xi*: là một thanh gỗ có chiều dài bằng chiều ngang của khung cửi, trên thân được đục nhiều lỗ để luồn sợi qua. Máy khuấy xi có tác dụng định vị làn sợi trên nóc khung cửi.

+ Thoi dệt *soi*: (Xem bản vẽ số 7)

- Bầu đựng lõi sợi

- Lỗ để luồn sợi

- Lõi sợi

Thoi dệt có kích thước trung bình: chiều dài khoảng 40 cm, chiều rộng 7 cm, chiều dài bầu đựng sợi dài 13 cm được làm bằng loại gỗ mỡ. Thoi là bộ phận có tác dụng đan sợi ngang cho vải.

+ *Pén ngáng*

Pén ngáng: là tấm gỗ mỏng tựa hình mái chèo, một đầu gọt nhỏ cho vừa tay cầm. Nó có tác dụng tạo khoảng cách giữa hai làn sợi để đưa qua khi dệt hoa.

+ *Máy phăng*: là một đoạn tre mảnh, cong hình cung, hai đầu cắm vào hai mép vải từ dưới lên giữ cho vải căng.

+ *Giá để thoi*: thường được đóng ở thành bên phải của khung cửi để xếp thoi.

Ngoài ra, người thợ dệt còn cần một số dụng cụ phụ khác như kéo, thước đo, rổ đựng lõi sợi.

Mắc sợi: khi đã có sợi, người thợ bắt tay vào việc chuẩn bị dệt. Họ dùng *phiền* và *kông quẩn* quẩn sợi từ các con sợi to vào các lõi sợi *loạt bàn* và *loạt xoay*.

Bên cạnh đó, để có thể mắc sợi lên khung cửi, người ta phải lồng sợi qua *phừm* để cố định các sợi dọc, các *loạt bàn* được lắp vào sợi. Người Thái dùng bàn sợi để quẩn sợi vòng qua các cột dưới gầm nhà sàn của họ. Bàn sợi chứa mười lõi sợi. Như vậy, mỗi lần họ có thể quẩn một lúc mười sợi.

Sau khi đã buộc sợi cố định vào cột, người ta quẩn sợi xung quanh các cột theo hình xoắn ốc từ trên xuống dưới.

Phùm được buộc cố định vào một chiếc cọc ở vị trí cuối vòng quần. Khi sợi được quần đến đo, người ta mắc mười sợi vào khe giữa cọc và *phùm*. Sợi được giữ lại phía trên của *phùm* bằng một sợi dây xâu qua các vòng sợi. Sau đó, người ta lại tiếp tục quần sợi theo chiều ngược lại từ dưới lên trên. Họ cứ làm như vậy cho đến khi sợi được móc qua tất cả các khe *phùm*.

Khi việc luồn sợi qua *phùm* đã kết thúc, người ta kéo rộng sợi dây xâu qua các vòng sợi ở phía sau *phùm* ra để xâu các đầu sợi qua lỗ được buộc chặt lại. Tiếp đến, người ta đẩy *phùm* và *máy khuấy* xi về phía đầu còn lại của sợi vừa đẩy, họ phải vừa lấy một chiếc chổi nhỏ, tốt nhất là chổi bằng lông gà chải cho sợi tơi, không bị dính vào nhau.

Công việc tiếp theo là rút sợi ở *phùm* ra lồng qua hai go phụ. Như đã giới thiệu ở phần trên, go phụ có tác dụng tạo khoảng cách giữa hai làn sợi dọc để người dệt đưa thoi qua đan sợi ngang cho vải. Vì vậy, sợi lồng qua hai go phụ trước sẽ đi qua cả hai vòng dây của go phụ sau. Sợi luồn qua hai vòng dây của go phụ trước sẽ đi qua vòng dây dưới của go phụ sau. Tùy theo vải dệt lông mốt hay lông đôi mà người ta luồn 1 hay 2 sợi qua vòng dây của go phụ.

Sợi sau khi được luồn qua go phụ sẽ được luồn tiếp qua khe *phùm* rồi được mắc lên khung cửi. Người ta mắc *phùm* vào go chính và *ruồng*, buộc dây nối các go phụ với các đầu của *nghep nghep* và chân đập, đưa cả dàn sợi vòng qua thanh gỗ ngang phía cuối khung cửi, đưa lên trên nóc khung cửi rồi buộc nút ở vị trí trên đầu người dệt. Công

việc chuẩn bị cuối cùng là buộc những đầu sợi vào *xà păn*. Người ta thường buộc thành từng túm nhỏ mỗi túm khoảng 30 sợi. Điều quan trọng nhất khi mắc sợi lên khung cửi là phải đảm bảo cho sợi căng. Nếu sợi bị chùng, việc dệt sẽ rất chậm và khó, ảnh hưởng đến năng suất dệt. Ngoài ra, việc bố trí go không cân đối cũng làm cho việc dệt vải nặng nhọc thêm.

2.4. Cách dệt

- *Dệt trơn:*

Các công đoạn chuẩn bị đã hoàn thành, người phụ nữ Thái có thể bắt tay vào công việc dệt vải. Họ đập bàn đập cho hai luồng sợi so le nhau lên, xuống. Nếu muốn hạ sợi xuống, người ta đập xuống, go phụ sẽ kéo một luồng sợi xuống thấp hơn so với vị trí của sợi được căng trên khung cửi. Khi đã đưa thoi qua, người dệt nhấc chân lên, kéo go chính về phía mình ngồi để đập sợi ngang vào khít nhau. Mức độ kéo go chính đập sợi mạnh hay nhẹ là tùy thuộc vào ý định dệt vải dày hay thưa của người dệt. Khi làn sợi bị kéo xuống đã trở lại vị trí bình thường, người dệt đập vào bàn đập còn lại để hạ luồng sợi thứ hai xuống, lao thoi qua, kéo go chính đập sợi. Dệt đến đâu, người ta lại dịch chuyển *máy phăng* đến cầm sát vào mép vải đang dệt.

- *Dệt hoa:*

Để dệt những mẫu hoa văn, người ta cần phải có go hoa *khấu khít* lắp vào khung cửi. Người Thái thường phải

luồn từng sợi của go hoa qua dàn sợi trên khung cửi. Mỗi giá của go hoa được luồn qua hai sợi dọc rồi buộc vào giá treo phía trên. Sợi go này tiếp sợi go kia cho đến hết chiều rộng của khổ vải.

Muốn dệt hoa, trước hết người dệt cần phải có mẫu cụ thể. Từ mẫu đó, đan thành hình hoa văn. Khi đan xong, họ mới đưa lóng đan lên phía trước của dàn sợi và cài vào dây đựng que của go hoa.

Cách dệt hoa như sau: người ta lấy lóng đan *lúu* từ trên dây đựng que đưa qua go hoa xuống dưới, cầm lóng đan gạt lên gạt xuống dọc theo dàn sợi, dệt cho những sợi của go hoa tách đôi làm hai làn sợi ở trên và ở dưới. Những sợi go hoa phía trên giữ số sợi dệt còn lại ở vị trí bình thường. Người ta lấy tay đè nhẹ lên dàn sợi để tạo ra khoảng cách giữa hai làn sợi, luồn lóng đan qua rồi gạt xuống phía dưới. Khi dệt, người ta đưa *pén ngáng* luồn theo lóng đan trên dàn sợi, dựng nó lên, ngáng rộng hai làn sợi dệt và đưa thoi qua dệt hoa. Cứ như vậy cho đến khi nào trên dàn sợi hết lóng đan thì người dệt dệt xong được một mảng hoa văn.

- *Màu sắc - hoa văn:*

Màu sắc truyền thống chiếm vai trò chủ đạo trên vải dệt của người Thái là màu xanh chàm. Màu xanh chàm được xem là đặc trưng, là biểu tượng của đồng bào miền núi nói chung và đồng bào Thái nói riêng. Cùng với màu xanh chàm, các màu đen, đỏ thường được sử dụng làm

nền, các màu sắc khác có tác dụng trang trí thêm trên mặt vải. Nhìn chung, những màu sắc truyền thống trên mặt vải của người Thái đều là những màu sẫm, và nhũ như đen, trắng, nâu, tím, ghi. Điều này được thể hiện rõ trên mặt *phà*. Các mặt *phà* truyền thống thường chỉ có hai màu: nâu - trắng hoặc đen - trắng mà người Thái thường gọi là *phalai*. Một số màu sắc tươi hơn như vàng, xanh, đỏ, hồng chỉ được điểm xuyết ở một vài họa tiết nhỏ. Hiện nay người Thái Yên Châu trang trí trên mặt vải của họ nhiều màu sắc sặc sỡ, mạnh, đối chọi nhau như đỏ, da cam, vàng, tím, hồng, xanh lá cây để phù hợp với thị hiếu của khách mua dưới xuôi cũng như khách nước ngoài. Tuy vậy, không phải vì thế mà cách sử dụng màu sắc của họ có thể lẫn với dân tộc khác. Người Thái thường sử dụng các lá cây, củ, hạt có trong thiên nhiên để nhuộm màu cho sợi và vải. Các màu sắc đó đã thể hiện sự gắn bó mật thiết của họ với môi trường sống xung quanh. Chúng được xử lý tinh tế, hài hoà, có sự cân nhắc theo quan niệm thẩm mỹ và tâm lý tộc người. Những ai dù chỉ một lần đến Yên Châu cũng có thể nhận thấy ngay điều này qua bộ trang phục và đặc biệt là chiếc khăn *piêu* duyên dáng của các cô gái Thái.

Sự độc đáo của văn hoá Thái còn được thể hiện ở hoa văn trang trí trên vải. Mỗi mảng hoa văn chứa đựng nhiều họa tiết. Hiếm khi người ta chỉ dệt một họa tiết, thường có một họa tiết chính và các họa tiết phụ làm đường viền hoặc điểm vào các khoảng trống nhằm làm nổi bật họa tiết chính. Đặc điểm chính của nghệ thuật trang trí Thái là sự đa dạng, phong phú về cả chủ đề và hoa văn. Người Thái

Đen ở Yên Châu nổi tiếng với các mẫu hoa văn truyền thống như sao 8 cánh, hoa văn sóng nước, hình trái tim, móc, răng cưa, hình chữ S, hình ảnh động vật và thực vật, hoa văn hình học.

Hình ảnh sao 8 cánh là họa tiết rất phổ biến mà người Thái sử dụng. Nó xuất hiện hầu hết trên các hoa văn mặt *phà* và khăn *piêu* như một hình ảnh chính. Có lúc, sao 8 cánh chiếm hầu hết diện tích của mảng hoa văn, có lúc nó được bao bọc bởi hình vuông hoặc hình thoi và đôi khi nhiều ngôi sao 8 cánh được sắp xếp thành đường viền bao quanh một mẫu hoa văn hoặc một sản phẩm dệt.

Bên cạnh đó, các hoa văn hình học cũng hay được người Thái sử dụng. Những hình vuông đồng tâm hoặc chéo nhau bao trùm hầu hết mảng hoa văn là một trong những nét đặc biệt của cấu trúc hoa văn Thái. Những mẫu hình thoi, chữ nhật, tam giác được bố trí đối xứng nhau theo cả chiều dọc và chiều ngang cũng góp phần tô điểm thêm cho sản phẩm dệt những nét đẹp khỏe khoắn.

Họa tiết hình trái tim là một họa tiết thông dụng trên các sản phẩm dệt xưa. Tuy nhiên, hiện nay rất hiếm thấy hình ảnh này. Những người già ở Yên Châu cho biết: ngày xưa, chỉ có một loại khăn *piêu* mới được dùng họa tiết này cùng với những đường chéo - đó là khăn *piêu* của các nhà giàu.

Hình ảnh động vật trên mặt thổ cẩm của người Thái Yên Châu không nhiều lắm và đều là hình ảnh của những

con vật gần gũi, gắn bó với đồng bào miền núi như ngựa, dê, chim. Đặc biệt, hình ảnh của khỉ đuôi ngắn và đuôi dài rất hay gặp trên mặt *phà* và khăn *piêu* có một số họa tiết như hình sóng nước, răng cửa, hình móc không bao giờ được đặt làm họa tiết chính mà chỉ được đặt làm họa tiết phụ. Họa tiết hình sóng nước, hình móc đơn, móc đôi thường được dùng trang trí đường viền mép. Họa tiết hình răng cửa hay còn được gọi là họa tiết hình mào gà không những thông dụng trong hoa văn đơn giản mà còn được điểm vào những hoa văn phức tạp hơn trên mặt chăn và khăn *piêu*.

Hiện nay, những hoa văn truyền thống ít được sử dụng trên các sản phẩm. Bên cạnh đó xuất hiện nhiều mẫu hoa văn mới, đơn giản hơn trước như: hoa chùm, móc xích, hoa sen, quả mây, hạt bông. Với các mẫu này, người dệt có thể đạt được năng suất và thu nhập cao hơn là dệt các mẫu cũ, đây cũng chính là nét biến đổi để thích ứng với điều kiện kinh tế thị trường của người Thái mà chúng ta cần ghi nhận.

Đặc điểm chung của mẫu thổ cẩm Thái là sự kết hợp hài hoà giữa màu sắc và hoa văn. Mỗi tấm thổ cẩm thực sự là một bức tranh sống động phản ánh đời sống, sinh hoạt của dân tộc Thái. Các màu sắc sáng, tối, nóng, lạnh được sử lý mang phong cách *rất Thái* trên những mảng hoa văn vừa độ khiến ta khó có thể lẫn lộn với cách trang trí của các dân tộc khác. Chúng không chói trang, đậm đặc như kiểu trang trí trên vải của người H'mông, người Dao nhưng cũng không quá tối như các loại vải của người Tày, người Nùng.

- Các loại sản phẩm:

Người phụ nữ Thái không chỉ nổi tiếng với việc dệt ra những tấm vải thổ cẩm độc đáo, mà còn nổi tiếng với những sản phẩm thủ công tinh xảo được chế tác từ vải mà chính tay họ dệt ra. Dân tộc Thái có thể dùng vải dệt của mình để làm ra các sản phẩm phục vụ cho việc mặc, đắp, không giống như các dân tộc H'mông, Dao chỉ có thể may quần áo mặc còn phải đem sản phẩm khác để đổi lấy chăn, đệm để dùng. Những sản phẩm mang tính chất đặc trưng của dân tộc Thái trước hết phải kể đến là: vải, gối, chăn, đệm, khăn *piêu*. Đây là những sản phẩm thiết yếu dùng trong gia đình mà người phụ nữ Thái ai cũng phải làm được vì nó gắn với phong tục của người Thái: khi người phụ nữ Thái về nhà chồng phải mang theo của hồi môn bao gồm gối, chăn, đệm để biếu tặng gia đình nhà chồng. Các sản phẩm gối, chăn đệm của người Thái được làm từ chất liệu bông lau vốn đã rất nổi tiếng. Trước kia, người Thái phải đi hái bông lau trên núi, đem về ủ trong 3 - 4 ngày, sau đó mới tuốt được bông. Hiện nay, người ta không chỉ dùng bông lau mà còn dùng bông tụt trồng hoặc mua bông của người Kinh để làm gối, đệm.

Sau đây là tóm lược cách làm gối, chăn, đệm của người Thái ở Yên Châu (Sơn La)

- Gối *mon*:

Gối của người Thái được nhồi bông bên trong, bên ngoài bọc bởi vải thô và vải thổ cẩm, có kích thước chiều dài khoảng 30 cm, chiều rộng 13 cm, chiều cao 8 cm.

Trước hết, người ta làm một khối hình chữ nhật bằng vải, có hai ngăn vải nhỏ chia khối hộp chữ nhật này làm ba phần theo chiều dài. Sau khi đã khâu một mảnh vải màu thêu (hoặc vải thổ cẩm) bịt một đầu gối, người ta nhồi bông thật chặt vào các ngăn gối vừa được tạo ra rồi khâu bịt nốt đầu còn lại của gối.

- Đệm nằm *xưa*:

Đệm nằm có chiều dài khoảng 1m 80, rộng 80 cm để làm đệm người ta cần khoảng 10 kg bông. Vỏ đệm thường được làm bằng vải dệt thô hoặc vải kẻ caro. Trước tiên, người ta dùng hai mảnh vải có chiều dài bằng chiều dài của đệm, gấp đôi chúng lại rồi khâu dính hai mảnh với nhau theo đường gấp. Sau đó, người ta khâu những đường khâu song song với nhau theo chiều ngang của đệm ở hai phía bên cạnh của đường khâu đầu tiên để dính hai lớp vải lại với nhau, mỗi mũi khâu cách nhau khoảng 4-5 cm. Khoảng cách giữa các đường khâu là chỗ để nhồi bông. Họ tạo chiều dày của đệm bằng cách khâu vào hai mép vải trên và dưới một dây vải dài có màu sắc khác với màu của vỏ đệm. Khi đã tạo được chiều dày đệm ở một cạnh, người ta nhồi bông vào các ống tre rồi đẩy bông vào khoảng rỗng giữa các đường khâu cho đến khi các khoảng rỗng đầy hết bông thì khâu nốt vải tạo chiều dày đệm ở cạnh còn lại.

- Chăn *phà*:

Chăn của người Thái có chiều dài khoảng 1m 60, chiều rộng 90 cm được làm tương tự như cách làm đệm. Người ta

cũng có thể dải bông đều giữa hai lớp vải xô, sau đó khâu những đường khâu song song theo chiều dọc và chiều ngang tạo nên những ô vuông giữ cho bông không bị xô và khâu viền xung quanh. Vỏ chần của người Thái ngoài phần đế lồng lõi bông vào trong còn có đường diềm xung quanh. Mặt trên của vỏ chần thường là một tấm vải thổ cẩm gồm nhiều hoạ tiết được trang trí kín toàn bộ bề mặt vải.

- *Khăn piêu*:

Khăn piêu là khăn đội đầu của phụ nữ Thái Đen. Chiều rộng khoảng 30 cm, chiều dài khoảng 1m 20. Phụ nữ Thái ai cũng làm được *khăn piêu*. *Khăn piêu* là một món quà để biếu tặng những người mà chủ nhân của nó yêu mến. *Khăn piêu* được làm bằng một đoạn vải thô dệt thưa, nhuộm chàm, thêu hoa văn ở hai đầu khăn. Hai đầu *khăn piêu* được viền vải đỏ ở hai góc khăn và trên mép vải, người ta có tết sợi màu thành các *cút piêu* hoa văn ở hai đầu khăn chỉ được thêu chứ không dệt. *Khăn piêu* được làm từ vải bông, trước khi thêu, miếng vải phải được nhuộm chàm, trên nền chàm đó phụ nữ Thái thêu các hoa văn bằng chỉ màu (xanh, đỏ, tím, vàng, da cam). *Khăn piêu* Thái Đen ở Yên Châu là loại khăn tiêu biểu nhất, qua kỹ thuật ghép vải đỏ làm viền họ làm những chiếc *cút diềm* vào *piêu*, *cút piêu* được làm từ miếng vải đỏ rộng khoảng 1 cm, bên trong bọc lõi chỉ rồi cuộn tròn, tiếp đó cuộn vải tròn được khâu vát thành một hình tròn rồi quấn day vải lại theo hình tròn ốc. Sau đó, lại quấn thêm các loại chỉ màu thành các múi trong hình tròn. Các đường

khâu trên khăn theo hình móc xích, chân rết, xương cá các *cút piêu* trước hết được đặt trên ba đoạn thẳng của một đầu khăn ở chính bốn góc của khăn được dùng dây làm cút còn dư tết thành hình bông hoa (Bók xỏn piêu). *Cút piêu* thường được sắp xếp thành từng chùm với số lẻ 3, 5, 7 tạo nên những cút chùm trên khăn *piêu*. Số lẻ gần như một quan niệm mang tính tâm linh của người Thái Đen, những vật dụng gần gũi và thân thiết với cuộc sống người Thái như song cửa sổ, bậc thang nhà sàn, cúc áo bạc của người phụ nữ Thái đều là con số lẻ. Chiếc khăn *piêu* đội thường ngày của người phụ nữ Thái Đen đều có *cút* chùm ba. Nhưng nếu là khăn *piêu* để tặng người già, tặng người mình kính trọng, hoặc tặng người mình yêu quý thì thường là khăn *piêu* có chùm 5 trở lên.

Cô gái thêu khăn *piêu* theo những mẫu hoa văn đa dạng, nhưng khi thêu các cô luôn sáng tạo thêm đường nét độc đáo riêng của mình. Với cách thêu từ mặt trái, để các hoa văn sẽ hiện lên ở mặt phải thêu theo lối luôn chỉ, đan chỉ màu vào vải. Kỹ thuật thêu đòi hỏi cô gái Thái phải nắm chắc cách thêu, khéo léo và sáng tạo mới có được một chiếc khăn *piêu* đẹp.

Khi tiến hành nghiên cứu về nghề dệt truyền thống của hai nhóm Thái Đen ở Yên Châu (Sơn La) và Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) chúng tôi có những nhận xét như sau:

1) Về nguyên liệu dùng cho nghề dệt cơ bản ở hai nhóm Thái là giống nhau, đều có truyền thống lâu đời

trong việc trồng cây bông, nuôi tằm trồng dâu để lấy sợi dệt vải. Về quy trình trồng bông hay chế biến nguyên liệu cũng không khác nhau gì mấy. Họ giống nhau ở cách trồng cây chàm, hỏm, và cách sử dụng lá cây, củ, rễ cây để nhuộm các màu vải khác nhau. Có một điều khác cơ bản trong hiện tại là nhóm Thái Đen ở Yên Châu (Sơn La) hiện tại vẫn trồng cây bông, cây bông có tên trong danh sách những cây công nghiệp của phòng kế hoạch huyện Yên Châu, cùng với cây dâu và con tằm, trồng dâu nuôi tằm vẫn còn phát triển ở Yên Châu (Sơn La). Trong khi đó ở Mai Châu (Hoà Bình) cây bông vắng bóng đã lâu, kể cả cây dâu và việc trồng dâu nuôi tằm chỉ còn thưa thớt, lẻ tẻ. Một thực tế là ở Yên Châu (Sơn La) người Thái vẫn dùng sợi bông tự trồng, tơ tằm tự nuôi để dệt vải, dù là để dùng hay để bán. Còn ở Mai Châu (Hoà Bình) mặc dù nghề dệt có phát triển hơn so với Yên Châu (Sơn La) song việc dùng tơ tằm, sợi bông để dệt lại thu hẹp rất nhiều, người dệt chủ yếu vẫn dùng sợi bán sẵn ở mậu dịch. Thực tế này chúng tôi sẽ nói kỹ hơn ở mục sau, khi đặt nghề dệt của người Thái trong bối cảnh kinh tế thị trường và phát triển du lịch ở miền núi Tây Bắc của cuộc sống hiện đại.

Về công cụ dệt, cơ bản là công cụ dệt giữa hai nhóm Thái đều giống nhau ở những bộ phận chính như: công cụ cán bông, bạt bông, về khung cửi mặc dù cấu tạo giống nhau song ở khung cửi của người Thái Đen chỉ có khổ 40 cm, khung cửi của người Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) 1m 20, còn màu sắc và chủng loại không khác lạ nhau lắm, cái khác nhất trong chủng loại sản phẩm dệt

của người Thái Đen là khăn *piêu*, còn người phụ nữ ở nhóm Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) chỉ dùng khăn tương tự giống khăn của phụ nữ Mường.

2) Sử dụng sản phẩm dệt trong đời sống: Tục ngữ Thái Đen ở Yên Châu (Sơn La) có câu: *Thóc lúa lo trồng, sợi bông lo dệt*. Tục ngữ của người Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) cũng có câu: *Gà đẹp nhờ bộ lông, người đẹp nhờ quần áo*.

Từ những câu tục ngữ của ông cha để lại cho thấy nghề dệt của người Thái quan trọng như nghề trồng lúa vì có lúa, có bông sẽ ấm no, đó là ước mơ ngàn đời của người dân trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Cây bông và nghề dệt không thể tách khỏi cuộc sống của người Thái cũng như cây lúa và nghề trồng lúa vậy.

Những sản phẩm dệt của người Thái gắn bó với họ từ thửa lọt lòng cho tới khi từ giã cuộc đời. Quần áo, đồ dùng bằng vải vóc được dùng cho mọi thành viên trong gia đình đều do bàn tay chuyên cần khéo léo của người phụ nữ Thái làm ra, sự phân công lao động sớm hình thành theo giới của người Thái cũng được thể hiện qua câu tục ngữ: *Đàn bà dệt vải, đàn ông đan lưới*. Dệt vải là công việc của người đàn bà Thái, sản phẩm của nó bên cạnh những giá trị sử dụng còn có giá trị văn hoá rất lâu bền của tộc người này, hơn thế nữa người đàn bà Thái lo cái mặc cho cả gia đình không chỉ là sự phân công trong xã hội mà còn là cả tấm lòng thương yêu của họ dành cho những người thân của mình: *Yêu chồng năng dệt vải, yêu con năng vá may*.

Một *giắc dệt* tiếng Thái là *đun hủ* là cả một chu trình lao động kiên trì, vất vả của người phụ nữ Thái, nghĩa là từ việc trồng bông, kéo sợi, trồng dâu, nuôi tằm để có các loại nguyên liệu cho đến việc dệt thành các loại vải, nhuộm vải dùng để may quần áo, váy, khăn, làm chăn, đệm, gối màn lúc đó mới hoàn thành một *giắc dệt*.

Những *giắc dệt*, *đun hủ* gắn bó với cô gái Thái từ khi họ là thiếu nữ, đến khi đi làm dâu, làm vợ, làm mẹ, tới tận tuổi già. Trong mỗi gia đình người Thái bao giờ cũng có các công cụ làm sợi, dệt vải, cô gái Thái học dệt vải từ mẹ, từ bà lúc mới chỉ là cô bé gái 7, 8 tuổi đến tuổi trăng tròn 14, 15 cô học thêu khăn *piêu* để tặng bạn trai, tặng mẹ, tặng chị, nghề dệt gắn bó với người phụ nữ Thái suốt cả cuộc đời.

Có thể nói người phụ nữ Thái với sức lao động đầy khéo léo và sáng tạo của họ trong nghề dệt đã tạo ra một hiện tượng văn hoá Thái rất điển hình, góp phần làm giàu có thêm bản sắc văn hoá tộc người mang tính nhân văn sâu sắc.

Quy trình sản xuất vải thủ công của người Thái Đen ở Yên Châu (Sơn La) khổ vải (40cm). Có thể tóm tắt như sau:

Công việc	Vật liệu	Mục đích của công việc
Cán bông	Cán bông (iu phải)	Tách bông, hạt ra khỏi quả bông
Bạt bông	Cung cần, bạt (lạp hủ)	Làm cho bông tơ xốp để cuốn cán bông
Xe sợi	Xa (chuông nay)	Tạo ra sợi để dệt vải

Công việc	Vật liệu	Mục đích của công việc
Cuộn sợi	Guồng quay (chuông pia)	Tạo tay sợi lớn để dệt vải
Hồ sợi	Nước cháo loãng	Để sợi cứng, bền đẹp dễ dệt
Khuông sợi	Nước lã, chàm với tro	Để dệt vải kẻ, hoặc vải màu
Tạo con sợi cho vào suốt	Guồng quay (phiến) con sợi dài, con sợi ngắn	Tạo con sợi dài làm sợi dọc, con ngắn làm sợi ngang khi dệt
Dệt vải	Khung cửi (hạ phải) ký	Tạo ra vải để may quần áo, khăn, váy và các loại vải dùng trong nghi lễ, gia đình

Nguyên liệu: bông *co phải* trồng bông, trồng chàm (lấy nước nhuộm), nước cháo loãng để hồ vải, cây rừng (để nhuộm).

2.5. Các loại trang phục cơ bản của người Thái

a) Quan niệm về trang phục:

Trang phục là từ ghép dùng để chỉ việc *mặc* của con người. Trang phục cổ truyền của người Thái ở Yên Châu (Sơn La) cũng như ở Mai Châu (Hoà Bình) là trang phục của hai nhóm Thái Đen và Thái Trắng ở Tây Bắc nước ta, cũng cần phải nói rõ thêm: ở Sơn La, Lai Châu cũng có nhóm Thái Trắng nhưng trang phục lại rất gần gũi với nhóm Thái Đen ở đây. Nhưng Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) thì trang phục lại khác rất nhiều với nhóm Thái Đen ở Yên Châu (Sơn La).

Chúng tôi quan niệm trang phục truyền thống của người Thái ở Tây Bắc gồm hai bộ phận chính là y phục và trang sức.

Ở đây chúng tôi chỉ xin đi sâu vào y phục mà thôi. Y phục theo từ Hán - Việt có nghĩa là quần áo hay các đồ mặc của con người, với người Thái Tây Bắc y phục của họ là sản phẩm đời đời của nghề dệt truyền thống. Trong Dân tộc học, y phục là thuộc lĩnh vực *văn hoá vật chất* (theo cách phân loại kinh điển về văn hoá: vật chất, tinh thần, xã hội, hay thuộc loại *văn hoá đảm bảo đời sống*. Theo cách phân loại của E.S Maharjan; S.A aru-trui-nốp (Liên Xô cũ), y phục mang rõ tính vật chất và nó là một hiện tượng văn hoá mang đậm sắc thái của mỗi tộc người, bởi nó thể hiện cái hồn của cuộc sống muôn màu muôn vẻ, nó thể hiện không chỉ là cuộc sống vật chất của tộc người mà còn thể hiện cả cuộc sống tinh thần, trong đó nó chứa đựng những thông tin về truyền thống và lịch sử của tộc người đó.

Y phục của người Thái ở Tây Bắc hầu hết đều chế tạo từ sợi bông, sợi tơ tằm nó gắn bó chặt chẽ với sự ra đời và phát triển của tộc người đó cùng với quá trình hình thành và phát triển của nghề dệt truyền thống của họ. Người Thái đã tạo ra hàng loạt các vật dụng phục vụ cho việc *mặc* của mình như: khăn, áo, váy, quần, cặp váy, thắt lưng, xà cạp, mũ nón. Vậy thì y phục của người Thái là những vật thể vật chất mà bên trong mỗi vật cụ thể đó đã chứa đựng nhiều thông tin văn hoá mang đậm đà sắc thái của tộc người này. Chính vì lẽ đó trang phục của người Thái ở Tây Bắc được chúng tôi quan niệm và xem xét nó

như là một đối tượng văn hoá để nghiên cứu, đối tượng văn hoá đó được tồn tại và vận hành trong quá trình lịch sử phát triển của tộc người từ xa xưa tới ngày nay, từ truyền thống tới hiện đại. Cùng những biến đổi không ngừng trong không gian văn hoá rất đa dạng của cuộc sống đang đổi thay từng ngày, cùng cả dân tộc ta trong thời kỳ đổi mới, hoà nhập để phát triển.

b) Các loại y phục cơ bản:

Y phục cổ truyền của người Thái ở miền Tây Bắc nước ta có quá trình lịch sử lâu đời gắn bó với đời sống văn hoá tộc người. Có thể nói đến thời kỳ tiền công nghiệp y phục của họ cũng đã khá phát triển, đã định hình về hình thức các chủng loại và có giá trị thẩm mỹ cao, điều đó cũng khẳng định sự phát triển nghề dệt truyền thống của tộc người Thái ở Tây Bắc từ truyền thống lịch sử tới hiện đại.

Người Thái có cách gọi các loại trang phục khá rành mạch nên rất thuận lợi cho các nhà nghiên cứu khi xác định phân loại trong trang phục cũng như sự hệ thống những khái niệm về các thành tố trong trang phục.

Tên gọi các loại áo theo giới tính:

STT	Tên tiếng Thái	Tên tiếng Việt
1	Xửa chái	Áo nam giới
2	Xửa nhinh	Áo phụ nữ
3	Xửa phủ báo	Áo con trai

Áo, khăn của phụ nữ Thái Tây Bắc gồm có các loại như sau:

STT	Tên gọi tiếng Thái	Tên gọi tiếng Việt
1	Piêu	Khăn dài đội đầu
2	Păn khăn	Khăn vuông
3	Hu piêu	Tai piêu
4	Cóp piêu	Viên piêu
5	Xửa nọi	Áo con
6	Xửa cóm	Áo ngắn
7	Xửa luông	Áo lớn
8	Xửa nhinh hy	Áo dài nữ
9	Xửa hiếu húng	Áo hiếu lớn
10	Xửa thoọng húng	Áo bụng cầu vồng
11	Xửa eo hắt	Áo chiết eo
12	Xửa tọng ké	Áo ngắn mở ngực
13	Xài ẻo	Thắt lưng

Tên gọi một số áo, khăn theo hình thức trang trí, màu sắc:

STT	Tên tiếng Thái	Tên tiếng Việt
1	Piêu xéo	Khăn dài thêu
2	Khăn xéo	Khăn thêu
3	Xửa hiếu luông đăm	Áo tang lớn màu đen
4	Xửa đăm	Áo đen
5	Xửa đón	Áo trắng

Các tên gọi trên là một cách gọi chỉ các bộ phận y phục cổ truyền của người Thái ở Tây Bắc, qua đó cũng như các yếu tố hợp thành bộ y phục của phụ nữ ở Sơn La, Lai Châu nói chung và ở Yên Châu (Sơn La) nói riêng là giống nhau, kể cả phụ nữ Thái Trắng, hay Thái Đen ở đây (chỉ khác ở một điểm áo *xửa cóm* của phụ nữ Thái Đen là cổ đứng). Nhưng cái khác rất cơ bản của y phục phụ nữ Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) và y phục phụ nữ Thái Đen ở Yên Châu (Sơn La) là ở chỗ, cũng là áo *xửa cóm* áo ngắn của phụ nữ Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) là áo cổ tròn, cũng ngắn đến bụng và không có hàng khuy bạc như áo phụ nữ Thái Đen, Thái Trắng ở Sơn La, Lai Châu mà chỉ là khuy áo bình thường, thắt lưng, cặp váy và váy thì cơ bản giống nhau. Phụ nữ Thái Đen ở Yên Châu (Sơn La) cũng như phụ nữ Thái Trắng ở Sơn La, Lai Châu là đều đội khăn *piêu* thêu hoa văn rực rỡ, ngược lại phụ nữ Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) lại đội khăn trắng, không thêu hoa văn. Cách ăn mặc của họ bề ngoài có vẻ giống y phục của phụ nữ Mường (Hoà Bình) cái khác cơ bản trong cách ăn mặc của phụ nữ Mường với phụ nữ Thái Trắng ở Mai Châu là phụ nữ Mường mặc yếm bên trong áo cóm còn phụ nữ Thái thì không mặc loại yếm này. Mặc dù họ nói tiếng Thái và bảo lưu phong tục Thái khá đậm nét trong cuộc sống tộc người. Dù cho phong tục của hai nhóm Thái này khác nhau nhưng mọi chi tiết trong y phục của họ đều được làm ra từ sợi bông, sợi tơ tằm, được dệt bằng khung dệt vải với kỹ thuật truyền thống và nghề dệt vẫn từ muôn đời nay gắn bó với cuộc sống của họ,

trường tồn theo thời gian và ghi dấu đậm nét trong lịch sử tồn tại và phát triển của tộc người Thái ở miền núi Tây Bắc Việt Nam.

+ *Các loại áo ngắn, nhỏ của phụ nữ Thái*: Tiếng Thái là *xửa hóm nôm* tiếng Việt là áo che ngực của phụ nữ, áo được làm từ một miếng vải dệt trơn (vải mộc) độ 0,4 m hình chữ nhật, vải gấp đôi, khoét cổ tròn không lượn nách, sườn để hở chui đầu, áo ngắn ngang thắt lưng. Loại áo này không hoàn toàn giống như cái yếm của người Mường, nó là loại áo lót của phụ nữ, mặc nó giúp người phụ nữ gọn gàng hơn, loại áo lót này theo nhà nghiên cứu E duawrd Taylor là thể hiện sự phát triển cao của trang phục trong thời đại văn minh. Còn có loại *xửa noi*, cũng là áo lót nữ thường phụ nữ Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) và vùng Văn Chấn (Yên Bái) hay mặc. Áo lót này cơ bản cũng giống áo *xửa hóm nôm* cũng mặc chui đầu không có tay nhưng có lượn ở nách và khâu bên sườn áo.

Dáng chú ý nhất là *xửa cóm* (áo ngắn của phụ nữ), đây là loại áo tựa như áo cánh của phụ nữ Kinh, được sử dụng khá phổ biến ở các ngành Thái Đen, Thái Trắng ở Tây Bắc *xửa cóm* là loại áo ngắn tới bụng, tay dài xẻ ngực cài cúc. Về cấu tạo của áo, kỹ thuật cắt may áo *xửa cóm* của phụ nữ ở hai nhóm Thái Đen và Thái Trắng ở Yên Châu (Sơn La) và Mai Châu (Hoà Bình) về cơ bản là giống nhau, có khác là ở cổ áo. Thái Trắng ở Sơn La áo *xửa cóm* có cổ thìa, áo có thể là vải trắng, cũng có cả áo đen, còn áo *xửa cóm* của phụ nữ Thái Đen ở Yên Châu (Sơn La) đa số là màu

đen cổ áo là cổ đứng (3 cm) và đều có hàng khuy bướm bằng bạc (Mák pém) và luôn có số lẻ 5, 7, 9 *Mák pém* là đặc trưng cơ bản nhất của áo *xửa cóm* của nhóm Thái Đen, Thái Trắng ở Yên Châu (Sơn La). Áo *xửa cóm* của phụ nữ Thái Trắng Mai Châu (Hoà Bình) thường là màu trắng, họ không dùng màu đen, màu chàm hay *xửa cóm* như người Thái Đen ở Yên Châu (Sơn La). Ngày lễ hội phụ nữ Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) thường mặc *xửa cóm* cổ truyền đó là chiếc áo *xửa cóm* xanh, có thêu những hoa văn nhiều màu sắc ở ngực áo, thắt lưng xanh, hoặc đỏ.

Một chiếc *xửa cóm* bình thường có kích thước trung bình: chiều dài 50 cm, có khi chỉ 40 cm và khi mặc để hở 1 phần bụng, đây là áo phổ biến ở Yên Châu (Sơn La).

Ở vùng Mai Châu (Hoà Bình) *xửa cóm* cổ truyền của người phụ nữ Thái Trắng là: áo cổ tròn, có viền nhỏ ở cổ, xẻ thêm 2 bên vai để chui đầu khi mặc. Tay áo may bó lấy cổ tay, thân áo dài từ 25 - 30 cm đằng trước áo có hình bán nguyệt, màu phổ biến của *xửa cóm* ở Mai Châu (Hoà Bình) là áo màu trắng, áo ngày hội thường màu xanh.

+ Áo nam giới: ở vùng Sơn La, Lai Châu áo ngắn nam giới là loại áo cánh xẻ ngực dài tay, hoặc ngắn tay. Đây là loại áo phổ biến của cả hai ngành Thái Đen, Thái Trắng ở Tây Bắc, khi mặc áo phủ đến hông, áo cổ tròn, đứng có hai túi phía dưới, xẻ tà, áo được may bằng vải chàm có khi là vải dệt kẻ sọc, vải kẻ carô nhiều màu. Áo nam giới cổ truyền của người Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) có khác đôi chút, áo dài quá hông, nút khuy áo còn ở nách

bên trái, tay áo nhỏ, túi may ở trong áo bên trái, và họ thường may áo bằng vải chàm.

+ *Các loại áo lớn, áo dài*: Người Thái ở Tây Bắc có nhiều loại áo dài, có những tên gọi khác nhau bằng tiếng Thái, từ gọi *xửa luông* áo lớn là tên gọi khá phổ biến. Ở mỗi địa phương, mỗi ngành Thái khác nhau như Thái Đen, Thái Trắng họ có những loại *xửa luông* khác nhau, có loại dành cho phụ nữ, có loại dành cho nam giới.

Để thấy rõ hơn mối liên hệ bền chặt của nghề dệt và một dạng thức văn hoá vật chất tiêu biểu của người Thái chúng tôi xin nêu một số loại *xửa luông* y phục rất đặc biệt của người Thái ở Tây Bắc.

Xửa luông của phụ nữ Thái Đen ở Điện Biên (Lai Châu), đây là loại áo có cấu tạo khá đơn giản, như một loại áo nối liền với váy, dài tới cổ chân, chui đầu, thân áo thẳng, tay được cắt hơi lượn ở nách, áo được đắp một mảnh vải đỏ hoặc vàng, thân áo không thêu, nhưng phía trong gấu áo lại được đắp vải *khuyt* dệt carô, hoặc vải đỏ.

Có một loại áo dài của phụ nữ Thái Đen (Sơn La) là được cấu tạo giống kiểu áo năm thân của phụ nữ Việt. Áo được cài cúc bên nách nhỏ dần thắt ở eo, rồi sau đó lại xoè dần xuống gấu. Tiếng Thái gọi loại áo này là *xửa nhinh hy* hay *xửa eo hắt*. Một áo *xửa eo hắt* trung bình dài tới 140 cm, tay dài 17 cm. Cách cấu tạo áo tương tự như may áo *xửa cóm* nhưng khâu áo này khá kỹ theo lối khâu *nhíp đốm hôm tô một* nghĩa là khâu đột con kiến. Chỗ giao

nhau giữa vật trước và vật sau được trang trí hai chùm *Mak may* khâu liền với cái tua vải có 3 màu xanh, đỏ, vàng. Phía trong gấu áo viền vải khác màu, màu đỏ hoặc màu vải *khuyt*.

Chiếc *xửa luông* của phụ nữ Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) dài khoảng 110 cm cổ tay rộng, hai bên vai có 2 dải vải, gấu áo, cổ tay thêu hoa cầu kỳ, có cả những mảnh chắp, phụ nữ Thái Trắng thường mặc *xửa luông* này ra ngoài bộ váy áo đẹp trong ngày lễ, tết, đặc biệt vào dịp ngày tết họ không mặc áo trắng, thường mặc áo *xửa* có màu xanh tươi, hồng, vàng và nếu như ngày thường phụ nữ Thái Trắng ở Mai Châu đội khăn trắng, thì dịp lễ tết họ lại đội khăn chàm, hoặc khăn đen tóc xoã sau lưng rất mềm mại duyên dáng.

Cũng như người Thái Trắng ở vùng Sơn La, Lai Châu, chiếc áo *xửa luông* của người Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) có thể mặc trong lễ hội, và còn mặc trong các dịp hiếu (tang của bố mẹ chồng).

+ *Xửa thoọng húng* (áo hoa văn bụng cầu vồng). Đây là loại áo lớn được dùng trong các ngày lễ hội của phụ nữ Thái Đen ở Mường Vạt (Yên Châu - Sơn La) Loại áo này dài, thụng thân áo, tay áo đều thẳng, áo được khoét cổ tròn, khi mặc phải chui đầu, hình dáng cơ bản cũng giống như *xửa luông* của phụ nữ Thái Trắng ở Lai Châu. Nhưng đặc biệt là áo *xửa thoọng húng* của người Thái Đen ở Yên Châu (Sơn La) là áo được trang trí màu sắc rực rỡ. Thân áo được khâu ghép bằng vải màu, vải *khuyt* (đây là loại

vải dệt có hoa văn hình học, kẻ, caro). Việc khâu ghép màu sắc của vải *khuyết* lại xen lẫn màu đen. Áo *xửa thoong húng* thân áo có 3 phần trang trí khá rõ: từ cổ vai xuống đến ngực, từ ngực xuống quá gối, phần còn lại là gấu áo. Mỗi phần đều có bố cục hoa văn riêng. Ở bên hông áo là màu đen, ống tay áo cũng được khâu ghép những đoạn vải màu đỏ, vải *khuyết*, đen.

Trên đây là một số áo dài của phụ nữ Thái Đen và Thái Trắng ở những vùng tiêu biểu của Sơn La, Lai Châu và Mai Châu (Hoà Bình). Chúng tôi cũng lưu ý thêm là áo dài nam *xửa chái* là loại áo được làm từ vải dệt của các khung dệt cổ truyền của người Thái, thường là màu chàm (vải dệt mộc), áo dài quá gối, không thêu và không có hoa văn, cổ đứng, áo được xẻ nách. Đây là loại áo phổ biến của nam giới Thái, họ có thể mặc ngày thường và cả trong những ngày lễ hội. Áo này thường chỉ dài tới 120 cm. Người Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) và người Thái Đen ở Yên Châu (Sơn La) còn mặc áo dành riêng trong dịp hiếu (tang ma). Ví dụ như: *xửa hiếu luông* (áo hiếu lớn), đây là loại áo rộng, thụng. Áo cơ bản cũng giống như các loại áo dài khác, nhưng đặc biệt là cổ áo được khoét rất rộng (gần hết lưng áo), áo mặc theo kiểu chui đầu, thân áo, tay áo được khâu ghép bởi nhiều mảnh vải màu, áo này dài tới 100 cm, cửa tay áo rộng tới 16 cm, *xửa hiếu luông* được mặc khi cúng ma, trong đám tang sau đó được treo ở nhà mồ. Chiếc áo do người con dâu trưởng mặc, đây là phong tục mà phụ nữ Thái Đen ở Mường Lò (Văn Chấn, Yên Bái) thường có.

Người Thái Đen Mường Lò còn có loại *xửa hiếu luông* dành cho nam giới, hình dáng thì giống áo nữ giới nhưng khác ở chỗ có các tua vải buộc từ cổ áo xuống đến hông bên trái, áo màu đỏ, vải dệt mộc, xẻ nách bên trái. Đường viền của tay, cổ, vai, hai bên hông đều bằng vải màu xanh, áo dài tới 180 cm, cửa tay rộng tới 30 cm.

Một đặc điểm khá rõ là áo *xửa hiếu luông* của người Thái Đen vùng Sơn La, Lai Châu đều bằng vải đỏ. Đây cũng là cái khác so với *xửa hiếu luông* của người Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) áo dài thụng may bằng tơ tằm cũng là áo được mặc ngoài bộ quần áo lễ hội, người Thái Trắng Mai Châu mặc cho người đã chết khi liệm. Áo thụng tơ tằm này có thể là màu đỏ, nhưng cũng có thể là màu tím.

Xửa hiếu của nam giới người Thái Đen vùng Yên Châu (Sơn La) lại rất rộng, dài tới 140 cm. Áo được trang trí theo lối ghép các sọc vải ngũ sắc cầu kỳ.

+ Người Thái Đen Tây Bắc đặc biệt quan tâm tới áo *xửa hy* là loại áo thụng, giống như loại áo thụng may bằng tơ tằm của người Thái Trắng Mai Châu (Hoà Bình). Đây là loại áo người con dâu cả may tặng bố mẹ chồng mặc khi từ giã cõi trần để lên Mường Then, có khác là ở Yên Châu (Sơn La) áo thường là màu chàm chứ không phải như ở Mai Châu (Hoà Bình) áo phải dệt bằng tơ tằm lại nhuộm đỏ, hoặc tím.

- *Váy, quần:*

a) *Váy:* tiếng Thái là *xỉn* hoặc *xoống*, là một bộ phận quan trọng trang y phục cổ truyền của người Thái Tây

Bắc. Váy của phụ nữ Thái Đen ở Yên Châu (Sơn La) nói riêng cũng như váy của phụ nữ Thái Trắng ở (Sơn La, Lai Châu) hay váy của phụ nữ Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) đều giống nhau về cơ bản, đó là loại váy kín, cạp và gấu váy có độ rộng bằng nhau, đều là màu đen, dài chấm gót, là loại váy thẳng không có các nếp gấp.

Váy được may bằng 4 mảnh vải hình chữ nhật (40 cm x 90 cm) và được khâu ghép lại theo mép chiều dài. Cạp váy được can từ ngoài vào, nối với đầu thân váy. Phụ nữ Thái Đen ở Yên Châu (Sơn La) thường mặc váy có cạp váy được may bằng vải màu trắng hoặc màu đỏ, cạp váy 10 cm, tiếng Thái cạp váy là *hua xín*, ở một số vùng khác như vùng Mai Sơn (Sơn La) cạp váy được dệt các màu xanh, đỏ, chứ không hoàn toàn là màu đen như ở Yên Châu (Sơn La) và phần cạp váy thường là vải khác màu.

Xưa kia váy phụ nữ Mường Vạt Yên Châu (Sơn La), có trang trí những sọc trắng ngang thân váy giống cách trang trí váy của phụ nữ Thái ở (Thanh Hoá- Nghệ An) và phần cạp váy *can xìn* thường làm bằng vải màu xanh nhạt, xanh si lâm, hoặc vải *khuýt*. Váy của phụ nữ Thái Trắng Mai Châu (Hoà Bình) là váy đen dài chấm gót, nhưng phần cạp váy *can xìn* lại là dệt các hoa văn bằng tơ tằm hoặc sợi mầu. Ta thấy rõ chiếc cạp váy này giống cạp váy của phụ nữ Mường (klóc). Đây là sự hoà nhập văn hoá khá rõ nét trong y phục của phụ nữ Thái Trắng Mai Châu (Hoà Bình) với y phục phụ nữ Mường ở Hoà Bình, kể cả chiếc khăn trắng và cách họ đội khăn trên đầu của phụ nữ Thái

Trắng (Mai Châu - Hoà Bình) cũng giống cách đội khăn của phụ nữ Mường trong khu vực. Đây có thể coi là nét khác biệt nhất giữa y phục của phụ nữ Thái Đen (Yên Châu - Sơn La) với y phục của phụ nữ Thái Trắng (Mai Châu - Hoà Bình). Sự khác biệt trong y phục này sẽ dẫn đến những sản phẩm được làm từ nghề dệt truyền thống của hai ngành Thái Đen ở Yên Châu (Sơn La) với ngành Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) sẽ khác nhau nhằm để phục vụ cho cuộc sống của họ bằng những sản phẩm thiết yếu như áo, váy, khăn và nhiều thứ khác nữa.

+ Thất lưng *xài eo* là bộ phận không thể thiếu được trong y phục của phụ nữ Thái, thất lưng là một dải vải dài 190 - 200 cm, rộng 10 - 12 cm, thất lưng thường làm bằng sợi tơ tằm, hoặc sợi bông. Thất lưng được quấn quanh vùng eo của phụ nữ dưới cặp váy, dùng để giữ váy luôn gọn gàng, luôn chắc chắn. Thất lưng được dệt từng cái một trên khung dệt, sau đó từ vải mộc được nhuộm màu xanh lá cây, hai đầu của thất lưng khoảng 10 cm được ghép bằng vải màu đỏ. Thất lưng màu xanh thường là của các cô gái trẻ, thất lưng màu tím dành cho các phụ nữ lớn tuổi.

Váy của phụ nữ Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) thường là thân váy dài trên gót, gấu váy được viền vải đỏ (2 cm). Cạp váy đây là phần đáng chú ý hơn cả vì nó khác hẳn chiếc váy của phụ nữ Thái Đen vùng Sơn La, Lai Châu. Cạp váy chia làm hai phần khá rõ. Phần trên *lang tiêng* rộng khoảng 20 cm, dệt 2 màu đen và trắng, hoa văn đơn giản. Nửa dưới của cạp váy *lang tơ* gồm thân váy rộng

khoảng 16 - 17 cm dệt bằng tơ tằm xen màu, có cặp váy pha tới 6 màu rực rỡ. Các loại hoa văn tiêu biểu của cặp váy là rồng phượng, hoa sen, hoa bên, thường ngày phụ nữ Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) thắt lưng trắng, bỏ tua ngắn bên trái, khăn đội đầu màu trắng dài tới 60 cm, rộng 20 cm gấp nếp, để nhọn trước trán (giống cách đội khăn của phụ nữ Mường ở Hoà Bình). Khi chưa lấy chồng các cô gái Thái Trắng ở Yên Châu (Sơn La) thả tóc sau lưng, có khi buộc chỉ màu, răng để trắng, khi lấy chồng các cô gái búi tóc sau gáy không *tàng cầu* búi tóc lên đỉnh đầu như phụ nữ Thái Đen ở Tây Bắc nói chung, ở Yên Châu (Sơn La) nói riêng, lúc đã có con các cô gái Thái Trắng mới nhuộm răng đen.

Bộ y phục đẹp nhất theo quan niệm của phụ nữ Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) là khăn đội trên đầu, áo cóm trắng, váy đen dài dính cặp váy dệt hình rồng, phượng tinh xảo, thắt lưng xanh, hoặc bên ngoài là áo dài xanh hoặc đỏ. Ngày xưa trong những hội coon, ném coon ngày xuân, các cô gái thường cỡi áo khoác *xửa luông*, vắt trên cây sào cạnh sân chơi. Đây cũng là phong tục giao duyên, chiếc áo sẽ tặng lại chàng trai mà cô đã thầm yêu và đã thắng coon với cô trong cuộc thi ném *coon* này.

+ Quần *xường*:

Quần của nam giới người Thái Tây Bắc có ống thẳng từ trên xuống gấu quần, đũng quần rộng cắt theo kiểu *chân què* như quần nam giới người Việt, cặp quần là một miếng vải khoảng 10 cm can vào, họ không dùng dải rút

như người Việt mà buộc một sợi dây gai mềm ngang bụng, khi mặc quần, người ta gấp hai bên cạp quần về phía trước, néo hai đầu lại với nhau và giắt vào thắt lưng.

Quần nam giới Thái được cắt từ 4 miếng vải hình chữ nhật (40 cm x 140 cm). Khi khâu quần họ dùng cách khâu đột, nhất là phần cạp và gấu quần. Nam giới người Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) ống quần may hơi khác so với quần nam giới người Thái Đen vùng (Sơn La), mặc dù họ đều sử dụng chất liệu may quần là vải sợi bông, nhuộm chàm, dệt như quần nam giới của người Thái Đen vùng Sơn La, Lai Châu đều được may ống đứng, trông khá gọn gàng. Trong khi đó chiếc quần của nam giới Thái Trắng Mai Châu (Hoà Bình) là quần dài, ống rộng, cạp quần hơi loe, khi mặc gấp lại một bên chứ không gấp vào giữa bụng như cách mặc của quần nam giới Thái Đen (Sơn La). Nam giới Thái Trắng Mai Châu khi mặc quần cũng dùng sợi gai mềm, có khuy nút để cài quần cho chắc. Khi đi chơi xa (đi lễ hội, hay dự đám cưới) người nam giới Thái Trắng Mai Châu (Hoà Bình) thường thắt thêm dải thắt lưng xanh, hoặc đỏ nịt gọn lấy áo, bỏ tua dài đằng trước, trên đầu cuốn vòng khăn trắng dài khoảng 1m. Người trung niên thường mặc thêm áo dài chấm gối, thắt lưng màu chàm hoặc tơ vàng.

+ Các loại khăn của người Thái :

Khăn: tiếng Thái *piêu*, là một bộ phận rất quan trọng trong trang phục của người Thái. Giữa các nhóm Thái Trắng và Thái Đen ở Tây Bắc, đặc biệt là nhóm Thái

Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) và nhóm Thái Đen ở Yên Châu (Sơn La) đều có những điểm khác nhau, thể hiện nét văn hoá riêng của mỗi nhóm Thái, cũng như cách ứng xử của họ trong việc sử dụng vải dệt cổ truyền của người Thái trong lối sống của mình, phù hợp với tâm lý tộc người, cuộc sống tình cảm, tâm linh của họ trong cuộc sống cộng đồng của mỗi nhóm Thái.

Người phụ nữ Thái Đen ở Tây Bắc nói chung cũng như ở Yên Châu (Sơn La) nói riêng đều có 3 loại khăn cơ bản là: khăn đội đầu *piêu*; khăn tay *khăn mấn*; khăn dùng trong lễ cúng *khăn me mốt*.

Piêu khăn đội đầu của phụ nữ Thái có 2 loại cơ bản: *piêu* thêu hoa văn, trang trí ở hai đầu khăn là loại khăn *piêu* của phụ nữ Thái Đen, khăn *piêu* truyền thống của phụ nữ Thái chỉ là vuông vải nhuộm chàm. Khăn *piêu* của phụ nữ Thái Đen (Sơn La) là chiếc khăn bằng vải dệt sợi bông, nhuộm màu chàm đen, kích thước (40 x 200 cm). Hai đầu khăn được trang trí bằng vải đỏ viền ở các cạnh góc vuông. *Cóp piêu* là giới hạn giữa phần thêu của khăn và phần không thêu, khi viền các *cóp piêu* các đầu vải của nó được biến thành các *hu piêu*, đó là các hoa *piêu* hình hoa thị ở bốn góc khăn. Trên nền *cóp piêu* còn được đính thêm các chùm *cút piêu* chùm ba, chùm năm, chùm bảy rất hài hoà với các *hu piêu*. Các *cút piêu* được tết bằng vải hình tròn ốc gồm các múi vải màu và một đầu được đính vào *cóp piêu*. Phía trong hai đầu khăn tương ứng với đường viền *cóp piêu* ở các mép đầu khăn là phần được thêu

các mô típ hoa văn. Khăn *piêu* dùng trong ngày thường của phụ nữ Thái là khăn thêu đơn giản, có khi chỉ là khăn nhuộm chàm, nhưng trong lễ hội, trong đám cưới họ đội những chiếc khăn *piêu* được thêu cầu kỳ hoa văn và màu sắc rực rỡ.

Người Thái Đen ở Sơn La cho rằng *cút piêu* là một vật tượng trưng cho các tinh tú trên trời toả ánh sáng muôn màu xuống thế gian *cút piêu* làm rất cầu kỳ, đòi hỏi cao trong kỹ xảo thêu thùa. Những bông hoa nổi *cút bóc xoắn piêu* tết bằng chính dây *cút* thừa ra, theo quan niệm xưa cho rằng đó là hình ảnh tượng trưng cho ý niệm về sự vẹn toàn, bền lâu của cuộc sống, là ước mong ngàn đời của con người về sự trường thọ của cuộc sống.

Trước khi thêu chiếc *piêu*, người Thái phải làm từng chiếc *cút* riêng, *cút piêu* được làm từ một mảnh vải đỏ rộng khoảng 1 cm bên trong bọc lõi chỉ đỏ rồi cuộn tròn lại, sau đó khâu vắt và cuốn dây vải lại theo hình tròn ốc. *Cút piêu* được quấn thêm các loại chỉ màu thành các *múi* trong hình tròn. Các *cút* sau khi làm xong được ghép khéo léo vào đầu *piêu*, khi ghép *cút* vào đầu *piêu* thường sử dụng các loại chỉ màu rực rỡ vừa làm chắc chắn vừa rất đẹp mắt với các kiểu khăn rất có kỹ thuật như khâu kiểu móc xích, xương cá, chân rết. *Cút piêu* thường xếp thành từng chùm với số lẻ 3, 5, 7 và ở bốn góc của khăn được tết thành những bông hoa *bóc xoắn piêu*. Lại nói thêm về số lẻ là con số người Thái thường dùng khi làm bậc thang, cúc áo, bướm bạc, chân song cửa sổ, họ cho đó là những con số yên lành, điều này

cũng trùng với tư duy tâm linh của người Việt hiện nay, khi làm cầu thang nhà, cấm hoa thờ cúng.

Sau khi bọc viền và ghép *cút piêu* xong, tiếp đó là công việc thêu *piêu*, đây là công việc kỳ công và khó khăn nhất, với những hoạ tiết hoa văn phong phú, họ thêu trên hai đầu khăn, người thêu có thể theo một số mẫu, có công thức sẵn, hoặc tự sáng tạo hoa văn rất đa dạng, phong phú sinh động. Đó là những hoạ tiết gần gũi với cảnh thiên nhiên núi rừng, là sự cảm nhận tinh tế của người con gái Thái với cảnh vật của quê hương mình. Với cách thêu từ mặt trái sang và các hoa văn được hiện lên ở mặt phải, với cách luồn chỉ, đan chỉ màu rất tài tình, đòi hỏi sự chính xác cao của người con gái Thái để có được chiếc khăn *piêu* thêu chỉ hồng rực rỡ tươi đẹp, mà những mảng hoa văn như thu gom cả mùa xuân đất trời, cây cỏ của núi rừng Tây Bắc vào chiếc khăn *piêu* của mình.

Phụ nữ Thái Trắng ở Sơn La, Lai Châu là nhóm Thái Trắng vẫn đội khăn *piêu* và mặc-áo *cóm* có hàng khuy bướm bằng bạc trắng. Còn phụ nữ Thái Trắng là nhóm Thái ở Mai Châu (Hoà Bình) thì không đội khăn *piêu* mà chỉ là đội khăn trắng có chiều dài 60 cm, rộng 20 cm không thêu hoa văn - đây là một trong những điểm khác nổi bật của nhóm Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) và nhóm Thái Trắng ở Yên Châu (Sơn La).

Ngoài khăn *piêu*, khăn tay và các loại khăn của các nhóm khác nhau, ở người Thái thông dụng nhất là các loại khăn: *khăn pan* là khăn dành cho nam giới, khăn làm

bằng vải chàm, kích thước 40 x 120 cm. Khăn có thể được dùng hàng ngày đội quần quanh đầu khi đi làm, cũng có khi họ dùng trong lễ hội, dự đám cưới. Có một loại khăn của nam giới ngắn hơn *khăn pan* là chiếc *khăn trọc*, khăn có hình chữ nhật (40 x 70 cm). Loại khăn này phổ biến hơn loại khăn *khăn pan*, nhất là những người lớn tuổi, họ thường quấn trên đầu khi đi làm nương, làm ruộng. *Khăn tay* là loại khăn làm bằng vải sợi bông trắng, không nhuộm chàm như khăn *piêu*. Cũng như khăn *piêu*, *khăn tay* thường được dùng làm quà tặng cho người thân và bạn bè. *Khăn tay* có kích thước (40 x 50 cm) hai đầu khăn thường được thêu hoa lá rất đẹp mắt. *Khăn tay* rất được thông dụng ở nhóm Thái Đen Yên Châu (Sơn La).

Khăn xéo cũng là loại khăn tay nhỏ (25 x 25 cm) hình vuông, vải trắng thêu khá cầu kỳ các họa tiết hoa văn như hình *tô bông* (con sâu), *fắc ven* (cỏ bọ) loại khăn này khá phổ biến ở nhóm Thái Trắng.

Khăn me mốt: (khăn của bà mẹ - là người làm chủ các buổi cầu lễ của dân bản) đây là loại khăn được ghép bởi những mảnh vải màu sắc sỡ theo chiều dọc của khăn. Phần giữa khăn có đoạn vải *khuyt* dệt kẻ nhiều màu. Trên khăn có đính cả kim tuyến và các tua vải màu. Mỗi nhóm Thái có cách dùng riêng của *Me mốt*. Có vùng các *Me mốt* không dùng khăn, nhưng ở vùng Lai Châu việc *Me mốt* dùng khăn trong các đám mọ là phổ biến.

Ở hầu khắp các nhóm Thái việc dệt vải, trồng bông lấy sợi, hay nuôi tằm lấy tơ dệt vải dùng để may quần áo,

khăn, váy là rất phổ biến và trở thành một công việc mang tính đặc trưng, tiêu biểu trong lao động gia đình diễn ra đều đặn và thường nhật của người phụ nữ Thái. Không chỉ dệt vải để may khăn, áo, váy với hoa văn độc đáo, nổi tiếng mà từ xưa hàng thủ công của người Thái được chế tác từ vải tự dệt cũng đã nổi tiếng khắp vùng Tây Bắc đó là các loại gối *moan* các loại chăn, đệm *phà*, các loại túi thổ cẩm và gần đây là các loại ví, khăn.

Nguyên liệu để làm gối, đệm - cây lau:

Để làm được gối, chăn, đệm người Thái không chỉ sử dụng vải bông, mà còn dùng cả bông lau để làm nguyên liệu, có lẽ trong số các tộc người sống ở núi rừng Tây Bắc, người Thái là dân tộc biết sử dụng bông lau hiệu quả nhất, một loại cây rừng mọc phổ biến ở vùng khe núi đá cao nguyên, người Thái dùng bông lau để chế tác ra những sản phẩm rất có giá trị như đệm nằm, đệm ngồi, gối. Đây là những vật dụng nổi tiếng bởi giá trị sử dụng ấm và đẹp, nó gắn với sinh hoạt của người Thái trong nếp nhà sàn của họ, từ đó cũng nâng lên nét văn minh trong cuộc sống gia đình, văn hoá cổ truyền của người Thái.

Cây lau: thường mọc ở các khe núi, nở rộ những bông lau vào tháng 6, 7, người Thái đi cắt về xếp thành từng đống, đắp rơm và lá chuối lên trên rồi chặn gỗ đè chặt, ủ lau trong vòng 3 đến 4 ngày, khi trời không nắng to họ ủ tới 1 tuần. Sau đó, bông ủ được dỡ ra, tuốt lấy bông lau, vút cuống lau đi, bông lau này được phơi một nắng sau đó dùng để làm đệm nằm, làm gối, và làm đệm để ngồi trên

sàn nhà, đây cũng là một sản phẩm đặc biệt của nghề dệt mà chỉ có người ở Thái Tây Bắc.

Người Thái làm đệm ngồi bằng cách cắt một mảnh vải thổ cẩm hình vuông, mỗi cạnh cắt 35 cm, sau đó cắt 2 mảnh vải chữ nhật có chiều dài bằng đường chéo hình vuông trên. Chiều rộng bằng chiều dày của đệm, khâu mép của nó theo 2 đường chéo của mảnh vải vuông. Ở mặt kia của mảnh vải vuông cũng được làm như vậy. Sau đó họ khâu đắp những mảnh vải xung quanh đệm, cuối cùng là việc lấy 2 mảnh vải có cùng kích thước như tấm vải vuông ban đầu úp lên 2 mặt và dính vào các mép của vách ngăn, sẽ tạo ra một hình hộp có 8 vách. Các mép cũng được khâu lại chỉ hở ở mỗi ngăn một lỗ để nhồi bông vào. Khi đã nhồi xong bông sẽ khâu kín các lỗ và cái đệm ngồi đã được hoàn thành.

Trên đây là những sản phẩm mang tính chất truyền thống được chế tạo thủ công, là những đồ dùng được làm ra từ việc sử dụng vải dệt cổ truyền, ngoài ra còn có những vật dụng khác được chế tác từ vải như túi thổ cẩm, ví, các loại khăn. Nhưng sản phẩm tiêu biểu hơn cả được chế tác từ vải dệt của người Thái ngoài bộ y phục phụ nữ Thái, có lẽ là mặt *phà* ở vùng Yên Châu (Sơn La) hay vùng Mai Châu (Hoà Bình) mặt *phà* chủ yếu vốn có 3 loại chính, dựa theo họa tiết, hoa văn.

Loại mặt phà thứ nhất: thường có nền màu trắng, với những họa tiết hoa văn màu đen, xanh, tím, đỏ, với những hình hoa lá, cây cỏ. Chất liệu dùng làm mặt *phà* là vải dệt

sợi bông, khổ vải 0,40 cm. Căn cứ vào hoa văn trên mặt phà người Thái đặt tên cho mặt phà. Ví dụ ngay ở xóm Mai Hạ (Chiềng châu- Mai Châu Hoà Bình) có 8 loại tên khác nhau (theo quan niệm dân gian của người Thái):

- Mặt phà hình hoa lá
- Mặt phà hình hoa *phay*
- Mặt phà hình khoá hòm
- Mặt phà hình tán lá dừa
- Mặt phà hình dây leo
- Mặt phà hình quả tròn, quả trám
- Mặt phà hình con bướm
- Mặt phà hình con khỉ.

Một số họa tiết hoa văn luôn luôn được dùng làm đường viền trên mặt phà như hình răng cưa, hình răng chuột, hình quạt xoè. Thường là trên mặt phà hoa văn có từ 4 đến 7 họa tiết, điều này phụ thuộc vào người dệt. Các họa tiết này được dệt xen kẽ nhau thành hình vuông, hình quả trám. Cách bố cục của họa tiết thường là đối xứng hoặc xen kẽ. Đối xứng cũng có 2 cách: đối đơn (là đối xứng qua 1 trục) hay đối kép (khi họa tiết ở 4 góc, đối xứng qua các họa tiết lớn ở giữa). Ví dụ ở một mặt phà lớn, đường viền là hình quạt xoè kép, có 4 hình quả trám đối nhau ở các góc của hình vuông, hoặc bốn con bướm. Hình răng của đối kép hình răng chuột lại đối đơn qua tâm là hình dây leo. Ba họa tiết hình học trên lại đối qua các họa tiết ở

giữa là hình mười hai con chuồn chuồn, xen kẽ là bốn họa tiết hình quả trám, là hình hoa pha lớn.

Loại mặt phà thứ hai: Mặt phà nền đỏ, các họa tiết được dệt nhiều màu sắc khác nhau. Nhiều hoa văn hình động vật, cây cỏ và các dải màu dệt xen kẽ nhau (rộng khoảng 1,5 cm), đặc biệt là cách dệt chỉ màu dệt lồng đôi hình răng chuột, lại có những dải pha màu nhỏ dệt đan xen (1 cm). Trên các dải màu này hoặc dưới dải màu lại được dệt những bông hoa (mạn), hình những con nhện hay hình nhiều quả mây. Trên hoặc dưới các hoa văn này được dệt một dải màu đỏ rộng khoảng 10 cm có tên gọi là tải. Loại mặt phà này là loại quý, được dùng tơ tằm để dệt, khổ 40 cm.

Đặc biệt là ở vùng Mai Châu (Hoà Bình) có loại mặt phà được người Thái Trắng ở đây gọi là *phà Lào* với các loại họa tiết voi, ngựa, kết cấu phức tạp hơn các loại thông dụng trên (phải chăng các hoa văn này được từ Lào truyền tới Mai Châu- Hoà Bình), phổ biến hơn cả ở vùng Mai Châu (Hoà Bình) là mặt phà dệt hình con vật như gà trống, gà mái, từng đàn hươu, nai đang chạy, hay hình khỉ leo dây, đàn bướm bay lượn quanh đám hoa trong rừng.

Loại mặt phà thứ ba: Người Thái gọi là mặt phà *Đền vọng*. Đó là mặt phà có nền đỏ, hoa văn, họa tiết nhiều màu với các hình động vật sinh động, mặt phà được làm bằng chất liệu tơ tằm có khổ rộng 75 - 80 cm. Những hình họa tiết phổ biến của mặt phà *Đền vọng* là hình voi, ngựa, hươu, nai có hình người cưỡi voi, cưỡi ngựa, phía bên dưới các họa tiết động vật là các màu sắc cây, hoa, lá rực rỡ.

Thời xa xưa ở Tây Bắc, đặc biệt là ở vùng Mai Châu (Hoà Bình) những mặt phà bằng tơ tằm mà người Thái quen gọi là *Phá Lào* như kiểu *Đền vọng* là vật quý chỉ những nhà giàu mới có. Người già ở các vùng này đều nhớ lại là thời xưa người Thái vùng Tây Bắc chỉ dệt những họa tiết hình voi, ngựa, khỉ gọi là các *Phá Lào*. Đó là những mặt phà cổ truyền của người Thái, không rõ vào thời nào mặt phà kiểu *Phá Lào* được đưa vào vùng người Thái Mai Châu (Hoà Bình) vài chục năm gần đây phụ nữ Thái ở đây đều biết dệt mặt phà theo kiểu *Đền vọng*, *Phá Lào*, mặt phà này đã trở thành những mặt phà được ưa dùng trong vùng, hoà nhập tự nhiên và được người Thái ở đây chấp nhận. Hiện tượng này cũng gợi ý cho chúng ta về những bằng cứ cho việc nghiên cứu nguồn gốc tộc người cũng như sự giao lưu văn hoá của người Thái trong khu vực Đông Nam Á, mà những nước có biên giới với vùng Tây Bắc Việt Nam là Lào, Trung Quốc là những nước có nhiều mối liên hệ gần gũi trong văn hoá của các tộc người sống ở khu vực này, trong đó có người Thái ở vùng miền núi Tây Bắc nước ta.

Họa văn trên mặt phà mỗi loại đều có cái đẹp rất riêng dù đó là *Mặt phá* hay *Đền vọng*. Họa tiết họa văn đều được bố cục hài hoà, cân đối, màu sắc tươi đẹp, nó thật sự là một tác phẩm nghệ thuật mà người dệt ra nó đã gửi gắm tất cả tình cảm thân thương, những cái nhìn tinh tế về cảnh đẹp thiên nhiên quanh họ cũng đồng thời thể hiện tay nghề giỏi giang của họ khi dệt ra mặt phà đó. Điều đó được biểu hiện qua từng chi tiết nhỏ như dài, nhị của bông lau, cái mỏ, cánh chim, con bướm xinh đẹp. *Mặt phá*, *Đền*

vong được coi là tài sản quý giá của người Thái, nó không những được dùng làm vỏ chăn, làm đệm trong gia đình mà còn là những lễ vật trong đám cưới hỏi khi nhà trai đem đến nhà gái, bao giờ cũng phải có 4 sải mặt *phà* (mỗi sải bằng 1m60). Ngoài ra mặt *phà* còn là quà mừng đám cưới cho con, cháu, chị em trong nhà. Đặc biệt trong tang lễ miếng *phà* là tấm vải dùng để liệm cho người đã khuất, cũng là những tấm vải trang trí bọc đôn khiêng nhà tang, vì theo quan niệm của người Thái từ cổ xưa đây là cách mà người trong gia đình chia của cho người đã đi xa.

Cùng với áo, quần, khăn, váy, mặt *phà* là một sản phẩm thật quý giá và gắn bó suốt đời với người Thái, và càng thấy giá trị sử dụng những sản phẩm của nghề dệt truyền thống thật bền chặt và sâu sắc trong cuộc sống vật chất, đời sống tinh thần của tộc người Thái Tây Bắc Việt Nam.

Chương III

TRIỂN VỌNG NGHỀ DỆT CỦA NGƯỜI THÁI TÂY BẮC TRONG ĐỜI SỐNG HIỆN ĐẠI

3.1. Nghề dệt trong điều kiện kinh tế thị trường và phát triển du lịch ở miền núi Tây Bắc Việt Nam

a) Cơ sở lý luận khoa học cho việc phát triển kinh tế thị trường và phát triển du lịch ở miền núi nước ta

Chúng ta đều biết sự phát triển của xã hội loài người đã trải qua nhiều phương thức sản xuất khác nhau. Trong đó có nhiều hình thức chung có thể tồn tại trong nhiều phương thức sản xuất. Hình thức kinh tế chung đầu tiên của lịch sử là kinh tế tự nhiên, rồi từng bước hàng hóa phát triển từ thấp đến cao là cơ sở chủ yếu để tạo lập nên kinh tế thị trường.

+ *Kinh tế tự cung tự cấp*: Là hình thức tổ chức kinh tế - xã hội mà sản phẩm được sản xuất ra không phải để trao đổi trên thị trường mà để thoả mãn những nhu cầu tiêu dùng trong đơn vị kinh tế sản xuất ra nó, chủ yếu là thoả

mãn những nhu cầu của người sản xuất. Trong kinh tế tự cung tự cấp, nông nghiệp chiếm vị trí chủ đạo, sản xuất luôn luôn phải phụ thuộc vào thiên nhiên, công cụ lao động còn thô sơ, kỹ thuật sản xuất lạc hậu. Quan hệ sản xuất biểu hiện dưới dạng sơ khai, tức là quan hệ trực tiếp giữa người với người, chứ không phải thông qua những sản phẩm lao động của họ. Phân công lao động xã hội thấp kém, quy mô sản xuất nhỏ bé, khép kín và lao động mang tính chất xã hội trong phạm vi hẹp. Do đó, trong nền kinh tế tự cung tự cấp, sản xuất và trao đổi hàng hoá tuy đã hình thành nhưng còn đơn giản.

+ *Kinh tế hàng hoá*: Là một hình thức tổ chức kinh tế xã hội mà người sản xuất không phải nhằm sản xuất ra sản phẩm để tự cấp tự túc mà đem ra thị trường trao đổi. Kinh tế hàng hoá xuất hiện là kết quả của lực lượng sản xuất xã hội phát triển.

Trong nền kinh tế hàng hoá, thị trường đóng vai trò to lớn trong việc điều chỉnh sản xuất, gắn sản xuất với tiêu dùng, liên kết nền kinh tế thành một thể thống nhất, gắn các quá trình kinh tế trong nước với các quá trình kinh tế thế giới. Do đó, theo quan điểm kinh tế - thị trường chính là hợp phần bắt buộc sự ra đời của sản phẩm hàng hoá và phát triển.

+ *Thị trường*: Là một hình thức biểu hiện sự phân công lao động xã hội, và do đó nó có thể phát triển mạnh mẽ ở đâu và khi nào có sự phân công lao động xã hội thì ở đó và khi ấy có thị trường. Thị trường là địa điểm diễn ra

các hoạt động chuyển nhượng, trao đổi, mua bán hàng và dịch vụ.

Thị trường là nơi gặp nhau giữa cung và cầu. Thị trường là tổng hợp các quan hệ kinh tế hình thành trong hoạt động mua và bán.

Nhưng, điều quan trọng để hiểu được thực chất của thị trường là ở chỗ, thị trường không chỉ đơn thuần là lĩnh vực trao đổi, di chuyển hàng hoá, dịch vụ từ người sản xuất sang người tiêu dùng, bởi vì không phải trao đổi có thể được tổ chức theo các cách khác nhau, mà là trao đổi được tổ chức theo các quy luật của lưu thông hàng hoá và lưu thông tiền tệ. Vì thế, thị trường có thể hiểu là một quá trình, trong đó người bán và người mua một hàng hoá nào đó tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng, chất lượng hàng hoá và dịch vụ, hay có thể nói là một quá trình cung cầu hợp thành giá cả thị trường. Thêm vào đó, cần phải hiểu rằng, trong nền kinh tế hàng hoá có một hệ thống quy luật kinh tế vốn có tác động như: Quy luật giá cả, quy luật cung cầu, quy luật lưu thông tiền tệ, quy luật cạnh tranh.

Các quy luật biểu hiện sự tác động của mình thông qua thị trường, thông qua toàn bộ những mối quan hệ kinh tế trong lĩnh vực trao đổi. Nhờ những mối quan hệ đó hàng hoá được thực hiện. Toàn bộ mối quan hệ như vậy là bản chất của thị trường, nhờ vận động của thị trường mà diễn ra sự thích ứng tự phát giữa cơ cấu của sản xuất hàng hoá với khối lượng và cơ cấu nhu cầu hàng hoá của xã hội.

+ *Kinh tế thị trường*: Là kinh tế hàng hoá phát triển ở trình độ cao, khi tất cả các quan hệ kinh tế trong quá trình tái sản xuất xã hội đều được tiền tệ hoá, các yếu tố của sản xuất như vốn, tài sản, sức lao động, chất xám, các sản phẩm và dịch vụ làm ra đều có giá, mà giá cả hình thành bởi tác động của quy luật cung cầu trên thị trường.

Trong kinh tế thị trường, mỗi chủ thể kinh tế, trong hoạt động kinh doanh, theo đuổi mục đích của mình là lợi nhuận. Do đó, nói đến kinh tế thị trường cần phải đảm bảo những điều kiện sau:

+ Tính tự chủ cao của các chủ thể kinh tế. Họ phải độc lập với nhau và có toàn quyền quyết định mọi hoạt động kinh doanh của mình, sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào, sản xuất cho ai, phải do họ lựa chọn và quyết định.

+ Người bán và người mua có khả năng lựa chọn nhau, nghĩa là tự do giao dịch.

+ Mua bán theo giá cả thị trường.

+ Đảm bảo có đủ thông tin về thị trường.

Nền kinh tế thị trường có ưu điểm là có tính năng động, thích nghi lớn và có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao. Ở đây có nguyên tắc ai đưa ra thị trường loại sản phẩm mới và đưa ra trước sẽ thu được lợi nhuận nhiều hơn. Vì vậy, trong kinh tế thị trường luôn luôn diễn ra sự trao đổi mới và sáng tạo. Nói đến kinh tế thị trường là nói đến sự cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế, nên nền kinh tế này đòi hỏi phải thường xuyên áp dụng kỹ thuật mới,

nâng cao trình độ quản lý, tính chủ thể của các chủ thể kinh tế rất cao. Các chủ thể kinh tế tự bù đắp những chi phí sản xuất và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của mình, tự do liên kết, liên doanh theo luật định. Những quan hệ kinh tế trong thị trường không đóng khung trong một địa phương mà mở rộng ra nhiều địa phương đến toàn quốc và quốc tế.

Song xét về khuyết điểm, nền kinh tế thị trường vẫn chứa đựng nhiều mâu thuẫn. Động lực cá nhân, lợi nhuận tối đa tất yếu dẫn tới sự phân hóa giàu nghèo rõ rệt. Cạnh tranh khó tránh khỏi sự lừa gạt, phá sản, thất nghiệp. Tính tự phát vốn có của nền kinh tế thị trường có thể dẫn tới sự tiến bộ và cả sự suy thoái, khủng hoảng kinh tế - xã hội. Trong lịch sử cũng đã diễn ra vào cuối những năm 20, đầu những năm 30 của thế kỷ XX. Các nước có nền kinh tế thị trường đã tìm được cách giải quyết (bằng cách tạo ra hệ thống luật pháp và chính sách vĩ mô như thuế, giá, đầu tư và những chính sách xã hội) làm công cụ quan trọng để điều tiết cung cầu, khâu trung tâm của thị trường mà không vi phạm đến tính tự chủ điều tiết của các chủ thể kinh tế ở tầm vi mô.

+ *Kinh tế thị trường có điều tiết của nhà nước*: Là nền kinh tế hỗn hợp của cơ chế tự điều chỉnh sự quản lý của nhà nước về kinh tế tức là có bàn tay vô hình của hệ thống thị trường và bàn tay hữu hình của chính phủ.

Hiện nay, việc chuyển sang kinh tế thị trường ở nước ta không chỉ có điều tiết mà là có sự điều tiết theo định

hướng xã hội chủ nghĩa, vừa đảm bảo có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, vừa giải quyết tốt các vấn đề xã hội, bảo đảm sự thống nhất giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội. Trong nền kinh tế đó, ở tầm vĩ mô, sản xuất, dịch vụ cái gì, sản xuất như thế nào, phân phối cho ai hoàn toàn theo cơ chế thị trường. Ở tầm vĩ mô, bằng các công cụ kế hoạch, Nhà nước điều tiết theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Song việc chuyển nền kinh tế nước ta sang nền kinh tế thị trường có điều tiết nói chung và trong nông - lâm - thủ công nghiệp nói riêng, không phải là việc làm một sớm một chiều, mà là một quá trình gồm nhiều bước chuyển như:

- Đổi mới chế độ sở hữu
- Chủ động tổ chức hệ thống thị trường
- Đổi mới quản lý kinh tế của Nhà nước.

Trên đây chúng ta đã điểm lại những lý luận làm cơ sở khoa học cho sự phát triển kinh tế xã hội nói chung, của các tỉnh miền núi nước ta trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường. Công cuộc đổi mới toàn diện bên cạnh nông nghiệp, công nghiệp, thương mại. Chúng ta không thể bỏ qua một ngành kinh tế khá điển hình đó là du lịch. Du lịch được biết đến là một trong những ngành kinh tế tăng trưởng nhanh nhất thế giới, góp phần tạo ra việc làm, tăng nguồn thu, cải thiện cơ sở hạ tầng, nâng cấp các di sản văn hoá, khuyến khích phát triển kinh tế, giao lưu văn hoá và tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa các khu vực, thông qua

đó góp phần bảo vệ và gìn giữ hoà bình trên thế giới. Vai trò, vị trí và hiệu quả nhiều mặt của du lịch rất dễ thuyết phục và được nhiều người biết đến, được chính phủ nhiều nước chấp nhận, trong đó có chính phủ Việt Nam.

Hoạt động của ngành du lịch Việt Nam tính từ mốc thành lập cục du lịch ngày 03-10-1964. Năm 1978 trở thành Tổng Cục Du lịch. Nghị quyết TW khoá 8 cũng đã khẳng định cần phát triển nhanh du lịch trong công cuộc từng bước đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp hiện đại.

Tháng 05-1995, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam thời kỳ 1995 - 2010. Tháng 02-1999, Nhà nước đã ban hành pháp lệnh du lịch. Đây là những cơ sở pháp lý quan trọng cho việc phát triển du lịch Việt Nam phù hợp với tiềm năng, đảm bảo sự phát triển bền vững trong mối quan hệ với tài nguyên và môi trường. Việt Nam đã định hướng phát triển du lịch sinh thái và văn hoá, triển khai bước đầu có kết quả.

Du lịch Việt Nam đang ở giai đoạn đầu của sự phát triển, phát huy lợi thế của các nước đi sau, học tập các kinh nghiệm hay và vấp vấp của các nước đi trước để áp dụng và phòng tránh, đồng thời cũng nhận rõ tầm quan trọng của phát triển du lịch sinh thái bền vững ở các vùng khác nhau ở nước ta. Nhìn một cách tổng thể tác động của kinh tế thị trường và phát triển du lịch ở miền núi Tây Bắc nước ta là to lớn và tích cực (tất nhiên sẽ có không ít các vấn đề đang đặt ra).

phát lại truyền hình. Tình trạng thiếu đói dai dẳng, đứt bữa đã được hạn chế, đã hình thành nhiều trung tâm kinh tế - xã hội phát triển. Đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số được nâng cao rõ rệt.

Trong quá trình vận hành theo cơ chế thị trường, ở miền núi Tây Bắc, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số trong đó có khu vực Yên Châu (Sơn La) và Mai Châu (Hoà Bình) nơi cư trú của hai nhóm Thái Đen và Thái Trắng rất điển hình bởi những nét văn hoá đẹp, đậm đà bản sắc Thái và nghề dệt thủ công truyền thống của họ. Sự thích ứng nghề dệt của người Thái trong cơ chế thị trường và phát triển du lịch ở khu vực miền núi Tây Bắc có nhiều vấn đề đặt ra mà chúng ta cần tìm ra những thuận lợi cũng như những bất cập của nghề dệt người Thái trong cơ chế thị trường và phát triển du lịch. Để mong góp được những lý giải tích cực cho nghề dệt của người Thái tại hai khu vực này tồn tại, phát triển, thiết thực trở thành một trong những nhân tố nội sinh giúp người Thái xoá đói giảm nghèo và gìn giữ phát huy bản sắc văn hoá Thái qua các sản phẩm dệt thủ công truyền thống của mình.

c) Thực trạng của nghề dệt ở Mai Châu (Hoà Bình) và Yên Châu (Sơn La) trong cơ chế thị trường và phát triển du lịch

Thực tế lịch sử hàng trăm năm với những tập quán, thói quen tự cấp tự túc hàng ngàn đời để lại, đã tạo ra cho nhân dân các tộc người sống ở miền núi nói chung có đời sống và sản xuất quen lệ thuộc vào thiên nhiên. Mọi hoạt

động sản xuất đều đòi hỏi có sự san xẻ cùng cộng đồng (có một thời gian dài là thông qua cơ chế hợp tác xã của nhà nước). Vai trò của các chính sách và cơ chế thực hiện theo các đường lối đổi mới là sự chuyển đổi vô cùng lớn lao, là thay thế phương thức làm thay - bao cấp của nhà nước lâu nay bằng cách hỗ trợ và giúp đỡ để cho chính nhân dân các dân tộc tự mình thực hiện sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của mình.

Tuy nhiên, trước những khó khăn của lịch sử để lại việc phát triển sản xuất và đời sống theo những hướng tích cực của cơ chế và các chính sách đổi mới được thực hiện không thể chỉ trong một sớm, một chiều. Với sự chuyển đổi của kinh tế địa phương, từng hộ gia đình được tự chủ trong sản xuất, tự quán xuyến hoàn toàn trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, tự gánh chịu rủi ro vốn trong sản xuất. Nhờ những chính sách đổi mới tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo tính tự chủ của các hộ gia đình được vững vàng hơn kể cả các hình thức phát triển sản xuất và điều kiện thuê mướn cũng thuận lợi hơn. Tuy nhiên, ở các vùng dân tộc miền núi, cụ thể là ở Yên Châu (Sơn La) cũng như Mai Châu (Hoà Bình), tính tự chủ, tích cực trên đã tạo ra được động thái mới, tuy chưa mạnh mẽ và chưa thật năng động để có thể phát huy vai trò của tổ chức và cá nhân người lao động trong cơ chế thị trường, nhất là trong khâu liên kết sản xuất, quản lý sản xuất.

Đó là những mặt hạn chế rất căn bản sự thích ứng cơ chế thị trường của các cơ sở sản xuất nói chung trong các

mặt kinh tế, cũng như nói riêng đối với nghề dệt của người Thái ở Yên Châu (Sơn La) và Mai Châu (Hoà Bình).

Thế nhưng, trong thực tế, với những điều kiện thuận lợi mới, được tạo nên bởi các cơ chế, chính sách từ trung ương đến các địa phương dẫn đến đổi mới về kinh tế, văn hoá, y tế, giáo dục ở các vùng dân tộc và miền núi lại là những cơ sở phát triển nội lực ở mỗi người dân. Đây là điều kiện tiên quyết, không thể thiếu được của bất kỳ sự phát triển nào, nhất là trong điều kiện còn nhiều khó khăn về vật chất như hiện nay. Một điều không thể phủ nhận là, các chính sách đổi mới đã tạo ra nhịp cầu gắn kết giữa nhân dân các dân tộc với những nguồn lực phát triển về kinh tế, văn hoá, xã hội, giúp họ thật sự làm chủ trong môi trường mới. Và xét về toàn cục, các vùng dân tộc và miền núi cùng cả nước đi vào cơ chế mới trong những thuận lợi mới của các mối liên kết đang phát triển giữa các vùng, trong sự phân công chung của cả nền kinh tế trong nước và hợp tác với nước ngoài.

Với những đặc thù của mình, so với vùng đồng bằng các dân tộc ở miền núi nước ta lại có những đặc điểm phát triển riêng biệt. Thực tế, qua 15 năm đổi mới có thể dự báo được khả năng tăng trưởng về mọi mặt kinh tế, về tiến bộ xã hội và đảm bảo môi trường sinh thái lành mạnh, trong đó trước hết là sự thay đổi theo hướng tích cực về xoá bỏ bức tranh đói nghèo, với sự đi lên của các trang trại, mức thu nhập và công việc làm của cư dân được tăng lên. Nhờ mức tăng lên trong việc mở rộng diện tích và năng lực đất

đai sử dụng, những điều kiện hạ tầng căn bản và khả năng thích nghi từng bước với cơ chế thị trường của nhân dân các dân tộc mà thể hiện cụ thể ở một số mô hình phát triển nghề dệt thủ công truyền thống của người Thái ở Yên Châu (Sơn La) và Mai Châu (Hoà Bình). Sự thích ứng cơ chế thị trường và phát triển du lịch cùng với sức sống rất bền bỉ của bản sắc văn hoá tộc người, chính vì lẽ đó nghề dệt của người Thái đã nhanh chóng hồi sinh và thích ứng, cho dù trước đây trong cơ chế bao cấp nó chỉ là một nghề thụ động, lẻ loi, đơn chiếc, tồn tại bấp bênh thì nay cơ chế thị trường và phát triển du lịch ở miền núi Tây Bắc đã vực dậy, sống động một nghề thủ công danh bất hư truyền, đã tạo đà cho nó phát triển trong không gian rộng mở của cơ chế thị trường.

Một thực tế xã hội là trong nhiều năm qua sản phẩm công nghiệp đã chi phối mạnh mẽ đến nhịp sống và các kỹ thuật thủ công để chế tác ra sản phẩm dệt phục vụ đời sống của người Thái, chính vì lẽ đó sản phẩm thuần chất Thái đã bị mai một đi trong đời sống sinh hoạt của tộc người. Ở vùng Yên Châu (Sơn La) và Mai Châu (Hoà Bình) trong một thời gian từ năm 1986 cho tới nay chúng ta thấy một hiện tượng là mặc dù trong lễ hội, trong đám tang người Thái vẫn sử dụng sản phẩm dệt thủ công của mình nhưng để sử dụng trong đời sống thường nhật thì sản phẩm dệt Thái đã bị thay thế rất nhiều bởi những đồ dùng hàng mậu dịch. Ví dụ: Nam thanh niên Thái ít thấy mặc quần áo truyền thống mà họ mặc quần âu, áo sơ mi, áo phông như thanh niên dưới xuôi, phụ nữ Thái vẫn mặc

xỉn, váy Thái khá phổ biến nhưng chất liệu thì là vải lụa đen, nhung đen, áo cóm với hàng cúc bạc chỉ dùng khi có dịp lễ, tết, hội hè, còn chủ yếu mặc áo cánh, áo sợi ni lông, áo sơ mi như phụ nữ người Kinh vậy.

Sở dĩ có hiện tượng đó là hàng công nghiệp do mậu dịch đưa lên miền núi khá phổ biến giá rẻ, mẫu mã đẹp mắt, và đặc biệt là các anh, chị em trẻ dân tộc Thái đi thoát ly, đi bộ đội khi về quê cũng thường mặc theo kiểu của người Việt ở dưới xuôi. Sau nữa hàng vải, quần áo dệt công nghiệp của mậu dịch với nhiều chủng loại, mẫu mã thật sự là mới mẻ, đẹp mắt, điều đó cũng là một sự hấp dẫn với thanh niên dân tộc, họ ham cái đẹp, cái mới, lại tiện lợi đó cũng là điều không khó hiểu. Tuy nhiên, người già, nhất là phụ nữ từ trung niên trở đi ở các bản làng thì vẫn mặc theo kiểu truyền thống đặc biệt hơn cả ở Yên Châu (Sơn La) là chiếc khăn Piêu vẫn không hề thay đổi, có chăng là chỉ thay đổi về chất liệu, sợi và chỉ màu mua sẵn ở chợ, nhưng những chiếc khăn piêu đẹp nhất vẫn là khăn được dệt bằng sợi bông. Chính vì những thay đổi trong việc sử dụng đồ dùng bằng sản phẩm dệt như vậy mà nhiều năm qua nghề dệt Thái bị mai một rất nhiều, thêm vào đó việc gia tăng dân số, mà đất đai thì hẹp dần do đó diện tích đất trồng bông, trồng chàm ngày một ít đi và các khung cửi để phủ mạng nhện cũng tăng lên. Nguy cơ mất đi một nghề thủ công truyền thống là có thật, tuy nhiên việc người Thái ở Yên Châu (Sơn La) và Mai Châu (Hoà Bình) trong nhiều năm trước cơ chế đổi mới đã tồn tại một hiện tượng là mặc dù không bỏ hẳn khung dệt và

trang phục truyền thống nhưng họ vẫn thích sử dụng hàng may mặc của mậu dịch. Họ chấp nhận những sản phẩm dệt công nghiệp trong đời sống sinh hoạt của mình một cách tự nhiên, nhưng trong ý thức của mỗi người họ vẫn rất trân trọng hàng dệt truyền thống của mình không chỉ là ý thức của sự tôn trọng truyền thống ông cha mà cả ý thức về giá trị vật chất của nó.

Cho đến những năm 1996 trở lại đây thì tình hình đã khác hẳn, quy luật của cơ chế thị trường và phát triển du lịch đã phát huy được tác dụng ở các địa phương như Yên Châu (Sơn La) và Mai Châu (Hoà Bình) vốn có nghề thủ công truyền thống rất bình dị đơn sơ nhưng đã góp vào cuộc sống xã hội từ bao đời nay những sản phẩm hữu ích, những vật dụng bình thường nhưng gắn bó và thân thuộc với mỗi một tâm hồn Thái thuần hậu, chất phác, đó là những tấm khăn *piêu* những chiếc khăn tay hay mặt phà thổ cẩm, họa tiết hoa văn sống động. Giờ đây chính những vật dụng bình dị đó đã trở thành hàng hoá.

Nghề dệt thật nhọc nhằn nhưng đầy tính nhân văn và mang đậm tính cộng đồng bởi lẽ nó gắn gũi với con người miền núi, những sản phẩm dệt Thái như được bắt nguồn từ cội nguồn dân tộc, đưa con người vào trong thiên nhiên và hoà đồng cùng thiên nhiên, cũng chính vì lẽ đó mà nghề dệt thủ công của người Thái đã bảo lưu tốt những nét đặc thù của văn hoá Thái - là sợi dây nối quá khứ - hiện tại và tương lai, đó là truyền thống, là cái cần giữ gìn để tạo ra sức sống vững chắc cho tương lai. Những kỹ năng, kỹ xảo

trong nghề dệt của các cô gái Thái đã có cơ hội để thể hiện tất cả sự tinh xảo vốn có của những bàn tay khéo léo. Sản phẩm dệt của họ là sự kết hợp giữa kỹ năng lao động và sự chăm chỉ cần cù. Nghề dệt ở Yên Châu (Sơn La) và Mai Châu (Hoà Bình) đã thu hút được lao động bởi nó tạo ra việc làm cho nhiều lớp người, nó là sự vui thú lao động của tuổi già là sự háo hức của các cô gái trẻ, bởi nó tạo ra giá trị vật chất thật sự trong kinh tế thị trường, và cho mỗi hộ gia đình, giúp cho người dân xoá đói giảm nghèo. Vẫn còn khó để vươn lên làm giàu nhưng cũng hé mở vươn lên trong đời sống cộng đồng, có cái ăn, cái để, tạo bộ mặt mới cho sự sống của mảnh đất này lên men.

+ Mô hình nghề dệt truyền thống của người Thái Trắng ở Mai Châu trong cơ chế thị trường, phát triển du lịch và văn hoá sinh thái ở miền núi Hoà Bình

Du lịch cũng như nhiều ngành khác phụ thuộc rất nhiều vào tài nguyên, ở đây là *tài nguyên du lịch*, là yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới việc tổ chức khu vực du lịch, đến việc hình thành các hình thức, các loại hình du lịch và hiệu quả của hoạt động du lịch. Trong kinh doanh du lịch, tài nguyên du lịch được phân thành 2 loại: tài nguyên du lịch tự nhiên chính là các yếu tố tự nhiên như phong cảnh đẹp, khí hậu trong lành, nguồn nước suối, hồ, rừng. Tài nguyên du lịch văn hoá là các hệ thống vật thể, văn hoá phi vật thể do con người tạo dựng ra trong quá trình lao động.

Mai Châu (Hoà Bình) nằm trong loại tài nguyên du lịch tự nhiên (sinh thái - môi trường - văn hoá)) với vị trí ở

phía Tây tỉnh Hoà Bình, phía Đông giáp với huyện Tân Lạc và Đà Bắc, phía Nam giáp huyện Quan Hoá (Thanh Hoá) phía Bắc giáp huyện Mộc Châu (Sơn La). Mai Châu được xem là cửa ngõ lên Tây Bắc, Mai Châu là một thung lũng chạy dài uốn quanh chân những dãy núi đồ sộ. Địa hình chia thành những vùng cao thấp khác nhau tạo nên một hệ sinh thái đa dạng. Hệ thực vật và động vật nhiệt đới khá phong phú, khí hậu trong lành. Về mùa đông ấm áp mát mẻ, mùa hè với những địa danh có phong cảnh hấp dẫn nên thơ như: dốc Châm, dốc Cun, hang Nhiên, hang Ha, hang Nhật. Đây là những điểm du lịch khá lý tưởng với loại hình du lịch sinh thái văn hoá. Đứng trên đỉnh Thung Khe ta sẽ thấy toàn cảnh Mai Châu với những ruộng bậc thang, ruộng lúa, hồ nước, những con suối nhỏ uốn lượn quanh, những cánh rừng và bản làng tạo nên một tổng thể thiên nhiên hài hoà sinh động.

+ *Khu du lịch Bản Lác*: là một địa điểm khá quan trọng của Mai Châu. Nằm kế với Chiềng Châu trung tâm của bản mường Thái cổ, Bản Lác có vị trí địa lý gần đường giao thông liên huyện, liên tỉnh thuận tiện cho việc đi lại, giao lưu kinh tế văn hoá với khu vực lân cận.

Có thể nói, điều kiện tự nhiên đã tạo ra nguồn tài nguyên du lịch văn hoá sinh thái khá phong phú để phát triển du lịch của địa phương này, không chỉ du lịch sinh thái mà nguồn tài nguyên du lịch văn hoá cũng rất đặc sắc và thu hút khách du lịch - đó là những nét văn hoá Thái thuần khiết và đậm đà tính nhân bản của người Thái

Trắng ở Mai Châu. Cũng cần nhắc lại một vài nét về chủ nhân của vùng văn hoá Mai Châu này, cho đến nay, chúng ta biết được tổ tiên của người Thái ở Mai Châu là từ vùng Bắc Hà - Mường Húc, Pưc Khà (Lao Cai) di cư đến đây khoảng 600 năm trước. Qua những phát hiện khảo cổ tìm thấy ở hang Khoái, hang Nhiên, hang Ha thì khi người Thái di cư đến ở Mai Châu đã có sẵn một nền văn minh của người cổ xưa. Truyền thuyết của người Thái ở Mai Châu cũng kể lại rằng tổ tiên của họ đã có cuộc thiên di từ phía Bắc (vùng Xyp xoong pana) xuống phía Nam, trong đó có một dòng Thái đã dừng lại ở Mai Châu để dựng cơ nghiệp, qua nhiều thế hệ lao động và sáng tạo đã xây dựng lên một xã hội Bản Mường với những người tự nhận là Thái Trắng có một bề dày văn hoá độc đáo và phong phú như ngày nay.

Truyền thuyết về tên gọi Bản Lác hiện nay còn rất ít người biết đến. Theo nghĩa gốc *Lác* trong tiếng Thái là *lạ*. Trong truyền thuyết của người Thái Mai Châu cũng có đoạn nói rằng - Bản *Lác* là bản của nhiều người xa lạ đến ở cùng nhau.

Địa bàn cư trú cũng là một yếu tố quan trọng để tạo nên tính đa dạng và sinh động của văn hoá Thái Trắng ở Bản Lác nói riêng và ở cả khu du lịch Mai Châu nói chung. Mai Châu là địa bàn cư trú của một số tộc người có phong cách văn hoá rất đặc sắc và một bề dày truyền thống lâu đời như người Mường, người Thái, người Dao, H'mông, Tày, Việt... Người Thái ở Mai Châu chiếm tới 60% dân số. Sự cộng cư này đã tạo nên một diện mạo rực rỡ và phong

phủ cho khu vực văn hoá thung lũng Mai Châu, trong đó nổi bật lên những nét văn hoá Thái Trắng rất đậm đà bản sắc của người Thái ở Mai Châu (Hoà Bình).

Trong quá trình cộng cư, trải qua lịch sử của nhiều thế hệ sinh tồn, giao lưu và phát triển. Người Thái Trắng ở đây đã tiếp thu những vốn hiểu biết của các dân tộc láng giềng, đặc biệt là đối với văn hoá Mường. Do vậy, bên cạnh việc bảo lưu những nét văn hoá của truyền thống tộc người như tiếng nói, phong tục tập quán thì người Thái ở Mai Châu cũng có những đặc điểm văn hoá chung với các tộc người khác. Một ví dụ: nhà sàn Thái Trắng ở Mai Châu là kiểu nhà sàn của người Mường song lại có gầm sàn và vách nhà cao, dốc hơn tạo dáng thoai thoải như kiểu nhà người Thái vùng Yên Châu (Sơn La). Điểm đáng quan tâm nhất là y phục của phụ nữ Thái Trắng (Mai Châu) tương tự y phục của phụ nữ Mường trong khu vực, nhưng có điểm khác là áo Cóm, áo Choàng thường là rực rỡ sáng màu hơn, mặt *phà*, mặt chần có nét hoa văn hình học của hoạ tiết ở cấp váy Mường, hoa văn động vật lại mang những hoạ tiết hoa văn mặt *phà* của Lào, những kỹ thuật pha màu và bố cục trang trí của toàn bộ mặt *phà* lại là phong cách Thái.

Ngày nay, bên cạnh những thay đổi tất yếu do sự chuyển đổi cơ chế kinh tế của đất nước, nhưng xã hội bản mường Thái ở Mai Châu vẫn giữ được những nét văn hoá truyền thống của mình. Đặc biệt là ở Bản Lác xã Chiềng Châu (Mai Châu), là một bản còn bảo lưu được những nét văn hoá truyền thống đó, từ kiến trúc nhà sàn, phong tục tập quán,

những sinh hoạt văn hoá văn nghệ, lễ hội, các nghề thủ công truyền thống mà tiêu biểu là nghề dệt truyền thống của họ.

Như ở các phần trước chúng tôi đã có dịp đề cập đến quan điểm của người Thái về nghề dệt, đó là thước đo phẩm hạnh người con gái Thái và ngày nay nghề dệt ở Mai Châu của người phụ nữ Thái không chỉ đơn giản là lo cái mặc cho gia đình mà do sự phát triển của ngành du lịch, khi có chính sách thị trường mở cửa, khách du lịch đến Mai Châu nhiều hơn. Cùng hệ thống thông tin đại chúng phát triển do đó nhân dân cả nước, bạn bè nước ngoài đều có thể nghe và biết đến Mai Châu - nơi có non xanh biếc, nơi có những tấm vải thổ cẩm hoa văn tươi đẹp, các cô gái Thái Trắng với những điệu xoè duyên dáng, mời khách uống rượu cần, ăn món canh măng chua nấu cá. Và cũng chính nhờ có du lịch mà hàng thổ cẩm, sản phẩm dệt của người Thái Mai Châu đã được đi tới nhiều địa phương cả trong và ngoài nước. Những người dân Bản Lác cũng tự nhận ra rằng các sản phẩm là từ nghề dệt truyền thống của họ được du khách thập phương rất ưa chuộng, đặc biệt là khách du lịch nước ngoài. Do đó cùng với du lịch phát triển, nghề dệt và các sản phẩm chế tác từ vải dệt truyền thống ngày càng phát đạt hơn.

Du lịch Mai Châu có manh nha từ những năm 1960 - 1962, các chuyên gia Liên Xô (cũ) lên xây dựng thuỷ điện Hoà Bình rất thích thú khi tới thăm Bản Lác, Bản Văn với suối rừng thác nước rất hùng vĩ lên thơ. Trước những năm 1993 Mai Châu - Bản Lác đã có khách tới thăm quan và

ngủ đêm nhưng phải đến giữa năm 1993 thì Mai Châu, Bản Lác mới chính thức được công nhận là khu du lịch của tỉnh, và điểm du lịch Mai Châu với những lợi thế của mình là khu vực có phong cảnh thiên nhiên sinh thái trong lành, tươi đẹp, lại là nơi cư trú mật tập của người Thái Trắng với nghề dệt truyền thống độc đáo thu hút được sự thích thú của khách thăm quan, và khu du lịch Mai Châu nhanh chóng trở thành một điểm sáng trong các điểm du lịch của tỉnh Hoà Bình.

Phòng du lịch huyện Mai Châu trực tiếp quản lý các điểm du lịch này. Trong những khu du lịch Bản Lác chỉ có 2, 3 nhà dân cho khách ngủ trọ qua đêm, họ cũng không thu tiền của khách. Năm 1995 Bản Lác đã có 18 nhà dân cho khách ngủ trọ.

Lượng khách vào thăm Bản Lác năm nhiều năm ít nhưng cũng đủ là chất xúc tác mạnh mẽ cho sự phát triển nghề dệt truyền thống ở đây. Một khu chợ nhỏ bán toàn sản phẩm dệt, đã hình thành ngay trong Bản Lác - chỉ đơn giản là một cây sào dài gần ngay cầu thang cũng đủ treo hàng loạt tấm mặt phà, khăn, áo, túi thổ cẩm.

Toàn huyện Mai Châu có khoảng 10.000 hộ, trong đó có trên 5.000 hộ có khung cửi dệt vải, có những nhà có tới 4 khung dệt vải như nhà ông Hà Công Nhắm ở Bản Văng. Một đặc biệt nữa là mô hình nghề dệt Mai Châu đã nhanh chóng hình thành những bản làng chuyên dệt vải thuê cho các chủ hàng bán tại Bản Lác và gửi đi Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh. Bản Văng có trên 169 hộ. Nhà nào cũng có 2,3 tới 4 khung dệt để dệt thuê, một điều thú vị là dệt vải

không những chỉ thu hút các cô gái mà cả các cậu con trai, ví dụ: nhà ông Hà Văn Khang có cậu con trai Hà Văn Tín 15 tuổi nổi tiếng dệt giỏi.

Chủng loại hàng dệt bông hiện nay khá đa dạng, không chỉ là vải sải, vải trắng hay các tấm vải để làm mặt phà, may váy nữa mà mẫu mã hàng dệt còn cần phải đáp ứng yêu cầu của chủ hàng, có thể là khăn tắm, khăn trải giường, vải sải để may các loại áo, mặt gối, túi, ví.

Ngày công dệt thuê của người dân Bản Vãng là 14.000 đồng /1 ngày. Hàng được đặt tương đối thường xuyên, đó là điều khá thuận lợi cho các hộ gia đình có điều kiện tăng thu nhập.

Bản Văn cũng là một điểm dệt thuê, tuy số khung cửi ít hơn so với bản Vãng, bản Vãng là bản có cường độ dệt sôi nổi nhộn nhịp nhất.

Điểm lại tình hình khách du lịch đến Mai Châu vài năm qua cho ta thấy sự thiếu ổn định và kéo theo nó là sự bấp bênh cho những người bán hàng sản phẩm dệt trong khu du lịch cũng như cho từng hộ dân làm nghề dệt. Một thực tế là từ 1994 đến nay số khách du lịch đến Mai Châu có lúc tăng, nhưng có thời gian lại chững lại (do tác động khủng hoảng tiền tệ trong khu vực).

Nhìn chung khách đến thăm quan khu du lịch Bản Lác - Mai Châu là đa dạng về thành phần, về giới và từ nhiều nước khác nhau. Nếu ban đầu chỉ là những nhà nghiên cứu khoa học địa lý, địa chất, sinh thái, dân tộc học, khảo cổ học, xã hội học, thì về sau đối tượng du khách ngày càng được mở

rộng với số lượng nhiều hơn bao gồm học sinh, sinh viên, cán bộ nhân viên các cơ quan nhà nước, cá nhân và đặc biệt là khách du lịch nước ngoài xuất hiện ngày một nhiều. Họ đến từ nhiều nước như Pháp, Mỹ, Nhật, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Hà Lan, Singapo, Anh, Đức, Hàn Quốc... trong đó khách du lịch Pháp đến khu du lịch Mai Châu là nhiều hơn cả (chiếm gần 50 % số du khách- theo số liệu phòng quản lý du lịch Mai Châu). Các hoạt động du lịch ở đây diễn ra quanh năm, mùa lạnh khách nước ngoài đến nhiều hơn, mùa nắng khách du lịch trong nước lại đông hơn.

Bảng số liệu về lượng khách du lịch đến Mai Châu trong một số năm gần đây

Mai Châu	Năm 1994		Năm 1995		Năm 1996		Năm 1997	
Khách	Nội địa	Quốc tế	Nội địa	Quốc tế	Nội địa	Quốc tế	Nội địa	Quốc tế
Lượt khách	630	1200	850	1800	1010	1640	1090	1600

Mai Châu	Năm 1998		Năm 1999		Năm 2000	
Khách	Nội địa	Quốc tế	Nội địa	Quốc tế	Nội địa	Quốc tế
Lượt khách	2090	1500	2090	1700	2300	1800

Nguồn: Phòng du lịch huyện Mai Châu.

(Số liệu chính xác đến hàng chục vì có những trường hợp khách du lịch không kịp đăng ký với ban quản lý).

Qua bảng thống kê số lượng khách du lịch ta thấy xu hướng khách trong nước và ngoài nước đến du lịch ở Bản Lác - Mai Châu từ 1994 đến 1997 không có gì thay đổi. Năm 1994, khách nước ngoài đông gấp đôi khách trong nước, năm 1995 khách nước ngoài đông gấp ba, đây cũng chính là năm mà chợ bán hàng sản phẩm dệt ở Bản Lác bấy từng đây, chợ hoạt động buôn bán nhộn nhịp nhất. Đây cũng là năm xuất hiện các chủ hàng ở thị trấn Mai Châu đứng ra tổ chức, thuê người ở bản Văng, bản Văn dệt và chế tác sản phẩm từ vải dệt như túi, ví, khăn, gối... với số lượng nhiều nhất.

Những năm 1994, 1995, 1996 là những năm nghề dệt và việc bán sản phẩm dệt đạt tới đỉnh cao. Từ năm 1997 trở lại đây thì mức thu nhập đó bị chững lại do lượng khách du lịch nước ngoài giảm đi, do đó sản phẩm dệt bán chậm hẳn. Tuy nhiên qua việc phỏng vấn các gia đình làm nghề dệt chúng tôi thấy trong nhiều năm qua ở Mai Châu bên cạnh việc phát triển một cách tự phát của các hộ dệt hàng, làm các sản phẩm dệt để gửi bán ở Bản Lác thì song song với việc đó chính quyền địa phương đã có kế hoạch phát triển du lịch và nghề dệt thủ công, coi đó là một ngành kinh tế mũi nhọn của huyện trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội thời gian từ 1995 - 2000 và vẫn khẳng định lại tinh thần đó trong chiến lược phát triển kinh tế địa phương từ 2001 - 2005.

Từ 1995 - 1996 Hội phụ nữ huyện đã có kế hoạch triển khai giúp đỡ hỗ trợ chị em phụ nữ làm nghề dệt tại Mai

Châu thông qua cách cho vay vốn và tìm thị trường tiêu thụ, nhưng việc này cũng không có cơ sở để kéo dài vì phụ thuộc vào thị trường của các địa phương khác và phụ thuộc vào các hội chợ ở Hà Nội.

Một điều cần ghi nhận là sản phẩm dệt ở Mai Châu đã thực sự trở thành hàng hoá tiêu thụ trên thị trường ở địa phương. Và ở một mức độ không nhỏ nó đã trở thành một nguồn tăng thu nhập đáng kể cho mỗi hộ gia đình tham gia sản xuất hàng dệt, hoặc bán hàng dệt phục vụ khách du lịch. Thậm chí một số hộ họ dành toàn bộ sức lao động của gia đình tham gia vào việc dệt vải thuê khi có nhiều hàng đặt, còn việc ruộng, nương họ chấp nhận đi thuê người làm. Sự phát triển nghề dệt ở Mai Châu đã tạo ra công việc cho hàng trăm người dân ở đây, đặc biệt là có sự tham gia của phụ nữ mọi lứa tuổi, và các em nhỏ. Trong vài năm qua có thể nói nghề dệt ở Mai Châu (Hoà Bình) đã thật sự giúp người dân thoát khỏi đói và nghèo ở một số hộ gia đình.

Tình hình các hộ làm nghề dệt ở Bản Vãng

Số hộ: 169	Số khung dệt	Thành quả LĐ của 1 hộ/1tháng
19 hộ	1 khung	200.000
85 hộ	2 khung	400.000
40 hộ	3 khung	600.000
25 hộ	4 khung	800.000
Các loại sản phẩm		Vải trắng, vải thổ cẩm

Như ở phần trên chúng tôi đã đề cập tới việc hình thành một bản chuyên dệt thuê cho các chủ hàng là Bản Vãng, chúng ta thấy có những hộ có tới 4 khung dệt và thu nhập tới 800.000đ/tháng. Cũng cần nói rõ là việc thu nhập không đều mà chỉ vào những dịp rộ hàng dệt của các chủ hàng, do họ có mối đưa hàng đi các tỉnh như gửi vào thành phố Hồ Chí Minh hay về Hà Nội.

Bản Văn có 83 hộ, chỉ có 40 hộ có khung dệt cũng có hộ có tới 3 khung dệt như chị Hà Thị Phương. Nhìn chung thu nhập nghề dệt ở các bản dệt thuê không cao lắm nhưng khá đều và so với trồng lúa làm nương là hơn hẳn. Nông nghiệp chỉ thu được 150.000 đ/tháng.

Nhóm dệt của chị Hà Thị Hoà được tổ chức từ năm 1995, lúc đầu chỉ là một nhóm dệt để địa phương có sản phẩm tham dự hội chợ ở Trung ương, là để phục vụ chương trình phát triển kinh tế từ nghề thủ công của địa phương. Nhóm dệt này hoạt động khá đều và có hiệu quả, cả nhóm có 30 chị, đa số chị em đều thuộc Bản Vãng, một điều cần quan tâm là, ban đầu chị Hà Thị Hoà tổ chức chị em trong nhóm dệt là không có một sự hỗ trợ nào của địa phương, cũng như không được ưu đãi vay vốn ngân hàng, chị Hoà tự bỏ vốn và đặt hàng theo cách giao nguyên liệu, giao mẫu và trả công theo sản phẩm. Nhóm của chị Hoà chủ yếu sản xuất vải và vải thổ cẩm. Công dệt 1 ngày trung bình mỗi người được 14.000 đồng.

Trong năm 1997-1998, nhóm dệt của chị Hoà lên tới 300 - 400 khung dệt. Hàng không chỉ bán ở khu du lịch bản Lác, hoặc ở chợ thị trấn Mai Châu, mà còn gửi về các cửa hàng ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1997 - 1998 là những năm làm ăn phát đạt nhất của nhóm chị Hoà ở Mai Châu. Từ 1999 đến nay số khung vải thu hẹp lại vì không tìm được thị trường tiêu thụ. Đây là một dấu hiệu đáng buồn vì thật sự mô hình nghề dệt này tồn tại tự phát, không được sự đỡ đầu hay hỗ trợ của Nhà nước hoặc một tổ chức nào. Nó phụ thuộc hoàn toàn vào thị trường kinh tế của một số khu vực đặt hàng như ở Hà Nội hay thành phố Hồ Chí Minh, hoặc thị trường tại chỗ là chợ bản Lác.

Tuy vậy, chúng ta không thể không ghi nhận một thực tại rất đáng khích lệ là nhóm dệt của chị Hà Thị Hoà, anh Vũ Văn Ba và một số nhóm nhỏ khác đều là những nhân tố tích cực trong xu thế phát triển kinh tế và du lịch ở Mai Châu (Hoà Bình). Thực tế nó đã góp phần tăng trưởng kinh tế của địa phương, tăng thu nhập hộ gia đình rất đáng kể, hơn thế nữa nó đã tạo ra việc làm thường xuyên cho rất nhiều phụ nữ Thái Trắng ở Mai Châu. Ý nghĩa lớn hơn của việc làm sống dậy một cách khá sôi nổi của các khung dệt, làm ra sản phẩm của tộc người mình, để hoà nhập vào khu vực hàng hoá, bán buôn trên thị trường, đồng thời cũng đã góp phần khôi phục một nghề dệt truyền thống của người Thái, và thực chất họ đã cùng toàn dân tham gia tích cực vào chiến lược xoá đói giảm nghèo của địa phương.

Hiệu quả sử dụng lao động

Ngành sản xuất	Thu nhập (1000đ)	Công ld	Thu nhập công ld (1000đ)
1. Lúa	695,5	60	9,6
2. Ngô	2,1375	180	10,9
3. Sắn	425	63	5,7
4. Lợn, gà	229	40	4,7
5. Cá	600	45	133
6. Dệt thủ công	923	60	15,4

Nguồn: Số liệu điều tra xã hội học tại Bản Lác, Mai Châu năm 2001.

So với một số ngành sản xuất phổ biến khác trong hoạt động kinh tế truyền thống của người Thái ở Mai Châu, thì ta thấy hiệu quả kinh tế của nghề dệt thủ công là cao hẳn, thu nhập tới 15,4 nghìn đồng/1 ngày. Vấn đề có ý nghĩa quan trọng chính là nghề dệt đã tạo ra việc làm hàng ngày và nhất là vào thời gian nông nhàn cho chị em phụ nữ, tạo điều kiện cho người phụ nữ Thái phát huy nghề dệt truyền thống, sở trường của họ. Đồng thời bảo tồn văn hoá Thái, giúp nó mãi mãi trường tồn. Nghề dệt ở đây phần nào đã giải phóng người phụ nữ khỏi những việc nặng nhọc như lấy củi, phát nương, làm cỏ mà ngày xưa họ thường cùng chia sẻ với chồng, nay người nam giới trong gia đình thường tự

nguyên gánh vác để vợ họ có thời gian dệt hàng được nhiều hơn, huy động được cả các cụ già, bé gái vào việc dệt.

Một điểm đáng kể mà chúng ta phải ghi nhận là nghề dệt đã trở thành một nhân tố đa dạng hoá ngành nghề sản xuất của các hộ nông dân miền núi Tây Bắc nói chung, ở Mai Châu (Hoà Bình) nói riêng.

+ Tình hình bán hàng sản phẩm dệt ở Mai Châu khu du lịch Bản Lác

Khu du lịch bản Lác là nơi sản phẩm dệt được bán tập trung nhất ở Mai Châu vì ở đó đã hình thành một khu chợ nhỏ, hàng được bày bán theo từng dãy được chăng bằng dây và sào nứa dọc theo con đường trong bản, tất cả chỉ vào độ gần 5 ha. Bên cạnh sản phẩm dệt của người Thái Mai Châu, còn có rất nhiều hàng dệt của các dân tộc khác, đó là sản phẩm dệt của người H'mông ở Hang Kia, Pà Cò gửi bán, và sản phẩm dệt của người Dao từ xã Tân Sơn, Tân Mai cũng thuộc huyện Mai Châu, hàng đan lát của người Mường. Những hàng dệt được bày xen lẫn nhau tạo thành những dãy hàng vải đẹp mắt, bên cạnh vải khít Thái, mặt chăn thổ cẩm Thái, túi, ví, mặt gối, khăn trải của người Thái là những tấm khăn với chất liệu bông, lanh với cách chế tác riêng biệt bằng cách in sáp ong của người H'mông, người Dao. Chính ở khu chợ du lịch này đã thể hiện một hiện tượng văn hoá độc đáo, khu chợ du lịch của bản địa Thái nhưng lại bày bán nhiều sản phẩm của người H'mông, người Dao và đồ đan lát của người Mường. Chính đó tạo nên sự hoà đồng đa sắc diện của văn hoá tộc

người khu vực thung lũng Mai Châu mới được xuất hiện trong những năm gần đây khi có cơ chế kinh tế thị trường và phát triển du lịch. Đồng thời chính là yếu tố kích thích phát triển nghề thủ công truyền thống trong đó chủ yếu là nghề dệt, đối với các dân tộc khác trong khu vực như người H'mông, người Dao, người Mường. Không chỉ đơn thuần là quan hệ bán hàng để có thêm tiền giúp họ tạo việc làm tăng thu nhập, mà lớn hơn cả là việc làm đó sẽ góp phần bảo tồn và phát huy văn hoá truyền thống của các tộc người cùng cư trú trong khu vực địa lý Mai Châu. Một đặc điểm đáng lưu ý là mặc dù hàng của người H'mông, người Dao, người Mường bày bán trong các dãy hàng nhưng chủ các dãy hàng này vẫn là các hộ người Thái trong bản Lác. Chưa hề có một dãy hàng riêng rẽ nào của người Dao hay người H'mông cả. Các hộ người Thái trong bản vừa biết kết hợp bán các sản phẩm dệt, vừa làm dịch vụ phục vụ khách du lịch tới thăm khu du lịch bản Lác. Theo kết quả điều tra xã hội học chúng tôi được biết: nếu năm 1993 - 1994 chỉ có 3 hộ bán hàng sản phẩm dệt là nhà ông Hà Công Nhắm, Hà Công Xương, Hà Công Bình, thì tới năm 1995- 1996 có tới 6 hộ, năm 1998 thì hầu như tất cả các hộ trong bản đều bày bán hàng (gồm 97 hộ).

Phương thức bán hàng của họ khá đơn giản, hầu hết là hàng gửi của các hộ từ bản Văng, bản Văn gửi vào các hộ có hàng bày bán. Các chủ hàng cũng có mua một số hàng theo kiểu đặt làm như mặt gối, khăn trải, túi thổ cẩm, ví, khăn... nhưng không nhiều lắm vì không có vốn, nguồn hàng bày bán chủ yếu vẫn là hàng đặt ký gửi bán

dẫn. Cũng có một số hộ đến tận Hang Kia, Pà Cò hoặc Tân Sơn, Tân Mai để đặt hàng của người H'mông, người Dao Tiên theo các mẫu mã riêng như túi, áo gối, khăn trải nhưng không nhiều vì khả năng đầu tư kinh tế để làm việc này có hạn chế. Ở bản Lác trong từng hộ tuy mở các dãy bán hàng nhưng các nhà vẫn có khung dệt và người già, phụ nữ, trẻ em vẫn tranh thủ dệt và việc dệt vải trở thành một tiết mục hấp dẫn khách du lịch, nhất là khách nước ngoài, có nhiều nhà bán được số lượng hàng nhiều hơn khi họ để một khung dệt dưới gầm sàn. Theo phương thức phía ngoài thì bày hàng bán, phía trong là một khung dệt và một cô gái Thái duyên dáng trẻ trung trong bộ trang phục dân tộc Thái đang ngồi dệt vải. Nhiều du khách chờ cô gái dệt xong tấm khăn và họ mua ngay. Đây cũng là một cách tiếp thị độc đáo, sự thích ứng với hoạt động du lịch rất sáng tạo của người Thái Trắng ở Mai Châu. Tuy nhiên hình thức này chưa được nhân lên ở diện rộng mà chỉ là hoạt động lẻ tẻ của một vài hộ trong bản. Điều này cũng nói lên một thực trạng là tuy bản Lác là bản du lịch có sự quản lý của phòng du lịch huyện Mai Châu, nhưng các hoạt động du lịch lại gần như tự phát, đây có lẽ là một hạn chế rất cơ bản của du lịch Mai Châu, hoạt động có bề nổi nhất là 3 đội văn nghệ thôn bản phục vụ khách du lịch, các cô gái chàng trai Thái với trang phục dân tộc rực rỡ, có cả công chiêng, trống, đàn sáo và họ thường biểu diễn ngay tại các nhà sàn, nơi có khách du lịch nghỉ lại qua đêm. Chương trình biểu diễn trong 1 giờ 30 phút với giá 250 nghìn đồng một buổi diễn.

Nhìn chung các hộ gia đình ở bản Lác có mở quầy hàng bán sản phẩm dệt đều có mức thu nhập khá hẳn lên trong vài năm qua. Ở bản Lác có 16 nhà nghỉ đón khách du lịch, các nhà này đều có đăng ký kinh doanh với phòng thương mại huyện và phải đóng thuế kinh doanh hàng tháng. Có những nhà đạt tới mức thuế phải đóng khá cao như nhà ông Hà Công Xương thuế đóng 1 tháng là 1 triệu đồng, có hộ ít tiền thuế cũng lên tới tiền trăm. Qua đó đủ thấy mức bán hàng và mua sản phẩm dệt để bán của các hộ ở khu du lịch bản Lác là có một tiềm năng đáng kể khi đặt nó trong mặt bằng kinh tế chung của khu vực miền núi tỉnh Hoà Bình.

Hầu hết các hộ gia đình buôn bán và phục vụ du lịch ở bản Lác đều có điện thoại để giao dịch đón khách và bán hàng dệt. Có một số nhà nghỉ đã xây khá đẹp và tiện nghi tương đối tốt như nhà nghỉ của anh Hà Công Bình (nhà nghỉ số 9). Có 10 nhà nghỉ trong khu du lịch bản Lác có hệ thống toilet, có nước dùng qua máy bơm, nhưng do xử lý bề phốt chưa tốt nên đã có hiện tượng nước bị dئه lên ở các cống chảy ra mương gây mất vệ sinh, ô nhiễm nguồn nước giếng đào trong bản. Đây thật sự là những hậu quả xấu của sự phát triển, xây dựng nhà nghỉ và các hệ thống nhà tắm, nhà vệ sinh một cách tự phát, thiếu tính toán khoa học. Hậu quả ô nhiễm nguồn nước và môi trường sống đã xảy ra ở bản Lác, ở mức độ khá rõ rệt và đáng báo động, đây cũng là một vấn đề đặt ra trong chiến lược phát triển du lịch trong tương lai.

Trở lại tình hình bán sản phẩm trong khu du lịch Bản Lác chúng ta thấy rất rõ một hiện thực là nghề dệt thủ công và bán hàng dệt đã đem lại thu nhập khá lớn. Vào mùa du lịch mỗi một hộ bán hàng sản phẩm dệt, có thể thu được 17.000 đồng lãi một ngày, tuy rằng họ vẫn làm nghề nông là chủ yếu.

Tình hình thu nhập của hộ bán hàng dệt:

Ngành SX	SL (ng. đồng)	Cơ cấu (%)	SL(ng. đồng)	Cơ cấu (%)
1. Lúa	1.360	15.26	696	13.13
2. Ngô	2.438	27.26	2.138	40.93
3. Sắn	4.25	4.77	425	8.14
4. Rau, quả	2.13	2.38	213	4.07
5. Chăn nuôi	7.30	8.91	229	4.38
6. Cá	900	10.10	600	11.49
7. Bán hàng dệt	2.843	31.39	923	17.68
Tổng	8.909	100.00	5.224	100.00

Nguồn: Số liệu phỏng vấn hộ gia đình.

Tổng giá trị sản phẩm là 8,809.000 đồng, trong đó giá trị sản phẩm thu được từ việc bán sản phẩm dệt lên tới 17,68%. Các sản phẩm từ lúa, gạo ngô cũng chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu giá trị sản phẩm. Vì thực chất đây là các hộ nông dân mà nghề chính là làm ruộng

nuông, chăn nuôi cá, lợn, gà, vẫn là nguồn thu nhập kinh tế truyền thống của họ. Trong đó lúa vẫn chiếm vị trí quan trọng thứ nhất trong toàn bộ thu nhập, diện tích trồng ngô không nhiều (điều này có khác so với Yên Châu).

Mặc dù nếu xét theo cơ cấu thu nhập thì sản xuất cây ngô chiếm cao nhất, hơn 40% vì sản xuất ngô chi phí đầu tư không đáng kể, cơ cấu thu nhập từ bán hàng thủ công chiếm gần 20%. Điều này chứng tỏ rằng việc bán hàng dệt đã đem lại thu nhập cao đáng kể cho các hộ nông dân bản Lác. Trong khi các hộ nông dân sản xuất nông nghiệp thuần nông ở Mai Châu hàng năm chỉ tăng 4%.

Nghề dệt thổ cẩm cùng việc buôn bán sản phẩm dệt ở Mai Châu ngoài việc giúp người dân tăng việc làm lúc nông nhàn, tăng thu nhập còn là một cách làm đa dạng hoá nguồn thu nhập của người dân tích cực góp phần điều hoà việc sử dụng lao động theo thời vụ và thời gian trong ngày có hiệu quả. Nếu như trước kia các hộ nông dân ở Bản Lác và ở các bản xung quanh Mai Châu chỉ trông chờ vào 2 vụ thu hoạch lúa, ngô thì bây giờ họ rất chuyên tâm vào việc dệt vải và bán sản phẩm dệt vì việc đó đem lại cho họ thêm thu nhập từng ngày, từng buổi, nguồn thu nhập đã góp phần không nhỏ giúp họ giải quyết khó khăn trong cuộc sống. Theo kết quả điều tra thì khoảng 55% thu nhập từ việc dệt thổ cẩm và bán hàng dệt được sử dụng cho mục đích sinh hoạt, cải thiện đời sống gia đình, mua thực phẩm, lương thực, quần áo, đồ dùng sinh hoạt. Số các hộ có ti vi, đài, quạt điện ở Mai Châu lên tới 90% tổng số

hộ dân ở Mai Châu. Trên đây là một số nét cơ bản về tình hình sản xuất của nghề dệt ở Mai Châu và việc buôn bán sản phẩm dệt ở địa phương này trong điều kiện kinh tế thị trường và phát triển du lịch.

d) Thực trạng nghề dệt ở Yên Châu (Sơn La)

Nếu ở Mai Châu vì là gắn với hoạt động du lịch cho nên nghề dệt hoạt động khá sôi nổi, cả việc dệt và chế tác sản phẩm cũng như việc bán hàng dệt tại thị trấn Mai Châu và chủ yếu là tại khu du lịch Bản Lác. Nhưng tình hình nghề dệt ở Yên Châu (Sơn La) thì lại có phần trầm lắng hơn vì nó không có điểm du lịch nổi bật. Mặc dù vậy nghề dệt ở Yên Châu (Sơn La) của người Thái Đen vẫn tồn tại bền chặt trong cộng đồng tộc người và các sản phẩm dệt của họ đang bảo lưu rất tốt, những yếu tố truyền thống nhất là nguyên liệu dệt. Hầu như người Thái Đen vẫn duy trì thói quen dệt vải từ sợi bông, sợi tơ tằm. Còn ở Mai Châu thì hàng dệt gần như 80% là sợi mậu dịch.

Ở Yên Châu (Sơn la) hàng dệt của người Thái trong thực tế cũng đã trở thành hàng hoá, chợ huyện Yên Châu có rất nhiều hàng thổ cẩm, mặt phà, khăn *piêu* được bày bán cùng các mặt hàng vải, quần áo được may từ dưới xuôi lên. Nhìn chung nghề dệt của người Thái Đen ở Yên Châu vẫn tồn tại bền bỉ trong từng hộ gia đình, nó trở thành sản phẩm tự họ đem bán tại chợ huyện hoặc gửi các cửa hàng ở chợ để bán dần, xu hướng bán này vẫn đều đều và cũng đem lại những thu nhập rất khiêm tốn cho người dân Yên Châu.

Một đặc điểm khá nổi bật ở Yên Châu là cây ngô vẫn là cây lương thực có vị trí khá quan trọng trong nền kinh tế địa phương, điều này vốn đã tồn tại từ lâu đời, diện tích trồng ngô chiếm tỷ lệ nhiều hơn so với diện tích trồng lúa.

Ở Chiềng Đông, Bản Thên Luông có nhiều hộ gia đình một năm thu hoạch được 20 tấn ngô, theo giá thị trường năm 2001 họ sẽ thu được 20 - 22 triệu đồng. Đây là nguồn thu chính trong kinh tế cả năm của họ. Ngô ở Yên Châu thu hoạch vào tháng 9, 10 âm lịch, đây là dịp người dân sẽ có tiền do bán ngô, họ sẽ mua sắm những vật dụng có giá trị trong gia đình ví dụ như xe máy. Đầu năm 2001 ở Yên Châu các hộ rộ lên phong trào mua xe máy Trung Quốc, giá từ 7 - 10 triệu, họ mua vào dịp đầu năm, chỉ phải trả một số ít tiền, còn sẽ trả dần khi thu hoạch vụ ngô tiếp theo. Điều đó cho thấy cây ngô có sức mạnh rất lớn trong thu nhập kinh tế của người Thái Yên Châu (Sơn La).

Như chúng tôi đã nhắc tới ở trên, nghề dệt tồn tại bền chặt trong đời sống cộng đồng người Thái ở Tây Bắc nói chung và ở Yên Châu (Sơn La) nói riêng đã và đang trở thành một nhân tố tích cực giúp cho người dân tăng thu nhập hộ qua từng mùa, từng vụ. Bên cạnh đó, hàng dệt đã trở thành hàng hoá trên thị trường huyện Yên Châu và ra cả các tỉnh ngoài. Ở chợ Chiềng Đông bà con thường nhắc tới chị Lò Thị Hùng (53 tuổi, người Thái Đen) là một người buôn bán hàng thổ cẩm có vốn rất lớn, chị là một đại lý hàng thổ cẩm của chợ Chiềng Đông.

Ở Chợ Chiềng Đông nếu gửi bán vải thô trắng chỉ được 2.000 đồng cho một sải vải. Trong khi đó vải *khít* là loại vải dày làm chần, đậm giá 6000 đồng 1 sải, đây là vải dệt bằng sợi mậu dịch, chứ không phải là vải dệt bằng sợi bông nguyên chất thì giá sẽ tăng lên gấp ba, bốn lần. Đặc biệt những tấm khăn piêu thêu sợi tơ tằm, vải thô sợi bông, có khăn lên tới 100.000 đồng còn khăn sợi mậu dịch thì chỉ 20 - 25.000 đồng/1 khăn.

Điểm qua tình hình bán hàng sản phẩm dệt ở chợ Chiềng Đông và chợ huyện Yên Châu ta thấy hàng dệt vẫn có mặt trên thị trường và vẫn đem lại một khoản thu nhập đều đặn cho các hộ gia đình. Riêng vụ hè năm 2001 ở chợ Yên Châu xuất hiện rất nhiều vải thô đen của Trung Quốc sang, khổ 40 cm, 1 sải giá 1600 đồng, mặt vải khá đẹp, được bà con Thái, H'mông trong vùng khá ưa chuộng. Đây phải xem là một yếu tố cạnh tranh trong việc buôn bán sản phẩm dệt ở Yên Châu (Sơn La). Sự xuất hiện yếu tố hàng cạnh tranh buộc người Thái làm nghề dệt phải nghĩ tới việc đa dạng hoá các loại sản phẩm, ví dụ như vải của Trung Quốc chỉ là màu đen mà không có màu trắng, xanh đen, màu chàm nhạt và chàm sẫm là những màu đặc trưng trong trang phục của người Thái, vì lẽ đó năm 2001 chợ Chiềng Đông và chợ Yên Châu lượng vải thô trắng, vải thô chàm tăng hẳn lên, nhờ vậy vải dệt thủ công của người Thái vẫn có thể bán được, có thể thấy trên thị trường hàng dệt thổ cẩm Yên Châu (Sơn La) sự thích ứng thật nhanh nhạy, thật hài hoà để hàng dệt của người Thái có thể tồn

tại, góp mặt với hàng hoá thị trường địa phương, tạo ra những lợi nhuận chính đáng cho người phụ nữ Thái làm nghề dệt, cũng từ góc nhìn này chúng ta càng thấy rõ sức sống rất vững vàng nghề dệt của người Thái ở Yên Châu trong xu thế đổi mới kinh tế thị trường của cuộc sống hiện đại. Hàng dệt còn có một khả năng phát triển nhiều hơn, đem lại lợi nhuận cao hơn cho người dân nếu có thị trường bán đều đặn. Nội lực là có nhưng vì không thể bán được nhiều hơn trên thị trường từng địa phương và ở những nơi khác nữa trong nước, nên nghề dệt của người Thái Yên Châu vẫn chỉ dừng ở mức độ cầm chừng, chưa thể có sức bật dậy và với tốc độ sản xuất rộn rịp như ở Mai Châu nơi có sự kích thích hoạt động du lịch tại chỗ tương đối sôi động diễn ra hàng ngày, với một địa bàn như là ở Mai Châu (Hoà Bình) thì đó là một sự kích thích mạnh đối với một nghề truyền thống, sản xuất quy mô nhỏ với kỹ thuật thủ công thô sơ, chủ yếu sản xuất hàng diễn ra ở từng hộ gia đình.

Trên đây là tình hình chung trong việc bán và sản xuất hàng dệt trên thị trường Yên Châu (Sơn La). Đối với các đối tượng sản xuất là đơn lẻ, riêng rẽ ở các hộ gia đình. Khi nói đến nghề dệt của người Thái Đen ở đây trong khung cảnh của kinh tế thị trường ở miền núi Tây Bắc, sẽ là thiếu sót khi không kể đến có một mô hình sản xuất nghề dệt đã phát triển khá hiệu quả từ 1994 đến nay với sự tài trợ của tổ chức phi chính phủ Oxfams Quebec. Đó là dự án Handicraft (Craft link) đặt tại bản Thèn Luông xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu (Sơn La).

Oxfams Quebec là tổ chức phi chính phủ có văn phòng đại diện tại Hà Nội. Một trong những hoạt động của tổ chức này là giúp đỡ những cộng đồng dân tộc khó khăn, đặc biệt là người phụ nữ là những đối tượng mà Oxfams Quebec quan tâm sâu sắc. Thông qua những chương trình, những dự án mà vai trò của người phụ nữ được nâng lên bằng những hoạt động của chính bản thân họ.

Thèn Luông là một bản toàn người Thái Đen thuộc xã Chiềng Đông huyện Yên Châu (Sơn La). Người dân ở đây sinh sống chủ yếu bằng việc canh tác nương rẫy và một phần canh tác lúa nước. Người phụ nữ Thái Đen ở Yên Châu vốn có tay nghề truyền thống về sản xuất hàng thổ cẩm, trước kia họ chủ yếu làm khăn, áo, chăn, đệm cho gia đình dùng. Hiện nay nhờ cơ chế thị trường những hàng thổ cẩm đã trở thành hàng hoá. Oxfams Quebec đã chọn Thèn Luông làm địa điểm triển khai dự án của mình với mục đích giúp chị em người Thái Đen ở đây phát triển nghề dệt, sản xuất sản phẩm dệt đem bán ở các địa chỉ của dự án như hội chợ trong và ngoài nước, bán ở các thị trường của Việt Nam như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tình hình của các hộ tham gia dự án Handicraft

Dự án tiến hành trong 3 năm (1994 - 1997) gồm 24 hộ tham gia.

Phần lớn các hộ tham gia dự án là những hộ có thu nhập thấp, có lao động nữ biết làm nghề dệt thủ công. Tình hình cơ bản của các hộ như sau:

Diện tích trồng lúa nước bình quân của một hộ chỉ khoảng 1020m², thấp hơn so với bình quân chung của tỉnh Sơn La. Diện tích canh tác còn lại chủ yếu là nương rẫy với bình quân chung của các hộ tham gia dự án là 10500m². Diện tích đất vườn bình quân khoảng 213m². Diện tích ao trên 237m². Số nhân khẩu bình quân của một hộ là 7 người trong đó có 3 người lao động, trình độ văn hoá của các hộ còn thấp, bình quân là hết lớp 5.

Trước khi tham gia dự án, kinh tế của các hộ chủ yếu dựa vào việc canh tác nương rẫy, trồng ngô, sắn (cây ngô có vị trí cao trong toàn bộ thu nhập của người Thái vùng Thên Luông) làm lúa nước, làm vườn và chăn nuôi thu nhập kém.

Tình hình cơ bản hộ nông dân tham gia dự án ở Thên Luông

Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng
1. Đất canh tác/hộ		
- Rộng	m ²	1.020
- Nương	m ²	10.500
2. Đất vườn	m ²	213
3. Ao, hồ	m ²	237
4. Tổng số nhân khẩu	m ²	7
5. Tổng số lao động	Lao động	3
- Lao động nông nghiệp	Lao động	2
- Lao động sản xuất dệt	Lao động	1

+ Hoạt động của mô hình dự án ở Thèn Luông:

Cho tới nay tuy dự án của Oxfams đã rút đi nhưng khung hoạt động của nhóm vẫn tồn tại, vẫn hoạt động đều tay và vẫn giữ được mối quan hệ với khu triển lãm quốc gia Giảng Võ (Hà Nội) để gửi hàng xuống các gian hàng thủ công nghiệp để tiêu thụ.

Trở lại hoạt động của mô hình dự án ở Thèn Luông Yên Châu do Oxfams Quebec tài trợ.

Trung tâm của nhóm nằm ở Bản Thèn Luông gồm 24 hộ và tình hình cơ bản của các hộ tham gia dự án thể hiện qua bảng biểu trên.

+ Về hình thức tổ chức quản lý:

Tổ chức Oxfams Quebec có những tiếp xúc đầu tiên với cấp huyện của Yên Châu (Sơn La), các cấp lãnh đạo ở đây đã có những tác động rất tích cực vào việc triển khai dự án, nhất là huyện hội phụ nữ đã trực tiếp giúp Oxfams tiếp cận cơ sở, vận động chị em tham gia vào dự án. Huyện hội phụ nữ ở Yên Châu đã trở thành cầu nối giữa Oxfams với chính quyền huyện, xã.

Hội phụ nữ huyện cũng đồng thời là cơ quan trực tiếp giám sát hoạt động của dự án.

Nhóm thổ cẩm ở Thèn Luông:

Nhóm thổ cẩm gồm 24 hộ người Thái Đen ở Thèn Luông huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Những người tham gia trực tiếp vào nhóm của 24 hộ trên đều là chị em phụ

nữ. Nhóm bầu ra một chủ nhiệm, một kế toán, một thủ kho. Hoạt động của nhóm được tiến hành theo cách hợp đồng sản phẩm tới từng thành viên. Chủ nhiệm của nhóm có nhiệm vụ liên lạc với Craft link nhận đơn đặt hàng, sau đó phân đơn đặt hàng này cho các thành viên trong nhóm, chủ nhiệm cũng sẽ là người nhận sản phẩm đã hoàn thành từ các chị em trong nhóm và chuyển hàng đó tới Craftlink. Thường thì 3 tháng, có khi hàng nhiều thì 1 tháng, chủ nhiệm và kế toán mang hàng về Hà Nội giao hàng, sau đó nhận tiền và thanh toán cho các chị em trong nhóm. Chủ nhiệm và kế toán đều có sổ ghi chép theo dõi tiền, hàng khá tỷ mỉ.

+ Tổ chức sản xuất của nhóm:

Nhóm tổ chức sản xuất theo các công đoạn cụ thể của sản phẩm như dệt, may và mỗi thành viên nhận sản xuất hoàn chỉnh một vài loại sản phẩm, ví dụ có chị nhận toàn làm khăn *piêu*, hoặc gối, chăn, túi. Cũng có vài chị em có sáng kiến đổi công nhau trong các khâu như may gối, làm các *cút* cho khăn *piêu*, do đó công việc được tiến hành tương đối đều tay.

Gần đây, chúng tôi theo dõi trực tiếp một đợt nhóm giao hàng của nhóm dệt thổ cẩm ở Thèn Luông. Khi có đơn đặt hàng chị chủ nhiệm đã triệu tập chị em để phân công sản xuất. Thông thường nhóm cố gắng chia đơn đặt hàng cho chị em sao cho mang lại thu nhập đồng đều cho các chị em. Điều này được ghi nhận trong cuộc họp nhóm cũng như trong sổ theo dõi lương của kế toán. Mức bình quân

mỗi tháng chị em được 250.000 đồng. Các thành viên phải tự mua nguyên vật liệu để dệt, thêu, may các sản phẩm. Đến thời hạn giao hàng, chủ nhiệm kiểm tra chất lượng hàng và chỉ nhận những sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng. Sau khi nhận hàng cách giao hàng thường xuyên là qua đường bưu điện gửi cho Craft link đóng ở Hà Nội, cũng có khi chủ nhiệm nhóm và kế toán về tận Hà Nội để chuẩn bị hàng cho hội chợ. Sau khi nhận được tiền, chủ nhiệm nhóm sẽ triệu tập chị em để trả tiền hàng. Nhóm trích lại 8% tổng doanh thu để làm quỹ nhóm 4% và lương cho chủ nhiệm, kế toán 4%.

Trong trường hợp cử người mang hàng về hội chợ thì sẽ trích 20% tổng doanh thu trong đó vẫn dành cho quỹ nhóm 4%, 4% chi phí quản lý và 12% cho việc đi hội chợ. Có thời điểm tổng quỹ nhóm lên tới 39.700.000 đồng.

+ Nhận xét về tổ chức của nhóm:

Mô hình tổ chức của nhóm dệt thổ cẩm ở Thèn Luông trong khuôn khổ chương trình của Craft link đã đạt tới một mức độ nhất định về tính hiệu quả và bền vững, hoạt động đều tay và tới nay (năm 2001) nhóm vẫn tồn tại (mặc dù dự án Oxfams Quebec đã rút từ 1997). Tính hiệu quả thể hiện ở chỗ ban quản lý nhóm có khả năng tự giao dịch với tổ chức Craft link, tổ chức sản xuất theo đơn đặt hàng. Hệ thống sổ sách ghi chép rõ ràng, vai trò của chủ nhiệm nhóm và kế toán là rất nổi trội và nhóm có thể tự phân công sản xuất, liên hệ bán hàng và chia tiền theo sản phẩm. Tính bền vững thể hiện ở chỗ từ 1997 khi đã hết

thời hạn dự án Oxfams Quebec thì hoạt động của nhóm vẫn tồn tại và vẫn thường xuyên liên hệ với trung tâm triển lãm quốc gia ở Giảng Võ (Hà Nội) và vẫn có hàng gửi bán, dự triển lãm.

Trong bối cảnh chung của các tỉnh miền núi thì nghề dệt thủ công của nhóm dệt thổ cẩm ở Thèn Luông (Yên Châu, Sơn La) là một điểm sáng đáng để chúng ta biểu dương và tạo cơ hội cho nó phát triển, hoặc nhân rộng ra. Vì thực tế ở Thèn Luông (Yên Châu) đã cho thấy khi nghề dệt của người Thái Đen được tổ chức sản xuất bà con đã tham gia tích cực vì nó đã tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho các hộ và đã trở thành biện pháp tốt cho công cuộc xoá đói giảm nghèo cho đồng bào Thái ở địa phương. Nếu đặt hiệu quả của sự khôi phục và phát triển nghề dệt trong khung cảnh chung của nền kinh tế khu vực, trong điều kiện kinh tế thị trường và phát triển du lịch ở miền núi Tây Bắc thì việc tổ chức khôi phục nghề dệt còn là việc góp phần vào việc đa dạng hoá ngành nghề sản xuất của các hộ nông dân, đa dạng hoá nguồn thu nhập, tăng thu nhập, góp phần vào chiến lược xoá đói giảm nghèo của cả nước. Tuy nhiên muốn phát triển nghề dệt của người Thái ta phải đặt nó trong tổng thể nền kinh tế của khu vực. Sơn La mà cụ thể là Yên Châu là một vùng có truyền thống trồng dâu, nuôi tằm đó là một thế mạnh của Yên Châu và hơn hẳn ở Mai Châu (Hoà Bình). Nhiều năm qua cây dâu vẫn xanh tốt trên nhiều đồi nương cùng con tằm vẫn được nuôi ở nhiều bản làng của Yên Châu, Sơn La. Điều đó là cơ sở cho nghề dệt của người Thái Đen vẫn tồn tại và có cơ

phát triển nếu có sự đầu tư của Nhà nước, các tổ chức phi chính phủ hoặc tổ chức tư nhân theo kiểu như Craft Link làm ở Thèn Luông.

Tiềm năng về cây dâu và con tằm vốn là cây trồng truyền thống thì tới nay đã được tỉnh Sơn La đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2000 - 2005) là: cây dâu tằm sẽ được tập trung trồng mới 500 ha, trong đó 150 ha ở Mộc Châu, 359 ha ở Yên Châu, Mai Sơn, thị xã Thuận Châu, tiếp tục trồng dâu, chăm sóc và thâm canh 600 ha dâu hiện nay đang có, triển khai cung ứng đủ trứng giống, vật tư, hướng dẫn kỹ thuật nuôi tằm, tổ chức thu mua 500 tấn kén (Nguồn báo cáo tổng quát của UBND tỉnh Sơn La tháng 1 năm 2001).

Một điểm khác với Mai Châu (Hoà Bình) là ở Yên Châu Sơn La, du lịch còn là một ngành ở mức độ tiềm năng chưa thức tỉnh dồi dào, do vậy nếu ở Mai Châu (Hoà Bình) nghề dệt đã được kết hợp phát triển cùng du lịch và dựa vào sự mở rộng hoạt động của du lịch để nghề dệt của người Thái ở đó được phát triển khá nhanh, khá rộng rãi, thì ở Yên Châu (Sơn La) tuy nghề dệt được bảo tồn tốt các yếu tố truyền thống nhưng cũng chỉ được vực dậy ở mức độ bình thường. Ngoài mô hình nhóm thổ cẩm ở Thèn Luông do Craft Link tổ chức mà tới nay nhóm vẫn còn tồn tại ở tình trạng tự quản lý và tự giữ mối liên hệ với Trung tâm triển lãm của trung ương, tự liên hệ một số mối hàng tư nhân, cho nên hoạt động của nhóm không thể phát triển ở diện rộng về cả số lượng lẫn chất lượng được.

Trong tương lai, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Sơn La tới năm 2010. Tỉnh cũng có kế hoạch phát triển kinh tế du lịch, hình thành các điểm du lịch vùng Mộc Châu, thị xã Sơn La và vùng lòng hồ sông Đà. Phối hợp với các tỉnh bạn hình thành những tour du lịch Sơn La theo hướng:

- Quy hoạch phát triển Sơn La giai đoạn 2000-2010. Cụm du lịch Mộc Châu, với các dạng du lịch chủ yếu như du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí.

- Du lịch tham quan các cảnh quan thắng cảnh.

- Du lịch văn hoá xã hội.

(Nguồn quy hoạch tổng thể phát triển thương mại và du lịch Sơn La 2000-2010 của UBND tỉnh Sơn La).

Ở Sơn La tiềm năng du lịch là khá lớn, một số điểm đã được tỉnh khai thác và đã có hoạt động như khu du lịch nhà tù Sơn La, khu văn bia Lê Thánh Tông (Thảm Ké) nhưng hoạt động còn thụ động, lẻ tẻ và chưa vực được sự phát triển của nó trong cơ chế thị trường.

- Hướng du lịch cảnh quan khá tiềm tàng với hàng loạt các địa chỉ như Động Sơn Mộc Hương, Thác Dải Yếm; nông trường Mộc Châu; Đình Phiêng Luông; Rừng Thông; Du lịch Sông Đà- Mộc Châu; Du lịch quá cảnh Mộc Châu- Hủa Phăm (CHDCND Lào).

Du lịch văn hoá: - Khu Lóng Luông - Vân Hồ

- Khu Bản Áng.

Du lịch sinh thái: Khu Xuân Nha - Sốp Cộp.

Ngay tại khu vực thị xã Sơn La cũng là nơi có nhiều địa điểm du lịch có khả năng phát triển tốt trong tương lai, đặc biệt là một số bản gần thị xã và khu vực Yên Châu có thể triển khai thành những khu du lịch như du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, du lịch thăm quan thắng cảnh, thăm khu du lịch lịch sử, du lịch văn hoá lễ hội dân tộc hoặc du lịch bảo tồn hệ động thực vật, đặc biệt là xây dựng khu làng thủ công của người dân tộc Thái, trong đó trọng tâm là nghề dệt truyền thống.

Ở khu vực huyện Yên Châu còn có hàng loạt vùng hồ với non xanh nước biếc có thể xây dựng khu du lịch danh thắng như: khu rừng sinh thái Chiềng Mung; Chiềng Sinh; Suối nước nóng bản Mường - Hua La; vùng Hồ Tiên Phong; quần thể hang Thẩm Tá Toong; động Thượng Thiên - Chiềng Ngân; nguyệt hồ Chiềng An. Có một số khu vực nếu triển khai đầu tư xây dựng thành khu du lịch văn hoá rất có triển vọng như: Bàn Hìn - khu lễ hội văn hoá Thái; làng văn hoá Thái Bản Bó - Chiềng An.

Tất cả những địa chỉ trên có nơi đã triển khai hoạt động tuy ở mức độ còn rất trầm lặng nhưng cũng còn có nhiều điểm vẫn còn là tiềm năng.

Nhìn chung ngành du lịch ở vùng Sơn La chưa phát huy được sức mạnh của nó trong giai đoạn qua, việc kết nối du lịch với sự phát triển nghề dệt truyền thống của người Thái chưa có sự hài hoà và hỗ trợ lẫn nhau như ở Yên Châu (Hoà Bình).

3.2. Nghề dệt của người Thái ở Mai Châu (Hoà Bình) và Yên Châu (Sơn La), xu hướng, triển vọng và những vấn đề đặt ra

Từ thực trạng của nghề dệt của người Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) và nghề dệt của người Thái Đen ở Yên Châu (Sơn La) cho chúng ta một số nhận xét sau:

1- Nghề dệt vốn là một nghề thủ công truyền thống tồn tại trong phạm vi từng gia đình do đó nó hoạt động thụ động và lẻ tẻ, nghề dệt chỉ thực sự trở thành hàng hoá và được sản xuất nhộn nhịp khi có cơ chế thị trường và phát triển du lịch tác động vào nó. Như mô hình Bản Lác của người Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình), ở Yên Châu (Sơn La) với mô hình của dự án Craft Link tổ chức ở Bản Thèn Luông tuy có phần nào phát huy được sức sống của nghề dệt đưa nó hoà nhập vào cơ chế thị trường đang rộng mở nhưng chưa phát triển nó ở diện rộng và trong khung cảnh của Yên Châu, Sơn La là du lịch chỉ hoạt động ở mức độ quanh vùng thị xã chưa khai thác được những điểm du lịch nổi lên ở Bản Lác Mai Châu (Hoà Bình).

2- Nghề dệt của người Thái ở 2 vùng Mai Châu (Hoà Bình) và Yên Châu (Sơn La) trong cơ chế thị trường và phát triển du lịch miền núi đang thực sự trở thành một nghề thủ công giúp cho người dân tăng thêm việc làm, tăng thêm thu nhập của mỗi hộ gia đình, đồng thời góp phần xoá đói giảm nghèo, tăng thu nhập của cả khu vực Tây Bắc.

3- Nghề dệt của người Thái và sự tồn tại phát triển của nó cùng thời gian đã giữ lại những nét truyền thống cơ bản của bản sắc văn hoá Thái trong việc dệt và sáng tạo những hoa văn tươi đẹp có giá trị trường tồn. Chính việc đó đã cho ta thấy sự đóng góp của văn hoá Thái vào kho tàng di sản văn hoá dân tộc ở Việt Nam.

4- Nghề dệt của người Thái ở Mai Châu (Hoà Bình) và Yên Châu (Sơn La) trong thời kỳ đổi mới đã trở thành chiếc cầu nối, mối giao lưu văn hoá các dân tộc khác góp phần làm đa dạng và phong phú hơn bản sắc văn hoá của mỗi một tộc người trong khu vực miền núi Tây Bắc.

5- Dù ít nhiều trong nền kinh tế thị trường đang phát triển của cả nước, nghề dệt cũng đã góp phần vào việc phát triển kinh tế địa phương, góp phần vào công cuộc hội nhập kinh tế giữa các vùng và ở cả phạm vi Đông Nam Á (Hàng dệt Mai Châu và Sơn La đã từng có mặt ở Thái Lan, ở một số nước khác).

Tuy nhiên, cái hạn chế và những vấn đề đặt ra cho việc phát triển nghề dệt của người Thái trong cơ chế thị trường và phát triển du lịch ở miền núi Tây Bắc là không nhỏ, đòi hỏi sự quan tâm của nhiều ngành nhiều cấp, để làm sao phát huy được tiềm năng vốn có của nghề dệt trong tương lai, xứng đáng với sức sống bền bỉ của một nghề truyền thống vốn đã trường tồn cùng năm tháng với dân tộc Thái ở núi rừng Tây Bắc. Vậy xu hướng tháo gỡ những di ổn định cho triển vọng của nghề dệt ở đây là gì? Chúng tôi muốn đưa ra một vài vấn đề cần bàn.

Từ thực tế công tác địa bàn nghiên cứu, chúng tôi nhận thức được một điều rằng - Muốn phát triển nghề dệt truyền thống của người Thái một cách đúng hướng.

Việc đầu tiên phải có thị trường tiêu thụ, mà thị trường này gắn kết với các đô thị, việc này đòi hỏi ngành thương mại phải có kế hoạch đầu tư đồng bộ cùng du lịch để tạo cửa vào cho nghề dệt, đây là mô hình làm ăn có tính hợp tác cao. Sản phẩm dệt phải thành một nguồn hàng cho thương mại và du lịch của chính địa phương đó, và có cả các thị trường đô thị lớn.

Muốn thực hiện ý tưởng này đòi hỏi sự chuyển biến từ nhận thức của lãnh đạo các cấp mà trước tiên là các lãnh đạo tại địa phương. Một biểu hiện đáng ghi nhận là trong phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của các tỉnh về vấn đề phát triển kinh tế - xã hội từ năm 2001 - 2010 đều có đề cập tới việc phát triển du lịch, phát triển cây công nghiệp trong đó có ghi rõ: *Phát triển kinh tế du lịch, hình thành các điểm du lịch vùng Mộc Châu, thị xã Sơn La và vùng lòng hồ sông Đà. Phối hợp với các tỉnh bạn hình thành những tour du lịch vùng Tây Bắc.*

Về nhiệm vụ cụ thể để phát triển nông nghiệp nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá gắn với chế biến và xuất khẩu: *"Cây dâu tằm: tập trung trồng mới 500 ha, trong đó 150 ha ở Mộc Châu, 350 ha ở Yên Châu, Mai Sơn, Thuận Châu. Trồng dâu, chăm sóc và thâm canh 600 ha dâu hiện có. Cung ứng đủ trứng giống, vật tư, hướng dẫn kỹ thuật nuôi tằm, tổ chức thu mua 500 tấn kén"* (Nguồn:

Báo cáo của UBND tỉnh Sơn La tại kỳ họp thứ 3 - HĐND tỉnh khoá XI tháng 1 năm 2001).

Ở huyện Mai Châu (Hoà Bình) trong báo cáo dự thảo phương án phát triển ngành nghề năm 2000 cũng ghi rõ: *"Duy trì nghề dệt vải thổ cẩm, cải tiến mẫu mã, kiểu dáng và phấn đấu vươn ra ngoài huyện, để liên doanh, liên kết, thu hút những người có tâm huyết, nhiệt tình với công việc"*.

Ở Sơn La ta thấy sự đề cập tới phát triển du lịch và đặc biệt chú ý tới cây dâu, con tằm ở Mai Châu (Hoà Bình) thì cụ thể hơn, chú ý tới phát triển duy trì nghề dệt thổ cẩm. Điều này chứng tỏ các cấp, các ngành ở hai địa phương Yên Châu (Sơn La) và Mai Châu (Hoà Bình) đều có nhận thức về sự bảo tồn, phát triển nghề dệt và thấy rõ sự cần thiết phải có một mối liên doanh liên kết với du lịch để cùng phát triển trong hiện tại và tương lai.

Chúng ta đều hiểu rõ nghề dệt phát triển được đòi hỏi đầu tiên là phải có nguyên liệu, ở đây là diện tích trồng bông của Nhà nước, tạo ra những vùng bông lớn ở nước ta như ở Đắc Lắc (Tây Nguyên). Tổng công ty bông Việt Nam đã tăng cường đầu tư cho vùng bông, quy hoạch diện tích trồng bông cho từng vùng, với nhiều giống bông mới cho năng suất cao. Cả nước hiện nay có 18 nghìn ha trồng bông, phấn đấu tới 2010 ta sẽ có 100 nghìn ha trồng bông (Tổng công ty bông, dâu tằm Việt Nam).

Đó là tiền đề và tương lai nghề dệt truyền thống của vùng Thái Tây Bắc là sáng lạn trong bối cảnh dâu tằm ở nước, chính yếu tố nguyên liệu này sẽ cứu cho sản

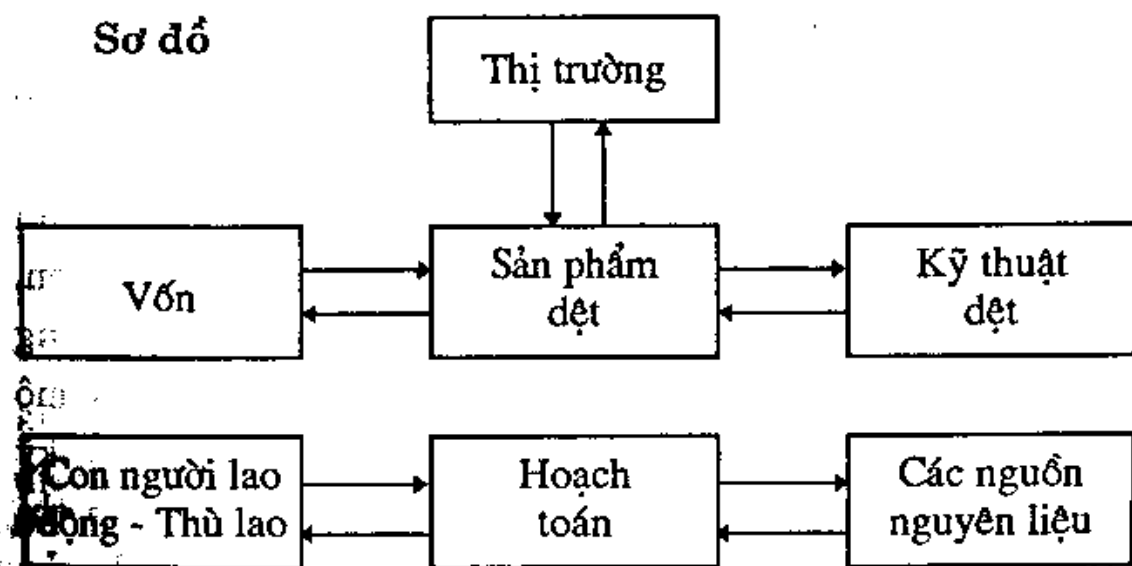
phẩm dệt Thái khỏi mất đi nguyên liệu truyền thống của họ, hiện nay do tác động của cơ chế thị trường, nhiều sản phẩm dệt của người Thái đã mất đi thói quen dệt từ sợi bông, sợi tơ tằm, sự biến đổi này là một tác động tiêu cực của thị trường vào nghề dệt của người Thái Tây Bắc.

Cần thiết phải có những chủ trương, chính sách phù hợp để tạo ra những cơ chế thuận lợi hỗ trợ sự ra đời những doanh nghiệp vừa và nhỏ ở từng địa phương, khuyến khích các tiềm năng của các ngành nghề truyền thống trong đó có nghề dệt của người Thái Tây Bắc hồi sinh và phát triển sản xuất để tạo ra công ăn việc làm, phục vụ kinh tế hàng hoá địa phương, chính điều đó sẽ huy động được nguồn lực địa phương, sức mạnh của mọi thành phần kinh tế, tạo cơ hội thuận lợi để nhân dân các dân tộc ở vùng núi Tây Bắc phát huy được những tiềm năng sẵn có, tiếp cận nhanh với thị trường, làm ra được sản phẩm hàng hoá, đạt nguồn thu nhập cho kinh tế gia đình, giảm tỷ lệ đói nghèo ở các vùng dân tộc miền núi. Xóa đói giảm nghèo là vấn đề xã hội, song nguyên nhân cơ bản lại bắt nguồn từ kinh tế. Bởi vậy, thực hiện xóa đói giảm nghèo ở địa phương, cơ sở phải đặc biệt coi trọng việc gắn kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của cả nước; có sự phối hợp, lồng ghép với các chương trình quốc gia, các dự án quốc tế, các giải pháp hướng vào mục tiêu này. Sự phối hợp, kết hợp đồng bộ như trên sẽ tạo thành một môi trường kinh tế - xã hội thuận lợi cho người nghèo, nhất là đối với những vùng như Yên Châu (Sơn La) và Mai Châu (Hoà Bình); giúp cho đồng bào các dân tộc

Việt Nam nói riêng và nghề dệt truyền thống của họ có thể phát huy được hiệu quả sản xuất hàng hoá và sản phẩm dệt sẽ góp phần vào việc nâng cao hiệu quả về xã hội hơn trong chiến lược xoá đói giảm nghèo.

Việc phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tại địa phương trong việc chủ động giúp cho các hội nghề nghiệp mà cụ thể ở đây là hội các nghề thủ công nghiệp, trong đó có nghề dệt truyền thống của người Thái. Một việc rất quan trọng nữa là phải cung cấp thông tin cho các hội nghề nghiệp về việc cải tiến kỹ thuật dệt, tiếp cận thị trường, chủ động tìm thị trường, hướng dẫn họ cách tiếp thu cũng như cải tiến cách hạch toán tài chính sao cho phù hợp với điều kiện thị trường mở rộng, sử dụng đồng vốn sao cho hợp lý để từng bước tăng trưởng kinh tế vì chỉ có tăng trưởng kinh tế mới có tích lũy đầu tư để xoá đói giảm nghèo. Một cơ sở sản xuất muốn thành công phải quan tâm đến các vấn đề sau:

Sơ đồ



Tóm lại 4 vấn đề cơ bản mà một nhà kinh doanh phải quan tâm đó là: Thị trường - Sản phẩm - Vốn - Kỹ thuật.

+ Thị trường: Phải luôn tìm cách mở rộng và luôn cần có thị trường ổn định. Qua thực tế ở các địa phương Mai Châu (Hoà Bình) cũng như Yên Châu (Sơn La) chúng tôi nhận thấy đây là vấn đề khó khăn nhất đối với các nhà doanh nghiệp làm nghề dệt ở địa phương - là vấn đề mang tính chất sống còn của các doanh nghiệp này, do rất nhiều rào cản về điều kiện địa lý xa xôi, vì thiếu thốn thông tin, vì không có các mối quan hệ rộng với các nhà doanh nghiệp làm nghề dệt trong cả nước và hạn chế về cả những nhận thức về thị trường; đó là việc phải nắm chắc hiện nay đang có những thị trường nào trong nước, hay thị trường nào ở nước ngoài; giá cả lên xuống của mặt hàng mình đang sản xuất ở trong nước và ngoài nước ra sao; giá cả so với giá thành thì lãi, lỗ như thế nào và nguyên nhân tại sao? Giá cả nguyên vật liệu mua ở đâu và mua lúc nào thì kinh tế nhất, tại sao? Bằng cách nào để mở rộng thị trường và có thị trường ổn định. Nắm chắc thông tin - thực trạng về thị trường là một yếu tố tiên quyết để đảm bảo cho việc kinh doanh thành công, đó là việc hiểu rõ tình hình cung - cầu về số lượng, chất lượng, hình thức, mẫu mã, chủng loại sản phẩm và giá cả của chúng, với những tính phức tạp lên, xuống của mỗi loại sản phẩm ở giai đoạn hiện tại và trong thời gian sắp tới, để từ đó định hướng và mở rộng quy mô sản xuất và dịch vụ, hoặc điều chỉnh, thay đổi, cải tiến kỹ thuật chế tác sản phẩm cho phù hợp với yêu cầu của thị trường. Những vấn đề này rất cần thiết cho ngành sản

xuất dệt và chế tác sản phẩm dệt sao cho dành được sự quan tâm của khách hàng. Đó chính là việc làm marketing, là việc chỉ sản xuất những sản phẩm mà thị trường có nhu cầu chứ không đưa ra thị trường những cái có sẵn. Làm tốt các khâu trên ta sẽ dự đoán được xu hướng phát triển và thay đổi của thị trường. Trên cơ sở đó mà xây dựng chiến lược đối với sản xuất của nghề dệt tại địa phương và chiến lược đối với khách hàng - cho Mai Châu (Hòa Bình) và Yên Châu (Sơn La) chỉ là những cơ sở sản xuất nhỏ nhưng đó là những mô hình có tính điển hình và ta cần có sự đầu tư thích đáng để từ đó nhân rộng nó trên những địa bàn khác của miền núi Tây Bắc Việt Nam. Một vấn đề quan trọng nữa trong việc định hướng chiến lược của ngành sản xuất dệt của địa phương là sản phẩm, đây là vấn đề cốt lõi tạo nên sự thành bại của cơ sở sản xuất. Sau khi tiếp thị, nắm được nhu cầu và thị hiếu của khách hàng, người chủ sản xuất sẽ quyết định chiến lược sản phẩm trên cơ sở xác định tập trung sản phẩm có tính chất chuyên môn hóa ở một quy mô hợp lý, đồng thời xác định cân đối phù hợp với nguồn nguyên liệu, với các yếu tố kinh doanh của cơ sở sản xuất, đảm bảo kinh doanh thu được lợi nhuận cao.

Vốn là một trong những điều kiện quan trọng nhất để tiến hành hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp bỏ vốn vào tạo lập một cơ sở kinh doanh sản xuất trong nền kinh tế thị trường, trước hết cần phải quán triệt các quan điểm cơ bản sau:

Thứ nhất:

phân - Vốn đầu tư vào kinh doanh sản xuất phải sinh lợi.

- Đầu tư vốn phải xuất phát từ yêu cầu của thị trường để lựa chọn và tập trung cao vào chuyên sản xuất mặt hàng hóa đó có hiệu quả kinh tế cao, chứ không phải dựa vào khả năng có thể sản xuất gì đó để đầu tư vốn.

- Các chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh phải thật sự có trọng quyền tự chủ về tài chính. Để thực hiện được điều đó, trong quản lý tài chính cần chú ý nghiên cứu một vấn đề là: Nhằm tạo được vốn và sử dụng vốn một cách kinh tế nhất. Vốn ở đây phải hiểu gồm tiền và giá trị tài sản.

- Phải nắm rõ: Cơ sở sản xuất, kinh doanh của mình có những nguồn vốn nào và bằng những giải pháp nào để tạo lập vốn.

- Đã có những cách gì để sử dụng vốn cố định và vốn lưu động có hiệu quả.

- Hiệu quả đồng vốn đưa vào mỗi ngành sản xuất, kinh doanh có hiệu quả cao hay thấp như thế nào? Chúng ta đều hiểu vốn của cơ sở sản xuất, kinh doanh có thể hình thành từ hai nguồn:

+ Nguồn vốn tự có.

+ Nguồn vốn đi vay.

Hiện nay, nhìn chung, các chủ cơ sở sản xuất dệt, kinh doanh đều đang khó khăn về vốn. Để vượt qua khó khăn này, họ phải bằng mọi cách tự tạo vốn, huy động vốn từ nhiều nguồn để đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh.

Vốn trong kinh doanh được chia thành vốn cố định và vốn lưu động.

+ Vốn cố định: Là hình thức biểu hiện bằng tiền của giá trị tài sản cố định như máy dệt, nhà cửa, xưởng dệt, các công trình phục vụ cho sản xuất.

+ Vốn lưu động: Là hình thức biểu hiện bằng tiền của giá trị các tài sản lưu động như nguyên liệu để dệt (sợi bông, sợi tơ tằm); sản phẩm để tiêu thụ như vải đã dệt ra chuẩn bị bán.

Bên cạnh việc hiểu và sử dụng vốn cho tốt, một điều quan trọng nữa mà người chủ cơ sở sản xuất cần ưu tiên quan tâm - đó là kỹ thuật. Kỹ thuật được hiểu là toàn bộ công cụ và các tư liệu lao động khác cùng các quy trình công nghệ dùng để sản xuất ra sản phẩm, bao gồm cả việc chế tác các sản phẩm từ vải. Kỹ thuật dệt tốt sẽ là động lực cho việc tăng năng suất lao động và chất lượng của sản phẩm dệt trong cạnh tranh trên thị trường. Do đó người chủ cơ sở sản xuất phải luôn hướng đưa những kỹ thuật tiến bộ vào quá trình sản xuất, luôn tìm cách áp dụng những tiến bộ kỹ thuật trong các khâu dệt, nhuộm hoặc cải tiến mẫu mã hoa văn, mẫu mã các loại sản phẩm cho phù hợp với thị hiếu của khách hàng. Ví dụ ở Mai Châu (Hòa Bình) người Thái không chỉ dệt vải để may áo mà còn để làm gối, làm khăn trải giường, khăn tắm... hoa văn, màu sắc nhiều khi do người chủ dệt hàng yêu cầu. Ở Yên Châu (Sơn La) cũng vậy, tuy đang là sản xuất nhỏ, sản phẩm hàng hóa không nhiều nhưng người dân Thái rất

nhảy bén, không rập khuôn và tiếp cận được với nhu cầu của thị trường, nhất là nhu cầu của khách du lịch nước ngoài. Cho nên, gần đây khu chợ Bản Lác ở Mai Châu (Hòa Bình) những dãy hàng bán vải có nhiều mẫu hàng mà xưa nay ở Mai Châu (Hòa Bình), nghề dệt cổ truyền của người Thái vốn không có.

Một vấn đề mang tính chất bền vững cho sự tồn tại của các cơ sở sản xuất là nguồn nguyên liệu tại chỗ: Đó là việc cần thiết phải phục hồi các cơ sở trồng bông, trồng dâu, nuôi tằm ở các địa phương như ở Hoà Bình, Sơn La. Việc này đòi hỏi sự quan tâm của chính quyền địa phương cần đánh giá đúng giá trị về nguồn cây nguyên liệu cho nghề dệt tại Hòa Bình cũng như Sơn La. Một tín hiệu đáng mừng là tại các nơi này trong kế hoạch phát triển kinh tế địa phương và đã triển khai thực tế cây bông và cây dâu, trồng dâu và nuôi tằm, tuy chưa ở diện rộng, nhưng đó là những nguồn nguyên liệu hết sức quý báu cho sự phục hồi và bảo tồn nghề dệt của người Thái.

Song song với các vấn đề vốn - kỹ thuật - thị trường - nguồn nguyên liệu, thì một vấn đề cũng có tính chất sống còn trong việc phát triển bền vững của miền núi là vấn đề môi trường sinh thái. Vì thực tế là chúng ta quan tâm đến sự tồn tại, phát triển của nghề dệt trong cơ chế thị trường và phát triển du lịch ở miền núi Tây Bắc Việt Nam, cho nên là sai lầm nếu bỏ qua sự quan tâm đến giải pháp về phát triển du lịch và bảo vệ môi trường tại các địa phương này.

Muốn có du lịch sinh thái bền vững, quá trình phát triển du lịch sinh thái phải được định hướng và quản lý theo một phương châm: Kết hợp hài hòa nhu cầu của hiện tại và tương lai trên cả hai góc độ "Sản xuất" và tiêu dùng du lịch", nhằm đạt tới mục đích bảo tồn và tái tạo được nguồn tài nguyên thiên nhiên tại khu vực Mai Châu, nơi đây là một điểm du lịch hấp dẫn khách du lịch của tỉnh Hòa Bình và nói rộng hơn đối với các khu du lịch sinh thái khác trong khu vực miền núi nước ta, làm sao vẫn phát triển được du lịch, đồng thời vẫn gìn giữ và phát huy được bản sắc văn hóa của các dân tộc tại các địa phương này. Điều cốt lõi trong phát triển du lịch sinh thái bền vững là sự cân bằng: Cân bằng giữa cung và cầu, cả trong hiện tại và tương lai; cân bằng giữa số lượng và chất lượng của sự phát triển; cân bằng giữa du lịch trong cả nước với du lịch địa phương; giữa khai thác và bảo vệ, phát triển nguồn tài nguyên du lịch; cân đối giữa yêu cầu phát triển và khả năng quản lý, trong đó số lượng và chất lượng nguồn lực du lịch đóng vai trò then chốt. Nhưng vấn đề này đòi hỏi những ngành quản lý luôn giữ vững và thực hiện tốt, không bị những sức ép của lợi ích trước mắt làm sai đi, hoặc bị thương mại hóa một cách vô nguyên tắc.

Trong những năm qua, với quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam thời kỳ 1995-2010 và pháp lệnh du lịch tháng 2/1999 Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong các hoạt động bảo vệ môi trường. Thông qua các dự án quy hoạch, các nghiên cứu khoa học về môi trường, đánh giá tác động của hoạt động du lịch đến tài nguyên thiên nhiên

và nhân văn, đến môi trường xã hội và các hoạt động kinh tế, đề ra các quy chế quản lý hoạt động du lịch cùng với việc tăng cường giáo dục du lịch toàn dân góp phần tích cực vào sự nghiệp bảo vệ môi trường chung của đất nước.

Tuy vậy, hiện nay du lịch Việt Nam nói chung, du lịch tại các vùng miền núi nói riêng đang đứng trước những khó khăn và sức ép về môi trường, do việc khai thác tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế chưa hợp lý, đất bị suy thoái, diện tích rừng bị giảm là nguyên nhân trực tiếp làm tăng nguy cơ lũ lụt, giảm khả năng cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt, suy giảm nghiêm trọng tính đa dạng sinh học và ảnh hưởng đến sự phát triển của du lịch sinh thái - một trong những loại hình du lịch hấp dẫn ở Việt Nam.

Chúng ta đều đã biết dù phát triển bất cứ loại hình du lịch nào cũng đều phải dựa vào môi trường, nhất là môi trường thiên nhiên. Loại hình du lịch sinh thái - một loại hình du lịch đang được coi là một xu thế "tất yếu" hiện nay trên thế giới, nhất là ở các nước đang phát triển, được hiểu theo nghĩa hẹp hay nghĩa rộng, đều tác động rất mạnh vào môi trường. Điều đáng chú ý là những tác động tiêu cực dẫn đến suy giảm môi trường, đồng nghĩa với sự đi xuống của hoạt động du lịch. Tác động này cũng nhân lên khi xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa được đẩy mạnh, dòng khách du lịch từ các nước phát triển đổ về các nước đang phát triển do hấp dẫn của sự "nguyên sơ" về môi trường tự nhiên và tính "nguyên bản" của nền văn hóa ở các khu vực

miền núi mà Bản Lác tại Mai Châu (Hòa Bình) là một điểm du lịch như thế. Nhưng một thực trạng đáng lo ngại ở khu du lịch này là một sự ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt từ các khu vệ sinh mà người dân tự xây xung quanh nhà sàn để phục vụ khách tới thăm và nghỉ lại qua đêm tại Bản Lác. Cho đến cuối năm 2001 tình hình này vẫn chưa được cải thiện. Đây chính là lời khuyến cáo đầy lo lắng của chúng tôi trước tình hình môi trường ở đây. Rất mong được sự quan tâm của các nhà chức trách địa phương giải quyết trong thời gian gần nhất để bảo vệ được sự trong lành cho môi trường Mai Châu. Và cũng có nghĩa là tạo điều kiện cho khu du lịch sinh thái Bản Lác - Mai Châu phát triển bền vững trong tương lai. Nguyên nhân cơ bản của sự ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt ở Bản Lác (Mai Châu) là do sự quản lý lỏng lẻo của các nhà chức trách địa phương đối với khu du lịch này, do thiếu kế hoạch chiến lược và kế hoạch trước mắt đối với việc xây dựng và quản lý các khu du lịch địa phương. Theo chúng tôi, vấn đề hàng đầu được đặt ra đối với việc quản lý du lịch sinh thái là: Trong quá trình hoạch định chiến lược, xây dựng kế hoạch, tổ chức điều hành và quản lý thực hiện các mục tiêu phát triển du lịch, phải quan tâm chú ý kết hợp chặt chẽ và nghiêm ngặt với việc bảo vệ môi trường, sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên và nhân văn cho sự phát triển bền vững. Để có du lịch sinh thái phát triển theo hướng bền vững cần thiết phải có sự đóng góp của cả bốn thành phần tham gia vào hoạt động du lịch, đó là Nhà nước, lực lượng các cơ sở, công ty kinh doanh du lịch, khách du lịch và cộng đồng dân cư

nơi khách đến tham quan, trong đó Nhà nước đóng vai trò quyết định. Ở đây Nhà nước là bao gồm các cơ quan quản lý Nhà nước, chính quyền địa phương và các cơ quan nghiên cứu về thị trường du lịch. Vấn đề quản lý của Nhà nước trong việc phát triển du lịch sinh thái theo hướng bền vững theo chúng tôi phải tuân thủ các vấn đề sau:

Một là: Cần phải nhận thức vấn đề phát triển du lịch là vấn đề chiến lược lâu dài có tầm quốc gia. Môi trường sinh thái tự nhiên và văn hóa của các tộc người là nguồn lực cơ bản để phát triển du lịch. Việc sống còn là phải bảo vệ môi trường, đồng thời với việc bảo vệ bản sắc văn hóa các tộc người nơi đang khai thác du lịch (ở đây chúng tôi lưu ý đặc biệt tới khu du lịch Bản Lác ở Mai Châu (Hòa Bình) mà chúng tôi đã nói tới khá kỹ ở phần trên.

Việc nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường sinh thái, đồng thời với việc bảo tồn văn hóa tộc người trong phát triển du lịch không phải chỉ là nhiệm vụ của Tổng cục Du lịch và Bộ Tài nguyên và môi trường mà đó là trách nhiệm của nhiều ngành, nhiều cấp tới các địa phương trong quá trình quản lý.

Hai là: Cần phải có một cam kết chính trị mạnh và rõ ràng cho vấn đề thực hiện phát triển du lịch bền vững, thống nhất từ trung ương đến địa phương và được thực hiện bằng các luật lệ, định chế quản lý cụ thể. Trên thực tế khi có một hệ thống pháp luật hoàn thiện và đầy đủ sẽ là một trong những nhân tố quan trọng đảm bảo cho việc sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi

trường có hiệu quả, điều đó sẽ là sự khuyến khích, đảm bảo cho du lịch sinh thái phát triển bền vững, ổn định.

Ba là: Cần thiết phải có một quy hoạch phát triển tổng thể và cụ thể về việc tổ chức, quản lý theo quy hoạch đó ở những địa phương có hoạt động du lịch. Những việc cần chú trọng trong quy hoạch tổng thể là việc quy hoạch sử dụng đất, điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc xây dựng và quy hoạch tại các điểm du lịch.

Bốn là: Nên dành nguồn ngân sách thích đáng cho việc đầu tư cải tạo, phục hồi các di sản văn hóa, môi trường và các hệ sinh thái có giá trị. Ví dụ: Ở Tây Bắc đó là khu du lịch Bản Lác ở Mai Châu (Hòa Bình), khu nước nóng ở Yên Châu (Sơn La), khu di tích lịch sử nhà tù Sơn La. Khi chưa có khả năng đầu tư cho việc tôn tạo thì phải đặt lên hàng đầu việc bảo vệ, gìn giữ các điểm di tích và khu du lịch một cách nghiêm túc.

Năm là: Cần xác định rõ trách nhiệm cũng như sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thường xuyên giữa các cấp, các ngành để đảm bảo cho việc thực hiện kế hoạch phát triển du lịch bền vững. Luôn tăng cường ý thức bảo vệ môi trường của cả du khách lẫn các nhà quản lý kinh doanh khu du lịch và cộng đồng dân cư nơi có điểm du lịch.

Sáu là: Cần có chủ trương và kế hoạch trong việc giáo dục và đào tạo nâng cao trình độ cho các cán bộ làm công tác quản lý cũng như các nhà kinh doanh du lịch về kiến thức bảo vệ du lịch bền vững. Cũng cần thiết có chủ trương

đưa chương trình giáo dục bảo vệ di sản văn hóa, di sản thiên nhiên, bảo vệ môi trường vào trường học và đối với các tổ chức thanh niên, phụ nữ và dân cư nơi có các tuyến điểm du lịch, đây là việc xã hội hóa chương trình giáo dục bảo vệ di sản văn hóa là việc cần thiết phải làm ngay.

Bấy là: Trong khuôn khổ đa phương hoặc song phương giữa các quốc gia, các tổ chức quốc tế với du lịch Việt Nam trên cơ sở đó đã đẩy mạnh hợp tác quốc tế lâu dài ở tất cả các lĩnh vực, từ soạn thảo những chính sách đến ứng dụng những công nghệ du lịch tiên tiến để hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến môi trường, đảm bảo phát triển bền vững; trao đổi kinh nghiệm giữa các cơ sở du lịch, nâng cao trình độ quản lý môi trường trong du lịch thông qua việc trao đổi chuyên gia hoặc tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn có sự tài trợ của Nhà nước hoặc các tổ chức quốc tế. Tổ chức những chương trình nghiên cứu chung về các hệ sinh thái điển hình phục vụ du lịch để trên cơ sở đó cung cấp các cứ liệu khoa học cho các nhà hoạch định chính sách đưa ra chính sách quản lý phù hợp. Tất cả các phương pháp nêu trên chỉ đạt hiệu quả khi năng lực quản lý môi trường du lịch nói chung và du lịch sinh thái nói riêng của cơ quan quản lý từ trung ương đến địa phương, đó là từ Tổng cục Du lịch tới các Sở Du lịch, Sở Thương mại - Du lịch được nâng cao.

KẾT LUẬN

Với sự thích nghi, ứng xử đầy bản lĩnh, sáng tạo trong môi trường thiên nhiên: Đất đai, núi rừng Tây Bắc của hai nhóm Thái: Thái Trắng ở Mai Châu (Hòa Bình) và Thái Đen ở Yên Châu (Sơn La) đã lựa chọn, triển khai dạng thức hoạt động kinh tế thích hợp, trong đó có nghề thủ công mà tiêu biểu là nghề dệt truyền thống đã được xúc tiến trên cơ sở tìm kiếm và sử dụng các nguồn nguyên liệu tự tạo để làm ra những sản phẩm vải phong phú, đa dạng về chủng loại, bền đẹp về chất lượng, phục vụ cho gia đình và cộng đồng Thái từ đời này sang đời khác.

Nghề dệt truyền thống của người Thái đã góp phần vào việc đẩy nhanh đà phát triển kinh tế - xã hội Thái, đã đảm bảo nhu cầu đời sống của cộng đồng và xã hội. Sản phẩm nghề dệt của hai nhóm Thái đã phản ánh sống động đời sống xã hội và tinh thần của cộng đồng dân tộc Thái. Cho đến nay, nghề dệt truyền thống của người Thái vẫn không ngừng bảo tồn đậm nét đặc điểm văn hóa đó trong sinh hoạt kinh tế và của họ.

Nghề dệt truyền thống của người Thái ở Mai Châu (Hòa Bình) và Yên Châu (Sơn La) là kết quả của một quá

trình tích lũy, truyền thụ kinh nghiệm nghề nghiệp trong cộng đồng. Sản phẩm dệt của hai nhóm Thái có nhiều điểm giống nhau về nguyên liệu và kỹ thuật dệt, nhưng cũng có nhiều điểm riêng, đặc biệt là sản phẩm dệt dùng trong trang phục - thể hiện tính đa dạng, tính tiêu biểu trong văn hóa Thái, tạo nên bản sắc văn hóa của tộc người mà ta cần bảo lưu, gìn giữ và phát huy.

Trong điều kiện kinh tế thị trường và phát triển du lịch ở miền núi Tây Bắc, nghề dệt truyền thống của người Thái ở Mai Châu (Hòa Bình) và Yên Châu (Sơn La) đã sớm thích ứng và hòa nhập để tạo ra được những sản phẩm thích hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Các sản phẩm của nghề dệt đã đem lại thu nhập đáng kể cho các hộ gia đình, giúp họ tạo việc làm cho người dân địa phương, tăng thu nhập, góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo của địa phương, đồng thời đã thiết thực bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa Thái trong điều kiện kinh tế - xã hội đổi mới.

Nghiên cứu nghề dệt của người Thái từ truyền thống đến hiện đại trong điều kiện đổi mới của đất nước, nhìn từ góc độ dân tộc học và khía cạnh văn hóa, sản xuất ban đầu nhằm lý giải những chủ đề về nguồn gốc và quá trình phát triển của nghề dệt, về các đặc điểm kinh tế - xã hội của người Thái và mối quan hệ giao lưu qua kinh tế - văn hóa giữa văn hóa Thái với văn hóa của người Thái trong các khu vực ở Việt Nam và ở Đông Nam Á. Những đặc điểm rút ra dựa trên cơ sở phân tích hệ thống vấn đề nghiên cứu sẽ góp thêm tư liệu, cứ liệu khoa học cần thiết để nghiên

cứu văn hóa Thái trong nền văn hóa Việt Nam thống nhất và đa dạng các sắc thái văn hóa tộc người, phù hợp với tinh thần của Nghị quyết Trung ương Đảng 9 đã chỉ rõ: "Phải nghiên cứu để bảo tồn và phát huy những di sản văn hóa truyền thống của các dân tộc ít người ở Việt Nam"... Chính vì vậy, việc nghiên cứu nghề dệt của người Thái ở Mai Châu (Hòa Bình) và Yên Châu (Sơn La) trong điều kiện kinh tế thị trường và phát triển du lịch ở miền núi Tây Bắc Việt Nam không chỉ có ý nghĩa khoa học mà còn mang tính thực tiễn cao, đáp ứng những yêu cầu phát triển kinh tế - văn hóa hiện nay ở các tỉnh miền núi nước ta.

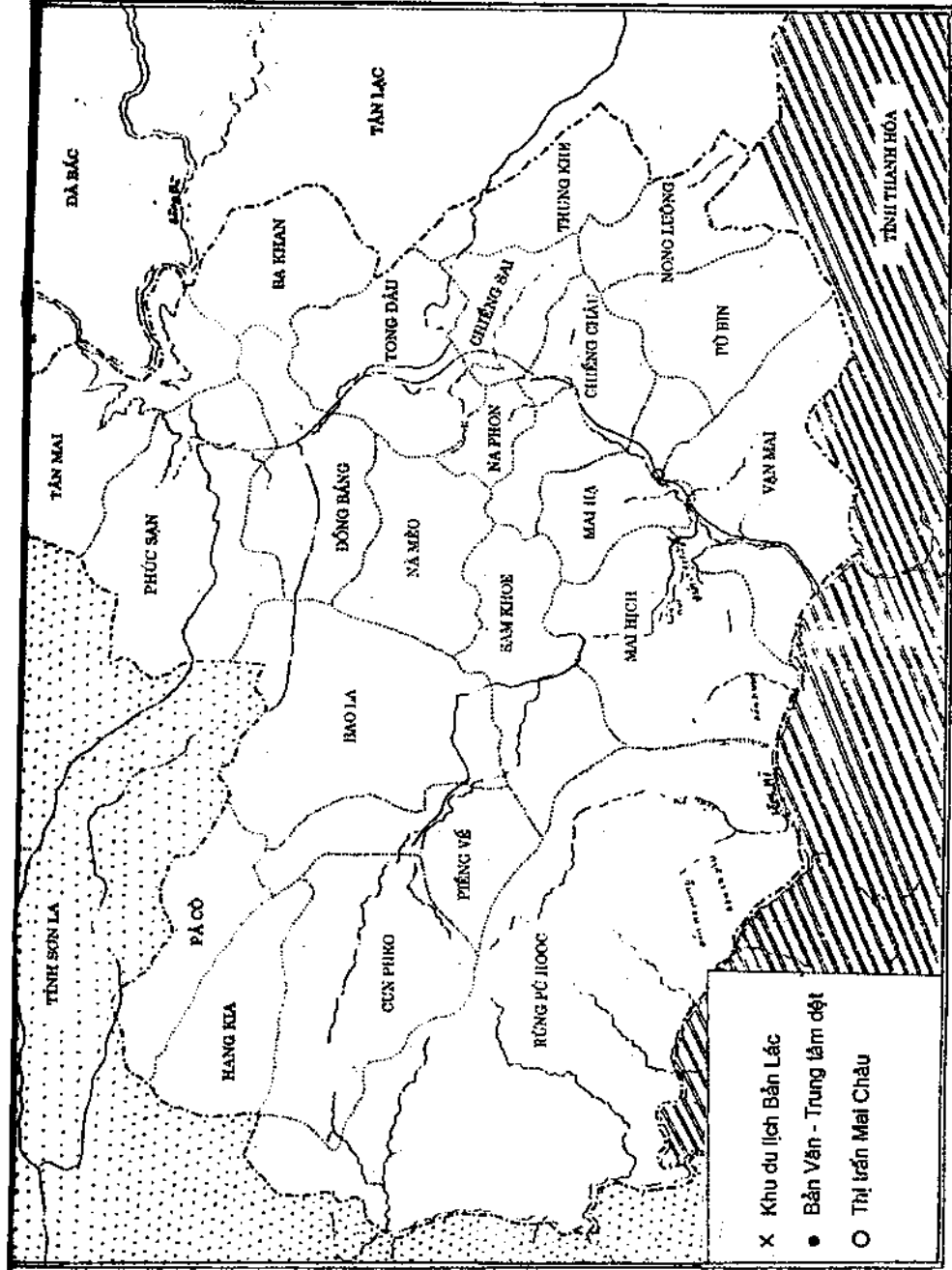
Thông qua thực trạng nghề dệt của người Thái ở hai địa phương Mai Châu (Hòa Bình) và Yên Châu (Sơn La) trong điều kiện đổi mới kinh tế và phát triển du lịch ở miền núi. Cuốn sách đã đưa ra những đề xuất, giải pháp cho việc phục hồi và phát triển nghề dệt, để nghề dệt thực sự trở thành một yếu tố phát huy nguồn nội lực tiềm tàng của cộng đồng dân tộc Thái vào chiến lược xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm góp phần vào sự phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội tại Hòa Bình và Sơn La, đồng thời thiết thực đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước.

Thông qua các cứ liệu, tư liệu khoa học cuốn sách mong muốn cung cấp luận cứ khoa học cho việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc Thái trong thời kỳ đổi mới và phát triển du lịch ở Việt Nam.

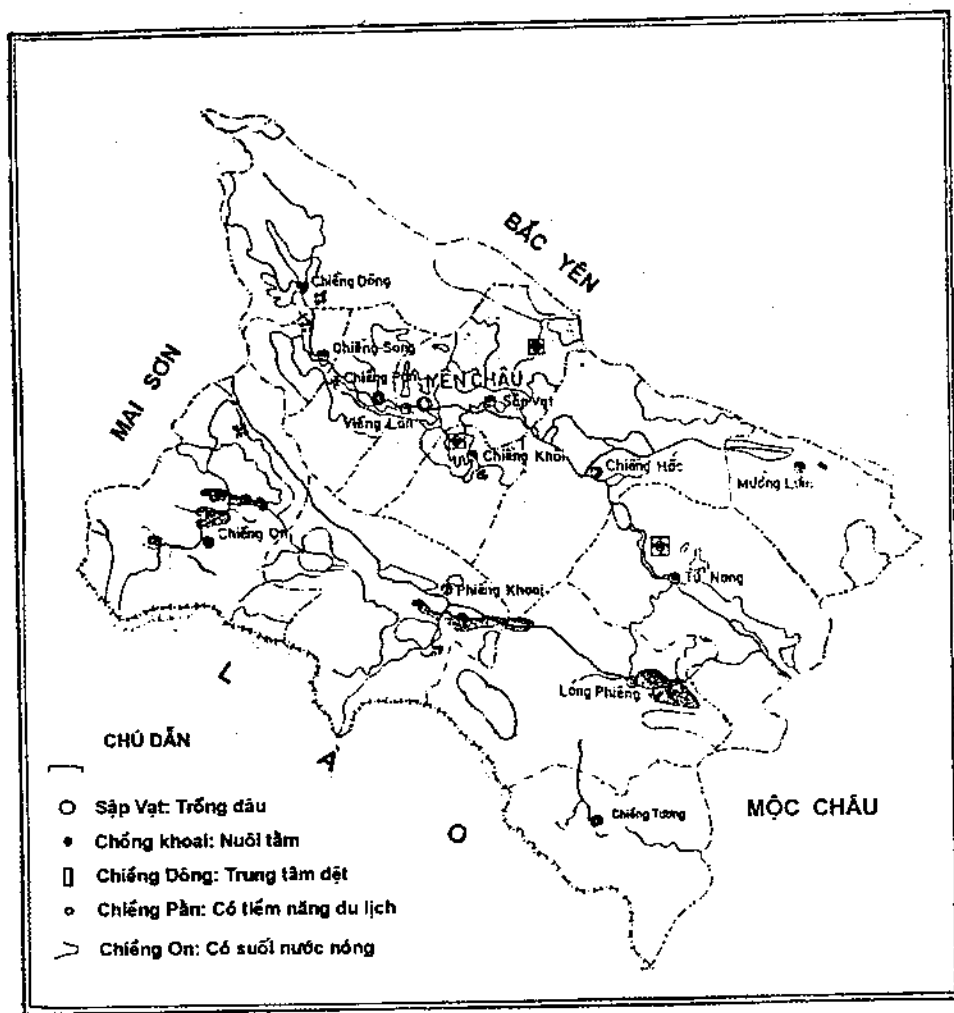
Đồng thời, góp cho các nhà lãnh đạo và quản lý có cơ sở lý luận và thực tiễn để giải quyết những vấn đề kinh tế - văn hóa - xã hội miền núi, thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước một cách có hiệu quả hơn trong điều kiện đổi mới và phát triển của toàn dân tộc.

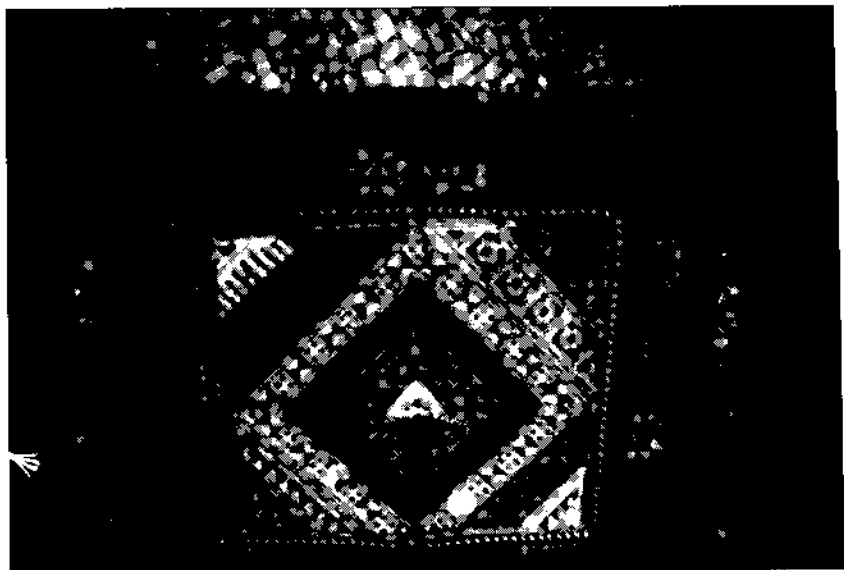
PHỤ LỤC

- Bản đồ vùng Mai Châu (Hòa Bình) và Yên Châu (Sơn La)
- Các bản vẽ minh họa
- Ảnh minh họa



BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH HUYỆN YÊN CHÂU

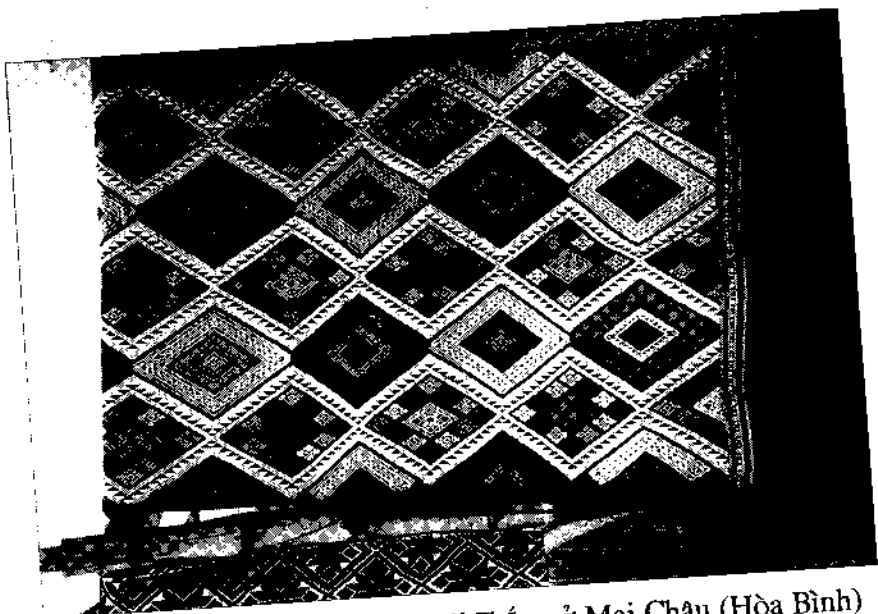




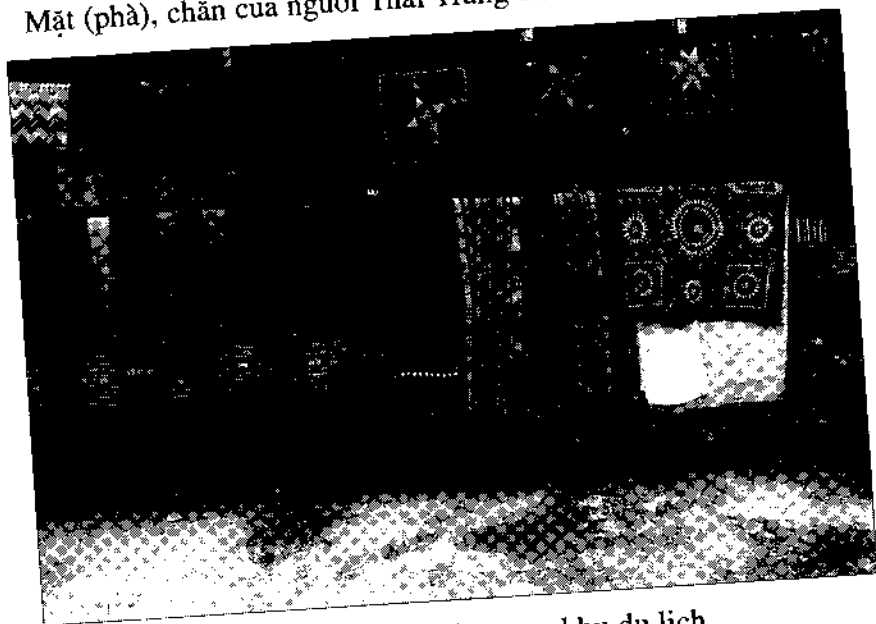
Khăn (Piêu) của phụ nữ Thái Yên Châu (Sơn La)



Sản phẩm dệt của người Thái Đen ở Yên Châu (Sơn La)



Mặt (phà), chăn của người Thái Trắng ở Mai Châu (Hòa Bình)



Một góc chợ Bản Lác trong khu du lịch
Văn hóa - Sinh thái tại Mai Châu (Hòa Bình)



Phụ nữ Thái Đen đang dệt vải



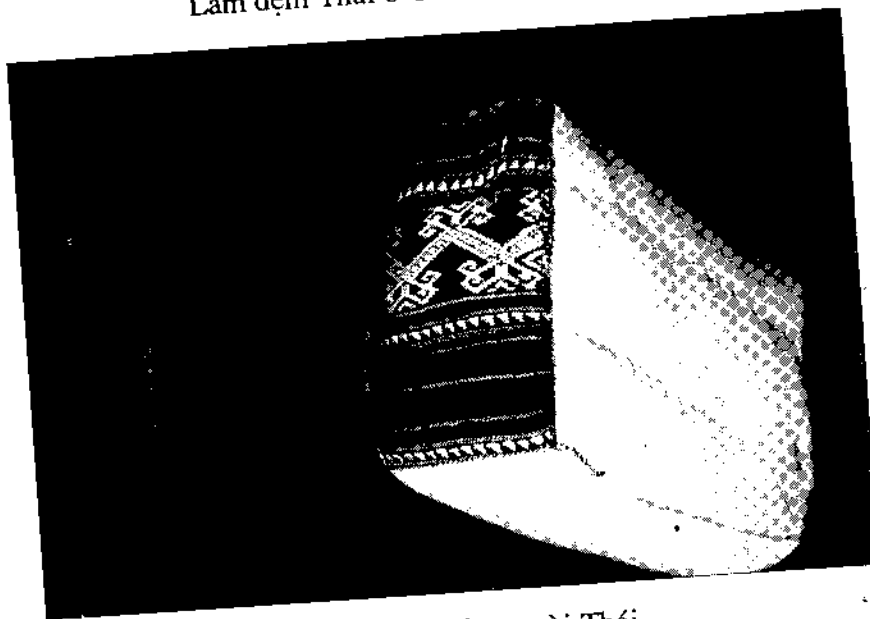
Phụ nữ Thái Đen đang dệt vải



Sản phẩm dệt của người Thái
bán tại chợ huyện Yên Châu (Sơn La)



Làm đệm Thái ở Yên Châu (Sơn La)



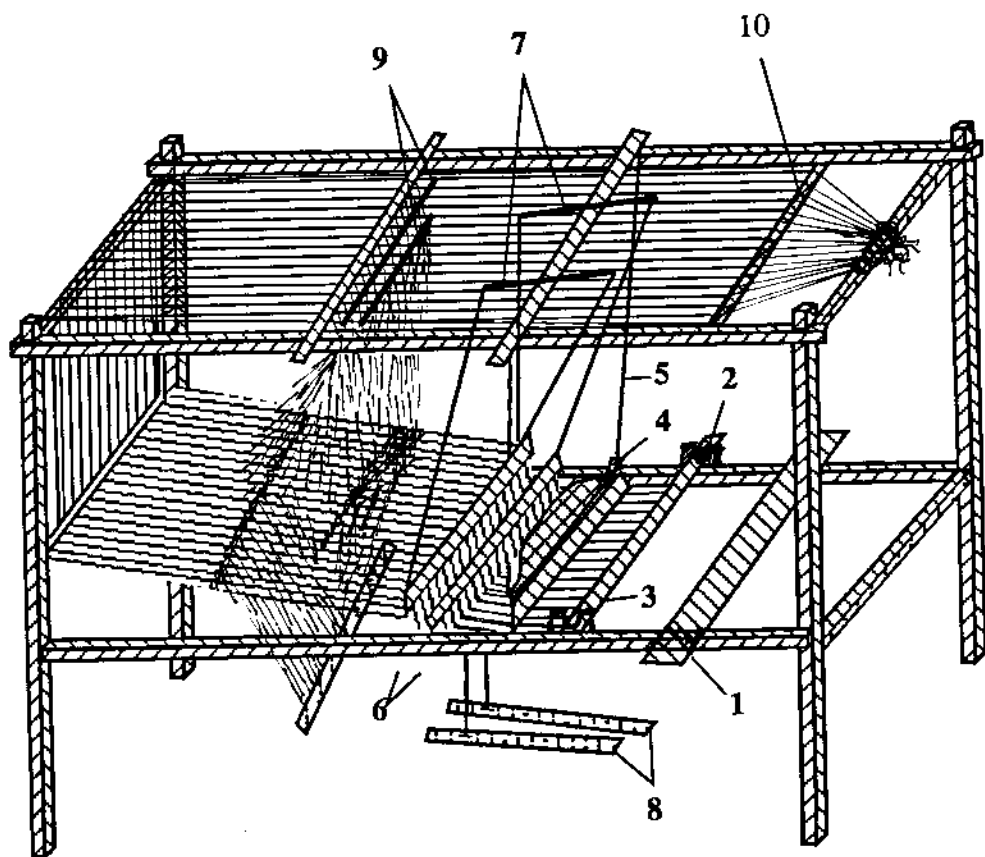
Gối (moan) của người Thái



Đội văn nghệ Bản Lác Mai Châu (Hòa Bình)
với trang phục truyền thống của phụ nữ Thái Trắng
đang biểu diễn (múa xòe) trên nhà sàn để phục vụ khách du lịch

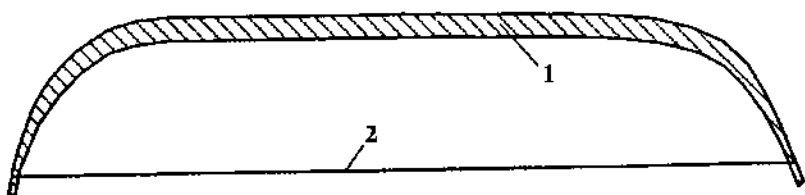


Đội văn nghệ bản Chiềng Đông Yên Châu - Sơn La
trong trang phục nữ Thái Trắng đang múa xòe phục vụ
khách du lịch tại khách sạn tỉnh Sơn La

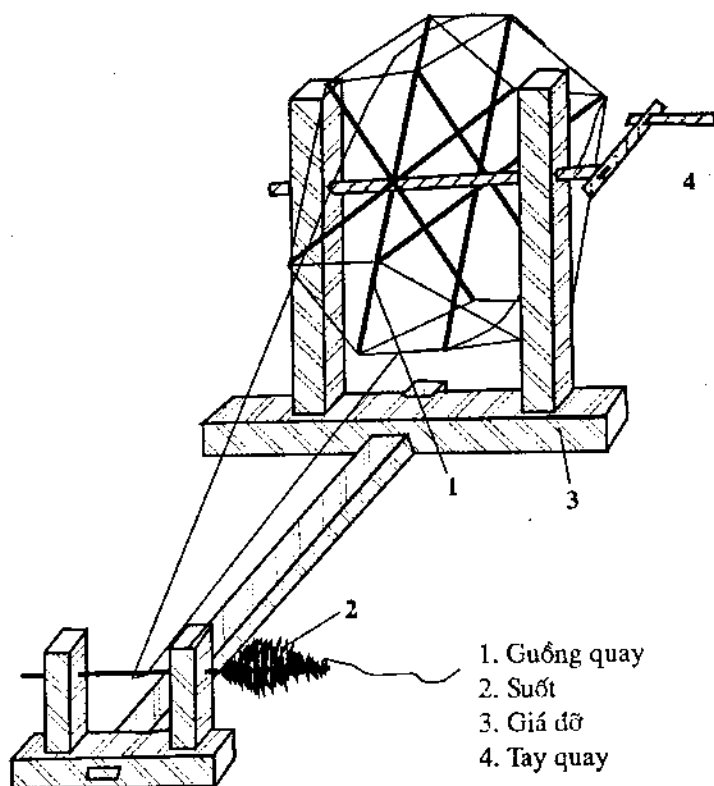


1. Ghế ngồi (pèn tí)
2. Xà pặn
3. Co khăn
4. Go chính (khẩu phườn)
5. Ruồng

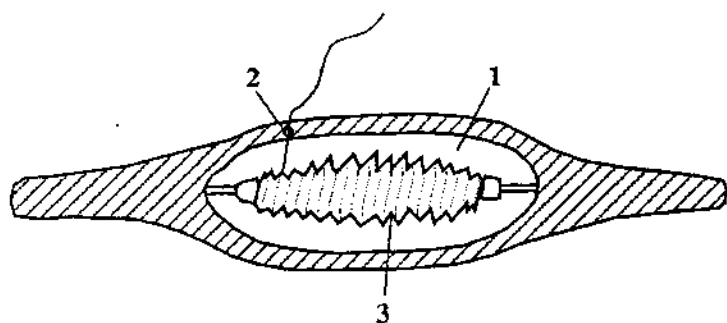
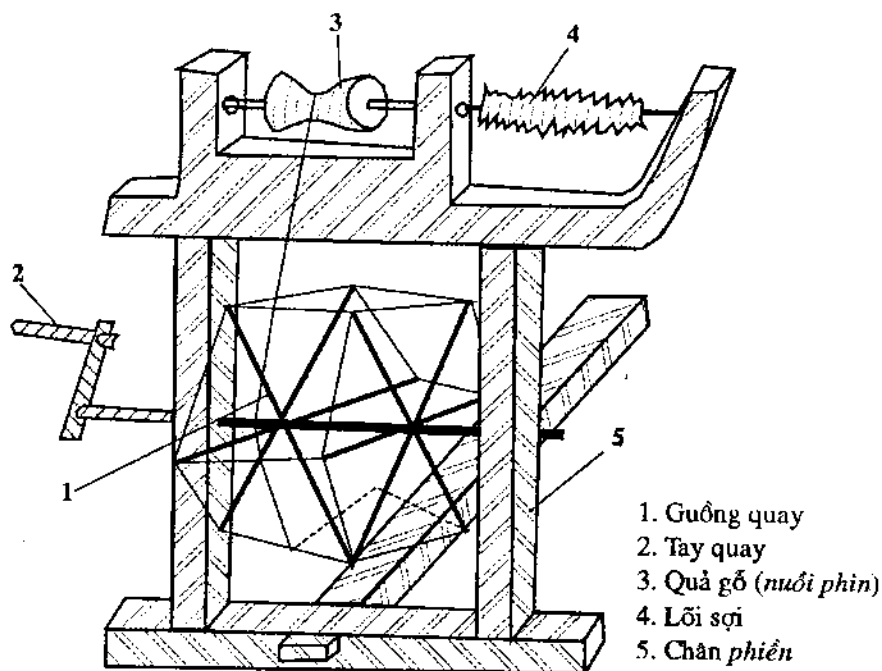
6. Go phụ (khẩu)
7. Ngọc nghệp
8. Bàn đập (tịn nhăm)
9. Go hoa (khẩu khí)
10. Máy khuấy xi

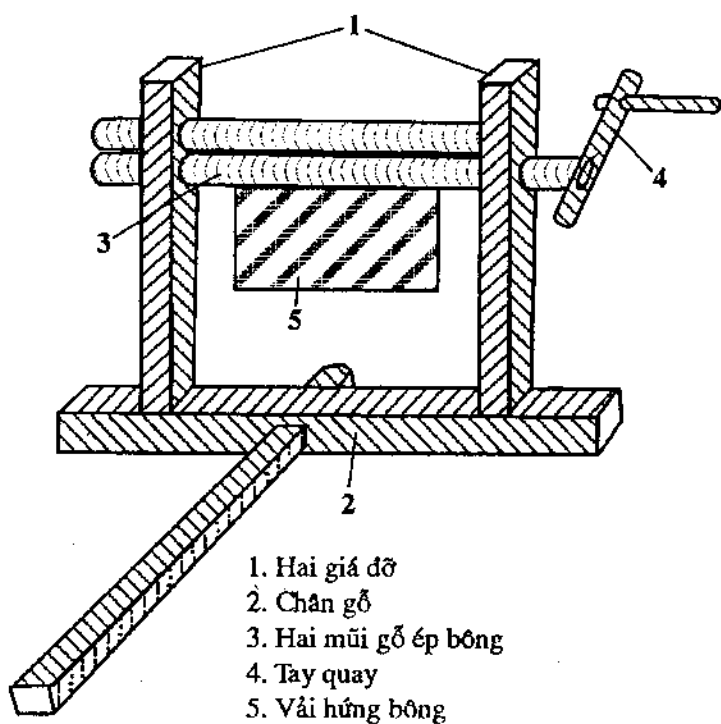
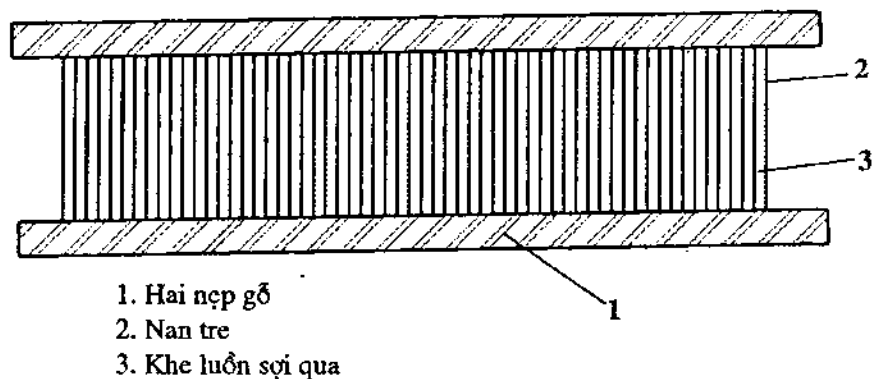


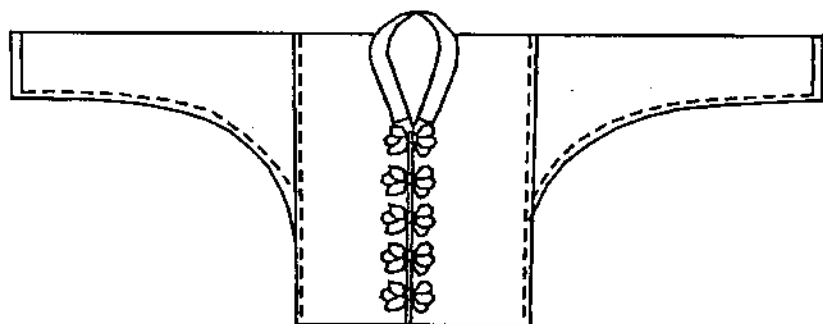
1. Cản
2. Dây bặt



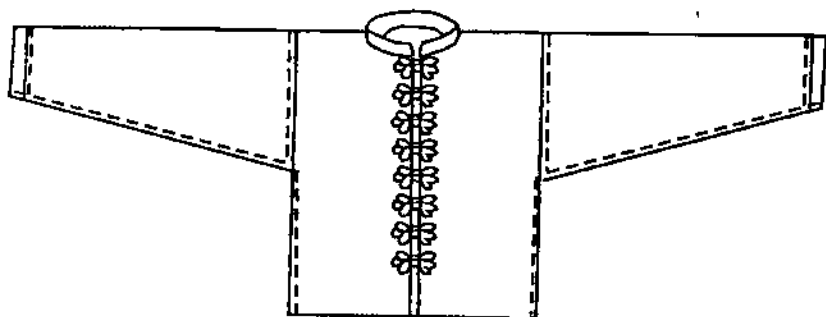
1. Guồng quay
2. Suốt
3. Giá đỡ
4. Tay quay



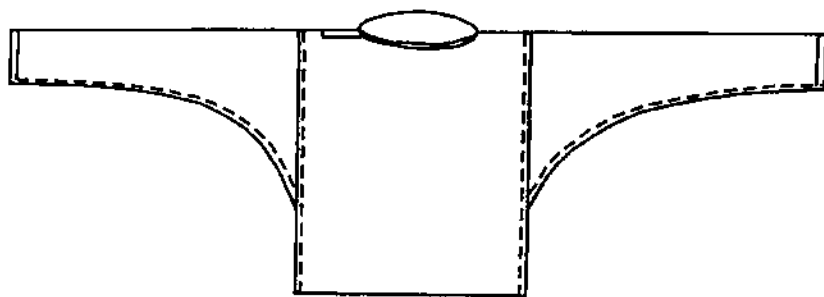




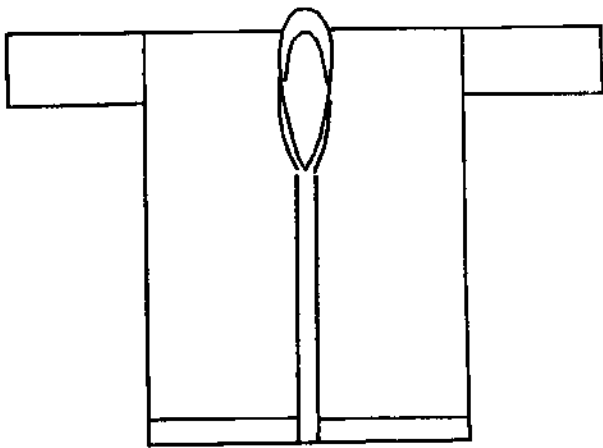
Áo Xíu cóm phụ nữ Thái Trắng - Yên Châu (Sơn La)



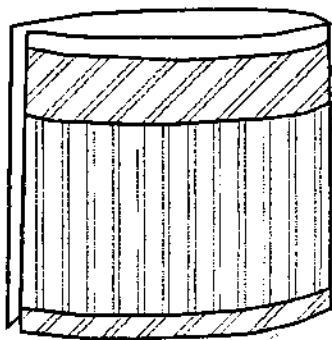
Áo Xíu cóm phụ nữ Thái Đen - Yên Châu (Sơn La)



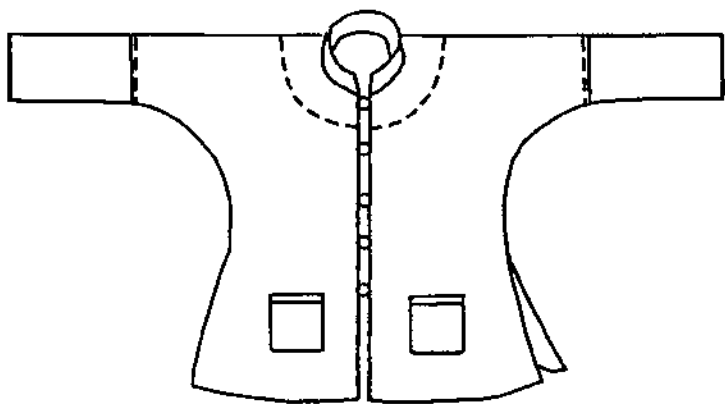
Áo Xíu cóm phụ nữ Thái Trắng - Mai Châu (Hòa Bình)



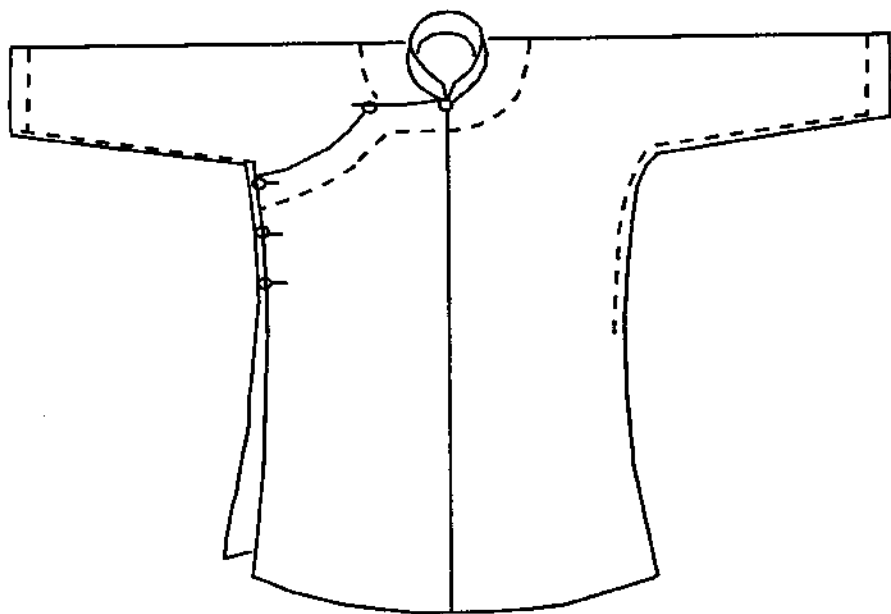
Áo Xìu lụa cổ dàu Thái Đen - Yên Châu (Sơn La)



Xìu váy Thái Đen - Yên Châu (Sơn La)



Áo ngắn nam giới Thái Đen - Yên Châu (Sơn La)



Áo Xửa luông hi nam giới Thái Đen - Yên Châu (Sơn La)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Tịnh, Cẩm Trọng, Nguyễn Hữu Ưng. *Các tộc người ở Tây Bắc Việt Nam*.
2. Biền Xà. *Cách ăn mặc của người Nam ta*. Tạp chí Nam Phong số 48 năm 1921.
3. Bé Viêt Đăng, Chu Thái Sơn, Vũ Thị Hồng, Vũ Đình Lợi. *Đại cương về các dân tộc Êđê, M'ông ở Đắc Lắc*.
4. Bé Viêt Đăng, Nguyễn Khắc Tụng, Nông Trung, Nguyễn Nam Tiến. *Người Dao ở Việt Nam*.
5. Bokicopsky. *Nghệ thuật nguyên thủy*. Bản dịch. Tư liệu Khoa Sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội.
6. Brodevrs et tisserans. *Indochine Sud Est Asiatique*, N° 30 Juin 1950.
7. Bromlay.I.U.Y. *Tộc người và dân tộc học*. Nhà xuất bản khoa học, Matxcova, 1972, Bản dịch. Tư liệu khoa Sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội
8. Các Mác - Ph.Ăngghen - V.I.Lênin. *Bàn về các xã hội tiền tư bản*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1975.
9. Các Mác - Ph.Ăngghen. *Tuyển tập, tập V*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1983.
10. Các Mác. *Những hình thức có trước sản xuất tư bản chủ nghĩa*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976.

11. Cao Huy Đình. *Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt Nam*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974.
12. Cẩm Trọng. *Mấy vấn đề cơ bản về lịch sử kinh tế, xã hội cổ đại người Thái Tây Bắc Việt Nam*.
13. Cẩm Trọng. *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*.
14. Chebokxarop N.N. *Văn hóa là gì?* Trích trong cuốn: *Tộc người, chủng tộc và văn hóa*. Nhà xuất bản Khoa học, Matxcova, 1971. Bản dịch Tư liệu Viện Dân tộc học.
15. De Lamarre. E. *Les Industries familiales dans la province de Son Tây*. BEI, 1918.
16. De Mange. V. *Les petites métiers du Tonkin: province de Hà Đông*. BEI, 1918.
17. Đào Duy Anh. *Văn hóa Đông Sơn, niên đại và chủ nhân*. Tạp chí Khảo cổ học, số 3-4, tháng 12-1969.
18. Đào Duy Anh. *Việt Nam văn hóa sử cương*. Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Khoa Sử trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, 1992 (tái bản theo nguyên bản 1938).
19. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1991.
20. Đại bách khoa toàn thư Liên Xô. *Thủ công nghiệp*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1958.
21. Đặng Nghiêm Vạn - Trần Quốc Vượng. *Vấn đề An Dương Vương và lịch sử dân tộc Tày ở Việt Nam*. Thông báo khoa học, Sử học, tập II. Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1968.

22. Đặng Nghiêm Vạn, Cẩm Trọng, Trần Mạnh Cát, Lê Duy Đại, Ngô Vĩnh Bình: *Các dân tộc tỉnh Gia Lai - Công Tum*.
23. Đặng Nghiêm Vạn, Nguyễn Trúc Bình, Nguyễn Văn Huy, Thanh Thiên: *Những nhóm dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Á ở Tây Bắc Việt Nam*.
24. Đặng Nghiêm Vạn: *Những thành tựu về khoa học kỹ thuật cổ truyền của các dân tộc miền núi Việt Nam*. Trong *Tìm hiểu khoa học - kỹ thuật trong Lịch sử Việt Nam*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1979.
25. Đặng Phong: *Kinh tế thời nguyên thủy ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1970.
26. Đoàn Thị Tình. *Tìm hiểu trang phục Việt Nam (dân tộc Việt)*. Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội, 1987.
27. *Địa chí Vĩnh Phú - Văn hóa dân gian vùng đất tổ*. Sở Văn hóa - Thông tin Vĩnh Phú, 1986.
28. Ph. Ăngghen. *Nguồn gốc của gia đình, của sở hữu tư nhân và của Nhà nước*. Các Mác - Ph. Ăngghen. Tuyển tập, tập VI, Nhà xuất bản Sự thật.
29. Gorou. P: *Les paysans du delta tonkinois*. Editions d'Art et d'Histoire, Paris, 1936.
30. Hà Văn Phụng. *Tìm hiểu nghề xe sợi và dệt vải trong thời đại kim khí ở Việt Nam*. Tạp chí Khảo cổ học số 2-1994.
31. Hà Văn Tấn. *Có một nền văn minh Việt cổ*. Tạp chí Học tập. Số 1-1974.
32. Hà Văn Tấn. *Người Phùng Nguyên và đối xứng*. Tạp chí Khảo cổ học. Số 3-4/12-1969.

33. Hà Văn Tấn: *Văn hóa Phùng Nguyên và nguồn gốc dân tộc Việt*. Tạp chí Dân tộc học. Số 1.1975.
34. Hà Văn Tấn: *Về những cái gọi là "bàn đạp" trong các di chỉ Phùng Nguyên*, trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học*, 1979.
35. Hoài Anh: *Bà tổ nghề dệt lĩnh Trích Sài*. Báo Tiểu thủ công nghiệp, số tết 1976.
36. Hoàng Lương: *Hoá văn mặt chăn Thái ở Mường Tấc (Phù Yên - Sơn La)*. Luận án Phó tiến sĩ Sử học, 1987.
37. Hoàng Lương: *Hoa văn Thái*. Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1988.
38. Hoàng Nam: *Dân tộc Nùng ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc, Hà Nội 1992.
39. Hoàng Trọng Phu: *Những nghề gia đình ở Hà Đông* (bản dịch). Thư viện Quốc gia, ký hiệu M.6761.
40. Hoàng Tuấn Phổ: *Vài suy nghĩ về vấn đề phục trang của người Việt*. Tạp chí Dân tộc học số 1-1977.
41. Huỳnh Thị Ngọc Tuyết: *Tiểu thủ công nghiệp vùng Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định và phụ cận từ 1954 đến năm 1975*. Luận án Phó tiến sĩ Sử học, thành phố Hồ Chí Minh, 1993.
42. Khổng Diễn: *Vài nét về địa lý học tộc người và việc nghiên cứu ở nước ta*. Tạp chí Dân tộc học số 1-1981.
43. Lâm Bá Nam: *Đôi điều về xứ Đoài*. Hà Tây văn hóa thể thao số 1-1992.
44. Lâm Bá Nam: *Bản sắc văn hóa các dân tộc Việt Nam* (Viết chung với Lê Ngọc Thắng). Nhà xuất bản Văn học Dân tộc, Hà Nội, 1990.

45. Lâm Bá Nam: *Hành trình về một vùng quê lụa*. Tạp chí văn nghệ Hà Sơn Bình số 3-1990.
46. Lâm Bá Nam: *Hoa văn trên các sản phẩm cổ truyền ở Hà Đông (Hà Tây)*. In trong: *Những phát hiện mới về Khảo cổ học 1991*. Viện Khảo cổ học xuất bản 1992 (Viết chung với Nguyễn Danh Hạnh).
47. Lâm Bá Nam: *Mấy ý kiến về nghề thủ công cổ truyền ở nước ta*. Tạp chí Dân tộc học số 1-1989.
48. Lâm Bá Nam: *Nghề dệt cổ truyền ở đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam*.
49. Lâm Bá Nam: *Nghề dệt cổ truyền ở Hà Đông (Hà Sơn Bình)*. Tạp chí Dân tộc học số 1-1991.
50. Lâm Bá Nam: *Nghề dệt cổ truyền ở một làng ven đô. Làng thủ công Triều Khúc*. Tạp chí Dân tộc học số 2-1992.
51. Lâm Bá Nam: *Nghề dệt cổ truyền làng La Khê*. Tạp chí Dân tộc học số 3-1986.
52. Lâm Bá Nam: *Nghề dệt cổ truyền làng lụa văn Vạn Phúc*. Tạp chí Dân tộc học số 2-1990.
53. Lâm Bá Nam: *Vài nét về tình hình ruộng đất một số làng ven sông Đáy trước cách mạng tháng Tám 1945*. Tạp chí Dân tộc học số 4-1988.
54. Lê Bá Thảo: *Thiên nhiên Việt Nam*. Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 1977.
55. Lê Cự Lộc: *Nghề tầm tang thời phong kiến ở nước ta*. Tạp chí Nghiên cứu kinh tế số 88-1975.

56. Lê Cụ Lộc: *Tìm hiểu phường hội, một hình thức tổ chức kinh tế xã hội thời phong kiến ở nước ta*. Tạp chí Nghiên cứu kinh tế số 62-1971.
57. Lê Ngọc Thắng: *Nghệ thuật trang phục Thái*. Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1990.
58. Lê Ngọc Thắng: *Trang phục cổ truyền của người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*. Luận án Phó tiến sĩ Sử học, Hà Nội, 1992.
59. Lê Quý Đôn: *Kiến văn tiểu lục*. Toàn tập, tập II. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977.
60. Lê Quý Đôn: *Vân đài loại ngữ* (2 tập). Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội, 1962.
61. Lê Văn Lan: *Trang phục thời Hùng Vương*, trong *Hùng Vương dựng nước*, tập III. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973.
62. Lero. Gourhan. A: *Évolution et Techniques L'homme et la Matière*. Edition Albin. Michel. Paris, 1949.
63. Luận án tiến sĩ của Lê Ngọc Thắng: *Trang phục cổ truyền của người Thái ở Tây Bắc năm 1992*.
64. Luận văn tiến sĩ của Hoàng Lương: *Hoa văn mặt chần Thái ở Mường Tấc Phù Yên (Sơn La)* năm 1987.
65. Mai Mây: *Tổ chức lại nghề dệt ở Nghĩa Đô*. Báo Tiểu thủ công nghiệp ngày 23-11-1977.
66. Maxlôva. G.S: *Về văn hóa vật chất và phương pháp nghiên cứu văn hóa vật chất*. Báo cáo đọc tại Hội nghị quốc tế

- Nhân học và Dân tộc học lần thứ VII. Maxcova 3-1964.
Bản dịch Viện Dân tộc học ký hiệu D.85.
67. *Mẫu thêu Táy Bắc*. Nhà xuất bản Mỹ thuật, Hà Nội, 1962.
 68. *Mẫu thêu Việt Bắc*. Nhà xuất bản Mỹ thuật, Hà Nội, 1969.
 69. Ngô Đức Thịnh, Đoàn Thanh Thủy: *Đôi điều về chiếc Xửa lưng của phụ nữ Thái*.
 70. Ngô Đức Thịnh: *Y phục và trang sức các dân tộc Việt Nam*. Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1994.
 71. *Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê: Đại Việt sử ký toàn thư*. 4 tập. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998.
 72. *Nghề cổ truyền*. Sở Văn hóa thông tin Hải Hưng, tập I (1984), tập II (1987).
 73. *Nghề tơ tằm An Nam qua các báo cáo (1899)*. Thư viện Quốc gia Hà Nội, ký hiệu M.13840.
 74. Nguyễn Đình Khoa: *Môi trường sống và con người*. Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1987.
 75. Nguyễn Dương Bình - Phạm Quang Hoan. *Gia đình người Việt và vai trò của nó trong sự phát triển văn hóa truyền thống của cư dân đồng bằng Bắc Bộ*. Tài liệu hội thảo khoa học về văn hóa cư dân đồng bằng sông Hồng, Hà Nội, 1989.
 76. Nguyễn Hồng Phong: *Xã thôn Việt Nam*. Nhà xuất bản Văn - Sử - Địa, Hà Nội, 1959.
 77. Nguyễn Khắc Tụng: *Điểm qua việc nghiên cứu văn hóa vật chất các dân tộc ở nước ta sau 10 năm thành lập Viện Dân tộc học (1986-1978)*. Thông báo Dân tộc học, (1978).

78. Nguyễn Quốc Lộc: *Các dân tộc ít người ở Bình Trị Thiên*.
79. Nguyễn Thọ Sơn: *Hoa tay đất rồng*. Hiệp hội Văn nghệ Hà Nội xuất bản 1976.
80. Nguyễn Trãi: *Dư địa chí, trong Nguyễn Trãi toàn tập*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976.
81. Nguyễn Văn Hảo: *Dội xe chỉ và nghề dệt thời Hùng Vương*. Tạp chí Khảo cổ học số 2-1978.
82. Nguyễn Văn Huy: *Văn hóa và nếp sống Hà Nhì, Lô Lô*.
83. *Note sur le tissage de la soie au Village de La Khê*. Bulletin du comité d' études agricoles, indistrielles et commerciales de l'Annam et du Tonkin, Hanoi, 1886.
84. Phan Xước: *Man thư*. Tư liệu Khoa Sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội.
85. Phạm Đức Dương: *Về mối quan hệ Việt - Mường, Tày - Thái qua tư liệu dân tộc - ngôn ngữ học*. Tạp chí Dân tộc học số 3-1987.
86. Phạm Văn Kính: *Một số nghề thủ công thế kỷ X-XI*. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 3-1976.
87. Phạm Văn Kính: *Thủ công nghiệp và làng xã Việt Nam, trong Nông thôn Việt Nam trong lịch sử*. Tập I. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977.
88. Phan Đại Doãn - Nguyễn Quang Ngọc: *Những bàn tay và tài hoa của cha ông*. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1990.
89. Phan Gia Bền. *Sơ khảo lịch sử phát triển thủ công nghiệp Việt Nam*. Nhà xuất bản Văn Sử Địa, Hà Nội, 1957.

90. Phan Hữu Dật. *Cơ sở dân tộc học*. Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1972.
91. Phan Hữu Dật. *Về tính chất xã hội Việt Nam cuối thời Hùng Vương*. Trong *Hùng Vương dựng nước*, tập 11. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972.
92. Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh: *Lịch sử Việt Nam, tập 1*. Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1985.
93. Phan Quang Đán: *The republic of Vietnams environment People*. First edition. SaiGon 1975.
94. Phụng Vũ: *Những làng nghề - những làng văn*. Tạp chí Dân tộc học số 1-1991.
95. Quách Vinh: *Nghề gốm vẫn còn cái tên*. Văn nghệ Hà Sơn Bình số 2-1989.
96. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Nhà xuất bản Văn Sử Địa, Hà Nội, 1957-1960.
97. Quyền Thảo: *Lựa tơ tằm Việt Nam bắt đầu ra thị trường quốc tế*. Tuần báo Quốc tế số 37 ngày 19-9-1994.
98. Rebequain. CH: *L'évolution économique de l'Indochine*. Paris, 1939.
99. TayLtor. E: *Văn hóa nguyên thủy*. Matxcova 1979. Bản dịch, Tư liệu khoa Sử Đại học Tổng hợp Hà Nội.
100. Thành Thế Vỹ: *Ngoại thương Việt Nam hồi thế kỷ XVII, XVIII và đầu thế kỷ XIX*. Nhà xuất bản Sử học, Hà Nội, 1961.

101. Tocarep.S.A: *Phương pháp nghiên cứu văn hóa vật chất*, trong *Dân tộc học Xô Viết* số 4-1970. Bản dịch, Tư liệu Viện Dân tộc học.
102. Trần Hồng Yến: *Nghề dệt cổ truyền làng Vạn Phúc thị xã Hà Đông*. Luận văn tốt nghiệp đại học ngành Sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1990.
103. Trần Quốc Vượng - Hà Văn Tấn: *Lịch sử chế độ cộng sản nguyên thủy ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1960.
104. Trần Quốc Vượng - Hà Văn Tấn: *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập I. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1960.
105. Trần Quốc Vượng, Lê Văn Hảo, Dương Tất Từ: *Mùa xuân và phong tục Việt Nam*. Nhà xuất bản văn hóa, Hà Nội, 1976.
106. Trần Quốc Vượng: *Đi chùa Hương khảo cổ*, trong *Những phát hiện mới về Khảo cổ học 1975*.
107. Trần Quốc Vượng: *Mấy ý kiến về trống đồng và tâm thức Việt cổ*. Tạp chí Khảo cổ học số 3-1982.
108. Trần Quốc Vượng: *Mấy ý kiến về truyền thống và cách mạng trong nền văn hóa Việt Nam*. Tạp chí Dân tộc học số 2-1984.
109. Trần Quốc Vượng: *Truyền thống phụ nữ Việt Nam*. Nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội, 1976.
110. Trần Quỳnh: *Nghề dệt quai thao ở Triều Khúc*. Báo tiểu thủ công nghiệp ngày 8-1-1976.
111. Trần Từ: *Cơ cấu tổ chức làng Việt cổ truyền ở đồng bằng Bắc Bộ*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1984.

112. Trần Từ: *Hoa văn Mường*. Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1978.
113. Trần Từ: *Một lần gặp gỡ hoa văn Thượng*, trong *hoa văn các dân tộc Giarai - Bana*. Sở Văn hóa - thông tin Gialai - Kontum, 1986.
114. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam: *Lịch sử Việt Nam tập I*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971.
115. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam: *Lịch sử Việt Nam tập II*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1985.
116. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội: *Phương án quy hoạch ngành dệt địa phương Hà Nội* (1986).
117. Văn Tân, Nguyễn Linh, Lê Văn Lan, Hoàng Hưng, Nguyễn Đồng Chi: *Thời đại Hùng Vương: Lịch sử, kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976.
118. Văn Tạo: *Về di sản trong thủ công nghiệp*. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 3-1990.
119. Vương Hoàng Tuyên: *Các dân tộc nguồn gốc Nam Á ở Tây Bắc Việt Nam*.
120. Vương Hoàng Tuyên: *Sự phân bố các dân tộc và cư dân ở miền Bắc Việt Nam*.
121. Viện Dân tộc học: *Các dân tộc Tày - Nùng ở Việt Nam*. Hà Nội, 1992.
122. Viện Dân tộc học: *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978.

123. Viện Dân tộc học: *Góp phần nghiên cứu bản lĩnh, bản sắc các dân tộc ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978.
124. Viện Dân tộc học: *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1984.
125. Viện từ điển Bách Khoa: *Bách khoa thư bằng tranh Việt Nam đầu thế kỷ XX*, tập I, tháng 10-1985.
126. Viện Văn hóa dân gian: *Lễ hội cổ truyền*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992.
127. Vũ Huy Phúc: *Tiểu thủ công nghiệp Việt Nam thời cận đại (từ góc độ di sản lịch sử)*. Tạp chí Nghiên cứu lịch sử số 1-1992.
128. Vũ Từ Trang: *Nghệ đẹp tỉnh Bắc*. Ty văn hóa Hà Bắc, 1992.
129. Vũ Tự Lập (chủ biên), Đàm Trung Phụng, Ngô Đức Thịnh, Tô Ngọc Thanh, Định Thị Hoàng Uyên: *Văn hóa và cư dân đồng bằng sông Hồng*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991.

MỤC LỤC

	Trang
• <i>Lời giới thiệu</i>	5
• <i>Mở đầu</i>	9
• Chương I: Vai trò của nghề dệt trong đời sống văn hóa của người Thái ở Tây Bắc	21
• Chương II: Nghề dệt của người Thái ở Mai Châu (Hòa Bình) và Yên Châu (Sơn La)	86
• Chương III: Triển vọng nghề dệt của người Thái Tây Bắc trong đời sống hiện đại	146
• <i>Kết luận</i>	209
• <i>Phụ lục</i>	213
• <i>Tài liệu tham khảo</i>	225

NGHỀ DỆT CỦA NGƯỜI THÁI Ở TÂY BẮC TRONG CUỘC SỐNG HIỆN ĐẠI

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. VI QUANG THỌ

Biên tập nội dung:

NGUYỄN TRƯỜNG MINH

NGUYỄN HỒNG THANH

Kỹ thuật vi tính:

THU HÀ

Sửa bản in:

TUYẾT THẢO

Trình bày bìa:

THU HÀ



NGUYỄN THỊ THANH NGÀ

Dân tộc Tày

Sinh ngày 14 tháng 1 năm 1951.

Quê quán: Hưng Khánh, Trấn Yên,
Yên Bái.

- Tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, khoa Lịch Sử, năm 1973.
- Năm 1986 tốt nghiệp Tiến sĩ, khoa Lịch sử Trường Đại học Tổng hợp Sophia (Bungaria).
- Từ năm 1995 tới nay là Trưởng phòng Phòng Nghiên cứu Di sản văn hóa tộc người của Viện Dân tộc học thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia.

Giá: 36.000đ